

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

---



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ  
NGÀNH SINH HỌC THỰC NGHIỆM**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo  
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

**Nghệ An, tháng 5 năm 2025**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ  
NGÀNH SINH HỌC THỰC NGHIỆM**

**GIAI ĐOẠN 2020-2024**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo  
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

**Nghệ An, tháng 5 năm 2025**

**DANH SÁCH CHỮ KÍ****Thành viên Hội đồng tự đánh giá****Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Sinh học thực nghiệm***(Kèm theo Quyết định số: 454/QĐ-ĐHV ngày 04 tháng 3 năm 2025**của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)*

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Chữ ký
1	Ông Nguyễn Huy Bằng	Hiệu trưởng	
2	Bà Nguyễn Thị Thu Cúc	Phó Hiệu trưởng	
3	Ông Lưu Tiến Hưng	Hiệu trưởng trường Sư phạm	
4	Ông Nguyễn Thanh Diệu	Phó Giám đốc PT Tt ĐBCL	
5	Ông Nguyễn Hoa Du	Phó Chủ tịch Hội đồng trường	
6	Ông Nguyễn Văn Phú	Trưởng Phòng ĐT SDH	
7	Ông Thiều Đình Phong	Trưởng phòng TCCB	
8	Ông Nguyễn Hồng Soa	Trưởng phòng CTCT-HSSV	
9	Ông Mai Văn Chung	Trưởng phòng KH&HTQT	
10	Ông Hoàng Việt Dũng	Trưởng phòng KH-TC	
11	Ông Nguyễn Đức Bình	Giám đốc Trung tâm TT-TV NTH	
12	Ông Trần Đình Luân	Trưởng phòng QT&ĐT	
13	Ông Lê Công Đức	Giám đốc Tt DV, HTSV&QHĐN	
14	Ông Lê Quang Vượng	Trưởng khoa Sinh học	
15	Bà Nguyễn Thị Giang An	Phó trưởng Khoa Sinh học	
16	Bà Nguyễn Thị Thảo	Giảng viên Khoa Sinh học	
17	Ông Trần Đình Quang	Giảng viên Khoa Sinh học	
18	Bà Trần Thị Gái	Giảng viên Khoa Sinh học	
19	Bà Đinh Thị Liễu	Học viên K31 ngành SHTN	

## MỤC LỤC

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
Mục lục	ii
Danh mục các chữ viết tắt	v
<b>Phần I. KHÁI QUÁT</b>	<b>1</b>
<b>1. Đặt vấn đề</b>	<b>1</b>
<b>2. Tổng quan chung</b>	<b>3</b>
<b>Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ</b>	<b>9</b>
<b>Tiêu chuẩn 1</b>	<b>9</b>
Mở đầu	9
Tiêu chí 1.1	9
Tiêu chí 1.2	11
Tiêu chí 1.3	13
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	16
<b>Tiêu chuẩn 2</b>	<b>17</b>
Mở đầu	17
Tiêu chí 2.1	17
Tiêu chí 2.2	20
Tiêu chí 2.3	24
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	26
<b>Tiêu chuẩn 3</b>	<b>27</b>
Mở đầu	27
Tiêu chí 3.1	27
Tiêu chí 3.2	28
Tiêu chí 3.3	32
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	35
<b>Tiêu chuẩn 4</b>	<b>36</b>
Mở đầu	36
Tiêu chí 4.1	36
Tiêu chí 4.2	38
Tiêu chí 4.3	40
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	41

<b>Tiêu chuẩn 5</b>	42
Mở đầu	42
Tiêu chí 5.1	42
Tiêu chí 5.2	45
Tiêu chí 5.3	47
Tiêu chí 5.4	48
Tiêu chí 5.5	50
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	52
<b>Tiêu chuẩn 6</b>	53
Mở đầu	53
Tiêu chí 6.1	53
Tiêu chí 6.2	55
Tiêu chí 6.3	58
Tiêu chí 6.4	59
Tiêu chí 6.5	61
Tiêu chí 6.6	63
Tiêu chí 6.7	65
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 6</i>	67
<b>Tiêu chuẩn 7</b>	68
Mở đầu	68
Tiêu chí 7.1	68
Tiêu chí 7.2	71
Tiêu chí 7.3	73
Tiêu chí 7.4	74
Tiêu chí 7.5	76
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 7</i>	78
<b>Tiêu chuẩn 8</b>	79
Mở đầu	79
Tiêu chí 8.1	79
Tiêu chí 8.2	81
Tiêu chí 8.3	83

Tiêu chí 8.4	86
Tiêu chí 8.5	88
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 8</i>	89
<b>Tiêu chuẩn 9</b>	90
Mở đầu	90
Tiêu chí 9.1	90
Tiêu chí 9.2	91
Tiêu chí 9.3	94
Tiêu chí 9.4	96
Tiêu chí 9.5	98
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 9</i>	100
<b>Tiêu chuẩn 10</b>	101
Mở đầu	101
Tiêu chí 10.1	102
Tiêu chí 10.2	103
Tiêu chí 10.3	105
Tiêu chí 10.4	106
Tiêu chí 10.5	108
Tiêu chí 10.6	110
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 10</i>	112
<b>Tiêu chuẩn 11</b>	113
Mở đầu	113
Tiêu chí 11.1	113
Tiêu chí 11.2	115
Tiêu chí 11.3	117
Tiêu chí 11.4	119
Tiêu chí 11.5	120
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 11</i>	123
<b>Phần III. KẾT LUẬN</b>	125
<b>Phần IV. PHỤ LỤC</b>	vi

## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Chữ viết tắt	Nội dung
1	BGH	Ban Giám hiệu
2	BLQ	Bên liên quan
3	CB	Cán bộ
4	CĐR	Chuẩn đầu ra
5	CNTT	Công nghệ thông tin
6	CTDH	Chương trình dạy học
7	CTĐT	Chương trình đào tạo
8	ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
9	ĐCHP	Đề cương học phần
10	ĐH	Đại học
11	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
12	GV	Giảng viên
13	HCTH	Hành chính tổng hợp
14	HP	Học phần
15	HV	Học viên
16	KH-CN	Khoa học công nghệ
17	KQHT	Kết quả học tập
18	KTĐG	Kiểm tra đánh giá
19	NCKH	Nghiên cứu khoa học
20	NH	Người học
21	NV	Nhân viên
22	PPDH	Phương pháp dạy học
23	PVCD	Phục vụ cộng đồng
24	SDH	Sau đại học
25	SHTN	Sinh học thực nghiệm
26	TCCB	Tổ chức cán bộ
27	TĐG	Tự đánh giá

## PHẦN I. KHÁI QUÁT

### 1. Đặt vấn đề

#### a) Tóm tắt báo cáo tự đánh giá

Hoạt động tự đánh giá (TĐG) Chương trình đào tạo (CTĐT) là quá trình cơ sở giáo dục (CSGD) dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) ban hành để tự xem xét, báo cáo về tình trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH), nhân lực, cơ sở vật chất và các khía cạnh liên quan khác thuộc CTĐT, làm căn cứ để CSGD tiến hành điều chỉnh các nguồn lực cũng như quá trình thực hiện nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Trong quá trình triển khai CTĐT thạc sĩ ngành Sinh học thực nghiệm (SHTN), Khoa Sinh học - Trường Sư phạm - Trường ĐH Vinh luôn chú trọng đến chất lượng đào tạo và đã áp dụng nhiều biện pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy và học. Việc TĐG CTĐT Thạc sĩ ngành SHTN là một bước then chốt trong tiến trình cải tiến liên tục chất lượng CTĐT nhằm bảo đảm đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT.

Báo cáo TĐG chất lượng CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành SHTN (Báo cáo TĐG) mô tả và cung cấp các thông tin cần thiết cho hoạt động bảo đảm và kiểm định chất lượng (BĐ&KĐCL) theo Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH của Bộ GD&ĐT. Văn bản qui phạm pháp luật áp dụng bao gồm Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016, Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 và Công văn số 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021, Hướng dẫn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Bộ GD&ĐT.

Báo cáo TĐG này gồm 04 phần theo qui định: Phần I - Khái quát; Phần II - TĐG theo các tiêu chuẩn, tiêu chí; Phần III - Kết luận và Phần IV - Phụ lục. Cụ thể như sau:

Phần Khái quát của Báo cáo TĐG cung cấp thông tin tổng quan về cấu trúc và nội dung chính theo các tiêu chuẩn, đồng thời mô tả ngắn gọn mục đích, qui trình TĐG CTĐT, giải thích cách mã hóa minh chứng trong báo cáo TĐG, phương pháp và công cụ TĐG để cung cấp thông tin về bối cảnh của hoạt động TĐG, sự tham gia của các bên liên quan (BLQ). Phần này cũng nêu lên mục đích, qui trình, phạm vi, sứ mạng tầm nhìn, mục tiêu, các chính sách BĐCL của Trường Sư phạm - Trường ĐH Vinh.

Phần TĐG theo các tiêu chuẩn, tiêu chí bao gồm: Tiêu chuẩn 1 - Mục tiêu và CĐR của CTĐT; Tiêu chuẩn 2 - Bản mô tả CTĐT; Tiêu chuẩn 3 - Cấu trúc và nội dung CTDH; Tiêu chuẩn 4 - Phương pháp tiếp cận trong dạy và học; Tiêu chuẩn 5 - Đánh giá kết quả học tập (KQHT) của người học (NH); Tiêu chuẩn 6 - Đội ngũ giảng viên (GV), nghiên cứu viên (NCV); Tiêu chuẩn 7 - Đội ngũ nhân viên (NV); Tiêu chuẩn 8 - Người học và hoạt động hỗ trợ người học; Tiêu chuẩn 9 - Cơ sở vật chất và trang thiết bị; Tiêu chuẩn 10 - Nâng cao chất lượng; Tiêu chuẩn 11 - Kết quả đầu ra.

Phần Kết luận của báo cáo mô tả tóm tắt các điểm mạnh cần phát huy, những điểm cần cải tiến chất lượng của CTĐT, đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng. Cuối phần Kết luận là bản Tổng hợp kết quả TĐG CTĐT Thạc sĩ ngành SHTN, Trường Sư phạm - Trường ĐH Vinh.

Phần Phụ lục gồm các Quyết định thành lập Hội đồng TĐG, Danh sách thành viên Ban Thư kí, Danh sách thành viên các nhóm chuyên trách; Kế hoạch TĐG và thông tin chi tiết về cơ sở dữ liệu để KĐCL CTĐT Thạc sĩ ngành SHTN.

b) Mục đích, qui trình, phương pháp, công cụ tự đánh giá

Mục đích tự đánh giá:

Mục đích chính của hoạt động TĐG CTĐT là một khâu góp phần quan trọng vào việc đảm bảo chất lượng (ĐBCL) CTĐT Thạc sĩ ngành SHTN.

Hoạt động TĐG có các mục tiêu cụ thể như sau:

- Rà soát và đánh giá thực trạng của CTĐT trong 5 năm gần nhất, từ đó xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT.

- Làm cơ sở khoa học để điều chỉnh mục tiêu phù hợp cho giai đoạn tiếp theo.

- Thể hiện tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của Khoa/Nhà trường trong hoạt động đào tạo, NCKH và dịch vụ xã hội.

- Làm căn cứ để triển khai công tác đánh giá ngoài, tiến tới đạt tiêu chuẩn KĐCLGD.

- Nhằm đáp ứng được yêu cầu của nghề nghiệp trong bối cảnh phát triển mới của địa phương và cả nước. Qua đó quảng bá về CTĐT đến với NH và xã hội.

Qui trình tự đánh giá:

Qui trình TĐG chất lượng CTĐT Thạc sĩ ngành SHTN được thực hiện theo tuần tự 6 bước như qui định tại Điều 6 Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT, cụ thể như sau:

- Bước 1. Thành lập Hội đồng TĐG.

- Bước 2. Lập kế hoạch TĐG.

- Bước 3. Thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng.

- Bước 4. Viết báo cáo TĐG.

- Bước 5. Lưu trữ và sử dụng báo cáo TĐG.

- Bước 6. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo TĐG.

Phạm vi tự đánh giá:

Khoa Sinh học - Trường Sư phạm - Trường ĐH Vinh thực hiện TĐG CTĐT Thạc sĩ ngành SHTN với sự chỉ đạo của Ban Giám hiệu (BGH) Trường ĐH Vinh và sự cung cấp thông tin của các đơn vị chức năng trong Trường với các thông tin và minh chứng trong 5 năm thuộc chu kỳ đánh giá, cụ thể là từ năm 2020 đến hết năm 2024, trên tất cả 11 lĩnh vực như Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ GD&ĐT yêu cầu.

Hội đồng TĐG CTĐT Thạc sĩ ngành SHTN được thành lập theo Quyết định số

454/QĐ-ĐHV ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường ĐH Vinh. Hội đồng gồm có 19 thành viên, gồm: Cán bộ (CB) quản lý của Trường, Khoa, GV, NV trong Trường. Giúp việc cho Hội đồng TĐG có Ban Thư kí gồm 22 thành viên. Các thành viên Hội đồng và Ban thư kí được phân thành 7 nhóm chuyên trách để thực hiện nhiệm vụ do Hội đồng phân công.

Phương pháp đánh giá:

Hoạt động TĐG CTĐT Thạc sĩ ngành SHTN dựa vào Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH, thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016; Hướng dẫn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 và Công văn số 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021; Hướng dẫn số 1074/QLCL-KĐCLGD ngày 28/6/2016; Hướng dẫn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của của Bộ GD&ĐT.

Đối với mỗi tiêu chí, Hội đồng TĐG tiến hành xem xét theo trình tự sau: Mô tả thực trạng của CTĐT; Phân tích và rút ra những điểm mạnh và chỉ ra những điểm cần cải tiến. Dựa trên kết quả đánh giá từng tiêu chí, Hội đồng TĐG đề xuất các biện pháp cải tiến cụ thể, đồng thời thiết lập kế hoạch hành động nhằm phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm tồn tại và nâng cao chất lượng CTĐT thường xuyên và có tính hệ thống.

Phương pháp mã hóa minh chứng:

Mã thông tin và minh chứng được kí hiệu và mã hóa bằng chuỗi có ít nhất 11 kí tự, bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) như hướng dẫn tại Phụ lục 9 của Công văn 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lí chất lượng - Bộ GD&ĐT.

Sự phản hồi của HV, các cựu HV là những minh chứng quan trọng phục vụ cho việc TĐG.

BGH chỉ đạo chung, Phòng Đào tạo Sau đại học (SĐH), Phòng Khoa học và Hợp tác Quốc tế cung cấp thông tin về kết quả nghiên cứu khoa học (NCKH) như đề tài NCKH các cấp, sách, giáo trình, các bài báo. Phòng Tổ chức cán bộ (TCCB), phòng Hành chính tổng hợp (HCTH) cung cấp minh chứng về các quyết định. Các phòng chức năng, trung tâm liên quan khác cung cấp thông tin, số liệu, tư liệu về cơ sở vật chất, trang thiết bị, hỗ trợ NH... và đơn vị chủ quản (khoa Sinh học) cung cấp hồ sơ, minh chứng liên quan đến các nhiệm vụ của Khoa. Hội đồng TĐG tiến hành viết báo cáo TĐG.

## **2. Tổng quan chung**

### *2.1. Giới thiệu về Trường Đại học Vinh*

Trường ĐH Vinh là đơn vị sự nghiệp công lập, trực thuộc Bộ GD&ĐT, có chức năng là đào tạo giáo viên các cấp, kĩ sư, cử nhân có trình độ đại học (ĐH) và SĐH (thạc sĩ, tiến sĩ) đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao của địa phương, cả nước và một số

nước trên thế giới (châu Á, châu Âu, châu Phi); giáo dục học sinh THPT (chuyên và không chuyên) nhằm bồi dưỡng nhân tài cho đất nước; NCKH và chuyển giao công nghệ phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của vùng Bắc Trung bộ và cả nước; triển khai các hoạt động phục vụ cộng đồng (PVCD).

Trụ sở chính của Trường: Số 182, đường Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

- Điện thoại liên hệ: (038) 3855452, Fax: (038) 3855269

- Website: [www.vinhuni.edu.vn](http://www.vinhuni.edu.vn), Email: [vinhuni@vinhuni.edu.vn](mailto:vinhuni@vinhuni.edu.vn)

- Năm bắt đầu đào tạo khóa I: 1959

### **Chính sách chất lượng:**

i. Phát triển bền vững giáo dục và khoa học công nghệ (KHCN); phát huy tinh thần tận tụy, thói quen làm việc theo qui trình và ISO trong mọi lĩnh vực; cam kết đảm bảo dự đoán và kiểm toán một cách khách quan để chuẩn hóa các kết quả đạt được.

ii. Đảm bảo trang bị cơ sở vật chất, thiết bị đầy đủ cho đào tạo nghề nghiệp, kịp thời cho việc thực hiện các mục tiêu chất lượng giáo dục, NCKH trong từng thời kỳ phát triển.

iii. Tăng cường hợp tác với các trường đại học thuộc топ 500 của châu Á về đào tạo và NCKH; áp dụng mô hình quản lý hiện đại; tiếp cận khoa học, kỹ thuật tiên tiến và các phương pháp thực hành tốt trong thực tiễn; thực hiện chuyển giao KHCN; tất cả CTĐT và văn bằng của Trường đều được các tổ chức KĐCLGD có uy tín đánh giá và công nhận.

**Sứ mạng:** Là CSGD ĐH đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, dẫn dắt sự phát triển GD&ĐT của khu vực Bắc Trung Bộ; là trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, góp phần thúc đẩy sự phát triển của quốc gia và quốc tế.

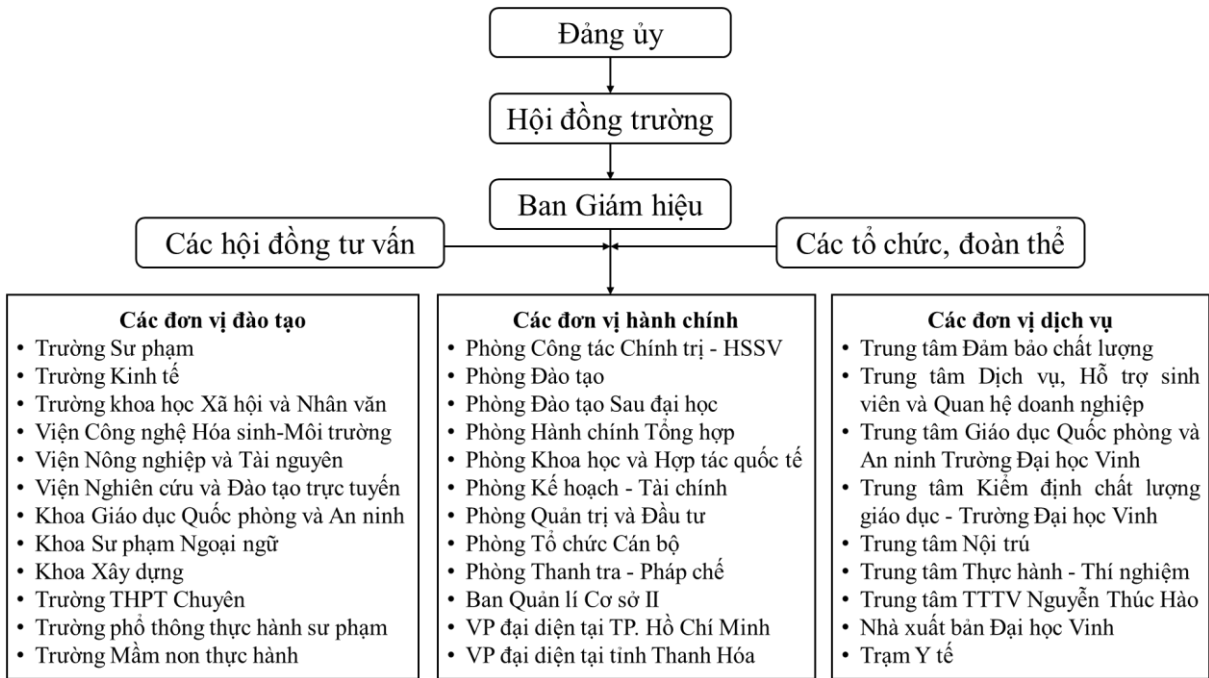
**Tầm nhìn:** Trở thành ĐH thông minh, xếp hạng топ 500 ĐH hàng đầu châu Á vào năm 2030, xếp hạng топ 1.000 ĐH hàng đầu thế giới vào năm 2045.

### **Giá trị cốt lõi:**

- Trung thực (Honesty)
- Trách nhiệm (Accountability)
- Say mê (Passion)
- Sáng tạo (Creativity)
- Hợp tác (Collaboration)

**Triết lý giáo dục:** Hợp tác - Sáng tạo

Trường ĐH Vinh hiện nay được tổ chức theo mô hình quản lý 3 cấp đó là cấp Trường ĐH Vinh (cấp 1), cấp Trường/Khoa/Viện thuộc và trực thuộc (cấp 2), cấp Khoa ngành/Bộ môn (cấp 3). Các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường ĐH Vinh hiện nay gồm 3 trường thuộc, 3 viện, 3 khoa, Trường THPT Chuyên, Trường phổ thông Thực hành Sư phạm, Trường Mầm non thực hành; có 12 đơn vị hành chính và 9 đơn vị dịch vụ. Sơ đồ tổ chức cụ thể như sau:



Hiện tại, Trường ĐH Vinh đang triển khai Đề án chuyển Trường ĐH Vinh thành ĐH Vinh, sắp xếp lại các đơn vị và ngành nghề đào tạo phù hợp với Sứ mạng, Tầm nhìn và Mục tiêu đào tạo; tiếp tục xây dựng Nhà trường thành trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, CB quản lý giáo dục, thành trung tâm NCKH, đổi mới sáng tạo, trung tâm ĐBCL và KĐCLGD của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước. Nhà trường đang triển khai thực hiện có hiệu quả, chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và CB quản lý giáo dục cho khu vực và cả nước. Nhà trường đã và đang tiến hành rà soát, qui hoạch lại các ngành và chuyên ngành đào tạo của Trường, làm cơ sở để phân tầng, xếp hạng và nâng cao hiệu quả đầu tư. Một số ngành và CTĐT chất lượng cao đã được triển khai và có kết quả phản hồi tốt từ các nhà sử dụng lao động.

Nhà trường đã sớm triển khai các hoạt động BĐCL. Từ năm 2017, Nhà trường đã được công nhận đạt tiêu chuẩn KĐCL CSGD chu kì 1, đạt chuẩn KĐCL CSGD chu kì 2 vào tháng 4 năm 2023. Từ năm 2018 đến nay Nhà trường đã có 41 CTĐT trình độ thạc sĩ và SĐH được công nhận đạt chuẩn chất lượng giáo dục trong đó có 2 CTĐT được công nhận đạt chuẩn chất lượng theo bộ tiêu chuẩn AUN-QA. Nhà trường cũng đã có nhiều hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống BĐCL bên trong; cải tiến chất lượng CSGD và CTĐT và không ngừng phát triển văn hóa chất lượng nhằm đạt được mục tiêu, sứ mạng và tầm nhìn đã đề ra.

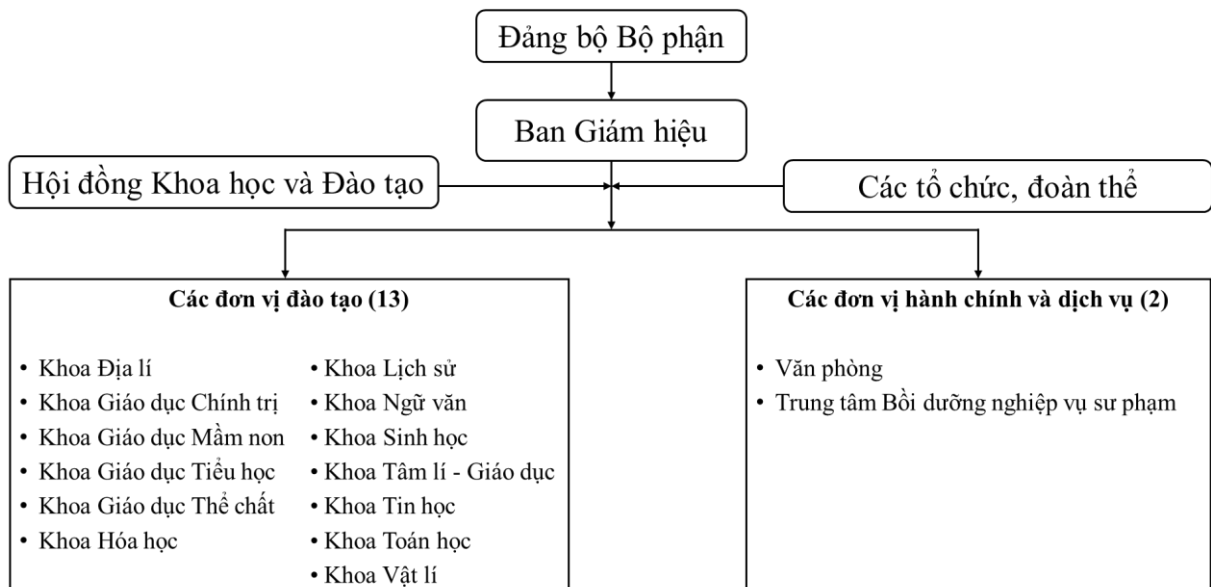
## 2.2. Giới thiệu về Trường Sư phạm

Ngày 16/7/1959, Bộ trưởng Bộ Giáo dục ban hành Nghị định số 375/NĐ về việc thành lập Phân hiệu Đại học Sư phạm tại thị xã Vinh với 02 ngành: Sư phạm Văn và Sư phạm Toán. Cuối tháng 7/1961, Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh đã trưởng thành về mọi mặt, Bộ trưởng Bộ Giáo dục đã có văn bản cho phép Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh mở thêm 3 ngành học mới: Vật lý, Hóa học và Sinh học. Đồng thời, năm 1961,

cùng với khoa Hóa học và khoa Vật lí, khoa Sinh học được thành lập. Năm 2005, Bộ GD&ĐT ban hành quyết định số 4566/QĐ-BGD&ĐT ngày 19/8/2005 cho phép Trường ĐH Vinh đào tạo và cấp bằng Thạc sĩ ngành SHTN.

Viện Sư phạm Tự nhiên được thành lập theo Quyết định số 260/QĐ-ĐHV ngày 04/4/2017 của Hiệu trưởng trường ĐH Vinh, trên cơ sở sáp nhập 16 bộ môn từ 5 đơn vị là khoa Toán học, khoa Vật lí và Công nghệ, khoa Sinh học, khoa Hóa học và Khoa CNTT với tổng số 104 cán bộ, trong đó có 100 giảng viên và 4 chuyên viên.

Năm 2021, thực hiện tái cấu trúc làm cơ sở cho đề án chuyển Trường ĐH Vinh thành ĐH Vinh, Nhà trường thành trường Trường Sư phạm (trên cơ sở Viện Sư phạm tự nhiên và Viện Sư phạm Xã hội và Nhân văn) thuộc Trường ĐH Vinh theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐT ngày 21/7/2021, trong đó có khoa Sinh học. Theo đó, sau khi sát nhập, Trường Sư phạm có 13 khoa và 1 trung tâm gồm: Khoa Địa lí, Khoa Giáo dục Chính trị, Khoa Giáo dục Mầm non, Khoa Giáo dục Tiểu học, Khoa Tâm lí - Giáo dục, Khoa Giáo dục Thể chất, Khoa Hóa học, Khoa Lịch sử, Khoa Ngữ văn, Khoa Sinh học, Khoa Tin học, Khoa Toán học, Khoa Vật lí và Trung tâm Bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm. Với sứ mệnh là đơn vị đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và CB quản lí giáo dục chất lượng cao; là trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo khoa học giáo dục, khoa học cơ bản, PVCĐ, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội khu vực Bắc miền Trung và cả nước. Đến năm 2030, Trường Sư phạm sẽ trở thành Trường ĐH Sư phạm, trụ cột trong mạng lưới đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và CB quản lí giáo dục của vùng Bắc Trung bộ và cả nước. Sơ đồ tổ chức cụ thể của Trường Sư phạm như sau:



Trường Sư phạm hiện đang tổ chức đào tạo 16 CTĐT trình độ đại học, 27 CTĐT trình độ thạc sĩ và 15 CTĐT trình độ tiến sĩ. Tổng qui mô đào tạo của Trường Sư phạm hiện tại khoảng 12.000 sinh viên; 2.900 HV thạc sĩ và 80 nghiên cứu sinh.

Trường Sư phạm có 175 GV và CB nghiên cứu cơ hữu, trong đó có 02 giáo sư và 29 phó giáo sư; 90 GV thỉnh giảng.

### 2.3. Giới thiệu về Khoa Sinh học

Khoa Sinh học được thành lập năm 1961 và hiện có 13 giảng viên cơ hữu, gồm 3 Phó Giáo sư, 09 Tiến sĩ, 01 thạc sĩ và các đội ngũ giảng viên thỉnh giảng giàu kinh nghiệm. Đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao này được phân bổ hợp lý nên đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác. Hiện nay, Khoa Sinh học đảm nhận đào tạo 02 CTĐT trình độ ĐH (Cử nhân Sư phạm Sinh học, Cử nhân Sư phạm Khoa học Tự nhiên) và 04 CTĐT trình độ thạc sĩ (Thực vật học, Động vật học, Sinh học thực nghiệm và Lí luận và Phương pháp dạy học (PPDH) bộ môn Sinh học).

Với gần 65 năm xây dựng và phát triển, Khoa Sinh học đã không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, khẳng định vai trò là cái nôi đào tạo nguồn nhân lực ngành Sinh học và các lĩnh vực liên quan cho khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước. Khoa đã đào tạo được tổng cộng 7.005 sinh viên và 909 học viên cao học. Trong đó, có 3.195 sinh viên ngành Sư phạm Sinh học, 607 sinh viên ngành Nuôi trồng Thủy sản, 679 sinh viên Cử nhân Sinh học, 679 sinh viên hệ Vừa làm vừa học và 936 sinh viên ngành Khoa học Môi trường. Bên cạnh đó, các CTĐT SDH của Khoa đã góp phần bồi dưỡng và nâng cao trình độ chuyên môn cho 909 học viên cao học ở các chuyên ngành: Thực vật học, Động vật học, Sinh học thực nghiệm và Lí luận và PPDH bộ môn Sinh học. Những kết quả trên là minh chứng cho sự nỗ lực không ngừng của đội ngũ viên chức và Lãnh đạo Khoa trong công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Khoa Sinh học - Trường Sư phạm - Trường ĐH Vinh nằm trong nhóm các cơ sở đào tạo sư phạm chủ chốt hàng đầu của cả nước.

Qui trình đào tạo của Khoa Sinh học được thiết kế hài hòa giữa tích lũy lí thuyết và rèn luyện thực tiễn, với trọng tâm là phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên, nghiên cứu viên và chuyên gia thông qua hoạt động rèn luyện nghiệp vụ và thực tập nghề nghiệp thường xuyên tại các cơ sở nghề nghiệp như các trường phổ thông, cơ quan quản lí nhà nước về bảo vệ và bảo tồn đa dạng sinh học, cơ sở chăm sóc sức khỏe. Mạng lưới 40 trường THPT “vệ tinh”, các Vườn Quốc gia, Khu bảo tồn Thiên nhiên, các bệnh viện và trung tâm y tế chuyên ngành tại các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An và Hà Tĩnh không chỉ là môi trường thực hành lí tưởng cho sinh viên, HV SDH triển khai đề án, dự án, mà còn là địa bàn khảo sát, thử nghiệm kết quả NCKH của GV, góp phần tạo nên sự liên kết chặt chẽ giữa đào tạo và thực tiễn nghề nghiệp.

Một trong những thế mạnh nổi bật của Khoa Sinh học là đội ngũ GV có trình độ chuyên môn cao, giàu tâm huyết và kinh nghiệm thực tiễn, cùng với CTĐT được thiết kế phù hợp, hiện đại, gắn với đổi mới giáo dục phổ thông, thực tiễn nghề nghiệp và định hướng hội nhập quốc tế. Khoa có nhiều lợi thế trong tuyển sinh với nguồn HV đầu vào chất lượng, đồng thời luôn chủ động mở rộng hợp tác với các trường đại học, bệnh viện, cơ sở y tế trong và ngoài nước trong lĩnh vực đào tạo và NCKH, nhất là về SHTN.

Sinh viên, HV của Khoa Sinh học nổi bật với tinh thần tự học, chủ động rèn luyện, tích cực tham gia các hoạt động tập thể và đạt thành tích cao trong các hội thi nghiệp vụ sư phạm và kỹ năng nghề nghiệp. Văn hóa đoàn kết, tương trợ giữa các thế hệ CB, sinh viên, HV là truyền thống đáng tự hào của Khoa. Các cựu sinh viên và HV không ngừng đồng hành cùng Khoa thông qua các hoạt động hỗ trợ học bổng, chia sẻ và tiếp tục kết nối giá trị.

#### 2.4. Giới thiệu về Ngành Sinh học thực nghiệm

Ngành Thạc sĩ Sinh học thực nghiệm, mã số: 8.42.01.14 bắt đầu được đào tạo khóa đầu tiên vào năm 1996 với tên gọi ban đầu là Sinh lí người và động vật. Trải qua gần 30 năm tuyển sinh và đào tạo đã có hơn 200 thạc sĩ tốt nghiệp. Hiện nay, họ là các giáo viên tại các trường phổ thông; chuyên viên - CB quản lí các phòng GD&ĐT, Sở GD&ĐT; bác sĩ, CB tại các bệnh viện...

Năm 2022, CTĐT trình độ thạc sĩ ngành SHTN đã được rà soát, cập nhật theo tiếp cận CDIO, được thiết kế đáp ứng Mục tiêu, CDR theo 2 định hướng nghiên cứu và ứng dụng. CTĐT đáp ứng các yêu cầu theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam (Quyết định 1982/QĐ-TTg), chuẩn CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH (Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT), theo qui chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Nhà trường (Quyết định 2592/QĐ-ĐHV) và các qui định khác của Trường ĐH Vinh.

Chương trình dạy học (CTDH) và các học phần (HP) được thiết kế đa dạng theo hướng hình thành kiến thức lí thuyết, kỹ năng thực hành, đồng thời tăng cường rèn luyện khả năng tư duy, làm việc độc lập; có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi HP nhằm đạt được CDR; có sự phân nhiệm rõ ràng về vai trò của các HP trong CTĐT nhằm đáp ứng CDR thể hiện ở Ma trận phân nhiệm PLO (CDR CTĐT) cho các HP và phân nhiệm PLO/CLO (CDR HP).

Điểm mới của chương trình là ưu tiên tăng cường số lượng các HP dạy học theo đề án/dự án. Cụ thể 100% các HP chuyên ngành được thiết kế dạy học theo đề án/dự án; các HP cơ sở ngành khuyến khích thiết kế dạy học theo đề án/dự án. Hệ thống các HP dạy học đề án/dự án được thiết kế nhằm phát huy tối đa năng lực tự học, tự nghiên cứu và rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp, đặc biệt hình thành/phát triển năng lực CDIO (năng lực thiết kế, triển khai, vận hành) các hoạt động ứng dụng và nghiên cứu về Sinh học, ngành SHTN cho NH.

Đề tạo điều kiện cho HV có nhiều lựa chọn hơn trong học tập, CTĐT Thạc sĩ SHTN được xây dựng và thực hiện theo 2 định hướng: nghiên cứu và ứng dụng. Định hướng nghiên cứu ưu tiên phát triển các kiến thức nâng cao và NCKH về SHTN. Định hướng ứng dụng ưu tiên các kiến thức mở rộng và năng lực ứng dụng SHTN trong nghề nghiệp giáo dục và thực hành nghề nghiệp như hoạt động xét nghiệm tại các cơ sở y tế.

## PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN VÀ TIÊU CHÍ

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu các minh chứng và thông tin thu thập đầy đủ từ các BLQ đảm bảo tính hợp pháp và tính xác thực, Hội đồng TĐG đã đánh giá chất lượng CTĐT SHTN trình độ thạc sĩ theo từng tiêu chí; qua đó, rút ra các điểm mạnh, các điểm cần cải tiến, đồng thời đánh giá mức đạt được của tiêu chí. Sau đây là kết quả TĐG theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn:

### **Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và CĐR của chương trình đào tạo**

#### **Mở đầu**

Mục tiêu và CĐR của CTĐT trình độ thạc sĩ ngành SHTN được xác định phù hợp với Mục tiêu đào tạo của Trường Sư phạm, của Trường ĐH Vinh. Mục tiêu và CĐR của CTĐT thể hiện sự cam kết của tập thể lãnh đạo, CB, GV với NH, xã hội về chất lượng đào tạo (kiến thức, kỹ năng và năng lực của NH sau khi tốt nghiệp). Mục tiêu và CĐR được xây dựng có sự đối sánh với mục tiêu và CĐR của một số CTĐT của các cơ sở giáo dục ĐH khác trong nước và trên thế giới, có sự tham gia của các BLQ, được định kỳ rà soát, cập nhật và công bố công khai, đồng thời đảm bảo các điều kiện thực hiện phù hợp với chuẩn chất lượng.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học qui định tại Luật giáo dục đại học

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng ngay từ khi CTĐT SHTN trình độ thạc sĩ của Trường ĐH Vinh được Bộ GD&ĐT cho phép đào tạo từ năm 2005 (Quyết định số 4566/QĐ-BGD&ĐT ngày 19/8/2005) [H1.01.01.01]. Trong giai đoạn đánh giá, CTĐT ngành SHTN được rà soát, bổ sung, cập nhật vào các năm 2017 (Quyết định số 2009/QĐ-ĐHV ngày 21/9/2017) [H1.01.01.02], năm 2022 (Quyết định số 1738/QĐ-ĐHV ngày 18/7/2022) [H1.01.01.03] và năm 2023 (Quyết định Số 3537/QĐ-ĐHV ngày 22/12/2023) [H1.01.01.04]. Mục tiêu của CTĐT năm 2023 được xác định theo hai định hướng: “*CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành SHTN theo định hướng nghiên cứu cung cấp kiến thức chuyên sâu, rộng, tiên tiến về Sinh học thực nghiệm và nâng cao phẩm chất, năng lực NCKH, phát triển chuyên môn cho người học nhằm đáp ứng yêu cầu xã hội trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế*” hoặc “*CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành SHTN theo định hướng ứng dụng cung cấp kiến thức chuyên sâu, rộng, tiên tiến về Sinh học thực nghiệm và nâng cao phẩm chất, năng lực đổi mới sáng tạo, phát triển chuyên môn cho người học nhằm đáp ứng yêu cầu xã hội trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế*”. Cả hai định hướng đều

hướng tới đáp ứng nhu cầu xã hội trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Từ mục tiêu chung, CTĐT ngành SHTN đã xác định 04 mục tiêu cụ thể bao quát các mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm [H1.01.01.04].

Mục tiêu của CTĐT trình độ thạc sĩ ngành SHTN được cập nhật, điều chỉnh trong giai đoạn đánh giá để đảm bảo phù hợp với Sứ mạng, Tầm nhìn và Mục tiêu chiến lược của Nhà trường được tuyên bố trong kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐH Vinh trong giai đoạn 2018 - 2025, tầm nhìn 2030 (Quyết định số 1278/QĐ-ĐHV ngày 09/3/2018) [H1.01.01.05], chiến lược phát triển Trường ĐH Vinh giai đoạn 2022 - 2030, tầm nhìn 2045 (Nghị quyết số 18/NQ-HĐT ngày 26/12/2022) [H1.01.01.06]. Sứ mạng của Trường ĐH Vinh được khẳng định *Trường là cơ sở giáo dục ĐH đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, dẫn dắt sự phát triển của GD&ĐT của khu vực Bắc Trung Bộ; là trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, góp phần phát triển của quốc gia và quốc tế*. Tầm nhìn của Nhà trường là *trở thành ĐH thông minh, xếp hạng top 500 ĐH hàng đầu châu Á vào năm 2023, hướng đến top 1000 ĐH hàng đầu thế giới vào năm 2045*. Mục tiêu của CTĐT trình độ thạc sĩ ngành SHTN theo định hướng nghiên cứu *cung cấp kiến thức chuyên sâu, rộng, tiên tiến* (chất lượng cao) về SHTN và nâng cao phẩm chất, *năng lực nghiên cứu khoa học*, phát triển chuyên môn cho người học nhằm đáp ứng yêu cầu xã hội trong bối cảnh *công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế*. Như vậy, Mục tiêu của CTĐT trình độ thạc sĩ ngành SHTN phù hợp với Sứ mạng, Tầm nhìn và Mục tiêu chiến lược của Nhà trường.

Mục tiêu của CTĐT ngành SHTN được xác định phù hợp với mục tiêu của giáo dục ĐH qui định tại Điều 5 khoản 1 của Luật Giáo dục ĐH số 08/2012/QH13 [H1.01.01.07] là *“Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài, NCKH, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế”* và *“Đào tạo NH có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, có năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân”* và mục tiêu cụ thể đối với trình độ thạc sĩ *“Đào tạo trình độ thạc sĩ để HV có kiến thức khoa học nền tảng, có kỹ năng chuyên sâu cho nghiên cứu về một lĩnh vực khoa học hoặc hoạt động nghề nghiệp hiệu quả, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo”* (Luật Giáo dục đại học số 42/VBHN-VPQH ngày 10/12/2018) [H1.01.01.08].

## 2. Điểm mạnh

Mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của CTĐT được Nhà trường tổ chức xây dựng

theo qui trình nên phù hợp với Sứ mạng, Tầm nhìn của Nhà trường và được định kì rà soát, cập nhật đáp ứng yêu cầu các BLQ.

### 3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến của các BLQ khi xây dựng Mục tiêu CTĐT chưa thật sự đầy đủ và còn khái quát.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường việc lấy ý kiến các BLQ khi rà soát Mục tiêu CTĐT bằng cách đa dạng hóa công cụ khảo sát và mở rộng đối tượng tham gia.	Khoa Sinh học/ Phòng ĐTSĐH/ TT ĐBCL	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì rà soát Mục tiêu giáo dục của CTĐT phù hợp với Sứ mạng, Tầm nhìn của Nhà trường và đáp ứng yêu cầu các BLQ	Khoa Sinh học	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	

### 5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo

#### 1. Mô tả hiện trạng

CTĐT trình độ thạc sĩ ngành SHTN của Trường ĐH Vinh được xây dựng, cập nhật, bám sát các yêu cầu của Thông tư số 17/2021/TT-BGD&ĐT ngày 22/6/2021 qui định về khối lượng học tập, cấu trúc và nội dung CTĐT, yêu cầu về năng lực mà NH đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục ĐH [H1.01.02.01], qui trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT trình độ thạc sĩ, thạc sĩ, tiến sĩ và Quyết định số 1982/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 18/10/2016 về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam năm 2016 [H1.01.02.02] và tuân thủ theo qui định/ qui trình và các văn bản hướng dẫn về xây dựng và phát triển CTĐT của Nhà trường [H1.01.02.03], [H1.01.02.04], [H1.01.02.05], [H1.01.02.06].

Trong giai đoạn đánh giá, CĐR của CTĐT ngành SHTN được xác định rõ ràng, được rà soát, cập nhật và ban hành 03 lần: CĐR CTĐT trình độ thạc sĩ ngành SHTN được Nhà trường ban hành theo CTĐT năm 2017 (Quyết định số 2009/QĐ-ĐHV ngày 21/9/2017) [H1.01.02.07], Quyết định ban hành CĐR năm 2022 (Quyết định số 655/QĐ-ĐHV ngày 28/3/2022) [H1.01.02.08] và năm 2023 (Quyết định số 1037/QĐ-

ĐHV ngày 26/4/2023) [H1.01.02.09]. Theo đó, CDR của CTĐT ngành SHTN được xây dựng gồm các lĩnh vực kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm với 16 chủ đề CDR với mức năng lực cụ thể cần đạt khi tốt nghiệp; trong đó có 03 chủ đề CDR về kiến thức; 08 chủ đề CDR về kỹ năng và 05 chủ đề CDR về năng lực (bao gồm hình thành ý tưởng thiết kế, tổ chức thực hiện và nghiên cứu cải tiến các hoạt động NCKH và nghề nghiệp mà NH cần đạt được sau tốt nghiệp và triển vọng làm việc trong tương lai) [H1.01.02.09]. Các phiên bản CDR của CTĐT đã bao quát các yêu cầu chung của NH, đồng thời yêu cầu riêng đối với HV ngành SHTN thông qua các CDR về kiến thức đại cương và kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm và mức tự chủ và trách nhiệm đáp ứng được yêu cầu qui định tại Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 về Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Để đánh giá mức độ đạt được các CDR cấp CTĐT, mỗi PLO<sub>x.y</sub> được phân chia thành các chỉ số đánh giá, kí hiệu bởi CDR cấp 3 là PLO<sub>x.y.z</sub>, được bắt đầu bằng một động từ phù hợp với mức năng lực của từng CLO. Khác với CTĐT năm 2022, CTĐT năm 2023 qui định NH tại thời điểm tốt nghiệp CTĐT phải đáp ứng tối thiểu các mức năng lực (MNL) được số hóa (Bảng 1.2.1).

**Bảng 1.1.** Qui định khoảng điểm năng lực trong CTĐT năm 2023

MNL	Điểm năng lực	Mô tả mức năng lực của chuẩn đầu ra theo 3 miền		
		Kiến thức (K)	Kỹ năng (S)	Thái độ (A)
5	4.5 - 5.0	Sáng tạo (Creatin)	Sáng tạo (Origination)	Đặc trưng hóa (Characterization)
4	3.5 - 4.4	Phân tích, Đánh giá (Analyzing, Evaluating)	Điều chỉnh (Adaptation)	Củng cố giá trị (Organization)
3	2.5 - 3.4	Áp dụng (Applying)	Thao tác chính xác (Precision)	Hình thành giá trị (Valuing)
2	1.5 - 2.4	Hiểu (Understanding)	Thao tác theo hướng dẫn (Manipulation)	Phản ứng với hiện tượng (Responding)
1	0.5 - 1.4	Nhớ (Remembering)	Tiếp nhận (Perception)	Tiếp nhận hiện tượng (Receiving)

Các CDR của CTĐT được phát biểu bằng các động từ Vận dụng, Phân tích, Hình thành, Thiết kế, Triển khai, Đánh giá... [H1.01.02.09]. Như vậy, trình độ năng lực CDR của CTĐT đạt từ mức 3 trở lên, phù hợp với yêu cầu của trình độ bậc 7 của Khung trình độ Quốc gia Việt Nam.

Mối quan hệ giữa mục tiêu và CDR của CTĐT được thể hiện ở Bảng 1.2.2.

**Bảng 1.2.** Mối quan hệ giữa mục tiêu và CDR của CTĐT Thạc sĩ ngành SHTN

Mục tiêu đào tạo	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)							
	1.1	1.2	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2
PO1	✓	✓						
PO2			✓	✓				
PO3					✓	✓		
PO4							✓	✓

Theo kết quả lấy ý kiến các BLQ [H1.01.02.10] về CDR của CTĐT trình độ thạc sĩ ngành SHTN mỗi lần rà soát chỉnh sửa của Nhà trường cho thấy CDR của CTĐT đã đáp ứng cơ bản yêu cầu của các BLQ.

### 2. Điểm mạnh

CDR của CTĐT được xác định rõ ràng, cụ thể theo từng định hướng đào tạo và bao gồm các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà HV cần đạt khi tốt nghiệp.

### 3. Điểm tồn tại

CDR của CTĐT về năng lực tự chủ và trách nhiệm chưa phản ánh thực sự rõ nét việc “lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động”.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tiếp tục rà soát CDR của CTĐT và mô tả rõ ràng hơn năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.	Khoa Sinh học	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Phát huy việc đảm bảo CDR của CTĐT được mô tả rõ ràng, cụ thể theo từng định hướng đào tạo và bao gồm các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà HV cần đạt khi tốt nghiệp.	Khoa Sinh học	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	

### 5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 1.3. CDR của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các BLQ, được định kì rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

#### 1. Mô tả hiện trạng

Trong giai đoạn đánh giá, CDR CTĐT ngành SHTN được rà soát theo qui định

của Trường: Hướng dẫn xây dựng và công bố CĐR ngành đào tạo tại Quyết định số 2196/BGD&ĐT-GDDH ngày 22/4/2021 [H1.01.03.01], Qui định về qui trình xây dựng và phát triển CTĐT trình độ thạc sĩ Trường ĐH Vinh tại Quyết định số 976/QĐ-ĐHV ngày 20/4/2023 [H1.01.03.02], Quyết định ban hành khung CĐR trình độ thạc sĩ Trường ĐH Vinh (số 1037/QĐ-ĐHV ngày 26/4/2023) [H1.01.03.03], Qui định về việc hoạt động lấy ý kiến phản hồi từ các BLQ của Trường ĐH Vinh ban hành theo Quyết định số 1307/QĐ-ĐHV ngày 01/11/2016 và số 2786/QĐ-ĐHV ngày 31/10/2022 [H1.01.03.04]. Trong quá trình xây dựng, rà soát, chỉnh sửa CĐR của CTĐT ngành SHTN, Phòng Đào tạo SĐH/Viện Nghiên cứu và Đào tạo trực tuyến/Trung tâm ĐBCL/Khoa Sinh học đã tiến hành khảo sát và thu thập ý kiến phản hồi của các BLQ bao gồm: GV, NH, cựu NH, và nhà sử dụng lao động về CĐR và cấu trúc CTĐT [H1.01.03.05]. Bên cạnh đó, Nhà trường/Khoa cũng đã lấy ý kiến phản hồi của các BLQ tại các buổi sinh hoạt chuyên môn (môn Sinh học) theo cụm với các trường trung học phổ thông tại địa phương [H1.01.03.06]. Chẳng hạn, NTD đã có ý kiến về kỹ năng thực hành nghề của HV cần tăng cường hơn, trong lần rà soát năm 2023 Nhà trường đã bổ sung việc áp dụng dạy học dự án cho tất cả các HP chuyên ngành và khuyến khích các học phần khác cũng áp dụng PPDH này. Như vậy, CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các BLQ; có sự tham gia ý kiến của các BLQ trong quá trình xây dựng., cụ thể như trong Bảng 1.3.1.

**Bảng 1.3.** Đối sánh CĐR của CTĐT các phiên bản 2017, 2022 và 2023

<b>CĐR CTĐT năm 2017</b>	<b>CĐR CTĐT năm 2022</b>	<b>CĐR CTĐT năm 2023</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- CĐR chỉ có 3 nhóm: Kiến thức, kỹ năng, trách nhiệm</li> <li>- CĐR chưa được chuyển tải đầy đủ vào các đề cương học phần.</li> <li>- Đánh giá được mức độ đạt được CĐR của người học sau khi học xong các học phần và sau</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- CĐR được xây dựng theo hướng tiếp cận năng lực dựa trên 4 trụ cột của CDIO.</li> <li>- 8 CĐR cấp độ 2, 18 CĐR cấp độ 3 (<i>đối với định hướng nghiên cứu và ứng dụng</i>).</li> <li>- Tham khảo hệ thống phân loại nhận thức của Bloom, thể hiện các mức phát triển về kiến thức, kỹ năng, lượng hóa được và đo lường được theo 5 mức độ: (biết, hiểu, vận dụng, phân tích/tổng hợp và sáng tạo; khả năng đáp ứng mục tiêu và nội dung của từng học phần).</li> <li>- Phân nhiệm CĐR cấp CTĐT</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>CĐR năm 2023 được xây dựng dựa trên CĐR năm 2022 và bổ sung các nội dung sau:</li> <li>- 8 CĐR cấp độ 2 và 16 CĐR cấp độ 3 (<i>đối với định hướng nghiên cứu và ứng dụng</i>).</li> <li>-Phân nhiệm CĐR cấp CTĐT (PLO) cho các CĐR cấp học phần (CLO).</li> <li>- Có trọng số (%) đóng góp của CLO cho PLO.</li> <li>- Qui định người học tại thời điểm tốt nghiệp CTĐT phải đáp ứng tối thiểu các mức</li> </ul>

khi hoàn thành CTĐT mới chỉ dựa trên thông tin điểm số.	(PLO) cho các học phần. - Không có bảng phân nhiệm PLO cho CLO. - Đánh giá NH dựa trên CDR. Kết quả đánh giá NH chỉ có thông tin điểm số.	năng lực (MNL) đã được số hóa. - Đánh giá người học theo CDR. Kết quả đánh giá NH có cả điểm số và điểm năng lực của CDR.
---	---	--

Việc định kì rà soát chỉnh sửa CDR của CTĐT ngành SHTN được Nhà trường/Khoa tiến hành vào các năm 2017, 2022 và 2023 theo kế hoạch và qui trình của Nhà trường (Kế hoạch số 06/KH-ĐHV ngày 21/01/2022, Quyết định số 976/QĐ-ĐHV ngày 20/4/2023) [H1.01.03.07]. Qui trình chỉnh sửa được thực hiện theo 07 bước: 1) Thành lập tổ soạn thảo CDR; 2) Thu thập, rà soát, tổng hợp các văn bản qui phạm pháp luật, phân tích dữ liệu, tài liệu mô tả các dịch vụ hoạt động, công việc của ngành đào tạo trong nước và quốc tế liên quan; 3) Tổ chức khảo sát thu thập thông tin các BLQ; 4) Xây dựng dự thảo CDR CTĐT; 5) Tổ chức thu thập ý kiến các BLQ; 6) Hoàn thiện dự thảo CDR; 7) Hoàn thiện, phê duyệt và công bố CDR. Trên cơ sở các kế hoạch, Nhà trường đã ban hành các mẫu biểu khảo sát lấy ý kiến và các đối tượng khảo sát được qui định thực hiện đồng bộ trong toàn trường [H1.01.03.08]. Việc rà soát, chỉnh sửa, bổ sung CDR và CTĐT hàng năm đáp ứng yêu cầu của các BLQ góp phần làm tăng tỉ lệ xếp loại tốt nghiệp của HV ngành SHTN qua các năm. CDR và CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành SHTN sau khi xây dựng và điều chỉnh đã được Hội đồng chuyên môn cấp Khoa, cấp Trường thông qua, nghiệm thu và được Hiệu trưởng phê chuẩn, ra quyết định ban hành để thực hiện.

Các phiên bản của CDR các CTĐT được công bố công khai trên Website của Trường, Phòng ĐT SĐH, Khoa Sinh học, qua Elearning (LMS) và thông qua tài liệu tư vấn tuyển sinh, các tờ rơi quảng bá tuyển sinh, cẩm nang HV, đợt gặp mặt HV đầu khóa để các bên liên quan có thể tiếp cận đầy đủ thông tin [H1.01.03.09].

### *2. Điểm mạnh*

CDR và CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành SHTN sau khi được rà soát, điều chỉnh theo nhu cầu của các BLQ, được ban hành để triển khai, được công bố công khai với nhiều hình thức như trên Website Nhà trường, trên Elearning và các trang tin của Phòng ĐT SĐH và của Khoa Sinh học.

### *3. Điểm tồn tại*

Hoạt động khảo sát ý kiến của các BLQ trong quá trình rà soát CDR hiện chủ yếu sử dụng phiếu khảo sát chung do Trường ban hành. Do đó, CDR chưa thực sự phản ánh đầy đủ và sâu sắc yêu cầu của một số BLQ.

### *4. Kế hoạch hành động*

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tiếp tục công tác khảo sát nhà tuyển dụng, mở rộng số lượng doanh nghiệp cần khảo sát để đảm bảo CĐR đảm bảo tính linh hoạt để đáp ứng tốt hơn nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.	Khoa Sinh học/ Phòng ĐT SĐH	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ rà soát CĐR của CTĐT để đảm bảo phản ánh được yêu cầu của các BLQ và được công bố công khai, dễ tiếp cận	Khoa Sinh học/ Phòng ĐT SĐH	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7).

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 1**

#### *- Điểm mạnh nổi bật của Tiêu chuẩn*

Trong giai đoạn đánh giá 2020 - 2024, Nhà trường đã rà soát, điều chỉnh CTĐT các năm 2022 và 2023. Mục tiêu của CTĐT ngành SHTN được xây dựng phù hợp với Sứ mạng và Tầm nhìn của Nhà trường và tuân thủ qui định tại Luật Giáo dục ĐH. CĐR của CTĐT được xác định với các nội dung về kiến thức, kỹ năng, năng lực, thể hiện được mục tiêu của CTĐT; được rà soát và chỉnh sửa, bổ sung, phản ánh được yêu cầu của các BLQ và được công bố công khai.

#### *- Điểm tồn tại cơ bản của Tiêu chuẩn*

Mục tiêu của CTĐT trình độ thạc sĩ ngành SHTN chưa thể hiện rõ nét sự khác biệt giữa hai định hướng: nghiên cứu và ứng dụng. Việc lấy ý kiến của các BLQ trong quá trình rà soát Mục tiêu và CĐR chưa thật sự toàn diện, còn hạn chế về số lượng đối tượng và công cụ khảo sát, do vẫn sử dụng mẫu chung toàn trường, chưa chuyên biệt theo ngành đào tạo.

#### *- Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn*

Căn cứ Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT tại Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, Mục tiêu đào tạo của CTĐT phù hợp với Sứ mạng, Tầm nhìn của Nhà trường, với Mục tiêu giáo dục của Giáo dục ĐH nhà nước; CĐR của CTĐT đảm bảo các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm để tương thích với Khung trình độ quốc gia Việt Nam, các qui định của giáo dục ĐH, đồng thời đáp ứng nhu cầu nhân lực xã hội. Như vậy, Mục tiêu và CĐR của CTĐT là ĐBCL và đáp ứng yêu cầu kiểm định cả 3 tiêu chí kiểm định theo qui định.

## **Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo**

### **Mở đầu**

Bản mô tả CTĐT là tài liệu quan trọng để cung cấp thông tin đầy đủ và cần thiết về CTĐT cho các BLQ. Bản mô tả CTĐT được xây dựng đầy đủ các thông tin, được định kỳ rà soát và bổ sung. Các HP trong CTĐT được bố trí một cách logic, hợp lí, đáp ứng nhu cầu NH trong bối cảnh thực tiễn. Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần (ĐCHP) thể hiện CTĐT được thiết kế rõ ràng, có cấu trúc chặt chẽ và đảm bảo tính khả thi trong việc thực hiện mục tiêu và CĐR. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho NH, người dạy, các nhà quản lí và các BLQ trong quá trình triển khai, đánh giá và cải tiến CTĐT.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Bản mô tả CTĐT Thạc sĩ ngành SHTN được xây dựng dựa trên các yêu cầu của các văn bản quy định của Bộ GD&ĐT [H2.02.01.01], tuân thủ theo qui định/qui trình của Nhà trường [H2.02.01.02], [H2.02.01.03] và các văn bản hướng dẫn về xây dựng và phát triển CTĐT của Trường ĐH Vinh [H2.02.01.04].

Trong chu kì đánh giá từ năm 2020-2024, Bản mô tả CTĐT thạc sĩ SHTN của Trường ĐH Vinh có các phiên bản 2017 (Số 2009/QĐ-ĐHV ngày 21/9/2017) [H2.02.01.05], phiên bản 2022 (Số 1738/QĐ-ĐHV ngày 18/7/2022) [H2.02.01.06] và phiên bản 2023 (Số 3537/QĐ-ĐHV ngày 22/12/2023) [H2.02.01.07].

Bản mô tả CTĐT của ngành SHTN có đầy đủ các nội dung, bao gồm tên cơ sở giáo dục, tên gọi văn bằng, tên CTĐT, thời gian đào tạo, mục tiêu đào tạo, CĐR của CTĐT, tiêu chí tuyển sinh, cấu trúc CTDH, ma trận phân nhiệm CĐR-HP, ĐCHP và thời điểm thiết kế/điều chỉnh Bản mô tả CTĐT.

Ngoài những nội dung trên, Bản mô tả CTĐT còn thể hiện một số nội dung khác như: khả năng đáp ứng cơ hội nghề nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp của người học.

Bản mô tả CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành SHTN thường xuyên được cập nhật, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thay đổi công nghệ, cập nhật theo các xu hướng đào tạo và nghiên cứu mới trên thế giới hoặc những văn bản pháp qui hiện hành... về lĩnh vực của ngành SHTN. Từ khi CTĐT được ban hành, việc cập nhật bản mô tả CTĐT được thực hiện qua các mốc thời gian:

Giai đoạn 2017 - 2021: Bản mô tả CTĐT được xây dựng vào năm 2017 và duy trì đến năm 2021. Trong các năm 2019 và 2021, Khoa Sinh học đã tiến hành rà soát CTDH, tuy nhiên chưa có sự điều chỉnh đối với Bản mô tả CTĐT. Cấu trúc của phiên bản năm 2017 còn chưa đầy đủ, CĐR chỉ mới được xác định ở mức khái quát, tập trung vào ba trụ cột cơ bản: kiến thức, kĩ năng và thái độ mà chưa có sự liên kết chặt chẽ giữa các học phần và CĐR thông qua ma trận phân nhiệm. Toàn bộ CTĐT gồm 60 tín chỉ trong

đó gồm 42 tín chỉ bắt buộc (bao gồm luận văn 15 tín chỉ) và 18 tín chỉ tự chọn [H2.02.01.05].

Năm 2022, Bản mô tả CTĐT được thiết kế lại theo tiếp cận CDIO, mở rộng định hướng phát triển chương trình từ truyền thống sang định hướng kép: nghiên cứu và ứng dụng. Bản mô tả CTĐT đã mô tả thông tin cụ thể hơn về: (1) CĐR của CTĐT; (2) CĐR được truyền tải vào CTĐT và các học phần thông qua ma trận tích hợp CĐR (hay còn gọi là Ma trận phân nhiệm) [H2.02.01.06]; (3) CTĐT có 18 CĐR cấp độ 3 theo 4 trụ cột của CDIO với định hướng xây dựng chương trình theo hướng tiếp cận năng lực và sử dụng lí thuyết tương thích kiến tạo ở một số học phần, nội dung/hình thức dạy học, kiểm tra đánh giá; (4) CTĐT gồm 60 tín chỉ với PPDH đa dạng nhằm đáp ứng CĐR; (5) Bổ sung các học phần chuyên ngành dạy học bằng hình thức đồ án và dạy học theo mô hình lớp học đảo ngược (CFB); (6) Bổ sung phần mô tả về CTDH, danh sách đội ngũ GV, cơ sở vật chất phục vụ học tập (bao gồm: hệ thống phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy; thư viện; danh mục giáo trình, tập bài giảng), hướng dẫn thực hiện chương trình. Các nội dung này được trình bày theo một tuần tự logic, rõ ràng, giúp cho các BLQ và những người tiếp cận bản mô tả CTĐT hiểu được những vấn đề cốt lõi của một quá trình đào tạo từ mục tiêu tổng quát đến chi tiết, từ CĐR mong muốn đến nội dung chương trình và cấu trúc chương trình, từ yêu cầu đối với người học đến cam kết về cơ sở vật chất và đội ngũ GV [H2.02.01.06]. Tuy nhiên, hạn chế của phiên bản năm 2022 là phương pháp đánh giá người học chủ yếu vẫn dựa vào điểm số truyền thống, chưa thể hiện rõ sự gắn kết với CĐR. Bên cạnh đó, ĐCHP chưa có đầy đủ thông tin về ma trận đề thi, rubric đánh giá theo CĐR.

Năm 2023, Bản mô tả CTĐT Thạc sĩ ngành SHTN được nâng cấp với cấu trúc đáp ứng đầy đủ các yêu cầu qui định trong biểu mẫu QT.ĐBCL.01/BM.1.1.8 ban hành kèm Bộ tiêu chuẩn ĐBCL CTĐT [H2.02.01.07]. Các nội dung trong bản mô tả CTĐT đã được cập nhật chi tiết hơn, bao gồm: (1) CĐR của CTĐT; (2) Bảng phân nhiệm CĐR cấp CTĐT cho các học phần; (3) Ma trận kĩ năng (kèm với Phụ lục về các tiêu chí đánh giá) và (4) Phụ lục về ma trận phân nhiệm CĐR chi tiết. CTĐT vẫn được xây dựng theo cả định hướng nghiên cứu và định hướng ứng dụng và có những nội dung cập nhật như: Rút gọn theo hướng tinh lọc các CĐR của CTĐT còn 16 CĐR cấp độ 3 theo 4 trụ cột CDIO; Bảng phân nhiệm cho PLO cho các CLO của học phần được thiết kế chi tiết hơn đến các CLO của từng chương trong học phần và phân nhiệm CĐR về kĩ năng nghề nghiệp (CĐR về CDIO) cho các học phần dự án [H2.02.01.07]. Bên cạnh đó, việc đánh giá người học theo CĐR được thiết kế chi tiết hơn qua kết quả đánh giá bao gồm điểm số và điểm năng lực của CĐR. ĐCHP có đầy đủ thông tin về ma trận đề thi, rubric đánh giá theo CĐR và kế hoạch dạy học được thiết kế theo 03 giai đoạn (Pre-class, During class, Post-class). Khoa Sinh học cũng đã hoàn thiện nội dung giảng dạy tại các học phần chuyên ngành đáp ứng yêu cầu của các Nhà tuyển dụng và các BLQ, nhấn mạnh

tính thiết thực của các kiến thức được đào tạo. CTĐT năm 2023 cũng giống như năm 2022 có 15 tín chỉ luận văn tốt nghiệp CTĐT theo định hướng nghiên cứu, 15 tín chỉ tốt nghiệp CTĐT theo định hướng ứng dụng (trong đó 6 tín chỉ thực tập và 9 tín chỉ đồ án tốt nghiệp) [H2.02.01.07].

Việc rà soát, điều chỉnh, cập nhật CTĐT Thạc sĩ ngành SHTN được thực hiện theo hướng dẫn của Nhà trường [H2.02.01.04] và dựa trên cơ sở tiếp thu những ý kiến thu thập được từ khảo sát các BLQ (NTD, NH và cựu NH, CBVC, chuyên gia...) [H2.02.01.08]. Đồng thời, Khoa Sinh học đã tiến hành đối sánh CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành SHTN với một số CSGD khác [H2.02.01.09] và đối sánh CTĐT các năm 2017, 2022 và 2023 [H2.02.01.10]. Các ý kiến của các BLQ, ý kiến đóng góp của các thành viên trong Khoa Sinh học, Hội đồng Khoa học và đào tạo của khoa, Hội đồng Thẩm định được tổng hợp là cơ sở quan trọng để Khoa Sinh học chỉnh sửa, điều chỉnh bản mô tả CTĐT phù hợp, đầy đủ nội dung, được Hội đồng Khoa học và đào tạo nghiệm thu và trình Hiệu trưởng ký ban hành [H2.02.01.05], [H2.02.01.06], [H2.02.01.07].

Bản mô tả CTĐT Thạc sĩ ngành SHTN được Nhà trường đăng tải công khai trên Website của Phòng ĐT SĐH và của Khoa Sinh học, được cập nhật trong các tài liệu quảng bá, cẩm nang HV của Nhà trường, phổ biến trong buổi lễ khai giảng đầu khoá của tân HV [H2.02.01.11].

### 2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT được thiết kế rõ ràng, có cấu trúc đảm bảo logic và đảm bảo tính khả thi trong việc thực hiện mục tiêu và CĐR, được định kì rà soát và cập nhật.

### 3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến khảo sát chủ yếu về CTĐT mà chưa lấy được nhiều ý kiến về các nội dung đặc thù của Bản mô tả CTĐT ngành SHTN; việc khảo sát còn hạn chế về qui mô và số lượng các thành phần tham gia.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Đa dạng hóa công cụ và mở rộng đối tượng khảo sát để thu thập ý kiến đầy đủ hơn từ các BLQ về các nội dung đặc thù của Bản mô tả CTĐT ngành SHTN.	Khoa Sinh học/ Phòng ĐT SĐH	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì việc rà soát và cập nhật định kì Bản mô tả CTĐT, đảm bảo sự nhất quán logic trong cấu trúc chương trình và tính khả thi khi triển khai mục tiêu đào tạo và CĐR.	Khoa Sinh học/ Phòng ĐT SĐH	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	

### 5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7).

## Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

### 1. Mô tả hiện trạng

ĐCHP là tài liệu hướng dẫn cụ thể quá trình tổ chức dạy và học. Đây là công cụ quan trọng hỗ trợ GV giảng dạy theo đúng mục tiêu và giúp HV chủ động đạt được CĐR. Mỗi ĐCHP đều xác định rõ CĐR của học phần, đồng thời thể hiện sự liên kết giữa mục tiêu, nội dung, PPDH, kế hoạch tổ chức dạy học và hình thức KTĐG. Các hoạt động dạy và học trong ĐCHP được thiết kế bám sát CĐR, bảo đảm tính logic, nhất quán và khả thi. Phương pháp đánh giá được lựa chọn phù hợp với từng CĐR nhằm đo lường hiệu quả học tập thực chất của người học.

Do đó, Nhà trường đã ban hành Qui định về xây dựng và điều chỉnh CĐR và CTĐT, bao gồm Qui trình xây dựng và phát triển CTĐT trình độ thạc sĩ [H2.02.02.01]; hướng dẫn thiết kế ĐCHP theo Bộ chuẩn bảo đảm chất lượng CTĐT phiên bản 1.0 [H2.02.02.02]; và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn cập nhật chương trình của Nhà trường [H2.02.02.03]. GV thực hiện xây dựng, rà soát và cập nhật đề cương định kì theo các giai đoạn cải tiến chương trình, có sự tham khảo ý kiến từ hội đồng chuyên môn và các đơn vị có liên quan. Trên cơ sở bản mô tả CTĐT và khung CTĐT thạc sĩ ngành SHTN, tất cả ĐCHP của CTĐT đã được thiết kế đầy đủ các thông tin, như tên đơn vị/tên GV; tên HP, mã HP; thông tin chung về HP và GV; mô tả tóm tắt nội dung HP; mục tiêu và CĐR HP; ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR; các yêu cầu của HP; PPDH; phương pháp kiểm tra đánh giá (KTĐG); tài liệu học tập (giáo trình, sách chuyên khảo); rubric đánh giá hoạt động học tập trong HP.

Trong chu kỳ đánh giá (2020-2024), ĐCHP CTĐT Thạc sĩ ngành SHTN đã trải qua ba phiên bản chính: Phiên bản 2017 [H2.02.02.04], phiên bản 2022 [H2.02.02.05] và phiên bản 2023 [H2.02.02.06].

Năm 2017, CTĐT Thạc sĩ ngành SHTN gồm 60 tín chỉ, trong đó có 45 tín chỉ được phân bổ cho 15 học phần và 15 tín chỉ phân bổ cho luận văn. Cấu trúc CTĐT được chia thành ba khối: Khối kiến thức chung gồm 2 học phần (6 tín chỉ); Khối kiến thức cơ sở ngành gồm 04 học phần bắt buộc và 04 học phần tự chọn (tổng 24 tín chỉ); Khối kiến thức chuyên ngành gồm 03 học phần bắt buộc và 02 học phần tự chọn (15 tín chỉ). Tất cả ĐCHP trong CTĐT có đầy đủ thông tin về: Tên học phần, mã môn học, số tín chỉ, bộ môn phụ trách giảng dạy, phân bổ thời gian, mô tả học phần, mục tiêu học phần, nội dung học phần, số tiết phân bổ, tài liệu tham khảo, phương pháp đánh giá học phần [H2.02.02.04].

ĐCHP năm 2022 [H2.02.02.05] và 2023 [H2.02.02.06] của CTĐT Thạc sĩ ngành SHTN được cập nhật với 16 học phần (tương đương 60 tín chỉ). Cấu trúc gồm: 02 **học phần chung** áp dụng cho tất cả các CTĐT trình độ thạc sĩ (6 tín chỉ); **Khối kiến thức cơ sở ngành** gồm 04 học phần bắt buộc (12 tín chỉ) và 4/8 học phần tự chọn (12 tín chỉ); **Khối kiến thức chuyên ngành** được phân chia theo hai định hướng: **Định hướng**

**nghiên cứu** bao gồm 03 học phần bắt buộc (9 tín chỉ) và 2/4 học phần tự chọn (6 tín chỉ);  **Định hướng ứng dụng** bao gồm 03 học phần bắt buộc (9 tín chỉ) và 2/4 học phần tự chọn (6 tín chỉ). Các học phần tự chọn chuyên ngành được thiết kế đặc thù, đáp ứng rõ rệt yêu cầu chuyên môn của từng định hướng.

Điểm khác biệt rõ rệt giữa hai định hướng nằm thể hiện ở cấu trúc học phần tốt nghiệp và các học phần tự chọn chuyên ngành:

-  **Định hướng nghiên cứu**, HV thực hiện  **Luận văn thạc sĩ** (15 tín chỉ), tập trung phát triển năng lực nghiên cứu, tư duy phản biện và kỹ năng viết công bố khoa học. Các  **học phần tự chọn chuyên ngành** trong định hướng này mang tính lí luận, gắn với nghiên cứu chuyên sâu như: Nội tiết học, Các nguyên lí và quá trình sinh lí học, Hoạt động thần kinh cấp cao, Sinh học sinh sản.

-  **Định hướng ứng dụng**, HV thực hiện  **Thực tập và Đồ án tốt nghiệp** (15 tín chỉ), chú trọng vận dụng kiến thức vào thực tiễn nghề nghiệp như bảo vệ môi trường, y sinh học. Các  **học phần tự chọn chuyên ngành** trong định hướng này hướng tới tính ứng dụng, bám sát thực tiễn đời sống như: Chẩn đoán phân tử, Dinh dưỡng và bệnh liên quan, Công nghệ tế bào, Hóa sinh học chức năng, Sinh học ung thư, Y học tái tạo.

Tất cả ĐCHP trong CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành SHTN có đầy đủ các nội dung theo qui định của Bộ GD&ĐT, bao gồm: (1) Thông tin chung (thông tin về giảng viên và thông tin về học phần); (2) Mô tả học phần; (3) Chuẩn đầu ra học phần; (4) Kiểm tra, đánh giá (các bài đánh giá, ma trận đánh giá, phiếu đánh giá); (5) Tài liệu học tập (giáo trình và tài liệu tham khảo); (6) Kế hoạch dạy học; (7) Ngày phê duyệt; (8) Cấp phê duyệt. ĐCHP đảm bảo ba nội dung quan trọng: nội dung giảng dạy, PPDH/học tập và phương pháp đánh giá. Những nội dung này được thiết kế đồng bộ để giúp NH đạt được CDR học phần. Mỗi học phần có số tín chỉ xác định, được kí hiệu bằng mã số riêng theo qui định của Trường.

Phiên bản 2022, cấu trúc ĐCHP được chuẩn hóa hơn, các mục tiêu học phần được xác định rõ hơn và ánh xạ với các CDR của CTĐT. Một điểm nổi bật là ma trận liên kết giữa nội dung chương mục – CDR – PPDH và phương pháp đánh giá đã được thiết lập rõ ràng. Ngoài ra, một số hoạt động học tập được  **thiết kế theo ba giai đoạn rõ rệt** (trước khi đến lớp, trong giờ học, và sau giờ học) giúp nâng cao tính tương tác và phát triển kỹ năng cho HV.

Năm 2023 đánh dấu bước tiến trong việc thiết kế ĐCHP theo định hướng phát triển năng lực. ĐCHP không chỉ tiếp tục cập nhật các nội dung về CLO, PLO, PPDH, mà còn bổ sung các thành phần quan trọng như:  **Rubric đánh giá** cho từng hoạt động học tập;  **Ba giai đoạn tổ chức dạy học**: trước khi đến lớp, học tại lớp và sau lớp học (củng cố và phát triển kỹ năng);  **Hình thức giảng dạy** theo dự án, theo tình huống, giúp HV áp dụng kiến thức vào giải quyết vấn đề thực tiễn. Sự cải tiến này không chỉ nâng cao chất lượng giảng dạy mà còn góp phần giúp HV chủ động hơn trong việc đạt được các CDR.

Khi xây dựng ĐCHP, các giảng viên phụ trách học phần bám vào ma trận kỹ năng phân nhiệm cho học phần để đảm bảo sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CĐR của CTĐT [H2.02.02.07], [H2.02.02.08]. Mục tiêu của CTĐT được cụ thể hóa và thể hiện ở các mục tiêu của từng học phần. Mỗi ĐCHP xác định rõ các CLO (CĐR học phần), đồng thời thực hiện ánh xạ các CLO này với các PLO (CĐR CTĐT). Việc ánh xạ này giúp xác định mức độ đóng góp của từng học phần vào việc thực hiện mục tiêu đào tạo chung, từ đó hỗ trợ đánh giá tổng thể chất lượng CTĐT. Trong nội dung ĐCHP, ứng với từng bài có ghi rõ số tiết lý thuyết, thực hành; PPDH, hình thức tổ chức dạy học; sự đáp ứng CĐR học phần của bài học. Phương pháp đánh giá bao gồm điểm đánh giá thường xuyên (50%) và điểm đánh giá cuối kì (50%). Những nội dung này giúp giảng viên lượng hóa được việc đạt được CĐR của học phần được phân nhiệm [H2.02.02.04], [H2.02.02.05], [H2.02.02.06].

Tất cả ĐCHP trong CTĐT Thạc sĩ ngành SHTN được rà soát, bổ sung và cập nhật định kì theo kế hoạch và hướng dẫn của Nhà trường [H2.02.02.01], [H2.02.02.02], [H2.02.02.03]. Theo qui định, đề cương được chỉnh sửa theo chu kì hai năm một lần nhằm bảo đảm tính phù hợp với thực tiễn giảng dạy, CĐR và các yêu cầu về BĐCL. Toàn bộ ĐCHP trong chương trình đều được chuẩn hóa về cấu trúc và nội dung, thể hiện rõ CĐR HP, PPDH, phương pháp đánh giá, kế hoạch dạy học và danh mục học liệu, giúp người học và các BLQ nắm bắt đầy đủ và minh bạch các yêu cầu của học phần. Việc rà soát, cập nhật ĐCHP không chỉ dừng ở việc điều chỉnh nội dung học phần mà còn bao gồm mở rộng các mục trong đề cương theo hướng dẫn thống nhất của Nhà trường. So với các phiên bản năm 2017, đề cương các năm 2022 và 2023 đã được cải tiến rõ rệt, bổ sung thêm nhiều thành phần quan trọng như mô tả mức độ đạt CĐR, PPDH dựa trên năng lực, công cụ đánh giá theo rubric, hình thức dạy học theo dự án... phù hợp với tiếp cận CDIO và định hướng phát triển năng lực người học [H2.02.02.04], [H2.02.02.05], [H2.02.02.06].

Quá trình rà soát và cập nhật đề cương được tổ chức theo qui trình rõ ràng, từ xây dựng, lấy ý kiến chuyên môn, hoàn thiện đến nghiệm thu. Việc lấy ý kiến các BLQ, đặc biệt là từ giảng viên, học viên, nhà tuyển dụng và chuyên gia ngoài trường, được thực hiện định kì để đảm bảo đề cương phản ánh đúng yêu cầu thực tiễn và định hướng nghề nghiệp [H2.02.02.09], [H2.02.02.10]. Đồng thời, khoa đã sử dụng kết quả khảo sát, phản hồi làm căn cứ cải tiến chất lượng CTĐT, CĐR và ĐCHP.

Bên cạnh đó, trong quá trình xây dựng và rà soát, khoa cũng thực hiện đối sánh các phiên bản ĐCHP giữa các năm 2017, 2022 và 2023 nhằm nhận diện điểm kế thừa và đổi mới [H2.02.02.11]. Việc xây dựng nội dung đề cương còn có sự tham chiếu, tiếp thu từ các CTĐT cùng ngành tại các trường đại học uy tín trong nước, giúp tăng tính cập nhật và phù hợp với mặt bằng đào tạo chung [H2.02.02.12].

**Bảng 2.1.** Đối sánh thông tin cập nhật giữa các phiên bản ĐCHP

<b>1. Phiên bản áp dụng từ 2017 đến 2022</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thay đổi cấu trúc đề cương học phần.</li> <li>- Cập nhật mục tiêu và CĐR học phần.</li> <li>- Cập nhật nội dung giảng dạy, hình thức giảng dạy, hình thức đánh giá, học liệu.</li> <li>- Đưa vào các CĐR học phần và ánh xạ tới các CĐR của CTĐT.</li> <li>- CĐR được ánh xạ tới nội dung, hoạt động giảng dạy và các hình thức đánh giá.</li> <li>- Thay đổi trọng số các hình thức đánh giá theo qui định của Trường.</li> </ul>
<b>2. Phiên bản áp dụng từ 2022 đến nay</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cập nhật mục tiêu và CĐR học phần.</li> <li>- Cập nhật nội dung giảng dạy, hình thức giảng dạy, hình thức đánh giá, học liệu.</li> <li>- Cập nhật mẫu phiếu tiêu chí đánh giá trong học phần.</li> <li>- Kế hoạch giảng dạy được phân thành ba giai đoạn: giai đoạn trước khi đến lớp, giai đoạn học ở lớp, giai đoạn củng cố kiến thức và phát triển kỹ năng.</li> </ul>

Tất cả ĐCHP trong CTĐT Thạc sĩ ngành SHTN được công bố công khai trên Website của Phòng ĐTSĐH, của Khoa Sinh học và gửi trực tiếp qua hệ thống Elearning của Trường đến từng giảng viên, học viên, được biên mục để sử dụng và lưu trữ theo từng khóa học và ngành đào tạo [H2.02.02.13].

#### 2. Điểm mạnh

Nhà trường ban hành mẫu biểu cho việc biên soạn ĐCHP (và định kỳ rà soát, bổ sung), giúp đảm bảo sự thống nhất trong toàn trường. Nhờ đó, các ĐCHP trong CTĐT thạc sĩ ngành SHTN chứa đầy đủ các thông tin cần thiết, đáp ứng yêu cầu của các BLQ.

#### 3. Điểm tồn tại

Một số ĐCHP chưa thực sự thể hiện rõ các hoạt động giám sát, hỗ trợ của GV giúp NH thực hiện việc tự học và nghiên cứu một cách hiệu quả.

#### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người, thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các ĐCHP để đảm bảo thể hiện rõ các hoạt động giám sát, hỗ trợ của GV trong quá trình tự học và nghiên cứu của NH.	Khoa Sinh học	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên cập nhật các mẫu biểu ĐCHP của Nhà trường, nhằm đảm bảo thông tin đầy đủ và đáp ứng yêu cầu các BLQ.	Khoa Sinh học	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	

#### 5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận

### *1. Mô tả hiện trạng*

Bản mô tả CTĐT và toàn bộ ĐCHP trong CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành SHTN sau khi phê duyệt chính thức, đã được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau, giúp các BLQ (cơ quan quản lý, NTD, GV, HV, cựu HV...) tiếp cận một cách dễ dàng và thuận tiện (Chương trình đào tạo Thạc sĩ năm 2022).

Căn cứ vào từng nhóm đối tượng như GV, HV, NTD..., Nhà trường và Khoa Sinh học lựa chọn các hình thức công bố phù hợp nhằm đảm bảo các BLQ có thể dễ dàng tiếp cận, sử dụng và khai thác thông tin phục vụ cho nhu cầu cụ thể. Trường Đại học Vinh công bố công khai bản mô tả CTĐT và ĐCHP trên các kênh thông tin có độ phủ rộng như website của Phòng ĐT SDH [H2.02.03.01] và website của Khoa Sinh học [H2.02.03.02]. Bên cạnh đó, các tài liệu này còn được phổ biến thông qua nhiều hình thức trực tiếp và gián tiếp khác như: các buổi gặp mặt học viên đầu khóa, sinh hoạt chính trị đầu năm học, sổ tay học viên [H2.02.03.03], tờ rơi thông tin, hệ thống quản lý học tập (LMS), fanpage và các kênh truyền thông nội bộ của Khoa [H2.02.03.04]. Cách tiếp cận đa dạng này góp phần nâng cao tính minh bạch, hỗ trợ hiệu quả việc tra cứu, giám sát và sử dụng thông tin của các BLQ.

Đối với GV, Bản mô tả CTĐT và các ĐCHP là công cụ quan trọng hỗ trợ quá trình chuẩn bị nội dung, tổ chức và phối hợp giảng dạy, xây dựng kế hoạch giảng dạy phù hợp. Tài liệu này cũng giúp GV nắm được nội dung của các học phần liên quan, đảm bảo sự liên thông giữa các học phần và giữa các năm học.

Bản mô tả CTĐT còn là căn cứ để GV và lãnh đạo khoa tổ chức thảo luận, nghiên cứu, rà soát và điều chỉnh CTDH hiện hành hoặc đề xuất xây dựng CTDH mới. Việc cùng tham khảo tài liệu thống nhất giúp đội ngũ GV có sự đồng thuận trong việc hiểu rõ CDR, đảm bảo sự nhất quán trong tổ chức giảng dạy và đánh giá. Ngoài ra, Bản mô tả CTĐT Thạc sĩ ngành SHTN cũng là tài liệu tham khảo chính thức trong hoạt động kiểm tra nội bộ và giám sát việc thực hiện CTĐT, đồng thời góp phần khẳng định tính minh bạch và khả năng đạt được của các CDR mà người học cần đạt sau khi tốt nghiệp [H2.02.03.01], [H2.02.03.02].

Đối với NH, Trường ĐH Vinh và Khoa Sinh học triển khai đồng bộ nhiều hình thức công bố nhằm đảm bảo học viên có thể tiếp cận đầy đủ, thuận tiện và kịp thời các thông tin liên quan đến Bản mô tả CTĐT và tất cả các ĐCHP. Việc cung cấp thông tin được thực hiện thông qua các kênh chính thức như: website của Phòng ĐT SDH và website của Khoa Sinh học; trang đăng kí học phần của học viên; hệ thống quản lý học tập (LMS); sổ tay học viên; fanpage của Khoa; các hoạt động gặp mặt đầu khóa, lễ khai giảng và sinh hoạt chính trị đầu năm học [H2.02.03.04]. Ngay từ buổi học đầu tiên,

giảng viên có trách nhiệm giới thiệu đầy đủ ĐCHP, giúp học viên nắm bắt rõ mục tiêu, CDR, nội dung học phần, PPDH, kiểm tra đánh giá, yêu cầu nhiệm vụ học tập và sản phẩm đầu ra của học phần [H2.02.03.04]. Ngoài ra, các buổi sinh hoạt lớp định kì, sinh hoạt chuyên đề với GV phụ trách ngành cũng là dịp để HV được cập nhật, giải đáp và định hướng rõ hơn về chương trình học, lộ trình đào tạo và trách nhiệm học tập. Trong quá trình giảng dạy, GV cũng trực tiếp trình chiếu và giới thiệu slide tóm tắt nội dung đề cương, đảm bảo người học hiểu rõ và gắn kết với mục tiêu của học phần [H2.02.03.05]. Việc công bố công khai Bản mô tả CTĐT và ĐCHP thông qua nhiều hình thức linh hoạt và phù hợp với đặc điểm người học đã góp phần nâng cao nhận thức của HV về cấu trúc CTDH, định hướng học tập, cũng như giúp học viên xác định rõ kế hoạch cá nhân, lộ trình học tập toàn khóa, từ đó nâng cao chất lượng học tập và khả năng đạt CDR.

Đối với các BLQ khác (bao gồm cựu HV, NTD, chuyên gia, nhà quản lí giáo dục và cơ quan quản lí), Bản mô tả CTĐT và ĐCHP của CTĐT Thạc sĩ ngành SHTN được tiếp cận theo nhiều hình thức nhằm đảm bảo tính minh bạch và sự tham gia phản biện, đóng góp ý kiến trong quá trình phát triển chương trình. Trong các đợt xây dựng, rà soát và cập nhật CTĐT, Nhà trường và Khoa Sinh học đã tổ chức lấy ý kiến từ các BLQ thông qua khảo sát, phỏng vấn và tham vấn chuyên gia. Các ý kiến này được sử dụng để điều chỉnh nội dung và cải tiến CTĐT. Dự thảo bản mô tả CTĐT và ĐCHP sau khi hoàn thiện được gửi đến các chuyên gia trong và ngoài trường để phản biện, trước khi trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Khoa Sinh học xem xét và thông qua. Việc tham vấn này không chỉ giúp nâng cao chất lượng nội dung CTDH mà còn tăng tính khả thi và tính phù hợp với yêu cầu thực tiễn nghề nghiệp.

Bên cạnh đó, các tài liệu chính thức sau khi ban hành được công bố công khai trên website của Nhà trường và Khoa, giúp các BLQ có thể dễ dàng truy cập, tra cứu và sử dụng [H2.02.03.01], [H2.02.03.02], [H2.02.03.03]. Việc chia sẻ thông tin rộng rãi tạo điều kiện thuận lợi để các cơ quan quản lí, đơn vị tuyển dụng và cựu học viên nắm bắt nội dung, định hướng, cũng như các học phần cụ thể của chương trình. Qua đó, tăng cường sự gắn kết giữa Nhà trường và các đối tác xã hội, thúc đẩy hợp tác trong đào tạo, tuyển dụng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.

### *2. Điểm mạnh*

Nhà trường ban hành qui định về công khai các ĐCHP trên website chính thức, gửi vào tài khoản của HV trên LMS, phổ biến trong Tuần lễ công dân đầu khóa, tờ rơi quảng bá... nên các BLQ có thể dễ dàng tiếp cận và tra cứu thông tin khi cần.

### *3. Điểm tồn tại*

Mặc dù Bản mô tả CTĐT và các ĐCHP đã được công bố công khai qua nhiều kênh

thông tin, nhưng đối với NTD hoặc các chuyên gia bên ngoài thì việc truy cập đôi khi còn gặp hạn chế. Nguyên nhân là do thiếu truyền thông trực tiếp hoặc họ không quen sử dụng các nền tảng nội bộ của Nhà trường.

#### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tiếp tục đa dạng hóa hình thức công bố và tăng cường truyền thông về Bản mô tả CTĐT và ĐCHP đến các BLQ, đặc biệt là NTD và chuyên gia để họ dễ dàng tiếp cận.	Khoa Sinh học/ Phòng ĐT SĐH	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên cập nhật và thực hiện đầy đủ các qui định về công bố công khai Bản mô tả CTĐT và ĐCHP bằng nhiều hình thức để các BLQ dễ dàng tiếp cận hơn.	Khoa Sinh học/ Phòng ĐT SĐH	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	

#### 5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7).

### Kết luận về Tiêu chuẩn 2

#### - Điểm mạnh nổi bật của Tiêu chuẩn

Nhà trường ban hành mẫu Bản mô tả CTĐT và ĐCHP áp dụng thống nhất trong toàn trường, đảm bảo sự đồng bộ trong xây dựng, tổ chức thực hiện và quảng bá CTĐT. Bản mô tả CTĐT ngành SHTN có đầy đủ thông tin theo qui định, được cập nhật thường xuyên và phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động. Các thông tin phản ánh rõ mức độ giảng dạy tương ứng với kiến thức, kỹ năng, năng lực đầu ra. Các tài liệu này đã được rà soát, điều chỉnh định kì và công bố công khai, giúp các BLQ tiếp cận dễ dàng.

#### - Điểm tồn tại cơ bản của Tiêu chuẩn

Trong quá trình rà soát, điều chỉnh bản mô tả CTĐT, việc thu thập các ý kiến đa chiều của các BLQ còn hạn chế về phạm vi và số lượng thành phần tham gia. Một số HP chưa thể hiện rõ các hoạt động giám sát, hỗ trợ của GV trong quá trình NH tự học và nghiên cứu.

#### - Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn

Căn cứ Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT tại Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, Bản mô tả và ĐCHP của CTĐT đã đáp ứng đầy đủ thông tin, được cập nhật định kì và được công bố công khai. Như vậy, Bản mô tả CTĐT là ĐBCL và đáp ứng yêu cầu kiểm định cả 3 tiêu chí.

### Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

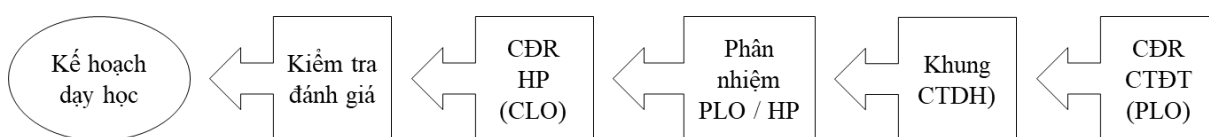
#### Mở đầu

Cấu trúc CTDH trình độ thạc sĩ ngành SHTN được thiết kế hợp lý và hệ thống, tuân thủ theo các văn bản quy định của Bộ GD&ĐT, của Trường với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu; yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội. Các phương pháp dạy và học, KT&DG KQHT được sử dụng hiệu quả nhằm đảm bảo NH đạt được CĐR của từng HP và CĐR của CTĐT. Nội dung các HP được cấu trúc khoa học, logic, mang tính tích hợp, linh hoạt, thể hiện tính khoa học của toàn bộ CTĐT.

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

#### 1. Mô tả hiện trạng

CTDH của ngành SHTN được xây dựng dựa trên CĐR của CTĐT, được thiết kế dựa theo các quy định của Nhà trường: Quyết định ban hành khung CĐR trình độ thạc sĩ của Trường ĐH Vinh (Quyết định số 655/QĐ-ĐHV ngày 28/3/2022 [H3.03.01.01], Quyết định số 1037/QĐ-ĐHV ngày 26/4/2023 [H3.03.01.02]), Qui định về qui trình xây dựng và phát triển CTĐT trình độ thạc sĩ của Trường ĐH Vinh (Quyết định số 976/QĐ-ĐHV ngày 24/4/2023) [H3.03.01.03], Bộ chuẩn bảo đảm chất lượng CTĐT phiên bản 1.0 Trường ĐH Vinh (Quyết định số 2596/QĐ-ĐHV ngày 01/10/2023) [H3.03.01.04]. Sơ đồ tóm tắt các bước xây dựng CĐR của CTĐT được thể hiện ở Hình 3.1. Khoa Sinh học tiến hành rà soát, điều chỉnh CTDH ngành SHTN dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm phù hợp với các quy định của Nhà trường. CTDH được thiết kế phù hợp đặc biệt được bổ sung thêm các HP dự án đã giúp cho NH nắm bắt, vận dụng ngay khi học tập tại Trường ĐH Vinh [H3.03.01.05]. Việc thiết kế CTDH đảm bảo tính logic của CTĐT, tiến trình đào tạo của các HP và sự kết hợp giữa đào tạo kiến thức với đào tạo kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm cho NH.



Hình 3.1. Các bước xây dựng đề cương học phần dựa vào chuẩn đầu ra

Mỗi ĐCHP đều được thiết kế các PPDH, phương pháp KT&DG tương đối đa dạng, phù hợp nhằm góp phần đạt CĐR của CTĐT (ĐCHP phiên bản 2023) [H3.03.01.02]. Cụ thể, GV đã xác định tổ hợp các PPDH tích cực như: Thuyết trình, thảo luận nhóm, phân tích tình huống/vấn đề, lớp học đảo ngược, dạy học theo dự án. Kế hoạch dạy học theo 03 giai đoạn (trước khi lên lớp, trong khi lên lớp và sau khi lên lớp). Phương pháp KT&DG trong mỗi ĐCHP được lựa chọn đa dạng, gồm: tự luận, trắc nghiệm, tiểu luận, bài tập lớn... Các hình thức đánh giá đều có rubrics rõ ràng cho từng hoạt động như đánh giá chuyên cần, giữa kì và cuối kì. ĐCHP còn được qui định cụ thể về đánh giá quá trình

(trọng số 50%) và đánh giá cuối kì (trọng số 50%). Kết quả khảo sát về PPDH, KTĐG [H3.03.01.06] cho thấy các PPDH, các phương pháp KTĐG KQHT được sử dụng trong CTĐT khi xây dựng ĐCCT HP phù hợp và góp phần đạt được CĐR.

### 2. Điểm mạnh

Nhà trường có văn bản hướng dẫn và tập huấn thường xuyên về xây dựng CTĐT. Do đó, CTDH ngành SHTN được xây dựng xuất phát từ CĐR, có các HP và PPDH phù hợp với từng CĐR được phân nhiệm.

### 3. Điểm tồn tại

Thời gian thực hành và thực tập ngoài trường, cơ hội để rèn luyện cho NH kĩ năng thích ứng nghề nghiệp còn hạn chế.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Triển khai việc thực hành và thực tập ngoài trường, tiếp cận sớm với nhà sử dụng lao động để rèn luyện cho NH kĩ năng thích ứng nghề nghiệp.	Khoa Sinh học/ Phòng ĐT SĐH	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Định kì cập nhật văn bản hướng dẫn về xây dựng CTDH, rà soát CĐR và cập nhật CTDH dựa vào CĐR theo hướng phát triển năng lực	Khoa Sinh học/ Phòng ĐT SĐH	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	

### 5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng

#### 1. Mô tả hiện trạng

Trong chu kì đánh giá, CTDH trình độ Thạc sĩ ngành SHTN có các phiên bản năm 2017, 2022 và 2023. CTDH năm 2022 được xây dựng theo định hướng tiếp cận CDIO [H3.03.02.01], trong đó CĐR là cơ sở để xác định cấu trúc CTDH, nội dung học phần, PPDH và phương pháp đánh giá KQHT. Mối quan hệ giữa học phần và CĐR được thể hiện thông qua ma trận phân nhiệm CĐR cấp CTĐT cho các học phần [H3.03.02.02]. Ma trận này được thiết kế theo nguyên tắc: (1) Một CĐR cấp CTĐT có thể được phân nhiệm cho nhiều học phần có nội dung và phương pháp phù hợp; (2) Mỗi học phần phải đóng góp ít nhất một CĐR cấp chương trình; (3) Các kĩ năng và phẩm chất được tích hợp theo tiến trình phát triển năng lực. Tuy nhiên, hạn chế của phiên bản năm 2022 là ma trận phân nhiệm mới chỉ thể hiện sự có mặt của mối liên kết giữa học phần và CĐR

cấp CTĐT, mà chưa chỉ rõ mức độ đóng góp cụ thể, tức là chưa xác định được tỉ trọng từng học phần đóng góp bao nhiêu phần trăm cho việc đạt được mỗi CĐR cấp CTĐT. Do đó, CTDH năm 2022 mới chỉ đảm bảo được tính định hướng tương thích với CĐR, chứ chưa thể kiểm soát mức độ đạt CĐR một cách định lượng và chính xác.

Để cải tiến các hạn chế của CTDH năm 2022, năm 2023 Nhà trường đã ban hành Quyết định số 983/QĐ-ĐHV ngày 21/04/2023 về việc cử GV chủ trì xây dựng CTĐT trình độ thạc sĩ, cùng với Bộ chuẩn BĐCL CTĐT (phiên bản 1.0) theo Quyết định số 2596/QĐ-ĐHV ngày 02/10/2023. Trên cơ sở đó, CTĐT Thạc sĩ ngành SHTN năm 2023 được thiết kế và phát triển theo định hướng tiếp cận năng lực, vận dụng các nguyên tắc thiết kế hiện đại như thiết kế ngược (*Backward Design*), mô hình tương thích kiến tạo (*Constructive Alignment*), kết hợp với mô hình tổ chức dạy học CFB (*CDIO - Flipped - Blended Learning*). Quá trình dạy học được thiết kế thành ba giai đoạn: trước khi đến lớp (*Pre-class*), trên lớp (*During class*) và sau khi đến lớp (*Post-class*), trong đó đặc biệt chú trọng thiết kế ma trận bài đánh giá theo từng CLO để đảm bảo sự liên kết chặt chẽ giữa nội dung dạy học với phương pháp đánh giá và CĐR.

Trong CTDH năm 2023, tất cả các HP trong CTDH ngành SHTN có sự tương thích về nội dung và thể hiện sự đóng góp của mỗi HP nhằm đạt được CĐR (bảng ma trận thể hiện sự tương quan CĐR của HP trong CTĐT phiên bản 2023) [H3.03.02.03]. Theo đó, CĐR của từng HP đã thể hiện được sự đóng góp phù hợp vào CĐR của CTĐT về kiến thức, kĩ năng, mức tự chủ và trách nhiệm.

**Bảng 3.1.** Ma trận phân nhiệm CĐR cấp CTĐT cho các học phần

TT	Các học phần (Mức đóng góp)	CĐR của CTĐT (Mức năng lực)																
		1.1		1.2		2.1		2.2		3.1		3.2		4.1		4.2		
		1.1.1	1.1.2	1.2.1	1.2.2	2.1.1	2.1.2	2.2.1	2.2.2	3.1.1	3.1.2	3.2.1	3.2.2	4.1.1	4.2.1	4.2.2	4.2.3	4.2.4
1	Các học phần chung																	
1.1	Triết học	2.5			2.5		2.5											
1.2	Tiếng Anh										2.5							
2	Các học phần cơ sở ngành																	
2.1	Các học phần bắt buộc		2.5		2.5		2.5											
2.2	Các học phần tự chọn 1 và 2		2.5						2.5	2.5		2.5						
2.3	Các học phần tự chọn 3 và 4	2.5	2.5							2.5	2.5							
3	Các học phần chuyên ngành																	
3.1	Các học phần bắt buộc			2.5		2.5	2.5				2.5		3.5	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5

3.2	Các học phần tự chọn 5 và 6			2.5		2.5	2.5				2.5	2.5		3.5	3.5	3.5	3.5
4	Thực tập và đồ án/luận văn tốt nghiệp																
4.1	Thực tập và đồ án tốt nghiệp				3.5		3.5				2.5		4.5	4.5	4.5	4.5	4.5
4.2	Luận văn tốt nghiệp				3.5		3.5				2.5		4.5	4.5	4.5	4.5	4.5

Trong mỗi HP đều có xác định khối kiến thức, mục tiêu, CĐR, ma trận liên kết nội dung chương mục với CĐR HP, nội dung, kế hoạch giảng dạy, PPDH, phương pháp KTĐG [H3.03.02.04]. Các HP trong CTDH xác định rõ các tổ hợp các PPDH, hình thức và phương pháp KTĐG nhằm đạt được CĐR của CTĐT được thể hiện ở ma trận liên kết giữa các HP với CĐR của CTĐT và giữa các CĐR của HP với CĐR của CTĐT. Chẳng hạn, các học chuyên ngành phần như “Miễn dịch và Ứng dụng” hay “Sinh lí Dinh dưỡng” triển khai các PPDH tích cực như nghiên cứu tình huống, dạy học theo dự án và bài tập phân tích số liệu thực tế. Với học phần “Miễn dịch và Ứng dụng”, mô hình lớp học đảo ngược và hoạt động thảo luận, tranh biện được sử dụng nhằm phát triển tư duy phản biện, năng lực thiết kế dự án theo định hướng năng lực. Các học phần chuyên ngành còn tổ chức tham quan thực tế, làm báo cáo chuyên đề, hoặc sản phẩm nghiên cứu nhằm gắn lí thuyết với ứng dụng thực tiễn.

**Bảng 3.2.** Sự tương thích giữa PPDH của các học phần với CĐR của CTĐT

Hoạt động dạy học	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo							
	1.1	1.2	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2
Thuyết trình	✓	✓						
Hỏi đáp	✓	✓						
Thảo luận	✓	✓	✓	✓	✓		✓	
Tự học	✓	✓		✓		✓		✓
Làm việc nhóm		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Thực hành		✓		✓	✓	✓	✓	✓
NC tình huống			✓	✓	✓		✓	
Dự án			✓	✓	✓	✓	✓	✓

Phương thức KTĐG được thể hiện rõ trong từng ĐCHP, đảm bảo sự linh hoạt và phù hợp với tính chất từng học phần. Tất cả các học phần đều được đánh giá theo hai loại chính: điểm đánh giá thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần. Trong đó, tỉ lệ giữa điểm đánh giá thường xuyên và điểm thi có sự điều chỉnh theo từng giai đoạn phát triển CTĐT. Cụ thể: năm 2017, tỉ lệ đó là 30% và 70%; từ năm 2022 tỉ lệ đó là 50% và

50% (trừ học phần Triết học theo qui định riêng của Bộ GD&ĐT). Đồng thời, điểm đánh giá thường xuyên được chia thành ba thành phần, chẳng hạn của phiên bản năm 2022: điểm bài tập (60%), điểm chuyên cần (20%) và điểm thảo luận (20%); điểm thi kết thúc học phần có thể là thi tự luận hoặc viết tiểu luận, tùy theo đặc thù nội dung học phần; trong ĐCHP, giảng viên ghi rõ từng loại đánh giá, hình thức thực hiện, trọng số và CDR mà bài đánh giá đó hướng tới. Đến năm 2023, điểm đánh giá thường xuyên vẫn chiếm 50% nhưng không còn áp dụng tỉ lệ cố định cho từng loại điểm thành phần. Thay vào đó, giảng viên chủ động xác định trọng số các bài đánh giá dựa trên số tín chỉ, khối lượng học tập và mức độ đóng góp của từng hoạt động đánh giá vào CDR của học phần. Các bài đánh giá có thể bao gồm: bài tập cá nhân/nhóm, tiểu luận, sản phẩm dự án, thuyết trình, nhật ký học tập, bài phản hồi tình huống... Việc thiết kế và công bố rõ trọng số, hình thức đánh giá và liên kết với CDR trong từng ĐCHP thể hiện tính minh bạch, khả thi và định hướng phát triển năng lực người học [H3.03.01.05]. Hệ thống đánh giá của CTĐT năm 2023 cho phép GV linh hoạt lựa chọn và tổ chức các phương pháp phù hợp (Bảng 3.3), đồng thời hỗ trợ việc đo lường kết quả học tập theo hướng năng lực, góp phần kiểm soát và nâng cao chất lượng đào tạo một cách thực chất và hiệu quả.

**Bảng 3.3.** Các hình thức đánh giá của học phần để đạt được CDR của CTĐT

Hình thức kiểm tra, đánh giá	Công cụ kiểm tra, đánh giá	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo							
		1:1	1:2	2:1	2:2	3:1	3:2	4:1	4:2
Tự luận	Ngân hàng câu hỏi,	✓	✓						
Trắc nghiệm	Ngân hàng câu hỏi	✓	✓						
Thực hành	Rubrics, Phiếu đánh giá		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Hồ sơ học tập	Rubrics, Phiếu đánh giá		✓		✓	✓	✓	✓	✓
Vấn đáp	Rubrics, Phiếu đánh giá		✓	✓		✓	✓	✓	✓
Tiểu luận	Rubrics, Phiếu đánh giá			✓	✓	✓	✓	✓	✓
Đồ án/Dự án	Rubrics, Phiếu đánh giá			✓	✓	✓	✓	✓	✓

Nội dung HP trong CTDH đóng góp phù hợp vào việc đạt CDR. Các kết quả khảo sát lấy ý kiến NH về các HP của ngành SHTN đạt tỉ lệ “hài lòng và rất hài lòng” cao [H3.03.02.06], ví dụ ý kiến “hài lòng và rất hài lòng” của NH về “mức độ đạt được CDR HP là phù hợp” đạt 100% vào năm 2023.

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường đã ban hành hướng dẫn chi tiết nhằm hỗ trợ GV trong việc xác định nội dung, chọn lựa tổ hợp các PPDH, phương pháp KTĐG phù hợp theo CDR được phân nhiệm. Do đó, đóng góp của mỗi HP vào việc đạt được CDR của CTĐT được thể

hiện rõ ràng và hệ thống.

### 3. Điểm tồn tại

Việc phân tích các ý kiến phản hồi để đổi mới nội dung HP nhằm đạt được CDR ở các mức năng lực cụ thể chưa hoàn toàn khoa học.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Việc phân tích các ý kiến phản hồi để đổi mới nội dung HP nhằm đạt được CDR ở các mức năng lực cụ thể chưa hoàn toàn khoa học.	Khoa Sinh học	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cập nhật các hướng dẫn của Nhà trường, đảm bảo đóng góp rõ ràng của mỗi HP vào việc đạt được CDR của CTĐT.	Khoa Sinh học/ Phòng ĐT SDH	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	

### 5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp

#### 1. Mô tả hiện trạng

CTDH của CTĐT Thạc sĩ ngành SHTN được xây dựng với cấu trúc thống nhất, hợp lí và có sự kế thừa, phát triển rõ ràng qua các phiên bản 2017, 2022 và 2023, nhằm đảm bảo sự gắn kết chặt chẽ giữa các học phần thuộc ba khối kiến thức: kiến thức chung (đại cương), kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành. Mỗi khối học phần đều đóng vai trò cụ thể trong việc xây dựng nền tảng tri thức, phát triển kĩ năng và hình thành năng lực nghiên cứu, năng lực nghề nghiệp cho HV, qua đó tạo nên một chỉnh thể liền mạch, nhất quán từ đầu vào đến đầu ra.

CTDH ngành SHTN (phiên bản 2023) [H3.03.03.01] có cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và tương đối liền mạch giữa các HP từ khối kiến thức chung đến kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành và chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp, cụ thể: Tổng số toàn bộ CTĐT có 60 tín chỉ, trong đó: Khối kiến thức chung 06 tín chỉ; Khối kiến thức cơ sở ngành 24 tín chỉ, khối kiến thức chuyên ngành 15 tín chỉ; 15 tín chỉ cho luận văn (định hướng nghiên cứu)/thực tập và đề án tốt nghiệp (định hướng ứng dụng). Các HP trong CTDH được bố trí tương đối hợp lí với 16 HP, trong đó có 09 HP bắt buộc; 06 HP tự chọn (trong tổng 17 HP) và 01 luận văn/thực tập và đề án tốt nghiệp [H3.03.03.01].

**Bảng 3.4.** Khung CTDH của CTĐT hiện hành

Các mô-đun	Số TC	Tỉ lệ (%)
Triết học	3	5
Ngoại ngữ	3	5
Cơ sở ngành	24	40
Chuyên ngành	15	25
Luận văn	15	25
Tổng	60	100

Học kì đầu tiên tập trung vào nhóm học phần kiến thức chung và cơ sở ngành như Triết học, Ngoại ngữ. Nhóm học phần này không chỉ cung cấp công cụ lí luận, tri thức nền và năng lực phương pháp, mà còn tạo ra một trục định hướng tư duy học thuật, nghiên cứu và kĩ năng ứng dụng công nghệ không gian cho toàn bộ chương trình học sau này [H3.03.03.01].

Từ học kì thứ hai trở đi, các học phần được bố trí theo hướng mở rộng chuyên sâu, trong đó các học phần chuyên ngành như: Miễn dịch học và ứng dụng, Thần kinh nội tiết, Sinh lí dinh dưỡng đóng vai trò triển khai các trục kiến thức cốt lõi của ngành SHTN hiện đại. Các học phần chuyên ngành này được thiết kế theo hướng tích hợp lí thuyết – thực hành – ứng dụng, tạo điều kiện để người học vận dụng các kiến thức đã tích lũy trong việc thực hành nghề nghiệp.

Học kì cuối cùng là học phần Luận văn hoặc Thực tập và đồ án tốt nghiệp được bố trí như một học phần tích hợp cao (capstone module), nơi người học thể hiện khả năng chuyển hóa tri thức và năng lực đã tích lũy thành hành động nghiên cứu độc lập hoặc giải pháp ứng dụng. Đây là bước vận dụng tổng hợp, minh chứng cho toàn bộ quá trình học tập và phát triển năng lực được xây dựng có định hướng ngay từ học kì đầu tiên [H3.03.03.01]

Các HP trong CTDH được sắp xếp theo trình tự khoa học, hợp lí: Các khối kiến thức cơ bản được tổ chức thực hiện đầu tiên, sau đó các kiến thức cơ sở và đến chuyên ngành và được thực hiện trong 04 học kì. Các HP trong CTDH có tích hợp giữa lí thuyết với ứng dụng và rèn luyện chuyên môn [H3.03.03.02]. CTDH thiết kế mỗi khối kiến thức đều có HP bắt buộc và tự chọn thể hiện tính mềm dẻo, linh hoạt, tăng sự lựa chọn cho NH.

**Bảng 3.5.** Khung CTDH của CTĐT hiện hành

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại học phần	Phân kì	Đơn vị phụ trách
<b>I. CÁC HỌC PHẦN CHUNG</b> (cho tất cả các ngành)						
1	PHN81001	Triết học	3	Lí thuyết	1	Khoa GDCT
2	ENG81002	Ngoại Ngữ	3	Lí thuyết	1	Khoa SPNN
<b>II. CÁC HỌC PHẦN CƠ SỞ NGÀNH</b>						
<b>1. Các HP bắt buộc</b>						
3	BIO82003	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	Lí thuyết	1	Khoa Sinh học
4	BIO82004	Sinh học phân tử của tế bào	3	Lí thuyết	1	Khoa Sinh học
5	BIO82005	Sinh học phát triển	3	Lí thuyết	1	Khoa Sinh học
6	BIO82006	Công nghệ Sinh học	3	Lí thuyết	1	Khoa Sinh học
<b>2. Các HP tự chọn</b>						
7	Tự chọn 1		3	Lí thuyết	2	Khoa Sinh học
8	Tự chọn 2		3	Lí thuyết	2	Khoa Sinh học
9	Tự chọn 3		3	Lí thuyết	2	Khoa Sinh học
10	Tự chọn 4		3	Lí thuyết	2	Khoa Sinh học
<b>II. CÁC HỌC PHẦN CHUYÊN NGÀNH</b>						
<b>1. Các HP bắt buộc</b>						
11	EXP83016	Miễn dịch và ứng dụng	3	Dự án	3	Khoa Sinh học
12	EXP83017	Thần kinh nội tiết	3	Dự án	3	Khoa Sinh học
13	EXP83018	Sinh lí dinh dưỡng	3	Dự án	3	Khoa Sinh học
<b>2. Các HP tự chọn the định hướng</b>						
14	Tự chọn 5			Dự án	3	Khoa Sinh học
15	Tự chọn 6			Dự án	3	Khoa Sinh học
<b>III. LUẬN VĂN/THỰC TẬP VÀ ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP</b>						
18	EXP83029	Luận văn (định hướng nghiên cứu)	15	Dự án	4	Khoa Sinh học
19	EXP83030	Thực tập và đồ án tốt nghiệp (Định hướng ứng dụng)	15	Đề án thực tập	4	Khoa Sinh học

CTDH được định kì rà soát, điều chỉnh cùng với thời điểm ban hành các CTĐT nhằm đảm bảo CTĐT được thực hiện [H3.03.03.03]. Các kế hoạch giảng dạy toàn khóa, kế hoạch giảng dạy từng năm học, từng học kì [H3.03.03.04] và các điều kiện phục vụ hoạt động đào tạo được sắp xếp, bố trí phù hợp với CTĐT đã ban hành và điều kiện thực tế của Nhà trường [H3.03.03.05].

CTDH cùng với CTĐT trong quá trình xây dựng và phát triển có tham khảo và đối sánh với các CTĐT của Trường ĐH Sư phạm Hà Nội [H3.03.03.06], Trường ĐH Giáo dục - ĐH Quốc gia Hà Nội [H3.03.03.07], Trường ĐH Sư phạm Hà Nội 2 [H3.03.03.08], Trường ĐH Sư phạm - ĐH Thái Nguyên [H3.03.03.09], Trường ĐH Tokyo (Nhật Bản) [H3.03.03.10] để đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp.

### 2. Điểm mạnh

CTDH được rà soát 2 lần trong chu kì đánh giá, có sự điều chỉnh, cập nhật cả về cấu trúc và nội dung so với CTDH năm 2017, bổ sung nhiều HP tự chọn để NH được thuận lợi khi lựa chọn theo định hướng nghề nghiệp. CTDH có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và tích hợp.

### 3. Điểm tồn tại

Việc đối sánh khi xây dựng CTDH chưa thực sự đủ nhiều, Khoa chủ yếu thực hiện đối sánh với các CTDH của các trường đại học trong nước.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường đối sánh CTDH với các trường ĐH thuộc top 500 châu Á nhằm thực hiện Sứ mạng “dẫn dắt sự phát triển GD&ĐT của khu vực Bắc Trung Bộ”.	Khoa Sinh học	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường rà soát CTĐT hàng năm để đảm bảo CTDH có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.	Khoa Sinh học/ Phòng ĐT SĐH	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	

### 5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7).

## Kết luận về Tiêu chuẩn 3

### - Điểm mạnh nổi bật của Tiêu chuẩn

CTDH ngành SHTN được thiết kế với các khối kiến thức, các HP phù hợp với mục tiêu và CDR của CTĐT, đảm bảo được sự cân đối giữa các HP. Mỗi HP trong CTDH

đã thể hiện được sự đóng góp trong việc đạt được CĐR. CTDH có cấu trúc hợp lý, thể hiện tính tích hợp giữa các HP, có sự liên mạch giữa các HP chung, cơ sở ngành, chuyên ngành và chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp. CTDH được rà soát, cập nhật, điều chỉnh phù hợp với yêu cầu chung và yêu cầu CĐR của CTĐT.

*- Điểm tồn tại cơ bản của Tiêu chuẩn*

Việc phân tích chi tiết, cụ thể về việc lấy ý kiến phản hồi chưa đóng góp thực sự hiệu quả vào việc đổi mới nội dung HP hướng tới đạt được CĐR và năng lực cụ thể. Trong quá trình xây dựng CTDH, Khoa, Bộ môn chỉ đối sánh với các trường đại học trong nước. Việc tích hợp các nội dung và thứ tự sắp xếp các HP trong CTDH phần nào vẫn còn mang tính khuôn mẫu.

*- Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn*

Căn cứ Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT tại Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, CTDH của CTĐT được thiết kế dựa trên CĐR; đóng góp của mỗi HP trong việc đạt được CĐR là rõ ràng; có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và tích hợp. Như vậy, CTDH của CTĐT là ĐBCL và đáp ứng yêu cầu kiểm định cả 3 tiêu chí.

#### **Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học**

##### **Mở đầu**

Phương pháp tiếp cận trong dạy học đa dạng, lấy NH làm trung tâm, sáng tạo, đáp ứng CĐR được Nhà trường lựa chọn và mô tả trong Bản mô tả CTĐT, trong các ĐCHP. Từ năm 2022, Nhà trường áp dụng tiếp cận CDIO trong đào tạo trình độ thạc sĩ, trong đó nhấn mạnh việc phát triển năng lực người học và đạt các CĐR theo bốn nhóm mục tiêu chính: (1) Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành; (2) Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; (3) Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; (4) Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành trong bối cảnh xã hội và nghề nghiệp.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

##### *1. Mô tả hiện trạng*

Nhà trường đã xác định mục tiêu giáo dục, Triết lý giáo dục và được tuyên bố tại Quyết định ban hành Sứ mạng, Tầm nhìn, Mục tiêu tổng quát, Giá trị cốt lõi và Triết lý giáo dục Trường ĐH Vinh và Nghị quyết ban hành chiến lược phát triển Trường ĐH Vinh giai đoạn 2022 - 2030, tầm nhìn 2045 (Quyết định số 3719/QĐ-ĐHV ngày 30/12/2019, Nghị quyết số 18/NQ-HĐT ngày 26/12/2022) [H4.04.01.01], trong đó, triết lý giáo dục “Hợp tác - Sáng tạo” là kim chỉ nam xuyên suốt hoạt động đào tạo của Trường ĐH Vinh.

Triết lý giáo dục của Nhà trường được phổ biến đến CB, GV, NH thông qua tổ chức phổ biến đến các tổ chức chính trị, xã hội trong Trường, GV, NV qua các hình thức

như: Hội nghị, hội thảo và các cuộc họp trao đổi chuyên môn [H4.04.01.02]. GV của Trường/Khoa sau khi được phổ biến, quán triệt Triết lí giáo dục đã thực hiện truyền tải nội dung của Triết lí giáo dục vào việc thiết kế ĐCHP, sử dụng PPDH, phương pháp KTĐG phù hợp [H4.04.01.03]. Đối với NH, Triết lí giáo dục của Trường còn được phổ biến khi đón tiếp nhập học, trong buổi học đầu tiên của mỗi HP, và các hoạt động khác của Khoa [H4.04.01.04].

Đối với đội ngũ CB và GV, Triết lí giáo dục là cơ sở tư tưởng xuyên suốt để thiết kế, thực hiện và cải tiến CTĐT theo định hướng phát triển năng lực người học. Các khóa tập huấn chuyên môn, các buổi hội thảo về đổi mới PPDH, NCKH và ĐBCL đều nhấn mạnh vai trò của Triết lí “Hợp tác – Sáng tạo” trong việc kiến tạo môi trường giáo dục mở, kết nối và linh hoạt. Đặc biệt, tiếp cận CDIO được áp dụng từ năm 2022, Triết lí giáo dục được tích hợp thành công vào chu trình dạy học Hình thành ý tưởng – Thiết kế – Triển khai – Vận hành, tạo thành nền tảng để GV lựa chọn phương pháp tổ chức học tập, KTĐG, phát triển học phần và cập nhật CDR học phần phù hợp với CDR CTĐT [H4.04.01.03].

Đối với NH, Triết lí giáo dục được phổ biến ngay từ giai đoạn nhập học tại các buổi gặp mặt đầu khóa, sở tay HV và các hoạt động sinh hoạt chuyên đề tại Khoa. Trong các hoạt động này, HV được định hướng rõ ràng về vai trò trung tâm của mình trong quá trình học tập, cũng như được truyền cảm hứng về tư duy chủ động, sáng tạo, hợp tác và đổi mới [H4.04.01.04]. Việc hiểu rõ Triết lí giáo dục giúp NH không chỉ nắm vững mục tiêu đào tạo mà còn hình thành tư duy nghề nghiệp phù hợp với xu hướng phát triển hiện đại của xã hội.

Sự thấm nhuần và hiện thực hóa Triết lí giáo dục “Hợp tác – Sáng tạo” trong mọi cấp độ hoạt động – từ hoạch định chiến lược, xây dựng CTDH, tổ chức dạy học đến phát triển văn hóa học đường – đã tạo nên tính nhất quán trong định hướng phát triển Nhà trường, đồng thời góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục và tính bền vững của hệ thống đào tạo.

Bên cạnh đó, Triết lí giáo dục còn được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường (<https://www.vinhuni.edu.vn>) [H4.04.01.05]. Nhà trường đã truyền thông về Triết lí giáo dục tại các cuộc làm việc chung toàn trường, các diễn đàn, hội thảo, hội nghị với các BLQ, đặc biệt là nhà sử dụng lao động [H4.04.01.06], từ đó hỗ trợ các BLQ có thể tiếp cận dễ dàng, hiểu và vận dụng hiệu quả.

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường chính thức ban hành Triết lí giáo dục từ lâu; có chiến lược giới thiệu, phổ biến Triết lí giáo dục đến với các BLQ trong và ngoài trường để quảng bá và triển khai thực hiện thông qua các hình thức như hội thảo, website, sinh hoạt chuyên môn... Triết lí giáo dục không chỉ được phổ biến rộng rãi trong nội bộ mà còn được lồng ghép

hiệu quả vào thiết kế chương trình, phương pháp dạy học và đánh giá.

### 3. Điểm tồn tại

Hình thức giới thiệu, phổ biến về Triết lí giáo dục của Nhà trường dù đã được phổ biến qua nhiều hình thức trong nội bộ, nhưng việc truyền thông tới đối tác ngoài trường vẫn còn hạn chế chủ yếu thông qua các sự kiện chung và thiếu các hình thức đa dạng như bản tin số, tài liệu truyền thông chuyên đề mạng xã hội hoặc các chương trình kết nối sâu với doanh nghiệp.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Đa dạng hóa hơn nữa hình thức giới thiệu, phổ biến Triết lí giáo dục của Nhà trường đến với các đơn vị và cá nhân ngoài trường đạt hiệu quả cao hơn.	- Trung tâm Dịch vụ, HTSV & QHDN - Ban truyền thông	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường triển khai chiến lược giới thiệu, phổ biến Triết lí giáo dục đến các BLQ trong và ngoài trường để quảng bá và triển khai thực hiện.	- Khoa Sinh học - Ban truyền thông	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026

### 5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR

#### 1. Mô tả hiện trạng

Hoạt động dạy và học được thực hiện theo qui định của Trường: Quyết định ban hành Qui định đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường ĐH Vinh (Quyết định số 2592/QĐ-ĐHV ngày 02/11/2021) [H4.04.02.01]; Qui định về hình thức tổ chức dạy và học Trường ĐH Vinh (Quyết định số 3091/QĐ-ĐHV ngày 31/12/2023) [H4.04.02.02]; Công văn triển khai tổ chức dạy và đánh giá theo CĐR các HP đào tạo trình độ thạc sĩ khoá 30 (Công văn số 891/ĐHV-SĐH ngày 21/7/2023) [H4.04.02.03]; Qui định triển khai ứng dụng Công nghệ thông tin (CNTT) vào hoạt động dạy học trong đào tạo trình độ thạc sĩ từ khóa 26 (số 1625/QĐ-ĐHV ngày 01/8/2018) [H4.04.02.04]; Hướng dẫn dạy học và đánh giá KQHT trực tuyến (số 267/HD-ĐHV ngày 27/3/2020) [H4.04.02.05] và kế hoạch đào tạo toàn khóa, kế hoạch năm học [H4.04.02.06]. Hoạt động dạy học/PPDH trong CTĐT ngành SHTN được Khoa/Bộ môn và GV xây dựng tương đối đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR (bản mô tả CTĐT và bộ ĐCHP phiên bản 2023) [H4.04.02.07]. Nhiều PPDH mới đã được xây dựng và vận dụng, như: Phương pháp gợi mở - vấn đáp (*hình thành kỹ năng tự học và giải quyết vấn đề*); phương pháp giải thích; phương pháp thảo luận trên lớp (*củng cố kỹ năng thuyết trình*); phương pháp giải quyết vấn đề; phương

pháp làm việc theo nhóm (*củng cố kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm*); PPDH theo dự án; lớp học đảo ngược (Flipped Classroom)... nhằm đạt được CĐR của CTĐT.

Khoa/Bộ môn và GV tổ chức các hoạt động học tập gắn với thực tiễn, khuyến khích HV chủ động tiếp thu, tìm tòi và khám phá kiến thức nhằm đạt được CĐR [H4.04.02.08]. Để phát huy hiệu quả, phối hợp các phương pháp dạy và học, GV đã áp dụng kế hoạch dạy học 03 giai đoạn (trước khi lên lớp, trong khi lên lớp và sau khi lên lớp), hướng dẫn HV nội dung và phương pháp học để chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt CĐR của HP. Ngoài việc sử dụng các PPDH mới giúp NH chủ động tiếp thu và lĩnh hội kiến thức, Nhà trường/Khoa sử dụng linh hoạt hệ thống phần mềm học tập trực tuyến [H4.04.02.09], tổ chức các diễn đàn, NCKH, thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động [H4.04.02.10] hỗ trợ HV chủ động, sáng tạo, và linh hoạt trong quá trình học tập. Cụ thể, học phần lí thuyết áp dụng linh hoạt phương pháp thảo luận nhóm, trình bày các nghiên cứu cá nhân, thuyết trình theo chủ đề... Đối với học phần thực hành là phương pháp nghiên cứu tình huống, bài tập, tiểu luận, tham quan thực tế/thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động, các GV phụ trách các chuyên đề đã xây dựng và triển khai các hình thức, PPDH đa dạng, linh hoạt và hiệu quả. Đặc biệt, trong CTĐT phiên bản 2022 (áp dụng từ khóa 30), có học phần được thực hiện theo PPDH dựa trên dự án. Mỗi học phần trong CTDH đảm nhận một số CĐR CTĐT. Trên cơ sở được phân nhiệm đó, GV xây dựng ĐCHP, trong đó xây dựng hoạt động dạy học/PPDH đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR của HP và của CTĐT. Các hoạt động này được thể hiện tổng hợp trong bản mô tả CTĐT và thể hiện chi tiết trong ĐCHP [H4.04.02.11]. Để xây dựng một tổ hợp PPDH đa dạng và hiệu quả, GV phối hợp linh hoạt nhiều phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức dạy học phù hợp với từng nội dung bài giảng, từng buổi học cũng như toàn bộ quá trình triển khai học phần, nhằm bảo đảm tối ưu việc đạt được CĐR.

Báo cáo kết quả công tác lấy ý kiến phản hồi từ NH về hoạt động giảng dạy của GV và số liệu thống kê các đợt khảo sát khác cho thấy 100% HV hài lòng với các hoạt động giảng dạy và học, phương pháp dạy và học đang được sử dụng trong CTĐT [H4.04.02.12].

### *2. Điểm mạnh*

GV được hướng dẫn về việc lựa chọn và phối hợp các PPDH theo hướng phát triển năng lực. Nhờ đó, các hoạt động dạy và học của tất cả các HP thuộc CTDH đều được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR.

### *3. Điểm tồn tại*

Công cụ đánh giá chất lượng quá trình dạy và học chủ yếu dựa vào khảo sát gián tiếp là phiếu khảo sát ý kiến NH; chưa đa dạng các công cụ như quan sát lớp học, phỏng vấn nhóm, phân tích sản phẩm học tập, do đó chưa phản ánh đầy đủ hiệu quả thực tế của các hoạt động giảng dạy.

#### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tiếp tục thực hiện quy trình và công cụ để đánh giá chất lượng quá trình dạy và học một cách đồng bộ hơn. Triển khai việc đánh giá này dựa vào các công cụ trực tiếp và gián tiếp.	- Khoa Sinh học - Phòng ĐT SĐH	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường công tác bồi dưỡng GV thiết kế hoạt động dạy học theo định hướng phát triển năng lực và hỗ trợ GV trong việc lựa chọn, phối hợp các PPDH hiệu quả nhằm bảo đảm mỗi học phần trong CTDH được thiết kế phù hợp và góp phần đạt được CĐR.	- Khoa Sinh học - Phòng ĐT SĐH	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	

#### 5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

##### 1. Mô tả hiện trạng

Các ĐCHP thể hiện rõ việc sử dụng các PPDH và học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm [H4.04.03.01], cụ thể: Phương pháp thuyết trình theo nhóm; phương pháp thảo luận trên lớp; phương pháp giải quyết vấn đề (*hình thành kỹ năng học tập suốt đời*)... HV được hướng dẫn cách học tập hiệu quả thông qua nhiều hình thức như: Tuần sinh hoạt đầu khóa, tư vấn của CVHT, tọa đàm khoa học, các HP kỹ năng, đồ án [H4.04.03.02].

Tất cả các ĐCHP đều có phần hướng dẫn HV tự học [H4.04.03.03], trong đó mô tả rõ những nội dung mà HV thực hiện, những tài liệu cần đọc để chuẩn bị cho bài học, thông qua đó rèn luyện năng lực tự học cho HV. HV được GV giao nhiệm vụ đọc tài liệu, làm bài tập nhóm hay bài tập cá nhân, thực hiện một báo cáo về một vấn đề hay nội dung cụ thể liên quan đến nội dung HP (pre-class) nhằm giúp HV rèn luyện kỹ năng tự nghiên cứu và khả năng nghiên cứu độc lập với các nguồn tài liệu được cung cấp, cũng như những kiến thức, kỹ năng được lĩnh hội trong hoạt động giảng dạy (during class). HV còn được tham gia NCKH cùng đội ngũ GV của bộ môn, qua đó được rèn luyện thêm các kỹ năng viết, phân tích, tổng hợp lý thuyết... chuẩn bị cho việc thực hiện chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp.

Các GV áp dụng các PPDH phù hợp, góp phần tạo hứng thú, giúp HV tiếp thu hiệu

quả và rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, cụ thể như: Thảo luận, thuyết trình nhóm hay thực hiện giải quyết vấn đề, làm việc theo hướng dẫn... thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng làm việc nhóm, hình thành khả năng phân tích và tổng hợp, khả năng nhận diện và giải quyết vấn đề, cũng như rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng NCKH (*qua đó hình thành kỹ năng học tập suốt đời*) [H4.04.03.04]. Ngoài ra, Khoa/Trường còn tổ chức các hội nghị/hội thảo khoa học [H4.04.03.05] để HV có điều kiện *rèn luyện, phát triển năng lực cơ bản cho học tập suốt đời*, như: Năng lực sử dụng CNTT, năng lực ngoại ngữ, năng lực giao tiếp, năng lực làm việc nhóm. Kết quả khảo sát HV đang theo học ngành SHTN năm 2024 cho thấy 100% các ý kiến đều đồng ý và hoàn toàn đồng ý về PPDH của GV [H4.04.03.06].

### 2. Điểm mạnh

Nhờ được Nhà trường hướng dẫn và tập huấn kỹ, các hoạt động dạy và học tại khoa Sinh học/ngành SHTN đã thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của HV.

### 3. Điểm tồn tại

Các hoạt động tổng kết, phân tích, đánh giá tác động của các PPDH đến việc học và tự học, tự nghiên cứu của HV nhằm hỗ trợ việc rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời của HV chưa được tổ chức thường xuyên.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường việc tổng kết, phân tích, đánh giá tác động của PPDH đến việc học và tự học, tự nghiên cứu của HV nhằm hỗ trợ việc rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời của HV thường xuyên hơn.	- Khoa Sinh học - Phòng ĐT SĐH	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường công tác tập huấn nhằm đảm bảo các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của HV.	- Khoa Sinh học - Phòng ĐT SĐH	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026

### 5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7).

## Kết luận về Tiêu chuẩn 4

### - Điểm mạnh nổi bật của Tiêu chuẩn

Triết lý giáo dục của Nhà trường được tuyên bố rõ ràng, được tất cả CB, GV, NH hiểu rõ để thực hiện và được phổ biến rộng rãi bằng các hình thức khác nhau và dễ dàng

tiếp cận. Các hoạt động dạy – học được thiết kế phù hợp với CĐR của CTĐT, đồng thời tích cực rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, giúp HV phát triển năng lực học tập suốt đời. Tất cả các ĐCHP đều có phần hướng dẫn HV tự học, trong đó mô tả rõ những nội dung mà HV cần thực hiện, những tài liệu học tập cần chuẩn bị cho bài học, thông qua đó rèn luyện năng lực tự học cho HV.

*- Điểm tồn tại cơ bản của Tiêu chuẩn*

Hình thức giới thiệu, phổ biến Triết lí giáo dục của Nhà trường đến các đơn vị và cá nhân ngoài trường chưa thực sự đa dạng và hiệu quả. Các qui trình và công cụ để đánh giá được chất lượng quá trình dạy và học chưa được triển khai thực sự đồng bộ. Việc đánh giá chủ yếu vẫn dựa vào công cụ đánh giá gián tiếp là phiếu khảo sát ý kiến NH. Các hoạt động tổng kết, phân tích, đánh giá tác động của các PPDH đến việc học và tự học, tự nghiên cứu của HV nhằm hỗ trợ việc rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời của HV chưa được tổ chức thường xuyên.

*- Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn*

Căn cứ Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT tại Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, Triết lí giáo dục của Nhà trường được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các BLQ; các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR; các hoạt động dạy và học tại khoa Sinh học đã thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của HV. Như vậy, các hoạt động dạy và học của CTĐT là ĐBCL và đáp ứng yêu cầu kiểm định cả 3 tiêu chí.

### **Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học**

#### **Mở đầu**

Với nhận thức kiểm tra, đánh giá KTĐG là thước đo kiểm chứng sự lựa chọn đúng đắn của nội dung và PPDH theo mục tiêu HP, là cơ sở để định hướng, điều chỉnh nội dung, phương pháp, kế hoạch giảng dạy tiếp theo cho phù hợp và hiệu quả hơn, việc đánh giá KQHT của HV ngành SHTN đã được thiết kế và cải tiến phù hợp với mức độ đạt được CĐR đối với các HP cơ bản, cơ sở ngành, HP chuyên ngành. Các qui định về đánh giá KQHT được giới thiệu đến HV sau khi nhập học và vào buổi học đầu tiên của mỗi HP. Quá trình đánh giá được thực hiện kết hợp đa dạng các phương pháp đánh giá có độ tin cậy, có giá trị sử dụng cao. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để HV có cơ sở cải thiện việc học.

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Nhà trường đã ban hành hệ thống các văn bản quản lí đào tạo liên quan đến đánh giá kết quả của NH thể hiện trong qui định công tác học vụ, các qui trình công tác, bao

gồm: Qui định đào tạo trình độ thạc sĩ (số 863/QĐ-ĐHV ngày 20/7/2016) [H5.05.01.01], Qui trình quản lý quá trình đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường ĐH Vinh (số 568/QĐ-ĐHV ngày 30/3/2018) [H5.05.01.02], Quyết định về việc bổ sung sửa đổi qui định đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường ĐH Vinh (số 2468/QĐ-ĐHV ngày 16/10/2018) [H5.05.01.03], Hướng dẫn công tác khảo thí trong đào tạo thạc sĩ áp dụng từ khóa 26 (số 08/HD-ĐHV ngày 16/10/2018) [H5.05.01.04], Quyết định ban hành Qui định về đánh giá và quản lý KQHT trong đào tạo trình độ đại học chính qui và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường ĐH Vinh (số 3662/QĐ-ĐHV ngày 29/12/2023) [H5.05.01.05]. Các văn bản này được phổ biến cho HV ngay từ đầu khóa học [H5.05.01.06] và công khai trên cổng thông tin điện tử [H5.05.01.07] của Trường.

Bản mô tả CTĐT [H5.05.01.08] không chỉ trình bày rõ phương pháp KTĐG mà còn hướng dẫn xây dựng bộ tiêu chí đánh giá (rubric) cho từng học phần. Các câu hỏi KTĐG KQHT của NH được thiết kế bao quát nội dung dạy học theo CTDH và theo mục tiêu HP; phù hợp với từng giai đoạn của quá trình đào tạo hỗ trợ đánh giá mức độ đạt được CĐR của CTĐT. Theo qui định mới nhất của Nhà trường về đánh giá HP, điểm tổng kết HP gồm điểm 02 thành phần: Điểm quá trình chiếm 50%, điểm thi kết thúc HP chiếm 50% tổng điểm. Đánh giá luận văn/đồ án tốt nghiệp được thực hiện theo CĐR với các tiêu chí cụ thể [H5.05.01.09].

Chẳng hạn, hoạt động kiểm tra, đánh giá trong khóa học của CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành SHTN dựa trên các văn bản qui định về công tác tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và qui định ra câu hỏi thi của Nhà trường. Việc kiểm tra đánh giá học phần trong CTĐT được thực hiện liên tục trong suốt khóa học. Hướng dẫn công tác khảo thí trong đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành năm 2018 (áp dụng từ khoá 26) của Trường nêu rõ các qui định về đánh giá kết quả học tập của học phần gồm: Điểm học phần bao gồm điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần với trọng số tương ứng là 50% và 50% (trừ học phần Triết học theo qui định riêng của Bộ GD&ĐT). Trong đó, điểm đánh giá quá trình bao gồm (bài tập: 60%, sự chuyên cần: 20%, thảo luận: 20%). (Điểm Bài tập = (Điểm Bài tập 1 + Điểm Bài tập 2 + ... + Điểm Bài tập n)/n; Điểm chuyên cần = (Tỷ lệ % truy cập nội dung bài giảng E-Learning được xem)/10). Điểm thảo luận do GV đánh giá chất lượng thảo luận của HV khi tham gia các chủ đề thảo luận trên hệ thống LMS. Nhà trường qui định mỗi học phần có tối thiểu một chủ đề thảo luận, mỗi HV phải có ít nhất 1 bình luận. Điểm thảo luận sẽ được tính bằng điểm cao nhất của người học đạt được trong số các bài tập thảo luận [H5.05.01.04].

Trong chu kỳ đánh giá, CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành SHTN có các phiên bản 2017, phiên bản 2022 và phiên bản 2023. Giai đoạn 2017 - 2021, việc đánh giá người học trong CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành SHTN được qui định tại Điều 25, Chương IV của Quyết định số 863/QĐ-ĐHV ngày 20/07/2016 Ban hành về Qui định đào tạo trình độ

thạc sĩ của Trường Đại học Vinh [H5.05.01.01]; Hướng dẫn số 08/HD-ĐHV ngày 16/10/2018 về Công tác khảo thí trong đào tạo trình độ thạc sĩ áp dụng từ khóa 26 [H5.05.01.04]; Mục XIII trong Quyết định số 2468/QĐ-ĐVH ngày 16/10/2018 về việc bổ sung, sửa đổi Qui định đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường ĐH Vinh [H5.05.01.03]. Tuy nhiên, CTĐT trong giai đoạn này không có CĐR các học phần nên đánh giá kết quả học tập của người học mới chỉ dựa trên thông tin điểm số [H5.05.01.04].

Đến năm 2022, CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành SHTN thực hiện đánh giá người học theo qui định tại Hướng dẫn số 08/HD-ĐHV ngày 16/10/2018 về Công tác khảo thí trong đào tạo trình độ thạc sĩ áp dụng từ khóa 26 [H5.05.01.04] và tại Điều 22, Chương III của Quyết định số 2592/QĐ-ĐHV ngày 02/11/2021 về Ban hành Qui định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Vinh [H5.05.01.05]. CTĐT năm 2022 không có qui định rõ ràng về việc tổng hợp CĐR cấp CTĐT từ các CĐR học phần và do đó việc đánh giá kết quả học tập của người học chủ yếu để xác định điểm học phần và điểm trung bình chung học tập sau khi người học hoàn thành CTĐT [H5.05.01.04].

Năm 2023, việc đánh giá người học được thực hiện theo Quyết định số 3662/QĐ-ĐHV ngày 29/12/2023 về Ban hành Qui định đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo trình độ đại học hệ chính qui và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường ĐH Vinh [H5.05.01.06]. Các hình thức đánh giá kết quả học tập của người học trong các học phần phù hợp với mức độ đạt được CĐR của CTĐT trình độ Thạc sĩ ngành SHTN [H5.05.01.08] và được thể hiện như mô tả trong Bảng 5.1.1 sau đây.

**Bảng 5.1.** Các hình thức đánh giá kết quả học tập trong CTĐT năm 2023

Các hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR của CTĐT							
		1.1	1.2	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2
1. Ý thức và thái độ học tập	Rubrics				×		×		
2. Kiểm tra bài tập	Đáp án	×		×					
3. Hoạt động nhóm	Rubrics					×			
4. Thi tự luận	Đáp án	×	×						
5. Viết báo cáo	Rubrics	×			×		×		
6. Thuyết trình báo cáo	Rubrics						×		
7. Đồ án	Rubrics		×	×	×			×	×

Để đảm bảo các phương pháp KTĐG phù hợp với CĐR CTĐT, Nhà trường đã thực hiện điều chỉnh các phương pháp KTĐG [H5.05.01.05] để đảm bảo đánh giá hướng đến sự phù hợp đạt CĐR của mỗi HP, của CTĐT. Trong giai đoạn đánh giá, với các lần chỉnh sửa, cập nhật CĐR, CTĐT, các phương pháp KTĐG đã được cập nhật, bổ sung để đáp ứng CĐR từng HP và CĐR của CTĐT.

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường có hướng dẫn cụ thể thiết kế phương pháp KTĐG tương ứng với từng chủ đề CĐR. Nhờ đó, việc đánh giá KQHT của HV SHTN được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR.

## 3. Điểm tồn tại

Công tác rà soát, phân tích và thống kê, đánh giá độ khó đề thi để có hướng cải tiến phù hợp chưa được tiến hành thường xuyên.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường công tác rà soát, phân tích và thống kê, đánh giá độ khó đề thi để có hướng cải tiến phù hợp.	Trung tâm ĐBCL; Khoa Sinh học	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên cập nhật hướng dẫn của Nhà trường về KTĐG để đảm bảo việc đánh giá KQHT của HV được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR	Phòng ĐTSĐH Khoa Sinh học	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	

## 5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 5.2. Các qui định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học

### 1. Mô tả hiện trạng

Các qui định về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan trong các kì thi được xác định rõ ràng. Nhà trường đã ban hành hệ thống các văn bản quản lý đào tạo đánh giá kết quả của NH như: Qui định đào tạo trình độ thạc sĩ (số 863/QĐ-ĐHV ngày 20/7/2016) [H5.05.02.01], Qui trình quản lý quá trình đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường ĐH Vinh (số 568/QĐ-ĐHV ngày 30/3/2018) [H5.05.02.02], Quyết định về việc bổ sung, sửa đổi qui định đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường ĐH Vinh (số 2468/QĐ-ĐHV ngày 16/10/2018) [H5.05.02.03], Hướng dẫn công tác khảo thí trong đào tạo thạc sĩ áp dụng từ khóa 26 (số 08/HD-ĐHV ngày 16/10/2018) [H5.05.02.04], Quyết định ban hành Qui định về đánh giá và quản lý KQHT trong đào tạo trình độ đại học chính qui và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường ĐH Vinh (số 3662/QĐ-ĐHV ngày 29/12/2023) [H5.05.02.05].

Theo qui định của Nhà trường, điểm tổng kết HP gồm điểm 02 thành phần: Điểm

quá trình chiếm 50% (điểm chuyên cần, điểm bài tập, điểm thảo luận) và điểm thi kết thúc HP chiếm 50% tổng điểm. Luận văn/đồ án tốt nghiệp có tiêu chí đánh giá cụ thể bao gồm: Nội dung, hình thức bảo vệ và thành tích NCKH. Thời gian công bố điểm cho HV được qui định cụ thể, điểm quá trình học tập và điều kiện thi kết thúc HP của HV được công bố công khai trước khi kết thúc giảng dạy HP và cập nhật điểm quá trình lên hệ thống. Đối với thi kết thúc HP, kết quả điểm được thông báo cho HV trong thời hạn 30 ngày. Sau khi biết điểm thi kết thúc HP, NH có quyền làm đơn phúc khảo chậm nhất 10 ngày kể từ khi điểm thi công bố trên hệ thống. Các qui định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan trong các kì thi được công khai tới HV trên cổng thông tin điện tử [H5.05.02.06] của Nhà trường, qua phần mềm quản lý đào tạo, trang cá nhân của HV [H5.05.02.07]. Ngoài ra, các qui định về KTĐG KQHT đều được phổ biến đến NH thông qua buổi gặp mặt đầu khoá [H5.05.02.08].

Các tài liệu/hướng dẫn qui định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan trong các kì thi được công bố công khai tới HV trước mỗi khóa học/kì học/HP thông qua sổ tay SV [H5.05.02.09] và buổi gặp mặt NH đầu khoá [H5.05.02.08]. Các thông tin về lịch thi, điểm thi, điểm quá trình đều được Nhà trường thông báo tới NH trong thời gian qui định thông qua các trang cá nhân của NH.

### 2. Điểm mạnh

Các qui định về thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến việc đánh giá KQHT của HV được xác định rõ ràng và được thông tin công khai tới HV đầu khóa học, buổi học đầu tiên mỗi HP.

### 3. Điểm tồn tại

Nhà trường qui định công bố tất cả điểm quá trình vào buổi học kết thúc HP nhưng chưa qui định thời hạn cụ thể GV phải thông báo điểm đánh giá quá trình đến HV.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Rà soát và bổ sung qui định về thời hạn thông báo điểm đánh giá quá trình đến HV và qui định rõ thời hạn thông báo kết quả mỗi bài KTĐG.	Trung tâm ĐBCL	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát các qui định về KTĐG và thông tin đến từng HV trước khi khóa học bắt đầu.	Phòng ĐTSĐH Khoa Sinh học	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	

### 5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

#### 1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐH Vinh đã ban hành hệ thống văn bản hướng dẫn chi tiết như: Qui định đào tạo trình độ thạc sĩ (số 863/QĐ-ĐHV ngày 20/07/2016) [H5.05.03.01], Quyết định sửa đổi bổ sung (số 2468/QĐ-ĐHV ngày 16/10/2018) [H5.05.03.02], Hướng dẫn công tác khảo thí (số 08/HD-ĐHV ngày 16/10/2018) [H5.05.03.03], Qui định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ (số 2592/QĐ-ĐHV ngày 02/11/2021) [H5.05.03.04], Qui định về đánh giá và quản lí KQHT trong đào tạo trình độ ĐH và SĐH (số 3662/QĐ-ĐHV ngày 29/12/2023) [H5.05.03.05], cùng với Bộ chuẩn đảm bảo chất lượng CTĐT phiên bản 1.0 (số 2596/QĐ-ĐHV ngày 01/10/2023) [H5.05.03.06].

Trên cơ sở đó, GV thực hiện CTĐT đã chủ động lựa chọn và triển khai các phương pháp đánh giá khác nhau phù hợp với từng học phần, bảo đảm nguyên tắc khách quan, chính xác và phù hợp với mục tiêu đào tạo. Các phương pháp được sử dụng bao gồm: thi tự luận, trắc nghiệm (*áp dụng cho đánh giá trong tiến trình dạy học để củng cố kiến thức*), viết tiểu luận, vấn đáp, thuyết trình, sản phẩm học tập, báo cáo thực địa, bài tập nhóm, hồ sơ học tập, dự án và đề án học phần (*củng cố các kỹ năng tư duy như vận dụng, phân tích/đánh giá và hoàn thiện các kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, giải quyết vấn đề...*), kết hợp với các công cụ đánh giá như rubrics, thang điểm, bảng kiểm (checklist), ma trận câu hỏi theo Bloom [H5.05.03.07]. Đối với các học phần có tính ứng dụng cao hoặc liên quan đến thực địa và nghiên cứu độc lập, giảng viên sử dụng các phương pháp đánh giá dựa trên quan sát quá trình, nhật kí học tập và đánh giá theo năng lực tích hợp, phản ánh đúng chất lượng đầu ra dự kiến.

Như vậy, GV của CTĐT đã sử dụng các hình thức KTĐG khác nhau để đánh giá KQHT của NH như đánh giá quá trình (đánh giá chuyên cần và đánh giá kết hợp một số hình thức bài tập, thuyết trình...); đánh giá cuối kì theo một hoặc kết hợp một số hình thức kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, báo cáo đề án, tiểu luận. Bên cạnh đó, nhằm thúc đẩy học tập tích cực, các hoạt động KTĐG được tích hợp với PPGD qua các phương thức học tập như học tập theo tình huống, mô phỏng, thực hành, thực tập thực tế.

Để đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và tính công bằng của các phương pháp KTĐG, qui trình soạn thảo và ban hành đề thi được thực hiện bảo mật khách quan theo qui định về xây dựng, quản lí và sử dụng ngân hàng đề thi kết thúc HP tại Trường ĐH Vinh (số 3662/QĐ-ĐHV ngày 29/12/2023) [H5.05.03.05], trong đó đề thi được thiết kế nhằm đo lường mức độ đạt được CĐR. Quá trình tổ chức thi có hai GV coi thi và GV chấm thi theo thang điểm, đáp án cụ thể do bộ môn thông qua để đảm bảo độ tin cậy trong công tác tổ chức thi. Phòng Thanh tra - Pháp chế, Trung tâm ĐBCL, và Phòng Đào tạo SĐH rà soát, thanh kiểm tra suốt quá trình, đặc biệt là quá trình chấm thi và vào điểm của HV

[H5.05.03.08]. Các qui định, tài liệu hướng dẫn qui định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan trong các kì thi được công bố công khai tới HV trước mỗi khóa học/kì học/HP thông qua Sổ tay HV [H5.05.03.09], công thông tin điện tử của Trường [H5.05.03.10]. Các thông tin về lịch thi, điểm thi, điểm quá trình đều được Nhà trường thông báo tới NH trong thời gian qui định thông qua trang cá nhân của HV trên phần mềm quản lí đào tạo [H5.05.03.11].

### 2. Điểm mạnh

Trường và Khoa đã có hướng dẫn chi tiết và triển khai các phương pháp đánh giá KQHT đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

### 3. Điểm tồn tại

Việc phân tích kết quả KTĐG của HV ở một số HP để đánh giá mức độ phù hợp và độ tin cậy của phương pháp KTĐG và của đề thi đã sử dụng chưa được tiến hành thường xuyên.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Thúc đẩy việc phân tích kết quả KTĐG của HV ở tất cả các HP để đánh giá mức độ phù hợp và độ tin cậy của phương pháp KTĐG và của đề thi.	Trung tâm ĐBCL; Khoa Sinh học	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên cập nhật hướng dẫn về phương pháp đánh giá KQHT của Nhà trường để đảm bảo tính đa dạng, độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng trong KTĐG.	Trung tâm ĐBCL; Khoa Sinh học; Phòng ĐTSDH	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	

### 5. Tự đánh giá: Đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

#### 1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có qui định về việc phản hồi đánh giá KQHT của NH: Qui định về công tác tổ chức thi, KTĐG và quản lí KQHT trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ (số 991/QĐ-ĐHV ngày 25/3/2014) [H5.05.04.01], Qui định đào tạo trình độ thạc sĩ (số 863/QĐ-ĐHV ngày 20/7/2016) [H5.05.04.02], Qui trình quản lí quá trình đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường ĐH Vinh (số 568/QĐ-ĐHV ngày 30/3/2018) [H5.05.04.03], Quyết định về việc bổ sung sửa đổi qui định đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường ĐH Vinh (số 2468/QĐ-ĐHV ngày 16/10/2018) [H5.05.04.04], Hướng dẫn công tác khảo thí trong

đào tạo thạc sĩ áp dụng từ khóa 26 (số 08/HD-ĐHV ngày 16/10/2018) [H5.05.04.05], Quyết định về việc ban hành qui trình phúc khảo điểm đánh giá cuối kì (số 1336/QĐ-ĐHV ngày 31/5/2023) [H5.05.04.06], và Quyết định ban hành Qui định về đánh giá và quản lí KQHT trong đào tạo trình độ đại học chính qui và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường ĐH Vinh (số 3662/QĐ-ĐHV ngày 29/12/2023) [H5.05.04.07].

Các qui định, qui trình và cách thức thực hiện đều được thông tin ngay từ khi HV bắt đầu nhập học thông qua buổi gặp mặt đầu tiên, Sổ tay SV [H5.05.04.08] và được công khai rõ ràng trên cổng thông tin điện tử của Trường [H5.05.04.09] để đảm bảo GV, HV dễ dàng tiếp cận và thực hiện kịp thời.

KQHT của HV được Trường thông báo kịp thời và rõ ràng trên phần mềm quản lí đào tạo của Trường qua tài khoản của từng HV [H5.05.04.10]. GV có trách nhiệm công bố điểm đánh giá quá trình của HV tại buổi cuối lên lớp của HP (*qua đó HV rút ra giải pháp cải tiến việc học tập*) và nhập điểm trên hệ thống quản lí đào tạo của Nhà trường; các khoa, bộ môn có trách nhiệm nhập điểm thi kết thúc HP vào hệ thống quản lí KQHT và công bố điểm thi kết thúc HP muộn nhất là 30 ngày sau khi thi; đối với hình thức thi vấn đáp, GV phải công khai kết quả thi cho HV ngay sau khi kết thúc buổi thi; đối với hình thức thi viết tiểu luận, GV phải hoàn thành việc chấm thi và nhập điểm chậm nhất 15 ngày kể từ hạn nộp bài tiểu luận. Sau khi biết điểm thi kết thúc HP, NH có quyền nộp đơn phúc khảo trong vòng 10 ngày kể từ khi điểm thi công bố trên hệ thống.

Kết quả khảo sát ý kiến HV về hoạt động giảng dạy của GV [H5.05.04.11] thể hiện tỉ lệ cao các ý kiến hài lòng và rất hài lòng với câu hỏi “GV giải đáp kịp thời và thỏa đáng các yêu cầu, vướng mắc của NH trong và ngoài giờ lên lớp” đối với các HP do Khoa đảm trách, ví dụ tỉ lệ này đạt 100% trong năm 2023. Việc phản hồi trực tiếp về KQHT quá trình, sử dụng đáp án đề thi cuối kì được GV công bố sau buổi thi và KQHT được công bố kịp thời trên hệ thống quản lí học tập [H5.05.04.10] đã hỗ trợ HV thực hiện các điều chỉnh nhằm cải thiện hoạt động học tập.

### 2. Điểm mạnh

Do thực hiện nghiêm túc qui định của Nhà trường về KTĐG KQHT, kết quả đánh giá việc học tập của HV được phản hồi kịp thời để HV cải thiện phương pháp học tập.

### 3. Điểm tồn tại

Việc công bố đáp án đã có qui định nhưng một vài GV chưa thực hiện triệt để.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường công tác giám sát việc công bố đáp án kịp thời cho từng bài KTĐG đối với toàn bộ các HP.	Trung tâm ĐBCL; Khoa Sinh học	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	

2	Phát huy điểm mạnh	Nghiêm túc thực hiện qui định của Nhà trường về KTĐG KQHT nhằm đảm bảo kết quả đánh giá KQHT của HV được phản hồi kịp thời để giúp HV có cơ sở cải tiến phương pháp học tập phù hợp hơn.	Khoa Sinh học; Phòng ĐTSDH	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	
---	--------------------	--	----------------------------	---------------------------------------	--

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với qui trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐH Vinh đã ban hành đầy đủ các qui định, qui trình về khiếu nại, phản hồi và phúc khảo KQHT nhằm bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho NH và nâng cao chất lượng hoạt động KTĐG trong toàn bộ quá trình đào tạo. Hệ thống văn bản cốt lõi bao gồm: Qui trình quản lý đào tạo trình độ thạc sĩ [H5.05.05.01], [H5.05.05.02]; Qui định đánh giá và quản lý KQHT trong đào tạo trình độ ĐH và SĐH theo Quyết định số 3662/QĐ-ĐHV ngày 29/12/2023, trong đó qui định chi tiết quyền khiếu nại và phúc khảo điểm học phần (Điều 30, chương V) [H5.05.05.03]; và qui trình phúc khảo điểm thi kết thúc học phần ban hành theo Quyết định số 1336/QĐ-ĐHV ngày 31/5/2023 [H5.05.05.04].

Trước mỗi khóa học, kì học hoặc học phần, Nhà trường và Khoa Sinh học đều phổ biến đầy đủ các nội dung liên quan đến khiếu nại kết quả học tập đến người học thông qua nhiều hình thức đảm bảo hiệu quả truyền đạt và mức độ tiếp cận cao. Các hình thức phổ biến bao gồm: cập nhật văn bản trên website Phòng ĐT SĐH, website khoa Sinh học; phát hành và phổ biến sổ tay HV có nội dung hướng dẫn khiếu nại/phúc khảo; thông báo qua hệ thống quản lý học tập trực tuyến LMS; phổ biến trực tiếp trong các buổi sinh hoạt đầu khóa do Phòng ĐT SĐH tổ chức và buổi học đầu tiên của từng học phần do GV phụ trách thực hiện. Ngoài ra, trước mỗi học kì, GV chủ trì ngành, trợ lý đào tạo và Lãnh đạo khoa tổ chức các buổi họp lớp để phổ biến và hướng dẫn lại qui trình phản hồi điểm quá trình, điểm thi học phần cho toàn bộ người học [H5.05.05.05].

Qui trình khiếu nại và phúc khảo điểm được thiết kế chặt chẽ, rõ ràng, đảm bảo sự minh bạch và khách quan trong xử lí. Người học có quyền nộp đơn đề nghị phúc khảo điểm thi trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày công bố kết quả. Đề nghị của HV được tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa, xử lí qua qui trình liên thông giữa Trung tâm ĐBCL, Phòng TTr-PC, đơn vị đào tạo và các GV phụ trách học phần. Thời gian xử lí phúc khảo tối đa là 14 ngày làm việc. Kết quả được thông báo kịp thời đến người học qua Bộ phận Một cửa và cập nhật trên hệ thống phần mềm quản lý học tập [H5.05.05.06].

Trường hợp bài thi có sai sót hoặc thay đổi kết quả sau phúc khảo, người học được điều chỉnh kết quả và hoàn trả lệ phí. Trung tâm ĐBCL thống kê, lưu trữ hồ sơ và báo cáo kết quả phúc khảo, đồng thời rà soát các trường hợp GV có sai sót để đề xuất biện pháp xử lí nhằm phòng ngừa vi phạm và nâng cao chất lượng chấm thi trong các học kì

tiếp theo. Quy trình này không chỉ đảm bảo quyền lợi chính đáng cho người học, mà còn thể hiện tính chuyên nghiệp và công khai trong hoạt động khảo thí của Trường ĐH Vinh.

Ngoài kênh chính thức là quy trình phúc khảo, Khoa Sinh học và Phòng ĐT SĐH cũng thiết lập các kênh tiếp nhận khiếu nại và phản hồi linh hoạt, trực tiếp qua điện thoại, email, Zalo, gặp mặt trực tiếp hoặc tại các phiên họp định kì giữa Lãnh đạo Khoa và Ban Cán sự lớp. Tất cả các kênh này đều được công bố rộng rãi và hoạt động thường xuyên để kịp thời hỗ trợ HV [H5.05.05.06].

Thông qua hệ thống qui định bài bản, phổ biến rộng rãi, thực hiện nghiêm túc và qui trình xử lí rõ ràng, Nhà trường và Khoa Sinh học đã bảo đảm quyền được phản hồi và khiếu nại của người học một cách đầy đủ, khoa học và minh bạch, góp phần khẳng định chất lượng và sự chuyên nghiệp trong quản lí đào tạo ở bậc SĐH.

Hàng năm, việc giải quyết khiếu nại liên quan đến kết quả học tập trong CTĐT Thạc sĩ ngành SHTN được triển khai kịp thời, rõ ràng và tạo được sự tin tưởng từ NH. Nhờ sự chủ động của GV trong việc giải đáp, phản hồi trực tiếp ngay tại lớp hoặc trên hệ thống LMS, hầu hết các đề xuất, ý kiến đã được xử lí ngay từ bước đầu, không phát sinh khiếu nại chính thức phải chuyển đến mức phúc khảo. Trong chu kì 2020-2024, ngành SHTN không có trường hợp nào gửi đơn xin phúc khảo, các phản hồi đã được xử lí thỏa đáng ở cấp học phần [H5.05.05.07].

Đối với bảo vệ luận văn tốt nghiệp, người học được thông báo điểm ngay sau buổi bảo vệ và có thể nêu ý kiến tại chỗ để được Hội đồng chấm luận văn giải đáp trực tiếp. Trong trường hợp cần thiết, người học có thể gửi kiến nghị thông qua Cố vấn học tập hoặc Bộ phận Một cửa. Các kiến nghị được các đơn vị chức năng tiếp nhận và xử lí kịp thời theo qui trình và qui định đã được công bố công khai [H5.05.05.02].

Sự linh hoạt và đồng bộ trong các kênh phản hồi và giải quyết khiếu nại đã góp phần nâng cao sự hài lòng của HV, đồng thời thể hiện tính trách nhiệm và chất lượng trong công tác quản lí đào tạo [H5.05.05.04]. Kết quả lấy ý kiến phản hồi từ GV, HV cũng như kết quả của báo cáo tổng kết công tác hàng năm của Nhà trường cho thấy thủ tục khiếu nại và giải quyết khiếu nại kết quả học tập của người học đơn giản, thuận tiện và 100% HV đã được tiếp cận với các qui định, qui trình về khiếu nại kết quả học tập thông qua các thông báo và đội ngũ CB Phòng ĐT SĐH; trợ lí đào tạo; GV chủ trì ngành vào mọi thời điểm trong năm học.

Căn cứ vào báo cáo thống kê, trong giai đoạn 2020-2024 [H5.05.05.07], chưa có khiếu nại của NH liên quan đến kết quả thi kết thúc HP của ngành SHTN.

## *2. Điểm mạnh*

Nhà trường có qui định và qui trình phúc khảo kết quả KTĐG KQHT rõ ràng, công bố công khai và được phổ biến đến từng HV. Nhờ đó, HV tiếp cận dễ dàng với qui trình khiếu nại về KQHT.

## *3. Điểm tồn tại*

Không.

#### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Không.			
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì thực hiện nghiêm túc qui định và qui trình phúc khảo kết quả KTĐG KQHT của Nhà trường để đảm bảo rằng, HV tiếp cận dễ dàng với qui trình khiếu nại về KQHT.	Trung tâm ĐBCL; Khoa Sinh học	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	

#### 5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7).

##### **Kết luận về Tiêu chuẩn 5**

###### *- Điểm mạnh nổi bật của Tiêu chuẩn*

Việc đánh giá KQHT của HV được Nhà trường/Khoa thiết kế phù hợp để đạt được CĐR của CTĐT. Các qui định về đánh giá KQHT của NH được Nhà trường xác định rõ ràng về hình thức, phương pháp đánh giá, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá KQHT của NH và phổ biến đến HV bằng nhiều hình thức, bao gồm các qui định về khiếu nại KQHT. Trong giai đoạn đánh giá không có HV ngành SHTN nào khiếu nại về KQHT.

###### *- Điểm tồn tại cơ bản của Tiêu chuẩn*

Công tác rà soát, phân tích, thống kê, đánh giá độ khó, mức độ phù hợp và độ tin cậy của đề thi để có hướng cải tiến phù hợp chưa được tiến hành thường xuyên. Nhà trường qui định công bố tất cả điểm quá trình vào buổi học kết thúc HP nhưng chưa qui định thời hạn cụ thể GV phải thông báo điểm đánh giá quá trình đến HV. Việc công bố đáp án đã có qui định nhưng một vài GV chưa thực hiện thật sự đầy đủ.

###### *- Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn*

Nhà trường qui định rõ ràng về thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan công tác KTĐG và thông báo công khai tới NH. Phương pháp đánh giá KQHT đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. Công tác KTĐG KQHT của HV ngành SHTN được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để HV cải thiện việc học tập. HV có thể tiếp cận dễ dàng với qui trình khiếu nại về KQHT. Như vậy, Căn cứ Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT tại Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, hoạt động KTĐG KQHT của HV CTĐT là ĐBCL và đáp ứng yêu cầu kiểm định cả 5 tiêu chí.

## **Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên**

### **Mở đầu**

Để đáp ứng yêu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ, Nhà trường và khoa Sinh học luôn chú trọng công tác qui hoạch và có giải pháp thu hút, tuyển dụng đội ngũ GV có trình độ chuyên môn cao, có tinh thần cống hiến khoa học. Việc tuyển dụng đề bạt CB được thực hiện công khai, có tiêu chí rõ ràng, đúng qui định và dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích khoa học. Đội ngũ GV tham gia giảng dạy CTĐT được tạo điều kiện học tập, bồi dưỡng nhằm phát triển chuyên môn và kỹ năng.

Tiêu chí 6.1. Việc qui hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Chiến lược phát triển nguồn nhân lực trong Chiến lược phát triển Trường ĐH Vinh theo các giai đoạn 2011-2020 [H6.06.01.01]; giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2030 [H6.06.01.02]; giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn 2045 (Quyết định số 1828/QĐ-ĐHV này 25/7/2011, Quyết định số 1288/QĐ-ĐHV ngày 28/12/2018, Nghị quyết số 18/NQ-HĐT này 26/12/2022) [H6.06.01.03], đã đặt ra các mục tiêu và giải pháp để có đội ngũ GV đủ về số lượng, đạt chuẩn chất lượng và đồng bộ về cơ cấu. Kết quả dự kiến đến năm 2030, tỉ lệ GV có trình độ tiến sĩ đạt từ 65% trở lên, GS và PGS đạt 16% trở lên, tối thiểu 70% sử dụng thành thạo ngoại ngữ phục vụ chuyên môn, mức độ chuyển đổi số đạt 70/100 điểm. Tại Nghị quyết số 10/NQ-ĐU ngày 07/11/2022 của Ban chấp hành Đảng bộ Trường về phát triển đội ngũ CB, VC Trường ĐH Vinh giai đoạn 2022-2030 cũng đã đặt ra chỉ tiêu: đến năm 2025 tỉ lệ GV đạt TS là 58%, GS, PGS đạt 13% [H6.06.01.04]. Trường Sư phạm trong đó có Khoa Sinh học đã ban hành kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2030 [H6.06.01.05], trong đó cũng có các giải pháp để phát triển đội ngũ GV đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Trường ĐH Vinh đã phê duyệt chức danh lãnh đạo, quản lý các tổ chức Đảng, đơn vị, đoàn thể thuộc Trường (Quyết định số 151/QĐ-ĐU ngày 14/12/2018) [H6.06.01.06]; Danh mục vị trí việc làm, tiêu chuẩn và điều kiện làm việc của từng vị trí của Trường ĐH Vinh (Nghị quyết số 16/NQ-HĐT ngày 20/12/2022) [H6.06.01.07]. Nhà trường đã thực hiện kế hoạch tuyển dụng, sử dụng, bổ nhiệm viên chức theo các văn bản [H6.06.01.08] như: Đề án vị trí việc làm, Qui định về tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức của Trường ĐH Vinh, Nghị quyết về công tác TCCB, Qui định về luân chuyển CB Trường ĐH Vinh, qui định bổ nhiệm, miễn nhiệm GS, PGS, GCCC, GVC (Quyết định số 1217/Q Đ-ĐHV ngày 14/12/2018, Nghị quyết số 07/NQ-HĐT ngày 27/3/2023, Nghị quyết số 04/NQ-ĐHV ngày 02/7/2020, Quyết định số 06/QĐ-ĐU ngày

27/02/2023, Quyết định số 3452/QĐ-ĐHV ngày 13/12/2019).

Nhờ thực hiện tốt kế hoạch/quy hoạch việc phát triển đội ngũ GV nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ mà tính đến 31/5/2025, Khoa Sinh học là đơn vị thực hiện CTĐT ngành SHTN trình độ thạc sĩ có 23 GV, gồm: 07 phó giáo sư (30,4%), 16 tiến sĩ (69,6%). Trong chu kỳ đánh giá, giai đoạn từ 2020 - 2024, Khoa Sinh học bổ nhiệm mới 06 GV vào vị trí lãnh đạo (từ cấp Bộ môn trở lên), bổ nhiệm được 04 phó giáo sư, bổ nhiệm vào chức danh GV hạng I được 04 GV cao cấp, vào chức danh GV hạng II được 06 GV chính, GV nghỉ hưu theo chế độ 03 người, 06 GV chuyển công tác, chấm dứt hợp đồng lao động. Trường có chính sách thu hút các nhân lực chất lượng cao về công tác tại trường tại Quy chế chi tiêu nội bộ Trường ĐH Vinh (Quyết định số 737/QĐ-ĐHV ngày 01/4/2024) [H6.06.01.09], cụ thể: Hỗ trợ một phần học phí (tối đa bằng mức học phí của Trường ĐH Vinh) cho CB được cử đi đào tạo; hỗ trợ thêm 40 triệu đồng cho viên chức, người lao động được cấp bằng thạc sĩ; hỗ trợ thêm 100 triệu đồng cho viên chức, người lao động được cấp bằng tiến sĩ...; CB, viên chức, người lao động đi học trong nước được miễn 70%, đi học nước ngoài được miễn 100% giờ giảng, được hỗ trợ tiền sinh hoạt phí hàng tháng và tiền tàu xe đi - về; và nhiều trường hợp hỗ trợ khác; học lí luận chính trị được chi trả 50% học phí. Điều 52 thuộc Quy chế qui định về đầu tư, thưởng, qui đổi giờ chuẩn giảng dạy đối với các sản phẩm KHCN, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp với các mức chi là định mức đầu tư được sản phẩm NCKH, đổi mới sáng tạo bậc cao; mức chi cho bài báo Q1, Q2, Q3 (thuộc danh mục SCIE, A&HCI, SSCI) lần lượt là: 80 triệu, 60 triệu và 40 triệu; ngoài ra còn được tặng máy tính xách tay.

Trường và Khoa Sinh học xây dựng được đội ngũ GV có trình độ cao đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và PVCĐ. Số lượng GV qui đổi của Khoa là 23 GV, trong đó 07 phó giáo sư, 16 tiến sĩ với tỉ lệ tiến sĩ đạt 95,7%. Số lượng GV tham gia duy trì ngành đào tạo đảm bảo theo qui định tại Thông tư số 02/2022/TT-BGD&ĐT của Bộ GD&ĐT.

### *2. Điểm mạnh*

Nhà trường đã xây dựng Chiến lược phát triển các giai đoạn, nhờ đó việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu đối với GV được qui hoạch và thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ liên quan đến SHTN.

### *3. Điểm tồn tại*

Việc phân tích nhu cầu xã hội về đào tạo và NCKH theo từng ngành đào tạo để xây dựng dự báo phát triển đội GV viên đảm bảo đáp ứng được nhu cầu xã hội, tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường chưa được triển khai thường xuyên.

### *4. Kế hoạch hành động*

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1.	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường việc phân tích nhu cầu xã hội về đào tạo và NCKH theo từng ngành đào tạo để xây dựng dự báo phát triển đội GV viên đảm bảo đáp ứng được nhu cầu xã hội, tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường.	Nhà trường, Phòng TCCB.	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát tiêu chí thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu đối với GV đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ.	Phòng TCCB. Khoa Sinh học	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7).

2. Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

*1. Mô tả hiện trạng*

Tính đến 31/5/2025, đội ngũ GV của Khoa Sinh học trực tiếp thực hiện CTĐT ngành SHTN là 23 GV, trong đó có 07 PGS (30,4%), 15 tiến sĩ (69,6%) và 01 thạc sĩ (4,3%). Theo qui định tại Thông tư số 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 [H6.06.02.01] thì tỉ lệ GV/HV cao học ngành SHTN các năm lần lượt là: năm học 2020-2021 là 0,15 (07HV/47GV); năm 2021-2022 là 0,15 (07HV/48GV); năm 2022-2023 là 0,42 (20HV/48GV), năm 2023-2024 là 0,06 (03HV/48GV) và năm học 2024-2025 không có HV tốt nghiệp (do 2 năm trước không tuyển sinh). Theo đó, tỉ lệ GV/NH của CTĐT ngành SHTN trình độ thạc sĩ đáp ứng theo các qui định hiện hành (Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT [H6.06.02.02] và Thông tư số 03/2022/TT-BGDĐT qui định việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non).

Trong giai đoạn đánh giá, khối lượng, thời gian làm việc, định mức và qui đổi giờ chuẩn bao gồm giờ giảng, giờ NCKH, các hoạt động chuyên môn được Nhà trường qui định và triển khai thực hiện theo qui định chế độ làm việc đối với GV (Quyết định số 1181/QĐ-ĐHV ngày 12/5/2021 [H6.06.02.03], Quyết định số 1585/QĐ-ĐHV ngày 30/12/2016 [H6.06.02.04]). Qui định chế độ làm việc đối với GV của Trường trong một năm học được qui định mức giờ chuẩn tối thiểu theo hệ số lương và nhóm nhiệm vụ đăng kí, gồm giờ giảng dạy (tối thiểu 200 giờ, tối đa 350 giờ); giờ NCKH (tối thiểu 125

giờ, tối đa 350 giờ chuẩn); giờ hoạt động chuyên môn (tối thiểu 100 giờ, tối đa 225 giờ chuẩn). Đối với GV được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm công tác quản lí, Đảng, đoàn thể sẽ được miễn giảm định mức giờ chuẩn giảng dạy theo từng vị trí. Theo đó, qui định này xác định việc giảng dạy SDH, cụ thể định mức tính giờ qui chuẩn đào tạo SDH theo học chế tín chỉ là 01 tín chỉ được tính bằng 16,5 tiết chuẩn; hướng dẫn luận văn: 35 tiết chuẩn/1 luận văn thạc sĩ... Các trường hợp GV khi kết thúc năm thiếu giờ giảng thì bị giảm trừ tiền phúc lợi, thu nhập tăng thêm. Trong một năm học, GV giảng dạy, NCKH, PVCĐ và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác vượt định mức thì được hưởng chế độ làm việc vượt định mức theo qui chế chi tiêu nội bộ [H6.06.02.05] của Trường.

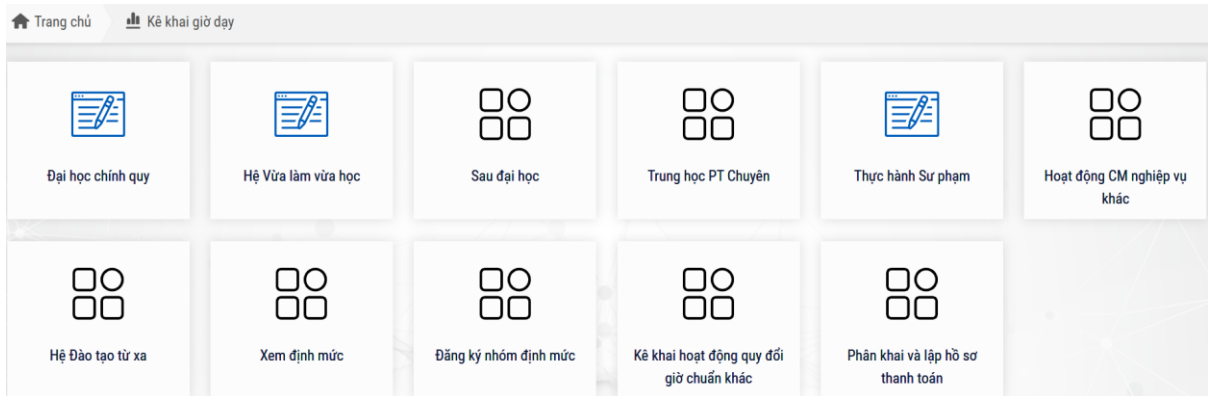
Nhà trường thực hiện qui định về số giờ giảng/khối lượng công việc tiêu chuẩn/tối thiểu qui đối với đội ngũ GV, NCV theo các qui định tại Thông tư số 40/2020/TT-BGDĐT ngày 26/10/2020 [H6.06.02.06], Qui chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐH Vinh (Nghị quyết số 06/NQ-HĐT ngày 12/5/2021) [H6.06.02.07], Qui định chế độ làm việc đối với GV (Quyết định số 1181/QĐ-ĐHV ngày 12/5/2021) [H6.06.02.03], Qui định về tuyển dụng, sử dụng, quản lí viên chức và người lao động của Trường ĐH Vinh (Nghị quyết số 07/NQ-HĐT ngày 27/3/2023) [H6.06.02.08] và Đề án vị trí việc làm (Nghị quyết số 16/NQ-HĐT ngày 20/12/2022) [H6.06.02.09]. Khoa Sinh học phân công khối lượng giảng dạy cho GV thông qua bảng phân công giảng dạy và theo từng học kì [H6.06.02.10]. Cụ thể, Nhà trường áp dụng 3 nhóm định mức giờ chuẩn để GV chủ động đăng kí tùy theo điều kiện và nguyện vọng. Ba nhóm định mức giờ chuẩn như sau:

- Nhóm 1: giảng dạy 270 giờ, NCKH 240 và hoạt động chuyên môn khác 140 giờ.
- Nhóm 1: giảng dạy 350 giờ, NCKH 185 và hoạt động chuyên môn khác 115 giờ.
- Nhóm 1: giảng dạy 200 giờ, NCKH 325 và hoạt động chuyên môn khác 125 giờ.

Trường/Khoa đã hướng dẫn GV đăng kí gói định mức công việc trên “Hệ thống đăng kí giờ chuẩn” về giờ giảng, giờ NCKH và giờ hoạt động chuyên môn trên cổng thông tin CB (<http://canbo.vinhuni.edu.vn/dang-nhap>) [H6.06.02.11]. Ưu điểm của việc lựa chọn các gói định mức công việc cho phép GV linh hoạt, ưu tiên cân bằng giữa giảng dạy và nghiên cứu khoa học theo lợi thế của bản thân, giảm áp lực cho GV. Để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ, việc quản lí, giám sát về khối lượng và chất lượng giảng dạy, NCKH, PVCĐ của GV được Trường/Khoa thực hiện. Hàng tháng, GV tự thống kê, đánh giá khối lượng giảng dạy, NCKH và các công việc chuyên môn khác có so chiếu với Bảng phân công công việc đầu năm học và tự đăng nhập lên phần mềm theo tài khoản cá nhân. Cuối mỗi năm học, GV có trách nhiệm rà soát, tổng hợp khối lượng giảng dạy, NCKH và hoạt động chuyên môn của mình trên cổng thông tin CB, các đơn vị chức năng như: Phòng Thanh tra pháp chế, Phòng ĐT SDH, Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế và Khoa Sinh học kiểm tra, xác nhận vào phiếu đánh giá kết quả lao động. Kết quả đánh giá được chuyển về phòng TCCB xếp loại thi đua khen thưởng.

Cuối mỗi năm học, Hội đồng Thi đua khen thưởng cấp trường đánh giá theo qui chế thi đua khen thưởng [H6.06.02.12] của Trường, trong đó qui định rõ các tiêu chí và kết quả thực hiện công việc, nhiệm vụ đã được phân công. Trong giai đoạn đánh giá, số giờ giảng dạy, NCKH và hoạt động chuyên môn của GV ngành Sinh học đều vượt định mức so với qui định [H6.06.02.13].

Cuối mỗi năm học hoặc cuối năm tài chính, GV kê khai giờ thực hiện kèm minh chứng, các đơn vị chức năng thực hiện rà soát và xác nhận (*thực hiện trên phân mềm như giao diện sau đây*). Cuối cùng dữ liệu được chuyển đến Phòng Kế hoạch Tài chính để tổng hợp, báo cáo và thanh toán thừa giờ cho GV (nếu có).



### 3. Điểm mạnh

Nhờ có đội ngũ dồi dào mà tỉ lệ GV/HV thấp. Nhà trường có qui định rõ ràng, có tiêu chí cụ thể để đo lường, giám sát khối lượng công việc của đội ngũ GV làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD.

#### 3. Điểm tồn tại

Việc giám sát các hoạt động PVCD của GV chưa thực sự được qui định rõ ràng nên chưa thể để đo lường hiệu quả hoạt động PVCD của GV.

#### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1.	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường việc giám sát các hoạt động PVCD của GV và bổ sung vào qui định để có thể đo lường hiệu quả hoạt động PVCD của GV.	Phòng TCCB.	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	
2.	Phát huy điểm mạnh	Nghiêm túc thực hiện qui định, tiêu chí của Nhà trường để đo lường, giám sát khối lượng công việc của đội ngũ GV làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD.	Khoa Sinh học, Phòng TCCB.	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	

### 5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

#### 1. Mô tả hiện trạng

Trường đã xây dựng và ban hành danh mục vị trí việc làm, tiêu chuẩn và điều kiện làm việc của từng vị trí (Nghị quyết số 16/NQ-HĐT ngày 20/12/2022) [H6.06.03.01]; Qui chế về công tác CB (Nghị quyết số 07/NQ-HĐT ngày 27/3/2023) [H6.06.03.02]; Kế hoạch phát triển đội ngũ GV giai đoạn 2016-2020 (Quyết định số 1568/QĐ-ĐHV ngày 30/12/2016) [H6.06.03.03]; Qui định về tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức và người lao động của Trường ĐH Vinh (Nghị quyết số 07/NQ-HĐT ngày 27/3/2023) [H6.06.03.04]. Trên cơ sở các văn bản này, Trường xây dựng các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, các kế hoạch tuyển dụng. Việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển CB, VC của Nhà trường được thực hiện theo các qui định của Chính phủ tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP. Trường ĐH Vinh có ban hành Qui định về điều kiện bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh GVC, GVCC, PGS, GS (Quyết định số 1237/QĐ-ĐHV ngày 17/10/2016, được điều chỉnh bổ sung một số điều trong Quyết định số 3452/QĐ-ĐHV ngày 13/12/2019) [H6.06.03.05]. Trong các văn bản trên đã nêu rõ các tiêu chuẩn chung và tiêu chí cụ thể đối với từng vị trí tuyển dụng và điều kiện bao gồm cả về đạo đức và năng lực học thuật. Tiêu chuẩn đối với GV là có bằng Thạc sĩ trở lên đối với GV giảng dạy các HP lí thuyết của CTĐT trình độ thạc sĩ, có bằng Tiến sĩ đối với GV giảng dạy và hướng dẫn chuyên đề, luận văn, luận án trong các CTĐT thạc sĩ, tiến sĩ, có khả năng ứng dụng CNTT và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện công việc của GV, có năng lực sư phạm và khả năng NCKH... Các tiêu chí này được điều chỉnh theo từng thời điểm để phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ GV.

Nguyên tắc, qui trình và điều kiện tuyển dụng GV được qui định rõ ràng trong Qui chế về công tác CB (Nghị quyết số 07/NQ-HĐT ngày 27/3/2023) [H6.06.03.02]. Hằng năm, Khoa Sinh học xây dựng kế hoạch tuyển dụng trong kế hoạch năm học, trình đề xuất cho Phòng TCCB. Phòng TCCB tổng hợp nhu cầu từ các đơn vị, tham mưu xác định số lượng và cơ cấu chỉ tiêu tuyển dụng của toàn Trường, trình Hiệu trưởng; Hiệu trưởng trình Hội đồng trường phê duyệt số lượng, cơ cấu. Hiệu trưởng tổ chức xây dựng kế hoạch tuyển dụng (Số 1374/ĐHV-TCCB ngày 30/11/2018) [H6.06.03.06]; Phòng TCCB xây dựng thông báo tuyển dụng (Thông báo tuyển dụng CB, viên chức Trường ĐH Vinh các năm 2020-2024) [H6.06.03.07]. Các tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn bổ nhiệm và điều chuyển được phổ biến và thông báo công khai đến toàn thể CB, GV, NV qua các kênh thông tin như: hệ thống quản lí văn bản của trường ioffice [H6.06.03.08],

các cuộc họp của Khoa [H6.06.03.09], cổng thông tin điện tử của Trường [H6.06.03.10] (<http://phongtccb.vinhuni.edu.vn/hoat-dong-chyen-mon/seo/thong-bao-tuyen-dung-vien-chuc-nam-2019-9411>). Tiêu chuẩn lựa chọn GV để bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp như GS, PGS, GVCC và GVC cũng được quy định đầy đủ (Quyết định 3452/QĐ-ĐHV ngày 13/12/2019) [H6.06.03.05]. Trong chu kỳ đánh giá, Khoa Sinh học không tuyển dụng được GV mặc dù năm 2023 có đề xuất 2 chỉ tiêu; bổ nhiệm chức danh PGS được 04 GV; bổ nhiệm được 04 GV hạng I (GVCC), 06 GV hạng II (GVC) và bổ nhiệm mới 06 GV vào vị trí lãnh đạo (từ cấp Bộ môn trở lên), tiếp nhận 01 GV, GV nghỉ hưu theo chế độ 03 người, 06 GV chuyên công tác, chấm dứt hợp đồng lao động (số liệu tính đến ngày 31/5/2025).

### 2. Điểm mạnh

Nhà trường coi trọng Chính sách thu hút GV. Các tiêu chí cả về đạo đức và năng lực học thuật để tuyển dụng, lựa chọn, bổ nhiệm và điều chuyển GV được xác định, phổ biến và công khai đến các BLQ.

### 3. Điểm tồn tại

Chính sách thu hút và việc tuyển dụng GV của Nhà trường chưa thực sự đủ mạnh, việc tuyển dụng GV về công tác tại khoa Sinh học còn gặp khó khăn.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1.	Khắc phục điểm tồn tại	Rà soát Chính sách thu hút và tuyển dụng GV đảm bảo đủ mạnh để có thể tuyển đủ chỉ tiêu GV.	Phòng TCCB, Khoa Sinh học	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phổ biến với hình thức đa dạng để công khai các tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn, bổ nhiệm và điều chuyển GV cả về đạo đức và năng lực học thuật đến các BLQ.	Phòng TCCB	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	

### 5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá

#### 1. Mô tả hiện trạng

Năng lực của đội ngũ GV được xác định trên cơ sở các quy định hiện hành bảo đảm

chuẩn chức danh nghề nghiệp đối với GV ĐH, được cụ thể hóa trong Đề án vị trí việc làm [H6.06.04.01]; Danh mục vị trí việc làm, tiêu chuẩn và điều kiện làm việc của từng vị trí của Trường ĐH Vinh đã ban hành (Quyết định số 1217/QĐ-ĐHV ngày 14/12/2018 [H6.06.04.02], Nghị quyết số 16/NQ-HĐT ngày 20/12/2022 [H6.06.04.03]); trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường qua các giai đoạn (Quyết định số 1278/QĐ-ĐHV ngày 28/12/2018 [H6.06.04.04], Nghị quyết số 18/NQ-HĐT ngày 26/12/2022 [H6.06.04.05]); trong các qui định tuyển dụng, sử dụng đội ngũ GV, công tác TCCB (Quyết định số 1185/QĐ-ĐHV ngày 14/12/2018 [H6.06.04.06], Nghị quyết số 04/NQ-ĐHV ngày 02/7/2020 [H6.06.04.07], Nghị quyết số 07/NQ-HĐT ngày 27/3/2023 [H6.06.04.08]) và trong qui định chế độ làm việc của GV. Theo đó, các tiêu chí cụ thể đối với GV liên quan đến các hoạt động giảng dạy, NCKH, PVCD đã được qui định; gồm cả hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Cụ thể, khung năng lực của GV bao gồm: (1) năng lực chuyên môn gồm: giảng dạy (kiến thức, kỹ năng giảng dạy); xây dựng, thiết kế, phát triển và thực hiện CTDH; lựa chọn và áp dụng các PPDH, KTĐG phù hợp đáp ứng yêu cầu CDR; ứng dụng và sử dụng CNTT trong dạy học; sáng kiến cải tiến, áp dụng vào việc giảng dạy; giám sát và TĐG chất lượng công việc; năng lực dạy HV tự học, tự nghiên cứu; năng lực hướng dẫn và đánh giá luận văn, năng lực hoạt động xã hội, PVCD. (2) năng lực về NCKH: được xác định thông qua viết báo cáo khoa học; viết sách, giáo trình; công bố các kết quả nghiên cứu, chuyên giao các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn; khả năng hướng dẫn HV thực hiện luận văn, tham gia NCKH. Trên cơ sở các năng lực của GV cần có này, Trường đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để phát triển đội ngũ GV, NCV.

Hoạt động đánh giá năng lực của GV được Trường/Khoa thực hiện trên cơ sở bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại CB, viên chức, người lao động do Trường qui định [H6.06.04.09]: đánh giá hàng tháng, học kì và cuối mỗi năm học (Quyết định số 1460/QĐ-ĐHV ngày 29/12/2017, Quyết định số 2736/QĐ-ĐHV ngày 22/11/2021, Quyết định số 156/QĐ-ĐHV ngày 18/01/2023). Cuối mỗi năm học, các GV tiến hành TĐG kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học theo các chức danh được giao trên cơ sở các kết quả đạt được (*kết quả giảng dạy thống kê theo lịch dạy trên LMS; kết quả NCKH được qui đổi theo thể loại đề tài, bài báo, seminar học thuật kèm minh chứng gửi lên LMS*); Bộ môn và lãnh đạo Khoa tổ chức họp đánh giá từng GV; Hội đồng thi đua khen thưởng cấp Trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua theo các mức: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ. Căn cứ vào kết quả của Hội đồng đánh giá, Hiệu trưởng ra quyết định công nhận danh hiệu thi đua của năm học. Kết quả đánh giá năng lực GV của Khoa Sinh học học đều được thống kê báo cáo đầy đủ qua các năm [H6.06.04.10]; riêng đối với GV tham gia giảng dạy CTĐT ngành SHTN từ 2020 đến năm 2024 đạt 100% hoàn thành tốt và

hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (bảng tổng hợp kết quả xếp loại viên chức Khoa Sinh học từ năm 2020-2024).

### 2. Điểm mạnh

Nhà trường ban hành các văn bản xác định năng lực của đội ngũ GV, nghiên cứu viên và hàng tháng thực hiện đánh giá năng lực toàn bộ viên chức bao gồm đánh giá năng lực GV, nghiên cứu viên.

### 3. Điểm tồn tại

Nhà trường giới hạn tỉ lệ đánh giá năng lực của GV ở mức cao.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1.	Khắc phục điểm tồn tại	Tiếp tục rà soát, bổ sung, hoàn thiện các quy định về đánh giá năng lực của GV và nghiên cứu viên.	Phòng TCCB	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cập nhật các văn bản xác định năng lực của đội ngũ GV, nghiên cứu viên và định kì thực hiện đánh giá năng lực GV, nghiên cứu viên theo quy định.	Khoa Sinh học, Phòng TCCB	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	

### 5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

#### 1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường thực hiện khảo sát/đánh giá nhu cầu đào tạo/bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV trên cơ sở các văn bản quy định của Chính phủ tại Nghị định số 101/2017/NĐ-CP, Nghị định số 89/2021/NĐ-CP về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP về đào tạo, bồi dưỡng CB, công chức, viên chức [H6.06.05.01]; các quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đối với GV tại Thông tư số 40/2020/TT-BGDĐT ngày 20/10/2020 quy định đối với VC phải có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp theo các hạng I, II, III [H6.06.05.02]. Tại Chiến lược phát triển Nhà trường theo các giai đoạn; Kế hoạch phát triển đội ngũ GV giai đoạn 2016-2020 đã đặt ra các chỉ tiêu phát triển đội ngũ GV; Qui chế đào tạo, bồi dưỡng viên chức và người lao động Trường ĐH Vinh (Quyết định số 96/QĐ-ĐHV ngày 13/01/2021 [H6.06.05.03]; Qui chế quản lý CB, công chức, viên chức học tập, công tác ở nước ngoài (Quyết định số 1051/QĐ-ĐHV ngày 22/9/2017 [H6.06.05.04]); hằng năm

Nhà trường có tổ chức khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ từ các đơn vị. Phòng TCCB là đơn vị thường trực để thu thập các nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng từ các đơn vị thuộc Trường (Quyết định số 49/ĐHV-TCCB ngày 11/01/2019) [H6.06.05.05]; nhu cầu đào tạo tiến sĩ, nhu cầu nâng cao năng lực ngoại ngữ, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về lãnh đạo, quản lý các cấp... (Quyết định số 621/ĐHV-TCCB ngày 5/6/2017, số 200/ĐHV-BQLDANN ngày 10/3/2019, Quyết định số 85/ĐHV-TCCB ngày 03/02/2023 [H6.06.05.06]). Khoa Sinh học đã thực hiện lấy nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng CB, VC theo các năm học và gửi tổng hợp về Phòng TCCB (bảng tổng hợp nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng các năm từ 2020-2024 theo Biểu 7, kế hoạch năm học) [H6.06.05.07].

Nhà trường đã xây dựng các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng trên cơ sở định hướng phát triển của Trường và nhu cầu của đơn vị, cụ thể: Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng GV giai đoạn 2016-2020 (Quyết định số 1586/QĐ-ĐHV ngày 30/12/2016) [H6.06.05.08]; Kế hoạch về đào tạo bồi dưỡng viên chức lãnh đạo, quản lý và viên chức qui hoạch lãnh đạo, quản lý các cấp giai đoạn 2020-2025 (Kế hoạch số 02/KH-ĐU ngày 14/12/2020) [H6.06.05.09]; Kế hoạch bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ cho CB, VC quản lý năm 2020 (Kế hoạch số 09/KH-ĐHV ngày 07/02/2021) [H6.06.05.10]; Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CB, viên chức năm 2021, 2022, 2023 [H6.06.05.11] (Kế hoạch số 01/KH-ĐHV ngày 06/01/2021, Kế hoạch số 01/KH-ĐHV ngày 05/01/2022, Kế hoạch số 57/KH-ĐHV ngày 26/5/2023), trong đó có bao gồm đội ngũ GV của Trường Sư phạm/ Khoa Sinh học.

Trên cơ sở các kế hoạch đã được phê duyệt, Phòng TCCB ra thông báo mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng tới các đơn vị thuộc Trường để cử GV tham gia học tập qua các cuộc họp, hệ thống thư điện tử, trang thông tin chính thức của Trường [H6.06.05.12] (<http://phongtccb.vinhuni.edu.vn/thong-bao-van-ban>). Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được thực hiện [H6.06.05.13] để nâng cao năng lực nghề nghiệp với các khóa học khá đa dạng như: lớp bồi dưỡng công tác ĐBCL giáo dục; Bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp theo các hạng của GV; Nghiệp vụ sư phạm cho CB giảng dạy; Bồi dưỡng ngoại ngữ tiếng Anh, Tin học; Lí luận chính trị cao cấp, trung cấp; An ninh quốc phòng; Xây dựng CTĐT theo CĐR; học tập trao đổi kinh nghiệm ở nước ngoài... Theo số liệu tại báo cáo tổng kết công tác phát triển đội ngũ của Trường ĐH Vinh giai đoạn 2018 - 2021 (Báo cáo số 120/BC-ĐHV ngày 22/1/2021) [H6.06.05.13], các quyết định mở lớp, quyết định cử đi học tập cho thầy, trong giai đoạn đánh giá 100% GV của Khoa Sinh học tham gia học tập, bồi dưỡng tối thiểu 03 lần [H6.06.05.14].

Kết quả về hoạt động đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ hằng năm được Trường/ và Khoa theo dõi, giám sát và có tổng kết đánh giá (Báo cáo số 120/BC-ĐHV này

22/1/2021) [H6.06.05.13]. Khảo sát cho thấy, GV khoa Sinh học hài lòng với các chế độ và hoạt động đào tạo bồi dưỡng của Trường và Khoa. Các chế độ được thể hiện chi tiết trong Qui chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường [H6.06.05.15]. Trong 5 năm của chu kỳ đánh giá, Nhà trường đã chi kinh phí cho đào tạo, bồi dưỡng hơn 7 tỉ đồng, trong đó tại Trường Sư phạm trong đó có Khoa sinh học 405,770,000 đồng (số liệu tính đến 31/12/2025) [H6.06.05.16].

### 2. Điểm mạnh

Hàng năm, Nhà trường đều xác định nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, nghiên cứu viên nhằm đáp ứng Sứ mạng, Tầm nhìn đã đặt ra. Đồng thời tổ chức triển khai các khóa đào tạo, bồi dưỡng hoặc cử đi đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng nhu cầu của Nhà trường và của GV.

### 3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa có phần mềm thống nhất quản lý cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo, bồi dưỡng; cũng như chưa tổ chức đánh giá sau các khóa đào tạo, bồi dưỡng một cách thực sự hiệu quả.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1.	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng phần mềm để quản lý thống nhất cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo, bồi dưỡng làm cơ sở cho việc tổ chức đánh giá sau các khóa đào tạo, bồi dưỡng một cách hiệu quả hơn.	Phòng TCCB.	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	
2.	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ rà soát văn bản xác định nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, nghiên cứu viên; đồng thời tổ chức triển khai các khóa đào tạo, bồi dưỡng hoặc cử đi đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng nhu cầu của Nhà trường và của GV, nghiên cứu viên.	Phòng TCCB, Khoa Sinh học.	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	

### 5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

#### 1. Mô tả hiện trạng

Khoa Sinh học có kế hoạch công tác cụ thể hằng năm đối với GV căn cứ vào Đề án vị trí việc làm; Danh mục vị trí việc làm, tiêu chuẩn và điều kiện làm việc của từng vị trí của Trường ĐH Vinh đã ban hành (Quyết định số 1217/QĐ-ĐHV ngày 14/12/2018 [H6.06.06.01], Nghị quyết số 16/NQ-HĐT ngày 20/12/2022 [H6.06.06.02]) và căn cứ theo kế hoạch năm học của Nhà trường (từ năm học 2019 - 2019 đến 2022 - 2023) [H6.06.06.03], Khoa Sinh học phân công nhiệm vụ công tác năm học cụ thể đối với từng CB, GV (Bảng phân công giảng dạy các năm của Bộ môn tới từng GV) [H6.06.06.04]. Ngoài nhiệm vụ giảng dạy, mỗi GV còn có kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ NCKH và các hoạt động liên quan khác như: Tham gia xây dựng và phát triển CTĐT, đổi mới PPDH, phương pháp KTĐG KQHT của SV; biên soạn giáo trình, bài giảng phục vụ đào tạo; tổ chức và tham gia các hoạt động NCKH; tham gia hoạt động hợp tác quốc tế và bảo đảm chất lượng giáo dục ĐH; tham gia công tác chủ nhiệm lớp, CVHT; học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và thực hiện các nhiệm vụ khác.

Trường đã ban hành các qui định, qui trình về đánh giá GV như: Qui định chế độ làm việc của GV (Quyết định số 1181/QĐ-ĐHV ngày 12/5/2021) [H6.06.06.05]; Qui định đánh giá, xếp loại đơn vị, viên chức, người lao động của Trường ĐH Vinh (Quyết định số 1460/QĐ-ĐHV ngày 29/12/2017, Quyết định số 2736/QĐ-ĐHV ngày 22/11/2021, Quyết định số 156/QĐ-ĐHV ngày 18/01/2023 [H6.06.06.06]); Qui định về công tác thi đua khen thưởng của Trường ĐH Vinh (Quyết định số 2864/QĐ-ĐHV ngày 02/12/2021) [H6.06.06.07]; Qui định về đầu tư, khen thưởng, qui đổi giờ chuẩn giảng dạy với các sản phẩm KHCN chất lượng cao (Quyết định số 40/QĐ-ĐHV ngày 10/01/2020) [H6.06.06.08]. Theo đó, các qui định đã cụ thể định mức khối lượng công việc, qui đổi giờ chuẩn, giờ làm việc của GV, nguyên tắc và tiêu chí xếp loại kết quả lao động; qui trình thực hiện và việc sử dụng kết quả đánh giá, thi đua, khen thưởng đồng thời có biểu mẫu hướng dẫn đánh giá kèm theo. Trên cơ sở bản kế hoạch năm, Trường/Khoa đã phân bổ chỉ tiêu giảng dạy, NCKH theo năm. Trường/Khoa phân công nhiệm vụ và giám sát hoạt động chuyên môn của CB, GV. Phòng Đào tạo SDH tổng hợp, thẩm định khối lượng giảng dạy của GV; Phòng TCCB giám sát kết quả thực hiện theo các mức độ hoàn thành nhiệm vụ và xếp loại CB, viên chức; Phòng Thanh tra giáo dục theo dõi việc thực hiện đảm bảo giờ giảng.

Kết quả đánh giá trong giai đoạn từ năm 2020 - 2024 đạt mức cao, 100% GV Khoa Sinh học đạt mức độ hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H6.06.06.09]. Đối với GV giảng dạy ngành SHTN trình độ ThS cho kết quả tương tự. Kết quả đánh giá phân loại này là cơ sở bình xét thi đua khen thưởng hằng năm. Trong chu kỳ đánh giá, đối với GV thực hiện CTĐT ngành SHTN trình độ ThS đã đạt 100% lao động tiên tiến và đạt từ 14%- 32% GV đạt chiến sĩ thi đua cấp cơ sở. Kết quả thi đua khen thưởng được sử dụng làm căn cứ để xét nâng bậc lương trước thời hạn, xét công nhận chức danh

ngành nghiệp, tạo động lực cho GV phấn đấu thành tích cao trong công tác giảng dạy và NCKH. Qua thăm dò, GV trong Khoa đều hài lòng về kết quả đánh giá, thi đua khen thưởng và công nhận [H6.06.06.10].

### 2. Điểm mạnh

Nhờ có văn bản xác định về khối lượng công việc hàng năm, Nhà trường đã quản trị theo kết quả công việc của GV (gồm cả khen thưởng và công nhận) để tạo động lực làm việc và hỗ trợ cho công tác đào tạo, NCKH và PVCĐ.

### 3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa có tiêu chí cụ thể để đánh giá thực sự hiệu quả công tác PVCĐ của GV.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1.	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng tiêu chí cụ thể (KPIs) để đánh giá công tác PVCĐ của GV và nghiên cứu viên một cách hiệu quả hơn.	Phòng TCCB	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục triển khai quản trị GV, nghiên cứu viên theo kết quả công việc để thúc đẩy và hỗ trợ hiệu quả hơn cho công tác đào tạo, NCKH và PVCĐ.	Phòng TCCB, Khoa Sinh học.	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	

### 5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

#### 1. Mô tả hiện trạng

Trong Bản kế hoạch chiến lược phát triển của Nhà trường theo các giai đoạn đều có chiến lược thành phần về NCKH và chuyển giao công nghệ (Quyết định số 1278/QĐ-ĐHV ngày 28/12/2018) [H6.06.07.01]; Chiến lược về đẩy mạnh hoạt động NCKH và đổi mới sáng tạo, tăng cường nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào thực tiễn (Nghị quyết số 18/NQ-HĐT ngày 26/12/2022) [H6.06.07.02]. Để triển khai các chiến lược này Trường đã có các Kế hoạch chiến lược phát triển KHCN giai đoạn 2018-2025 (Quyết định số 766/QĐ-ĐHV ngày 31/8/2018) [H6.06.07.03]; Kế hoạch triển khai chiến lược phát triển khoa học và công nghệ Trường ĐH Vinh giai đoạn 2018-2025 (Quyết định số 1069/QĐ-ĐHV ngày 06/11/2018) [H6.06.07.04]. Trường có các văn bản

qui định cụ thể về các loại hình, số lượng sản phẩm NCKH mà GV phải thực hiện như: Qui định về quản lý các hoạt động khoa học và công nghệ (Quyết định số 480/QĐ-ĐHV ngày 09/5/2016) [H6.06.07.05]; Qui định về hoạt động KHCN và đổi mới sáng tạo của Trường (Quyết định số 2345/QĐ-ĐHV ngày 09/9/2022) [H6.06.07.06]; Qui định chế độ làm việc đối với GV (Quyết định số 1181/QĐ-ĐHV ngày 12/5/2021) [H6.06.07.07]. Trong các qui định đều nêu nhiệm vụ NCKH là bắt buộc của GV trong năm học, GV phải dành ít nhất  $\frac{1}{3}$  tổng quỹ thời gian làm việc trong năm học (tương đương 586 giờ hành chính) để làm nhiệm vụ NCKH. Các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của GV được xác lập rõ trong chế độ làm việc đối với GV, trong đó có định mức giờ NCKH trung bình cho các GV theo hệ số lương như sau: Hệ số lương  $\geq 6,2$ : 270 giờ;  $\geq 5,76$ : 250 giờ;  $\geq 4,40$ : 228 giờ;  $\geq 4,32$ : 208 giờ;  $\geq 3,33$ : 182 giờ;  $\geq 2,34$  là 172 giờ chuẩn. Mỗi năm, GV phải hoàn thành nhiệm vụ chung về NCKH tối thiểu tương đương với 01 đề tài NCKH cấp cơ sở nghiệm thu đạt yêu cầu trở lên hoặc 01 bài báo được công bố trên tạp chí khoa học của mã số chuẩn quốc tế ISSN hoặc 01 báo cáo hội nghị chuyên ngành. Đối với định mức công bố bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế nằm trong danh mục WoS/Scopus được hiệu trưởng giao chỉ tiêu hằng năm, GV thuộc nhóm 1 phải đạt 100% định mức giao, nhóm 2 là 70%, nhóm 3 đạt 130% định mức giao.

Hằng năm, mỗi GV có kế hoạch cá nhân trong đó có mục tiêu NCKH cụ thể trong đó ghi rõ loại hình các công trình NCKH sẽ tham gia (đề tài, dự án, viết báo cáo khoa học hướng dẫn NH NCKH) đảm bảo số giờ NCKH đạt theo qui định, đảm bảo tiến độ, thời gian thực hiện. Ban lãnh đạo Trường/Khoa căn cứ vào kế hoạch để theo dõi, giám sát hoạt động NCKH của GV. Điểm đặc biệt là Trường ĐH Vinh đã xây dựng được phần mềm quản lý khối lượng giờ NCKH và mỗi GV đã thực hiện qui trình kê khai giờ NCKH [H6.06.07.08], cụ thể: (1) Đầu mỗi năm học, Phòng TCCB cập nhật khung định mức giờ NCKH trên Trang kê khai giờ NCKH của GV. Mỗi GV tự đăng kí định mức thực hiện trong năm trên trang; Phòng TCCB điều chỉnh số giờ miễn giảm theo qui định; (2) Mỗi GV sẽ tự cập nhật giờ NCKH trên tài khoản cá nhân đã được cấp; (3) Qui trình kê khai và thẩm định giờ NCKH được thực hiện theo Qui trình kê khai, thẩm định khối lượng lao động hằng năm của GV theo hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001-2015 tại Trường ĐH Vinh [H6.06.07.09]. Qua thực tế xem xét GV thao tác, sử dụng hệ thống phần mềm kê khai khối lượng công việc để xem giờ NCKH của cá nhân trên mobiphone cũng như máy tính rất thuận tiện (<https://canbo.vinhuni.edu.vn/trang-chu>).

Kết quả hoạt động NCKH theo từng năm được xác lập, thống kê, so sánh để đánh giá và cải tiến chất lượng NCKH của Khoa Sinh học. Kết quả của hoạt động NCKH trong giai đoạn đánh giá đạt được rất tốt, GV của Khoa đã chủ trì thực hiện 01 đề tài khoa học theo chương trình Nafosted, 03 đề tài cấp Bộ/tỉnh, 07 đề tài khoa học cấp

Trường, đã công bố được 125 bài trên tạp chí WoS/Scopus, 06 bài trên tạp chí quốc tế khác, 69 bài trên tạp chí chuyên ngành trong nước, 05 giáo trình, 45 sách chuyên khảo, 17 bài đăng ký yếu hội thảo quốc tế, 34 bài đăng ký yếu hội thảo trong nước và đạt 02 giải thưởng KHCN cấp tỉnh (theo số liệu thống kê của Khoa Sinh học, Trường sư phạm tính đến 31/5/2025) [H6.06.07.10].

### 2. Điểm mạnh

Nhà trường qui định và triển khai đồng bộ việc xác lập, giám sát các loại hình và số lượng hoạt động NCKH của GV và thực hiện đối sánh để cải tiến chất lượng liên tục.

### 3. Điểm tồn tại

Khoa Sinh học còn hạn chế trong việc triển khai hoạt động đăng ký sở hữu trí tuệ.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1.	Khắc phục tồn tại	Thúc đẩy triển khai việc đăng ký sở hữu trí tuệ, phát huy thế mạnh của khoa Sinh học.	Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế, Khoa Sinh học.	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát qui định về việc xác lập, giám sát, đối sánh các loại hình và số lượng hoạt động NCKH của GV và triển khai thực hiện.	Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế, Khoa Sinh học.	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	

### 5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7).

## Kết luận về Tiêu chuẩn 6

### - Điểm mạnh nổi bật của Tiêu chuẩn

Nhà trường có Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực chung của toàn trường, cho Trường Sư phạm và Khoa Sinh học. Các văn bản về công tác qui hoạch, tuyển dụng, bổ nhiệm được ban hành đầy đủ và phổ biến công khai. Khối lượng công việc đối với GV được xác định, qui đổi ra số giờ chuẩn theo hệ số lương và được giám định mức giờ chuẩn đối với GV được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo kiêm công tác quản lý. Năng lực của đội ngũ GV được đánh giá hằng năm theo các tiêu chí cụ thể. Công tác đào tạo, bồi dưỡng phát triển năng lực của GV được thực hiện theo nhu cầu của Khoa Sinh học, theo kế hoạch hằng năm của Nhà trường, kết quả trong chu kỳ đánh giá 100% GV của khoa Sinh học được cử đi đào tạo, bồi dưỡng tối thiểu 1 lượt. Có chiến lược NCKH, có qui định cụ thể về loại hình, định mức NCKH của GV. Kết quả hoạt động NCKH của GV khoa Sinh học đã chủ trì thực hiện 01 đề tài khoa học theo chương trình Nafosted, 03 đề

tài cấp Bộ/tỉnh, 07 đề tài khoa học cấp Trường, đã công bố được 125 bài trên tạp chí WoS/Scopus, 06 bài trên tạp chí quốc tế khác, 69 bài trên tạp chí chuyên ngành trong nước, 05 giáo trình, 45 sách chuyên khảo, 17 bài đăng ký yếu hội thảo quốc tế, 34 bài đăng ký yếu hội thảo trong nước và đạt 02 giải thưởng KH-CN cấp tỉnh.

*- Điểm tồn tại cơ bản của Tiêu chuẩn*

Trong chiến lược phát triển của Trường ĐH Vinh các giai đoạn, chưa xây dựng được dự báo chi tiết cho đội ngũ GV theo từng Khoa, ngành đào tạo. Văn bản qui định riêng cho GV về hoạt động PVCĐ chưa thực sự cụ thể. Chính sách thu hút GV chưa đủ mạnh, kết quả tuyển dụng theo kế hoạch chưa đạt kì vọng. Khoa Sinh học còn hạn chế trong việc đăng kí đề tài NCKH cấp Nhà nước và đăng kí sở hữu trí tuệ. Phần mềm quản lí cơ sở dữ liệu GV chưa được thực sự đầy đủ về kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, theo dõi, giám sát việc thực hiện công việc GV.

*- Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn*

Căn cứ Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT tại Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, đội ngũ GV của khoa Sinh học tham gia thực hiện CTĐT ngành SHTN là ĐBCL và đáp ứng yêu cầu kiểm định cả 7 tiêu chí.

## **Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên**

### **Mở đầu**

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn đội ngũ NV được Nhà trường xác định rõ ràng, đảm bảo tính khách quan, công bằng và minh bạch. Việc qui hoạch đội ngũ NV (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT, trung tâm ĐBCL, các dịch vụ hỗ trợ khác...) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ. Nhà trường thường xuyên tạo điều kiện cho đội ngũ NV học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Công việc của đội ngũ NV được đánh giá chất lượng qua nhiều hình thức đảm bảo tính công bằng, khách quan và ghi nhận bằng các hình thức khen thưởng hợp lí. Nhờ đó, Nhà trường có được đội ngũ NV trình độ chuyên môn cao, nghiệp vụ vững vàng hỗ trợ tốt cho hoạt động đào tạo của Nhà trường nói chung và Khoa Sinh học nói riêng.

Tiêu chí 7.1. Việc qui hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Đội ngũ NV hỗ trợ công tác đào tạo và NCKH tại Khoa Sinh học là đội ngũ NV dùng chung cho Trường Sư phạm, tổng số có 14 NV (gồm NV văn phòng Trường và NV của Trung tâm Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm) và đội ngũ NV dùng chung trong toàn Trường ĐH Vinh, bao gồm NV các phòng, trung tâm như Trung tâm Thư viện,

Trung tâm CNTT, Phòng TCCB, Phòng Công tác Chính trị - HSSV, Phòng Đào tạo, Phòng Đào tạo SĐH, Trung tâm ĐBCL... thực hiện các công tác hỗ trợ chung trong toàn Trường ĐH Vinh.

Nhà trường thực hiện phân tích/dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ trong Chiến lược phát triển Trường ĐH Vinh giai đoạn 2018 - 2025 tầm nhìn 2030 (Quyết định số 1278/QĐ-ĐHV ngày 28/12/2018) [H7.07.01.01] và Chiến lược phát triển giai đoạn 2022 - 2030 tầm nhìn 2045 (Nghị quyết số 18/NQ-HĐT ngày 26/12/2022) [H7.07.01.02], đội ngũ GV, NV của Trường đủ về số lượng và chất lượng đáp ứng mục tiêu “Xây dựng Trường ĐH Vinh theo mô hình ĐH thông minh, là trung tâm của hệ sinh thái ĐH đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp của khu vực Bắc Trung Bộ...”. Năm 2021, Nhà trường đã thực hiện báo cáo tổng kết việc thực hiện quản lý biên chế giai đoạn 2016 - 2021 và đề xuất biên chế giai đoạn 2022 - 2026 (Báo cáo số 113/BC-ĐHV ngày 03/12/2021) [H7.07.01.03], trong đó xác định cụ thể số lượng viên chức, người lao động hàng năm từ năm 2022 đến năm 2026 (bao gồm cả đội ngũ NV), cụ thể số lượng NV chuyên môn dùng chung và hỗ trợ phục vụ năm 2022 là 293 người, năm 2023 là 306 người, năm 2024 là 386 người, năm 2025 là 466 người và đến năm 2026 là 546 người (biểu 3B). Để triển khai chiến lược phát triển đội ngũ, Nhà trường đã xây dựng, ban hành danh mục vị trí việc làm (gồm cả số lượng người làm), tiêu chuẩn, yêu cầu trình độ của vị trí việc làm (Quyết định số 1217/QĐ-ĐHV ngày 14/12/2018 [H7.07.01.04] và Nghị quyết số 16/NQ-HĐT ngày 20/12/2022) [H7.07.01.05]. Hằng năm, Nhà trường xác định số lượng viên chức, người lao động của Nhà trường để tuyển dụng và thông báo công khai (Thông báo số 25/TB-ĐHV ngày 01/3/2019 [H7.07.01.06]; Thông báo số 178/TB-ĐHV ngày 22/10/2019 [H7.07.01.07]; Thông báo số 19/TB-ĐHV ngày 14/02/2020 [H7.07.01.08]; Thông báo số 98/TB-ĐHV ngày 26/6/2023 [H7.07.01.09]), trên cơ sở đó, Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng và thông báo công khai trên website của Nhà trường (Kế hoạch số 11/KH-ĐHV ngày 12/02/2020 [H7.07.01.10] và số 67/KH-ĐHV ngày 23/6/2023 [H7.07.01.11]). Trong giai đoạn đánh giá, Nhà trường đã tuyển dụng thêm 99 NV, đáp ứng nhu cầu hỗ trợ hiệu quả các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ.

Để thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ NV, Nhà trường có những chính sách cụ thể thông qua Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường ĐH Vinh [H7.07.01.12] (Quyết định số 1585/QĐ-ĐHV ngày 30/12/2016; Quyết định số 302/QĐ-ĐHV ngày 20/02/2019; Quyết định số 737/QĐ-ĐHV ngày 01/4/2024) và Quy định về chính sách thu hút, hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao (Nghị quyết số 10/NQ-HĐT ngày 27/3/2024) [H7.07.01.13] như: Hưởng thu nhập tăng thêm, phụ cấp trách nhiệm (nếu có chức vụ), hưởng chi trả do làm thêm giờ, thù lao làm ngoài giờ...; thu

hút chi trả khi về trường (giáo sư 200 triệu đồng; phó giáo sư 150 triệu đồng, CB khoa học trẻ 100 triệu đồng; HV tốt nghiệp xuất sắc 50 triệu đồng...), được hỗ trợ 01 laptop (cho viên chức trình độ tiến sĩ, các trưởng, phó khoa, chủ nhiệm bộ môn), ưu tiên sử dụng phòng ở, phòng làm việc, ưu tiên giao nhiệm vụ chủ nhiệm đề tài NCKH, ưu tiên tham gia các chương trình bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ...; nếu đào tạo, bồi dưỡng nâng cao do Nhà trường cử đi được hỗ trợ học tiến sĩ trong nước 30 triệu đồng, tiến sĩ nước ngoài 50 triệu đồng...; hỗ trợ công nhận chức danh giáo sư, phó giáo sư, nhà giáo nhân dân, nhà giáo ưu tú, viết bài báo khoa học...

Việc qui hoạch đội ngũ NV của Nhà trường theo Chiến lược phát triển Trường đến năm 2030 [H7.07.01.01] xác định: “Hoàn thiện hệ thống quản trị, nâng cao hiệu quả quản lý, đẩy mạnh chuyển đổi số trong các hoạt động, phát triển đội ngũ GV, viên chức và người lao động đáp ứng yêu cầu thực hiện Sứ mạng và Tầm nhìn của Nhà trường”. Trên cơ sở đó, Nhà trường đề xuất biên chế giai đoạn 2022 - 2026 và biên chế hàng năm (Báo cáo số 113/BC-ĐHV ngày 03/12/2021) [H7.07.01.14], trong đó xác định cụ thể số lượng, chất lượng viên chức, người lao động hàng năm từ năm 2022 đến năm 2026 (bao gồm cả đội ngũ NV).

Hiện tại, toàn trường có 295 chuyên viên, NV hỗ trợ, trong đó có 14 NV hỗ trợ thực hiện các CTĐT của Trường Sư phạm, 08 chuyên viên, NV CNTT làm việc tại Trung tâm CNTT (đều có trình độ thạc sĩ trở lên), 21 thư viện viên làm việc tại Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào và đội ngũ chuyên viên, NV làm việc tại các đơn vị chức năng. Đội ngũ chuyên viên, NV nói trên có trình độ chuyên môn tương đối cao với 11 tiến sĩ (3,73%), 163 thạc sĩ (55,25%), 103 cử nhân (34,92%), 18 người có trình độ khác (6,10%). Thống kê kết quả đánh giá viên chức theo năm học toàn trường trong chu kỳ đánh giá cho thấy, đa số NV luôn hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Báo cáo khảo sát mức độ hài lòng của NH đối với chất lượng phục vụ của đội ngũ chuyên viên, NV [H7.07.01.15] qua các năm học trong giai đoạn đánh giá (Báo cáo số 51/BC-ĐHV ngày 31/7/2019; số 68/BC-ĐHV ngày 27/8/2020; số 07/BC-ĐHV ngày 25/02/2021; số 97/BC-ĐHV ngày 08/9/2022; số 54/BC-ĐHV ngày 25/4/2023) cho thấy kết quả NH đánh giá chất lượng phục vụ của đội ngũ NV trung bình 05 năm ở mức tốt với Thư viện là 80,6%; Trung tâm thực hành thí nghiệm là 79,2%; Trung tâm CNTT là 77,0%; các phòng ban là 78,0%.

## *2. Điểm mạnh*

Nhà trường có Chiến lược phát triển qui hoạch rõ về số lượng đội ngũ NV làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác và triển khai thực hiện để đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCD.

## *3. Điểm tồn tại*

Chiến lược phát triển của Nhà trường chưa định lượng số lượng NV cụ thể đến

năm 2030.

#### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tiếp tục rà soát Chiến lược phát triển của Nhà trường và bổ sung số lượng NV đến năm 2030.	Phòng TCCB	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục triển khai thực hiện Chiến lược phát triển về số lượng đội ngũ NV làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCD.	Phòng TCCB	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	

#### 5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

##### 1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ qui định tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bổ nhiệm, miễn nhiệm, kéo dài công tác của Trường (Quyết định số 1128/QĐ-ĐHV ngày 26/9/2016 [H7.07.02.01] và Nghị quyết số 07/NQ-ĐHV ngày 27/3/2023 [H7.07.02.02]), trên cơ sở đề xuất biên chế hàng năm của Nhà trường (Báo cáo số 113/BC-ĐHV ngày 03/12/2021) [H7.07.02.03], nhu cầu nhân sự của các đơn vị và căn cứ danh mục vị trí việc làm (Nghị quyết số 16/NQ-ĐHV ngày 20/12/2022) [H7.07.02.04], Nhà trường xây dựng Kế hoạch tuyển dụng viên chức giai đoạn 2020 - 2024 (số 1374/ĐHV-TCCB ngày 30/11/2018) [H7.07.02.05] và kế hoạch tuyển dụng hàng năm [H7.07.02.06] (số 25/TB-ĐHV ngày 01/3/2019; số 11/KH-ĐHV ngày 12/02/2020; số 67/KH-ĐHV ngày 23/6/2023), trong đó qui định cụ thể tiêu chí tuyển dụng, số lượng, vị trí cần tuyển dụng và qui trình tuyển dụng; đối với việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại CB lãnh đạo và luân chuyển NV. Nhà trường cũng thực hiện theo qui định tuyển dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian công tác viên chức, người lao động của Trường (Quyết định số 1128/QĐ-ĐHV ngày 26/9/2016 và Nghị quyết số 07/NQ-ĐHV ngày 27/3/2023) [H7.07.02.07].

Qui định tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV được xác định rõ ràng dựa trên nhu cầu của đơn vị, tiêu chí của vị trí việc làm, nhiệm vụ của đơn vị, định biên nhân sự. Hàng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch xét tuyển viên chức [H7.07.02.06] (số 25/TB-ĐHV ngày 01/3/2019; số 11/KH-ĐHV ngày 12/02/2020; số 67/KH-ĐHV ngày

23/6/2023) và thông báo công khai về các tiêu chí tuyển dụng, cụ thể gồm: (1) Số lượng và cơ cấu viên chức cần tuyển; (2) Hình thức, nội dung, qui trình tuyển dụng; (3) Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký tuyển dụng; (4) Thời gian dự kiến...; việc điều chuyển NV được thực hiện theo qui định tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bổ nhiệm, miễn nhiệm, kéo dài (Quyết định số 1128/QĐ-ĐHV ngày 26/9/2016; số 06/QĐ-ĐU ngày 27/02/2023) [H7.07.02.07], qui chế này được Nhà trường tổ chức lấy ý kiến toàn thể viên chức của Trường trước khi chính thức ban hành (Công văn số 619/ĐHV-TCCB ngày 17/5/2016) [H7.07.02.08]. Trong giai đoạn đánh giá, Nhà trường đã tuyển dụng mới được 99 chuyên viên, NV; bổ nhiệm mới 30 vị trí lãnh đạo; bổ nhiệm lại 15 vị trí lãnh đạo và luân chuyển vị trí công tác 113 lượt chuyên viên, NV đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của Trường.

Qui trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển bao gồm cả kế hoạch tuyển dụng và kết quả tuyển dụng của Nhà trường đều được công khai trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường (<https://vinhuni.edu.vn/>) [H7.07.02.09], trên cổng thông tin E-Office [H7.07.02.10] và trên các phương tiện thông tin đại chúng (báo Nghệ An) [H7.07.02.11]. Các quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, điều động nhân sự được lưu giữ tại Phòng TCCB và các đơn vị liên quan. Trong giai đoạn đánh giá, Nhà trường tuân thủ qui định trong công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV, không có khiếu kiện, khiếu nại liên quan đến tuyển dụng, bổ nhiệm, chuyển đổi công tác đối với đội ngũ NV của Trường.

### 2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng và ban hành Đề án vị trí việc làm và việc triển khai các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn NV để bổ nhiệm, điều chuyển một cách công khai.

### 3. Điểm tồn tại

Đề án vị trí việc làm chưa xây dựng tiêu chí cụ thể về hoạt động PVCĐ cho từng vị trí việc làm.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tiếp tục rà soát Đề án vị trí việc làm và bổ sung tiêu chí cụ thể về hoạt động PVCĐ cho từng vị trí việc làm.	Phòng TCCB	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục triển khai Đề án vị trí việc làm theo các tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn, bổ nhiệm, điều chuyển NV ngày một khoa học và hiệu quả hơn.	Phòng TCCB, Trường Sư phạm	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	

## 5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá

### 1. Mô tả hiện trạng

Hoạt động đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên chức được thực hiện hàng năm theo quy định của Nhà trường (Quyết định số 929/QĐ-ĐHV ngày 24/8/2017 và Quyết định số 2736/QĐ-ĐHV ngày 22/11/2021) [H7.07.03.01]. Hàng năm, Nhà trường ban hành văn bản hướng dẫn về việc đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức [H7.07.03.02] (Công văn số 1289/ĐHV-TCCB ngày 11/12/2020; số 13/HD-ĐHV ngày 23/11/2021; số 08/HD-ĐHV ngày 14/11/2022; số 120/KH-ĐHV ngày 03/11/2023), trong đó quy định nguyên tắc, yêu cầu, qui trình và các tiêu chí đánh giá. Tiêu chí đánh giá đội ngũ NV gồm: Chính trị tư tưởng; đạo đức, lối sống; tác phong, lề lối làm việc; ý thức tổ chức kỉ luật; kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao...; Nhà trường ban hành nội dung cụ thể các tiêu chí đánh giá, tiêu chí xếp loại chất lượng viên chức, mẫu phiếu đánh giá (có đầy đủ các tiêu chí và thang điểm đánh giá cho từng tiêu chí) [H7.07.03.01]. Kết quả đánh giá, xếp loại được sử dụng để xét tặng các danh hiệu thi đua, khen thưởng; xem xét trong quá trình cử đi đào tạo, bồi dưỡng, qui hoạch, bổ nhiệm; được áp dụng chi trả thu nhập tăng thêm và hưởng các phúc lợi theo qui định tại Qui chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường.

Đánh giá năng lực đội ngũ NV thực hiện theo hướng dẫn hàng năm của Nhà trường (Công văn số 1289/ĐHV-TCCB ngày 11/12/2020 [H7.07.03.03]; số 13/HD-ĐHV ngày 23/11/2021 [H7.07.03.04]; số 08/HD-ĐHV ngày 14/11/2022 [H7.07.03.05]; số 120/KH-ĐHV ngày 03/11/2023 [H7.07.03.06]), cụ thể: Viên chức TĐG kết quả công tác theo nhiệm vụ được giao (theo mẫu phiếu), đơn vị tổ chức họp để nhận xét, đánh giá từng viên chức, trường đơn vị nhận xét kết quả TĐG của NV và ưu, nhược điểm của NV trong công tác, phân loại viên chức để xếp loại, Phòng HCTH có trách nhiệm tổng hợp báo cáo Hội đồng thi đua khen thưởng của Nhà trường phê duyệt. Hàng năm, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến NH đánh giá chất lượng đội ngũ NV để có thêm kênh thông tin đánh giá chất lượng phục vụ của các NV thuộc phòng, khoa, ban..., kết quả trung bình 05 năm đạt loại tốt là 78,0% và loại khá là 13,7% [H7.07.03.07]. Trong chu kỳ đánh giá không có khiếu nại của CB, GV, NV về công tác đánh giá, thi đua, khen thưởng. Hồ sơ đánh giá, xếp loại CB, viên chức, người lao động hằng năm của Nhà trường được lưu trữ tại Phòng HCTH [H7.07.03.08].

### 2. Điểm mạnh

Nhà trường có qui định chung xác định rõ năng lực của đội ngũ NV và được cụ thể hóa cho từng vị trí, từng đơn vị và triển khai đánh giá công khai hàng năm.

### 3. Điểm tồn tại

Ý kiến phản hồi của NH về chất lượng đội ngũ NV chưa được tổng hợp theo từng

CTĐT làm cơ sở đối sánh và cải tiến.

#### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Thực hiện phân tích, tổng hợp ý kiến phản hồi của NH về chất lượng đội ngũ NV theo từng CTĐT để làm cơ sở đối sánh và cải tiến hiệu quả hơn.	Phòng TCCB	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, cập nhật qui định chung xác định rõ năng lực của đội ngũ NV và cụ thể hóa cho từng vị trí, từng đơn vị để triển khai đánh giá định kì một cách hiệu quả hơn.	Phòng TCCB	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	

#### 5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

##### 1. Mô tả hiện trạng

Đào tạo, bồi dưỡng phát triển chuyên môn, nghiệp vụ được Nhà trường quan tâm, tạo điều kiện để viên chức nói chung và NV nói riêng được thực hiện theo nhu cầu cá nhân phù hợp với vị trí, yêu cầu của công việc và sự phát triển của Nhà trường. Dựa trên Quy chế về đào tạo, bồi dưỡng CB, viên chức của Trường (Quyết định số 1128/QĐ-ĐHV ngày 26/9/2016 [H7.07.04.01] và Quyết định số 96/QĐ-ĐHV ngày 13/01/2021) [H7.07.04.02], hàng năm, Nhà trường đã gửi công văn đến các đơn vị trong toàn trường khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng viên chức cho phù hợp với vị trí việc làm của từng đơn vị, phù hợp với kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm của Nhà trường (Công văn số 49/ĐHV-TCCB ngày 11/01/2019 [H7.07.04.03]; số 200/ĐHV-BQLDANN ngày 11/3/2019 [H7.07.04.04]; số 131/ĐHV-HCTH ngày 14/02/2023 [H7.07.04.05]). Nội dung đào tạo, bồi dưỡng bao gồm đào tạo SDH, bồi dưỡng ngạch viên chức, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ...; trên cơ sở đăng kí của các đơn vị, Phòng TCCB tổng hợp báo cáo BGH xem xét ra quyết định.

Trên cơ sở nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng đăng kí của các đơn vị, Nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm (Kế hoạch số 05/KH-ĐHV ngày 19/02/2019 [H7.07.04.06]; số 01/KH-ĐHV ngày 06/01/2021 [H7.07.04.07]; số 01/KH-ĐHV ngày 05/01/2022 [H7.07.04.08]; số 57/KH-ĐHV ngày 26/5/2023 [H7.07.04.09] và số 12/KH-ĐHV ngày 21/02/2024 [H7.07.04.10]). Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cho viên chức được trích từ nguồn kinh phí của Nhà trường được thể hiện trong qui chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường [H7.07.04.11] (tổng kinh phí dành cho đào tạo đội và bồi

dưỡng đội ngũ NV toàn trường từ năm 2020 đến hết năm 2023 là 1.716.528.167 đồng).

Để triển khai thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng phát triển chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ viên chức nói chung, Nhà trường ban hành quyết định cử CB đi đào tạo SDH, tổ chức và cử viên chức tham gia các lớp bồi dưỡng kiến thức, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch, ngoại ngữ, tin học... (Quyết định số 438/QĐ-ĐHV ngày 08/3/2019 [H7.07.04.12]; Quyết định số 3520/QĐ-ĐHV ngày 08/12/2020 [H7.07.04.13]; Quyết định số 1102/ĐHV-TCCB ngày 14/10/2021 [H7.07.04.14]; Quyết định số 996/QĐ-ĐHV ngày 05/5/2022 [H7.07.04.15]; Quyết định số 1919/QĐ-ĐHV ngày 08/8/2023 [H7.07.04.16]...). Đội ngũ NV hỗ trợ luôn được Nhà trường và Trường Sư phạm tạo điều kiện và cử tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ được Phòng TCCB phối hợp với các đơn vị triển khai thực hiện. Trong giai đoạn đánh giá, Nhà trường đã đào tạo đội ngũ NV được 17 tiến sĩ, 16 thạc sĩ, 03 cử nhân...; bồi dưỡng 566 lượt chuyên viên, NV hỗ trợ với các nội dung: Tin học, nghiệp vụ sư phạm, thư viện, lí luận chính trị, bồi dưỡng lãnh đạo cấp phòng, quản lí văn bằng, chứng chỉ, Đảm bảo và KĐCLGD..., trong đó Trường Sư phạm có 23 lượt NV được đào tạo, bồi dưỡng.

### 2. Điểm mạnh

Tương tự như đối với GV, Nhà trường xác định nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của NV và tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng hoặc cử đi đào tạo, bồi dưỡng nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và PVCĐ của Nhà trường.

### 3. Điểm tồn tại

Việc tổ chức đánh giá hiệu quả sau đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ NV chưa được triển khai một cách đồng bộ, hiệu quả.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Thúc đẩy việc tổ chức đánh giá hiệu quả sau đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ NV một cách đồng bộ, hiệu quả để cải tiến chất lượng hoạt động này.	Phòng TCCB	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát văn bản xác định nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của NV và tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng và cử đi đào tạo, bồi dưỡng nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và PVCĐ.	Phòng TCCB, Khoa Sinh học	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	

### 5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

#### 1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã xây dựng và ban hành danh mục vị trí việc làm, tiêu chuẩn và điều kiện làm việc của từng vị trí việc làm của Nhà trường (Quyết định số 1185/QĐ-ĐHV ngày 04/12/2018 [H7.07.05.01]; Nghị quyết số 16/NQ-ĐHV ngày 20/12/2022 [H7.07.05.02]). Các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường (Trường Sư phạm, trung tâm, viện, khoa...) xây dựng kế hoạch công tác năm trình BGH phê duyệt, trong đó xác định rõ nội dung các công việc, người thực hiện và thời gian cần thực hiện; hàng tháng, các đơn vị/bộ phận họp đánh giá thực hiện nhiệm vụ tháng trước và phân công công việc của tháng tiếp theo cho từng CB, NV của đơn vị/bộ phận và gửi về Phòng HCTH theo qui định tại Qui chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường (Quyết định số 1016/QĐ-ĐHV ngày 22/10/2018 [H7.07.05.03]; Nghị quyết số 06/NQ-HĐT ngày 12/5/2021) [H7.07.05.04] và Qui chế làm việc của Trường (Quyết định số 1456/QĐ-ĐHV ngày 11/6/2024) [H7.07.05.05]. Công việc cụ thể của NV Trường Sư phạm cũng được liệt kê trong kế hoạch năm và phân công cho từng NV của Trường Sư phạm.

Nhà trường cũng ban hành các văn bản về việc theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV như Qui chế làm việc của Trường ĐH Vinh [H7.07.05.05] (Quyết định số 1456/QĐ-ĐHV ngày 11/6/2024), Qui chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐH Vinh [H7.07.05.04] (số 1016/QĐ-ĐHV ngày 22/10/2018; số 06/NQ-HĐT ngày 12/5/2021), Qui định đánh giá, xếp loại chất lượng đơn vị, viên chức và người lao động của Trường ĐH Vinh [H7.07.05.06] (số 929/QĐ-ĐHV ngày 24/8/2017 và số 2736/QĐ-ĐHV ngày 22/11/2021), Qui định về công tác thi đua, khen thưởng (số 2864/QĐ-ĐHV ngày 02/12/2021) [H7.07.05.07], Công văn hướng dẫn đánh giá, phân loại viên chức hàng năm của Trường [H7.07.05.08] (Công văn số 1289/ĐHV-TCCB ngày 11/12/2020; số 13/HD-ĐHV ngày 23/11/2021; số 08/HD-ĐHV ngày 14/11/2022; số 09/HD-ĐHV ngày 07/11/2023). Các văn bản trên đã nêu rõ trách nhiệm của đơn vị và cá nhân (trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm chính) trong việc kiểm tra, giám sát và đánh giá việc thực hiện khối lượng các công việc mà NV phải thực hiện, trong đó có cả qui định, qui trình về khen thưởng mà Phòng HCTH là đơn vị thường trực của Hội đồng thi đua khen thưởng của Nhà trường. Ngoài ra, Nhà trường còn căn cứ vào ý kiến đánh giá của NH để đánh giá hiệu quả chất lượng công việc của đội ngũ viên chức nói chung và đội ngũ NV nói riêng [H7.07.05.09].

Hoạt động theo dõi, giám sát và đánh giá kết quả công việc của đội ngũ NV được

Nhà trường giao cho trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường phụ trách NV thực hiện (Quyết định số 1016/QĐ-ĐHV ngày 22/10/2018 [H7.07.05.03]; Nghị quyết số 06/NQ-HĐT ngày 12/5/2021 [H7.07.05.04]). Cuối mỗi tháng, năm học, các đơn vị thực hiện đánh giá, phân loại viên chức theo qui định và Hiệu trưởng ra quyết định công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm (Quyết định số 3925/QĐ-ĐHV ngày 31/12/2020 [H7.07.05.10]; số 35/QĐ-ĐHV ngày 12/01/2022 [H7.07.05.11]; số 3456/QĐ-ĐHV ngày 18/12/2023) [H7.07.05.12].

Trên cơ sở kế hoạch công tác của đơn vị, từng chuyên viên, NV xây dựng kế hoạch công tác năm, trong đó có nội dung công việc, thời gian thực hiện. Minh chứng tại một số đơn vị như Phòng HCTH, Trung tâm ĐBCL, Trung tâm thực hành thí nghiệm, Phòng TCCB... cho thấy, việc thực hiện công việc hàng tuần, tháng, năm của đội ngũ NV được lãnh đạo các đơn vị phân công theo tháng, năm hoặc theo tuần tùy tính chất công việc của từng đơn vị, dựa trên kế hoạch công tác năm đã phê duyệt, kết quả công việc được đánh giá hàng tháng làm cơ sở cho việc đánh giá xếp loại cá nhân hàng tháng và báo cáo với BGH thông qua Phòng TCCB.

Việc đánh giá hiệu quả công việc của viên chức được Nhà trường thực hiện công khai, minh bạch và dân chủ theo hướng dẫn của Nhà trường hàng năm. Năm 2021, Nhà trường ban hành Qui định đánh giá, xếp loại chất lượng đơn vị, viên chức và người lao động của Trường ĐH Vinh, Nhà trường đã gửi công văn lấy ý kiến góp ý của tất cả viên chức toàn trường (Công văn số 1366/ĐHV-HCTH ngày 30/11/2021) [H7.07.05.13], các ý kiến được gửi về Phòng HCTH để tổng hợp trình Hội đồng thi đua khen thưởng xem xét, điều chỉnh, bổ sung.

Đội ngũ NV hài lòng với việc quản trị của Nhà trường, đặc biệt là thi đua khen thưởng. Trong giai đoạn đánh giá, số lượng NV của Nhà trường được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và khen thưởng khá nhiều [H7.07.05.10] (năm 2020 có 42 NV, năm 2021 có 62 NV, năm 2022 có 49 NV, năm 2023 có 50 NV và năm 2024 có 51 NV được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong đó Trường Sư phạm có 12 lượt NV được đánh giá hoàn thành xuất sắc và 45 lượt NV hoàn thành tốt nhiệm vụ), chưa có trường hợp nào khiếu nại về kết quả đánh giá, bình xét thi đua khen thưởng, nâng lương trước thời hạn của Nhà trường.

## *2. Điểm mạnh*

Nhà trường đã triển khai xây dựng KPIs cho các vị trí việc làm và thực hiện quản trị công việc của NV (gồm cả khen thưởng và công nhận) theo kết quả đạt được, nhờ đó đã tạo động lực và hỗ trợ hiệu quả cho đào tạo, NCKH và PVCD.

## *3. Điểm tồn tại*

Kế hoạch công tác năm, tháng của các đơn vị và cá nhân chưa có khối lượng công việc cụ thể (chỉ có tên công việc và thời gian thực hiện).

#### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Xác định rõ khối lượng công việc (KPIs) và thời gian cần thực hiện để đánh giá chính xác và hiệu quả hơn năng lực đội ngũ NV.	Phòng TCCB	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện quản trị công việc của NV (gồm cả khen thưởng và công nhận) theo kết quả đạt được (KPIs) nhằm tạo động lực và hỗ trợ hiệu quả hơn cho đào tạo, NCKH và PVCĐ	Phòng TCCB, Khoa Sinh học	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7).

#### Kết luận về Tiêu chuẩn 7

##### - Điểm mạnh nổi bật của Tiêu chuẩn

Nhà trường đã ban hành chiến lược phát triển đến năm 2030 và xác định nhu cầu đội ngũ NV giai đoạn 2016 - 2021 và 2022 - 2026 cơ bản đáp ứng nhu cầu của Nhà trường; các qui định, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV được ban hành và phổ biến công khai; thực hiện việc khảo sát nhu cầu, xây dựng kế hoạch và thực hiện đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ NV; triển khai đánh giá hiệu quả công việc dựa trên mô tả năng lực vị trí việc làm; NV được tham gia xây dựng, góp ý qui định đánh giá hiệu quả công việc và hài lòng với kết quả đánh giá.

##### - Điểm tồn tại cơ bản của Tiêu chuẩn

Chưa xác định cụ thể số lượng NV từ năm 2026 đến năm 2030 theo chiến lược phát triển của Nhà trường; khung năng lực và mô tả vị trí việc làm của Nhà trường chưa thể hiện nội dung hoạt động PVCĐ của đội ngũ NV. Nhà trường chưa tổ chức đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ NV làm cơ sở để cải tiến hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, chưa xác định rõ khối lượng công việc cho từng cá nhân, chuyên viên, NV cụ thể, rõ ràng.

##### - Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn

Căn cứ Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT tại Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, đội ngũ NV của Trường Sư phạm, khoa Sinh học tham gia hỗ trợ thực hiện CTĐT SHTN là ĐBCL và đáp ứng yêu cầu kiểm định cả 5 tiêu chí.

## **Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học**

### **Mở đầu**

Chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học là điều kiện cơ bản để nâng cao chất lượng đào tạo. Đối với các CTĐT trình độ Thạc sĩ thuộc Khoa Sinh học, chất lượng này trước hết dựa vào các chính sách, tiêu chí và hình thức tuyển sinh phù hợp với qui định của Bộ GD&ĐT và dựa trên những phân tích về nhu cầu nhân lực của ngành và ý kiến của các BLQ. Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa cũng đã xây dựng hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của HV một cách linh hoạt để tư vấn và hỗ trợ HV được kịp thời. Môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan thoáng mát đã phát huy sự sáng tạo và sự thoải mái cho HV.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật

#### *1. Mô tả hiện trạng*

CTĐT trình độ thạc sĩ CTĐT SHTN có chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, đầy đủ và chi tiết thông qua Đề án tuyển sinh hàng năm, được xây dựng theo đúng các qui định hiện hành [H8.08.01.01] (Đề án tuyển sinh các năm: Năm 2022: Số 197/ĐA-ĐHV ban hành ngày 07/3/2022; Năm 2023: Số 1697/ĐA-ĐHV ban hành ngày 31/12/2022). Chính sách tuyển sinh của Trường được cập nhật [H8.08.01.02] (Qui định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường ĐH Vinh ban hành theo các quyết định số 863/QĐ-ĐHV ngày 20/07/2016, số 2468/QĐ-ĐHV ngày 16/10/2018 và số 2592/QĐ-ĐHV ngày 02/11/2021) phù hợp với Qui chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ theo các Thông tư của Bộ GD&ĐT [H8.08.01.03] (Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 và số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021), thể hiện thông qua việc xét tuyển, thay đổi điều kiện xét tuyển đối với các hình thức xét tuyển dựa vào qui chế hiện hành. Thông báo và Đề án tuyển sinh hàng năm có đầy đủ thông tin cụ thể [H8.08.01.01] về Nhà trường, qui mô đào tạo, đối tượng tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, điều kiện dự tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh, ngưỡng ĐBCL đầu vào, tổ hợp môn đăng kí xét tuyển, các điều kiện ĐBCL.

Chính sách tuyển sinh được công bố công khai đến các BLQ dưới nhiều hình thức văn bản (Đề án tuyển sinh [H8.08.01.01], Thông báo tuyển sinh [H8.08.01.04], Thông tin tuyển sinh trực tuyến trên cổng thông tin điện tử [H8.08.01.05]: <https://phongdaotao.sdh.vinhuni.edu.vn/tuyen-sinh?page=3>). Thông tin được cập nhật liên tục, sinh động.

Số lượng NH được xét tuyển vào CTĐT bậc thạc sĩ CTĐT SHTN theo chỉ tiêu đã được duyệt trong kế hoạch năm học của Khoa Sinh học, được thể hiện trong kế hoạch tuyển sinh của các lần trong năm. Chỉ tiêu này được xác định dựa vào tỉ lệ HV ra trường, tầm nhìn, sứ mạng của Trường, thông tin dự báo nguồn nhân lực của ngành. Số liệu thống kê về tuyển sinh và nhập học của thạc sĩ CTĐT SHTN trong giai đoạn đánh giá

thể hiện ở Bảng 8.1.

**Bảng 8.1.** Thống kê tình hình tuyển sinh của CTĐT 5 năm gần đây

Năm tuyển sinh	Kết quả tuyển sinh hàng năm			
	Số lượng chỉ tiêu*	Số lượng đăng kí dự tuyển	Số lượng trúng tuyển	Số lượng nhập học
2020 (K28)	20	20	20	20
2021 (K29)	10	3	3	3
2022 (K30)	20	0	0	0
2023 (K31)	20	13	13	13
2024 (K32)	20	5	5	5
<b>Tổng cộng</b>	<b>90</b>	<b>41</b>	<b>41</b>	<b>41</b>

\*Chỉ tiêu chung của ngành SHTN

Kết quả tuyển sinh qua 5 năm, từ năm 2020 đến 2024 là 41 HV/90 chỉ tiêu, số lượng HV đăng kí vào học có xu thế giảm qua các năm. Hàng năm, Nhà trường thực hiện tổng kết công tác tuyển sinh, phân tích kết quả tuyển sinh làm căn cứ để cập nhật về chính sách tuyển sinh và có sự điều chỉnh về hoạt động xác định chỉ tiêu tuyển sinh năm tiếp theo.

#### 2. Điểm mạnh

Hàng năm, Nhà trường đều tổ chức tổng kết công tác tuyển sinh và đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của công tác này. Nhờ đó, chính sách tuyển sinh của Nhà trường và CTĐT được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.

#### 3. Điểm tồn tại

Hình thức quảng bá tuyển sinh ở cấp Khoa, cấp Trường Sư phạm chưa thực sự đa dạng nên hiệu quả quảng bá tuyển sinh chưa thực sự cao.

#### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Đa dạng hóa hơn các hình thức quảng bá tuyển sinh ở cấp Khoa, cấp Trường Sư phạm nhằm tăng cường hiệu quả tuyển sinh.	Phòng ĐT SĐH Khoa Sinh	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì việc tổ chức tổng kết công tác tuyển sinh hàng năm và đưa ra các giải pháp nhằm đảm bảo Chính sách tuyển sinh của CTĐT rõ ràng, được công bố công khai.	Phòng ĐT SĐH Khoa Sinh	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	

### 5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá

#### 1. Mô tả hiện trạng

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được xác định rõ ràng dựa trên tiêu chí ĐBCL đầu vào trình độ thạc sĩ theo qui định của Bộ GD&ĐT [H8.08.02.01] và của Nhà trường [H8.08.02.02], trên cơ sở phân tích số liệu tổng hợp kết quả tuyển sinh các năm trước, kết quả phân tích tình trạng việc làm của người tốt nghiệp. Thông báo tuyển sinh của Nhà trường nêu cụ thể, chi tiết về đối tượng tuyển sinh, hình thức xét tuyển; hình thức và thời gian đào tạo; yêu cầu về năng lực ngoại ngữ; các qui định về thời gian và lệ phí dự tuyển; địa điểm tư vấn, hướng dẫn thủ tục nhận hồ sơ dự tuyển; các chính sách áp dụng đối với NH của Trường ĐH Vinh cho từng đối tượng [H8.08.01.03].

Nhà trường không ngừng cập nhật cải tiến chính sách tuyển sinh, qui trình tuyển sinh và nhập học, cải tiến phương thức tuyển, tiêu chí tuyển, cải tiến công tác truyền thông... Các qui trình nhận hồ sơ xét tuyển được điều chỉnh cải tiến sao cho thuận tiện nhất cho thí sinh như: nộp hồ sơ online, xét tuyển trực tuyến, tư vấn trực tuyến... Sau mỗi kì tuyển sinh, dựa trên các kết quả tổng kết về công tác tuyển sinh, số lượng thí sinh nhập học, Hội đồng tuyển sinh của Nhà trường sẽ tổ chức họp phân tích, nhận định tình hình tuyển sinh của Nhà trường [H8.08.01.04] và trên cả nước, phân tích xu hướng, cơ hội và thách thức để tìm ra những điểm đạt và chưa đạt theo mục tiêu đã đề ra, rút kinh nghiệm để cải tiến các tiêu chí tuyển, vùng tuyển, công tác truyền thông... Trên cơ sở này, Trường/khoa Sinh học xây dựng kế hoạch tuyển sinh cho khóa mới hoàn chỉnh hơn, nhằm đạt kết quả tuyển sinh tốt nhất, đúng và đủ chỉ tiêu tuyển sinh được duyệt [H8.08.01.05].

Phương thức tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Sinh học cụ thể như sau:

Từ năm 2021 trở về trước, Phương thức tuyển sinh hằng năm là tổ chức thi tuyển. Hằng năm Nhà trường ra thông báo về chỉ tiêu, điều kiện, thời gian thi tuyển với 3 môn dự thi: cơ bản, cơ sở và ngoại ngữ (Triết học; Sinh học và Tiếng Anh) [H8.08.01.06].

Từ năm 2022 trở về sau, Nhà trường tổ chức xét tuyển theo qui định tại Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021. Theo đó, Nhà trường nêu phương thức tuyển sinh và điều kiện xét tuyển; qui định về văn bằng, ngoại ngữ, kinh nghiệm công tác chuyên môn [H8.08.01.07]. Việc tổ chức học bổ sung kiến thức đối với thí sinh ngành gần, ngành khác được qui định và thông tin chi tiết cho người đăng kí dự thi. Việc tổ chức việc học bổ sung được công khai trên website của Nhà trường

Các chính sách và qui định tuyển sinh (đối tượng, qui trình thi/xét tuyển, đánh giá đầu vào; đối tượng thi tuyển, xét tuyển; đối tượng ưu tiên...) được Nhà trường công bố

công khai qua nhiều kênh thông tin khác nhau: qua hoạt động tư vấn tuyển sinh của Phòng ĐT SĐH, khoa Sinh học, Nhà trường còn lập một website tuyển sinh riêng. Qua Website, các BLQ có thể tìm hiểu và được tư vấn đầy đủ các thông tin về công tác tuyển sinh của Nhà trường. Ngoài ra, các thông tin tuyển sinh của Nhà trường còn được công bố công khai trên các phương tiện truyền thông xã hội khác như: báo giấy, báo điện tử, các hoạt động tiếp cận cộng đồng, các tài liệu quảng bá, các brochure... [H8.08.01.08] Trường còn có hệ thống tư vấn tuyển sinh qua các kênh: Fanpage, Tư vấn tuyển sinh tại Website, Chat trực tuyến, Zalo Vinhuni, Hộp thư tuyển sinh và Tổng đài tư vấn để tư vấn, giải đáp cho thí sinh những thông tin, qui chế tuyển sinh của Trường [H8.08.01.09].

Ngoài công thông tin điện tử được cập nhật liên tục, Trường ĐH Vinh, khoa Sinh học còn mở rộng phạm vi truyền thông trực tiếp đến các tỉnh thành trong cả nước. Thủ tục nộp hồ sơ xét tuyển nhanh, gọn, thuận tiện cho thí sinh đến tại Trường hoặc gửi qua đường bưu điện. Kết quả được thông báo kịp thời, nhanh chóng qua Cổng thông tin điện tử và tin nhắn, điện thoại đến từng thí sinh [H8.08.01.10].

Chính sách tuyển sinh có sự góp ý của các BLQ và phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực từ các báo cáo phân tích dữ liệu tuyển sinh hằng năm qua nhiều kênh thông tin và cơ sở dữ liệu trong xã hội [H8.08.01.11], do đó được cập nhật thường xuyên.

Hàng năm, trước khi xây dựng các chính sách, đề án tuyển sinh, trên cơ sở các qui chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, các dữ liệu báo cáo của Phòng ĐT SĐH, khoa Sinh học, Nhà trường tổ chức các cuộc họp phân tích kết quả tuyển sinh năm trước [H8.08.01.12], dự báo nhu cầu nguồn nhân lực năm tới (phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế xã hội của địa phương) để xây dựng các chính sách, đề án tuyển sinh riêng của Trường ĐH Vinh [H8.08.01.13]. Mỗi năm, Nhà trường xây dựng một phương thức tuyển sinh riêng. Ngoài ra, Nhà trường cũng đã phân tích, dự báo nhu cầu nhân lực ngành Sinh học để có chính sách tuyển sinh phù hợp, đồng thời, khoa Sinh học còn tổ chức các Hội thảo chuyên đề ngành Sinh học, ngày Hội việc làm hay cuộc gặp mặt các cựu HV, NTD để lắng nghe ý kiến đóng góp về CTĐT, về các kỹ năng HV ngành Sinh học cần phải có, về nhu cầu nguồn nhân lực tại các đơn vị trên địa bàn hiện nay.

Kết quả tuyển sinh hằng năm đạt có xu thế không ổn định so với chỉ tiêu, nhưng đảm bảo chất lượng đầu vào:

**Bảng 8.2.** Kết quả tuyển sinh và nhập học của CTĐT trong chu kỳ đánh giá

Năm	2020		2021		2022		2023		2024	
	Chỉ tiêu	Nhập học	Chỉ tiêu	Nhập học	Chỉ tiêu	Nhập học	Chỉ tiêu	Nhập học	Chỉ tiêu	Nhập học
SHTN	20	20	10	3	20	0	20	13	20	5

Hàng năm Hội đồng tuyển sinh SDH, Bộ môn đã thực hiện rà soát lại tiêu chí và phương pháp tuyển sinh/ tuyển chọn NH (Biên bản họp về xây dựng kế hoạch tuyển sinh và đề án tuyển sinh hàng năm 2020-2024) [H8.08.02.14].

### 2. Điểm mạnh

Cùng với chính sách tuyển sinh, các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn HV được xác định rõ ràng và được đánh giá hàng năm.

### 3. Điểm tồn tại

Việc rà soát, bổ sung các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH chưa thực sự hiệu quả cao, kết quả tuyển sinh chưa đạt kì vọng.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1.	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường việc khảo sát ý kiến các BLQ trong quá trình rà soát, đánh giá các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn HV để tăng hiệu quả công tác tuyển sinh	Khoa Sinh học	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, cập nhật các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn HV hàng năm nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả tuyển sinh.	Phòng ĐT SDH, Khoa Sinh học	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	

### 5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học

#### 1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ phù hợp với qui định của Bộ GD&ĐT [H8.08.03.01] (Các Qui định đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường ĐH Vinh: Số 863/QĐ-ĐHV ngày 20/07/2016; Số 2592/QĐ-ĐHV ngày 02/11/2021) để điều hành các hoạt động đào tạo, theo dõi sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện, khối lượng học tập, KQHT của NH. Ở cấp Trường, công tác này được giao cho 1 Phó Hiệu trưởng, các phòng chức năng liên quan gồm Phòng Đào tạo SDH, Phòng Công tác Chính trị - HSSV, Chủ nhiệm chuyên CTĐT SHTN và chuyên viên phụ trách nhằm giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT và khối lượng học tập của HV (Phân công lĩnh vực phụ trách của BGH [H8.08.03.02]; Qui định chức năng, nhiệm vụ các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường ĐH Vinh theo Quyết định Số 2396/QĐ-ĐHV ngày 06/9/2019 [H8.08.03.03]).

**Bảng 8.3.** Các dịch vụ hỗ trợ người học của CTĐT

<b>Đơn vị</b>	<b>Nội dung hỗ trợ học viên</b>
<i>1. Cán bộ hỗ trợ cấp Trường Sư phạm</i>	
Cán bộ quản lý sinh viên, HV	- Quản lý hồ sơ của HV. - Liên lạc với HV khi có các yêu cầu từ Nhà trường.
Cán bộ văn phòng	- Quản lý kết quả học tập của HV.
Cán bộ phụ trách CTĐT Thạc sĩ	- Hỗ trợ thông tin về CTĐT, thời khóa biểu học tập. - Giải quyết các yêu cầu của HV liên quan đến CTĐT.
<i>2. Cán bộ hỗ trợ cấp Trường ĐH Vinh</i>	
Phòng Đào tạo SDH	- Thu nhận hồ sơ dự tuyển đầu vào. - Cung cấp thông tin và các qui định liên quan đến HV trong quá trình học tập.
Phòng Công tác Chính trị và HS-SV	Quản lý, hỗ trợ HV về các chính sách liên quan đến HV.
Phòng Kế hoạch - Tài chính	Hỗ trợ các vấn đề liên quan đến học phí của HV.
Trung tâm Đảm bảo chất lượng	Quản lý kết quả học tập của HV, các qui định liên quan đến đánh giá điểm của HV.
Trung tâm Công nghệ thông tin	- Hỗ trợ về quản lý tài khoản học tập của HV. - Hỗ trợ về các vấn đề liên quan đến học trực tuyến của HV.
Thư viện	Hỗ trợ HV về học liệu học tập và quản lý quá trình in ấn và lưu trữ luận văn.
Trung tâm Nội trú	- Hỗ trợ về kí túc xá cho HV.
Trạm Y tế	- Hỗ trợ về y tế cho HV.

Công tác giám sát khối lượng học tập ở cấp Khoa được thực hiện thường xuyên bởi CB quản lý học tập của Khoa, Chủ nhiệm ngành và cả GV. Hàng năm, Khoa phân công nhiệm vụ cụ thể cho CBGV [H8.08.03.04] trong công tác giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của NH và cảnh báo học vụ. CB phụ trách chuyên ngành và Trợ lý quản lý HV của Trường Sư phạm được phân công giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH, xử lý học vụ, cảnh báo KQHT, có trách nhiệm hỗ trợ HV và báo cáo kịp thời với lãnh đạo Phòng Đào tạo SDH và Trường Sư phạm để giải quyết. Công tác giám sát NH được thực hiện theo một qui trình [H8.08.03.05] từ khi nhập học đến khi tốt nghiệp và căn cứ vào các qui định của CTĐT bậc thạc sĩ CTĐT SHTN của từng HP giảng dạy đồng thời đáp ứng đầy đủ các qui định của Trường ĐH Vinh về học tập và rèn luyện của HV. Căn cứ Qui chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường và khung chương trình Thạc sĩ ngành SHTN, HV sẽ phải hoàn thành 60 tín chỉ trong thời gian 2 năm. Như vậy, khối lượng học tập tính theo tín chỉ được phân chia tương đối đồng đều, hợp lí trong từng năm học và từng học kì, đảm bảo cho

HV có lực học bình thường có thể hoàn thành chương trình đúng thời gian qui định.

Cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện, theo dõi tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học, tốt nghiệp được quản lí tập trung trên phần mềm quản lí đào tạo (CMC, Trí Nam) [H8.08.03.06], đảm bảo giám sát khối lượng học tập và rèn luyện NH chính xác. Đối với KQHT, khối lượng học tập của NH được thể hiện qua từng kì như sau: Số tín chỉ tích lũy, điểm trung bình chung tích lũy, điểm trung bình của kì, số tín chỉ tích lũy của kì, KQHT của từng HP... Mỗi HV được cung cấp tài khoản cá nhân [H8.08.03.07] để truy cập vào hệ thống bất kì lúc nào để nắm rõ các thông tin cần thiết. Kết thúc mỗi năm học, phòng Đào tạo SDH và Bộ môn SHTN thuộc Trường Sư phạm, Trung tâm CNTT sẽ cung cấp cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của HV trong học tập và rèn luyện. Sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT và khối lượng học tập của NH được giám sát bởi các BLQ. KQHT của NH được Phòng Đào tạo SDH quản lí giám sát bằng hồ sơ điểm học tập [H8.08.03.08].

### 2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống giám sát phù hợp và hiệu quả (bao gồm cấp Trường ĐH Vinh, Trường Sư phạm và cấp khoa) về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của từng HV.

### 3. Điểm tồn tại

Công tác tư vấn, hỗ trợ cho HV để giải quyết những khó khăn gặp phải trong quá trình học tập (như thời gian học, chuẩn ngoại ngữ...) chưa đáp ứng hoàn toàn các mong muốn của HV.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1.	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường công tác tư vấn, hỗ trợ để giúp cho HV giải quyết những khó khăn gặp phải trong quá trình học tập như thời gian học (HV là CB đi học), đạt các CDR đúng hạn.	Khoa Sinh học và Trường Sư phạm	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	
2.	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên rà soát và hoàn thiện hệ thống giám sát phù hợp và hiệu quả về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập cho HV.	Phòng ĐT SDH, Khoa Sinh học	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	

### 5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Công tác HV được Trường quan tâm từ lúc HV mới nhập học cho đến quá trình HV học tập và tốt nghiệp. Trường ĐH Vinh, Khoa Sinh học có bộ phận và CB chuyên trách (Phòng Đào tạo SĐH, Trung tâm DV, HTSV&QHĐN, Phòng CTCT-HSSV, Ban lãnh đạo Khoa, phụ trách chuyên ngành) [H8.08.04.01] chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm phát triển nghề nghiệp và tư vấn việc làm cho HV cao học.

Ở đơn vị cấp trường là Phòng Đào tạo SĐH, Trung tâm DV, HTSV&QHĐN, Phòng CTCT - HSSV chịu trách nhiệm hỗ trợ, tư vấn việc làm cho HV, về phía Ban lãnh đạo Trường Sư, Khoa, phụ trách chuyên ngành, các GV trực tiếp giảng dạy chuyên ngành chịu trách nhiệm hỗ trợ HV trong việc cải thiện học tập gắn với phát triển nghề nghiệp (Quyết định Số 2396/QĐ-ĐHV ngày 06/9/2019, qui định chức năng, nhiệm vụ các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường ĐH Vinh) [H8.08.04.01].

Hàng năm, Trường ĐH Vinh, Trường Sư phạm và Khoa Sinh học có kế hoạch và triển khai các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của HV [H8.08.04.02]. Thông qua kế hoạch đào tạo của Nhà trường cho các khóa cao học, các buổi họp lớp, các buổi học theo thời khóa biểu, các nhóm zalo, facebook, email, chủ nhiệm chuyên ngành và đội ngũ GV giảng dạy các HP thường xuyên tư vấn cho HV về phương pháp học, lựa chọn hướng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, rèn luyện, kỹ năng mềm... cho HV [H8.08.04.03].

Đối với các khóa mới nhập học, Trường cử đại diện CB Phòng Đào tạo SĐH, phụ trách chuyên ngành, GV giảng dạy tham gia buổi “Gặp mặt đầu khóa” nhằm giới thiệu, trang bị cho HV góc nhìn tổng quan về chuyên ngành học, CTĐT cũng như qui chế đào tạo của Bộ GD&ĐT và các qui định của Nhà trường; phổ biến các qui định về văn hóa ứng xử, trách nhiệm xây dựng môi trường văn hóa học đường, các hoạt động xã hội khác (Kế hoạch đón tiếp HV cao học từ năm 2019 đến năm 2023) [H8.08.04.04]. Bên cạnh đó, Trường có đội ngũ GV, các nhà khoa học có học hàm, học vị với chuyên môn vững vàng, sẵn sàng tham gia hướng dẫn HV chuyên ngành SHTN thực hiện tốt hoạt động nghiên cứu như hướng dẫn HV làm Luận văn/Đồ án tốt nghiệp, viết bài báo khoa học, đề tài nghiên cứu. Trường hợp HV có bài báo đăng tải trên các tạp chí chuyên ngành sẽ được cộng điểm bài báo trong kết quả bảo vệ Luận văn/Đồ án tốt nghiệp, đối với đề tài cấp trường nếu HV có tham gia sẽ được cấp kinh phí theo qui định. Ngoài ra, HV cao học của Nhà trường sau khi học xong 1 năm học nếu đạt các kết quả theo yêu cầu của Nhà trường sẽ được nhận học bổng với mức tối đa 3 triệu đồng/năm [H8.08.04.05]. Trường luôn đảm bảo cho HV được tiếp cận đầy đủ nguồn giáo trình, tài liệu học tập

liên quan đến CTĐT đang học thông qua hệ thống sách, báo, tạp chí... phong phú tại thư viện Trường cũng như nguồn tài liệu trực tuyến (Danh mục giáo trình, tài liệu tham khảo ngành SHTN có tại Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào) [H8.08.04.06]. Đối với hoạt động hỗ trợ việc làm cho HV cao học, Nhà trường và Trường Sư phạm đều có kế hoạch và triển khai các hoạt động hỗ trợ tăng cường năng lực của HV sau khóa học và hỗ trợ việc làm cho HV. Vì vậy, định kì Nhà trường có tổ chức lấy ý kiến đơn vị sử dụng lao động để đánh giá năng lực của HV sau khóa học [H8.08.04.07]. Đối với những HV chưa có việc làm, Trường Sư phạm và CB giảng dạy quan tâm, tích cực tìm kiếm thông tin và giới thiệu những vị trí việc làm phù hợp với năng lực của HV. Trung tâm DV, HTSV&QHĐN thường xuyên hỗ trợ các thông tin về việc làm nếu HV có nhu cầu, liên hệ trao đổi, hợp tác với doanh nghiệp, các tổ chức, các lớp tập huấn kiến thức khởi nghiệp, đổi mới, sáng tạo ngay trong Nhà trường.

Hàng năm, Trường có tổ chức thu thập ý kiến đánh giá của HV đang học các HP, HV sắp tốt nghiệp, HV đã tốt nghiệp về chất lượng và hiệu quả đối với các hoạt động hỗ trợ, tư vấn NH. Qua đợt khảo sát gần nhất, có trên 80% HV hài lòng với chất lượng hỗ trợ, tư vấn của Trường (Báo cáo kết quả triển khai công tác lấy ý kiến HV cao học năm học 2019 - 2020, số 68/BC-ĐHV ngày 27/8/2020) [H8.08.04.08].

### 2. Điểm mạnh

Nhờ có hệ thống giám sát, tư vấn, hỗ trợ cho HV được thiết lập và tổ chức hoạt động nên các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác đã giúp HV cải thiện việc học tập và khả năng thăng tiến.

### 3. Điểm tồn tại

Hoạt động trao đổi học thuật seminar, hội thảo khoa học có số lượng HV tham gia còn ít.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1.	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường tổ chức các hoạt động trao đổi học thuật, hội thảo khoa học và thúc đẩy HV tham gia nhiều hơn bằng cách gắn với việc đánh giá sự tiên bộ của HV.	Khoa Sinh học	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	
2.	Phát huy điểm mạnh	Định kì rà soát và hoàn thiện hệ thống giám sát, tư vấn, hỗ trợ cho HV để giúp HV cải thiện việc học tập và khả năng thăng tiến cao hơn.	Phòng ĐT SDG, Khoa Sinh học	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	

### 5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lí, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học

### *1. Mô tả hiện trạng*

Trường ĐH Vinh có cảnh quan hiện đại, thoáng và sạch đẹp [H8.08.05.01]. Nhà trường và Trường Sư phạm luôn quan tâm xây dựng không gian làm việc thoải mái, thân thiện để tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động giảng dạy, học tập, NCKH. Trong hoạt động đào tạo, GV của Khoa luôn tạo được mối quan hệ thân ái, gần gũi, chia sẻ với NH, trao quyền chủ động, sáng tạo cho HV. HV được quan tâm bảo vệ về vấn đề an toàn, sức khỏe với Phòng Y tế rộng rãi, được trang bị đầy đủ và có CB trực thường xuyên. Trường có chính sách khen thưởng, cấp học bổng, hỗ trợ đối với HV có thành tích học tập tốt, tham gia NCKH và đoạt giải các kì thi dành cho HV theo đúng qui định khen thưởng với mục đích khuyến khích HV học tập, rèn luyện [H8.08.05.02].

Khuôn viên của Trường có cây xanh, không gian đủ, thuận lợi cho HV học tập, trao đổi, thảo luận, nghỉ ngơi và rèn luyện thể chất. Trong khuôn viên Nhà trường có hệ thống phòng cháy chữa cháy được trang bị, nghiệm thu và được cơ quan chức năng kiểm tra thường xuyên [H8.08.05.03]. Nhìn chung, cảnh quan sư phạm của Trường/Khoa sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, đáp ứng cho các đối tượng NH. Cảnh quan khu vực được bố trí hợp lí, khoa học, tạo điều kiện thuận lợi cho GV và HV trong hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của HV về chất lượng phục vụ y tế học đường và môi trường an ninh trật tự trong trường học thực hiện năm 2023 [H8.08.05.04] cho thấy: Nhà trường đã tổ chức khảo sát, lấy ý kiến NH và các BLQ về môi trường tâm lí, xã hội và cảnh quan trong Trường, theo phiếu khảo sát chung của Nhà trường, từ đó đưa ra các giải pháp cụ thể để ngày càng hoàn thiện môi trường tâm lí, xã hội và cảnh quan trong Trường. Theo số liệu thống kê kết quả khảo sát ý kiến vào tháng 8/2020 của gần 200 HV cao học khoá 27 về trước về cảnh quan, môi trường đều được đánh giá cao ở mức độ hài lòng đạt từ 90% trở lên (Báo cáo kết quả khảo sát từ năm 2020 đến 2024) [H8.08.05.05]. Qua phỏng vấn HV và cựu HV của CTĐT cũng đều hài lòng về chất lượng các hoạt động NH và hỗ trợ NH của Nhà trường.

### *2. Điểm mạnh*

Nhà trường có khuôn viên thoáng mát, có Trạm Y tế, Kí túc xá, sân chơi rộng rãi... nên môi trường tâm lí, xã hội và cảnh quan tốt, đã tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, NCKH và tạo sự thoải mái cho sinh hoạt và học tập của HV.

### *3. Điểm tồn tại*

Nhà trường chưa có nhiều các phòng sinh hoạt chuyên môn riêng cho các khoa/ngành nên việc tổ chức các sự kiện chia sẻ, kết nối (đặc biệt với doanh nghiệp) còn

hạn chế.

#### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1.	Khắc phục điểm tồn tại	Bố trí các phòng sinh hoạt chuyên môn riêng cho các khoa/ngành để tổ chức các sự kiện chia sẻ, kết nối (đặc biệt với doanh nghiệp) được tiện lợi hơn.	Phòng QT&ĐT Khoa Sinh	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	
2.	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên kiểm tra môi trường tâm lí, xã hội và cảnh quan để tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, NCKH và sự thoải mái cho HV và GV.	Phòng QT&ĐT Khoa Sinh	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7).

### Kết luận về Tiêu chuẩn 8

#### - Điểm mạnh nổi bật của Tiêu chuẩn

CTĐT trình độ thạc sĩ ngành SHTN có chính sách tuyển sinh và phương pháp, tiêu chí xét tuyển đúng qui định, rõ ràng, được công khai và cập nhật, truyền thông ở cả cấp Trường ĐH Vinh, cấp Trường Sư phạm và cấp Khoa. Các hoạt động tư vấn, hỗ trợ HV, các hoạt động thực hành, thực tế, ngoại khóa... được chú trọng. Cảnh quan môi trường sạch, đẹp; môi trường tâm lí, xã hội thân thiện, cởi mở, tác động lan tỏa trong CB, GV và HV, được các BLQ đánh giá cao.

#### - Điểm tồn tại cơ bản của Tiêu chuẩn

Hình thức quảng bá tuyển sinh của Nhà trường chưa thực sự đa dạng. Trong quá trình rà soát, đánh giá các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH, việc khảo sát ý kiến các BLQ chưa thực sự hiệu quả. Công tác tư vấn, hỗ trợ cho HV để giải quyết những khó khăn chưa đáp ứng hoàn toàn các mong muốn của HV. Hoạt động trao đổi học thuật, hội thảo khoa học có số lượng HV tham gia còn ít. Nhà trường chưa có nhiều các phòng sinh hoạt chuyên môn riêng cho các khoa/ngành nên việc tổ chức các sự kiện chia sẻ, kết nối với doanh nghiệp còn hạn chế.

#### - Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn

Căn cứ Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT tại Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, công tác tuyển sinh và hỗ trợ NH thuộc CTĐT SHTN là ĐBCL và đáp ứng yêu cầu kiểm định cả 5 tiêu chí.

## **Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị**

### **Mở đầu**

Trường ĐH Vinh đảm bảo đủ các điều kiện về cơ sở vật chất và trang thiết bị học tập để triển khai các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ nhằm đạt được mục tiêu đề ra. CTĐT có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp, thư viện và các nguồn học liệu đầy đủ và cập nhật, phòng thí nghiệm thực hành đa dạng, hệ thống CNTT phù hợp để quản lý và đào tạo trực tuyến. Nhà trường cũng đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn cho NH.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

#### *1. Mô tả hiện trạng*

Trường ĐH Vinh có 05 cơ sở trên địa bàn 2 tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh với tổng diện tích đất hiện đang sử dụng là 44,61 ha trong tổng thể quy hoạch 118 ha; diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo là 191.778 m<sup>2</sup> [H9.09.01.01]. Diện tích phòng học lý thuyết là 51.054 m<sup>2</sup> với tổng số 282 phòng sức chứa từ 50 đến 200 chỗ. Ngoài số phòng học trên, Trường có 10 hội trường/giảng đường lớn, 10 phòng hội thảo với tổng diện tích 3.439 m<sup>2</sup>; 211 phòng làm việc cho các đơn vị cho GV cao cấp, phó giáo sư, giáo sư với diện tích 15.864 m<sup>2</sup> [H9.09.01.02]. Văn phòng khoa Sinh học, tọa lạc tại tầng 2 Tòa nhà A0, gồm có 1 phòng sử dụng làm văn phòng và nơi làm việc của lãnh đạo khoa và GV. HV chuyên ngành SKTN sử dụng chung các phòng học dành cho HV cao học của Trường. Hệ thống phòng học và chức năng phù hợp, đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo, NCKH và hoạt động khác. Tỉ lệ diện tích sàn xây dựng /1 SV của Trường là 5,99 m<sup>2</sup>/SV.

Các phòng làm việc, chức năng của Trường cũng như của khoa Sinh học được trang bị đầy đủ bàn ghế, máy tính có kết nối mạng, hệ thống điện, chiếu sáng, quạt, điều hoà... Các phòng học, hội thảo... đều được trang bị máy chiếu, máy lạnh, hệ thống âm thanh, bảng, kết nối internet...; có hệ thống thông gió, cửa sổ thông thoáng, có hai cửa, rộng rãi, thoáng mát; các hành lang nơi làm việc, giảng dạy, học tập của GV, NH đều có cầu thang bộ, đáp ứng yêu cầu phục vụ đào tạo, NCKH và PVCĐ. Trường đã ban hành Qui định quản lý, khai thác và sử dụng tài sản (Quyết định số 203/QĐ-ĐHV, ngày 16/9/2017) [H9.09.01.03]; Quyết định thành lập Hội đồng thanh lý tài sản Trường ĐH Vinh (số 1288/QĐ-ĐHV ngày 17/6/2020) [H9.09.01.04]; Qui trình sử dụng thiết bị máy chiếu [H9.09.01.05]; có các biên bản kiểm kê tài sản văn phòng các đơn vị [H9.09.01.06]. Hàng năm, Trường có kế hoạch dự trù kinh phí để nâng cấp, sửa chữa trên cơ sở đề xuất của bộ môn/khoa [H9.09.01.07], Phòng Quản trị và Đầu tư, phối hợp Phòng Kế hoạch - Tài chính xem xét trình BGH phê duyệt. Trong giai đoạn đánh giá, Trường đã sửa chữa, bổ sung, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị trong các phòng làm việc, phòng học, giảng đường, phòng chức năng, trong đó có các bộ môn với kinh

phí hàng trăm tỉ đồng, đặc biệt hoàn thiện công trình Trung tâm Khảo thí trên diện tích đất 870 m<sup>2</sup>, cao 7 tầng, tổng diện tích sàn 6.090 m<sup>2</sup> (Quyết định phê duyệt số 1351/QĐ-ĐHV ngày 02/6/2023 là 1,5 tỉ; Quyết định phê duyệt số 1592/QĐ-ĐHV ngày 04/7/2023 là 1,4 tỉ; số 574/QĐ-ĐHV ngày 08/3/2020; số 3380/QĐ-ĐHV ngày 06/12/2019; số 2078/QĐ-BGD&ĐT ngày 20/6/2017) [H9.09.01.08]. Kết quả khảo sát NH năm học 2022 - 2023 của Trường, về mức độ hài lòng về hệ thống phòng học và trang thiết bị các phòng học đảm bảo điều kiện học tập, rèn luyện, sinh hoạt của NH là 94,1% (Báo cáo số 63/BC-ĐHV ngày 19/8/2023) [H9.09.01.09].

### 2. Điểm mạnh

Nhà trường đáp ứng Thông tư 01/2024/TT-BGDĐT về điều kiện bảo đảm chất lượng của Chuẩn cơ sở giáo dục ĐH, bao gồm hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ.

### 3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát hài lòng về hệ thống phòng học và trang thiết bị các phòng học chưa được phân tích, tổng hợp theo từng ngành, từng bậc đào tạo.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1.	Khắc phục điểm tồn tại	Tiến hành phân tích, tổng hợp kết quả khảo sát hài lòng về hệ thống phòng học và trang thiết bị theo từng ngành, từng bậc đào tạo.	Phòng QT &ĐT Phòng Công tác CT&HSSV	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	
2.	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ rà soát, sửa chữa, bảo dưỡng, phòng học, trang thiết bị nhằm duy trì các điều kiện ĐBCL của Chuẩn cơ sở giáo dục ĐH để hỗ trợ tốt cho các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ	Phòng QT &ĐT Phòng KHTC	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	

### 5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

#### 1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐH Vinh có Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào được thành lập theo Quyết định số 2327/TCCB ngày 08/10/2009 [H9.09.02.01] từ Trung tâm

Thông tin Tư liệu và Thư viện và thực hiện theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Thư viện [H9.09.02.02]. Trường có 02 thư viện tại 02 cơ sở (cơ sở 1 là tòa nhà 7 tầng có 3 cầu thang máy; cơ sở 2 tại Nghi Ân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An) với tổng diện tích sàn 9.952 m<sup>2</sup>, gồm 55 phòng, đáp ứng cho 1200 chỗ ngồi cho bạn đọc, phục vụ khai thác cơ sở dữ liệu trên mạng và gồm các phòng: 24 phòng đọc, 4 phòng lưu trữ; 4 phòng tra cứu; 3 phòng mượn/trả tài liệu; làm việc cho CB, NV... đáp ứng các qui định của Luật thư viện, Nghị định 93/2020/NĐ-CP, Thông tư 14/2023/TT-BGDĐT về tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục đại học và Thông tư 01/2024/TT-BGDĐT về Chuẩn cơ sở giáo dục đại học.

Thư viện, phòng đọc được trang bị các trang thiết bị để hoạt động, có trang chuyên dụng và nguồn cơ sở dữ liệu. Thư viện Trường có hệ thống mượn - trả tài liệu tự động 24/7; phần mềm quản lý thư viện Kipos [H9.09.02.03] tiên tiến, máy scan - số hóa, đầu kỹ thuật số; 136 máy tính; có trang thông tin <http://thuvien.vinhuni.edu.vn/> [H9.09.02.04] tích hợp hệ thống cơ sở dữ liệu, thư viện số, tài nguyên số bao gồm các bộ sưu tập số: bài báo khoa học, luận văn, luận án, đề tài NCKH và sách chuyên khảo, bài giảng, giáo trình đáp ứng nhu cầu học tập, giảng dạy và NCKH, đồng thời là nơi kết nối với các thư viện và các trung tâm thông tin trong và ngoài nước; có cơ sở dữ liệu Proquest central [H9.09.02.05] với gần 40 cơ sở dữ liệu phổ biến (01/LHTV-IT GVN-VINHUNI2019, ngày 21/11/2019). Đội ngũ CB thư viện năng lực, phẩm chất và đã được tập huấn kỹ năng để phát triển thư viện hiện đại với tổng số 21 CB, trong đó 03 CB có trình độ thạc sĩ, 18 CB tốt nghiệp đúng chuyên ngành thư viện, 03 CB ngành CNTT. Thư viện có hệ thống hướng dẫn và qui định: Thông báo sử dụng cơ sở dữ liệu điện tử trực tuyến online, thư viện số và website thư viện Nguyễn Thúc Hào (số 15 /TTTTV ngày 20/4/2021) [H9.09.02.06]; hướng dẫn sử dụng quản trị hệ thống và sử dụng CNTT Kiposs.webprotal version 5.0 năm 2016 [H9.09.02.07]; hướng dẫn khai thác cơ sở dữ liệu; hướng dẫn đăng nhập cổng thông tin thư viện; hướng dẫn sử dụng cơ sở dữ liệu tạp chí điện tử; hướng dẫn sử dụng tạp chí emerald; hướng dẫn tạo tài khoản cá nhân emerald; qui định về giờ phục vụ, mượn tài liệu [H9.09.02.08], theo đó, thời gian mở cửa các ngày từ thứ Hai đến thứ Sáu: mùa hè từ 7h00 - 21h30, mùa đông từ 7h30 - 21h30; thứ bảy, chủ nhật từ 13h30 - 17h00; tháng 2 và tháng 7 phục vụ giờ hành chính.

Thư viện Trường hiện có tổng số 56.863 đầu sách với 760.987 bản; 54 tạp chí. Trong đó ngành SHTN có 841 đầu tài liệu với 12.615 bản, góp phần đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu.

Tài liệu, học liệu của Trường đã được cập nhật, cơ bản đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu: xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu trực tuyến, liên kết với 82 thư viện trong khối thư viện số ĐH như ĐH Quốc gia Hà Nội, ĐH Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Trường ĐH Kinh tế quốc dân... (công văn đóng góp kinh phí bổ sung nguồn thông tin Quốc tế cơ sở dữ liệu ProQuest Central và chia sẻ điện tử trong nước từ bộ

KHCN số 605/TTKHCN, ngày 02/10/2019 và đóng góp kinh phí thành viên thụ hưởng cơ sở dữ liệu số 1207/ĐHV-TTTV ngày 28/10/2019) [H9.09.02.09]; ban hành qui trình bổ sung sách giáo trình (mã số: QT-BSHL-TV năm 2020) [H9.09.02.10] gồm các biểu mẫu danh mục học liệu theo ĐCHP của các CTĐT, danh mục học liệu bổ sung cho các CTĐT; Qui định về qui trình xuất bản giáo trình, tài liệu (số 504/QĐ-ĐHV ngày 17/5/2016) [H9.09.02.11]; qui định về việc biên soạn, nghiệm thu, phát hành, sử dụng giáo trình, tài liệu học tập (số 533/QĐ-ĐHV ngày 22/6/2018) [H9.09.02.12]; thành lập các Hội đồng nghiệm thu giáo trình [H9.09.02.13] (số 1613/QĐ-ĐHV ngày 05/7/2022; số 2080/QĐ-ĐHV ngày 21/8/2024; số 921/QĐ-ĐHV ngày 23/4/2024); ban hành danh mục tài liệu giáo trình giảng dạy thạc sĩ (số 1155/QĐ-ĐHV ngày 20/5/2022); phê duyệt kế hoạch xuất bản giáo trình ĐH và SĐH [H9.09.02.14] (số 638/QĐ-ĐHV ngày 01/3/2024; số 526/QĐ-ĐHV ngày 07/3/2023); qui định mức chi hỗ trợ cho viết giáo trình trong Qui chế chi tiêu nội bộ (Quyết định số 734/QĐ-ĐHV ngày 01/4/2024) [H9.09.02.15]. Hằng năm, Trường còn tổ chức thanh lọc tài liệu thư viện định kì (số 993/ĐHV-TV 28/3/2017) [H9.09.02.16] để góp phần nâng cao vốn tài liệu thư viện. Trong chu kì đánh giá, ngành SHTN đã bổ sung thêm 08 đầu sách.

Thư viện có phần mềm quản lí Kipos thống kê số lượt bạn đọc ra, vào, số lượt mượn, lượt truy cập tài liệu. Trong 05 năm từ 2019 - 2023 có 20.322.445 lượt bạn đọc/truy cập; trong đó bạn đọc ngành SHTN năm 2022 là 1046 lượt, năm 2023 là 1140 lượt, năm 2024 là 1126 lượt. Kết quả khảo sát về mức độ đáp ứng của thư viện, tỉ lệ hài lòng trở lên đối của NH năm học 2022 - 2023 về cơ sở dữ liệu, nguồn học liệu đáp ứng nhu cầu của NH là 94,9%; trang thiết bị các phòng đọc, thiết bị hỗ trợ NH trong việc tìm kiếm các tài liệu thông tin cần thiết là 93,7%; không gian học tập của thư viện là 93,4% (Báo cáo số 63/BC-ĐHV ngày 19/8/2023) [H9.09.02.17].

## 2. Điểm mạnh

Nhờ coi trọng việc đầu tư Thư viện nên CTĐT có các nguồn học liệu phù hợp và cập nhật hỗ trợ tốt cho các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD.

## 3. Điểm tồn tại

Việc cập nhật, bổ sung tài liệu, giáo trình có lúc chưa kịp thời, một vài tài liệu xuất bản trên 10 năm do vẫn còn giá trị tham khảo.

## 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1.	Khắc phục điểm	Tiếp tục rà soát, cập nhật tài liệu, giáo trình kịp thời để bổ sung cho các tài liệu xuất bản	Trung tâm TTTV,	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	

	tồn tại	trên 10 năm mà vẫn còn giá trị tham khảo.	Phòng KHTC, Khoa Sinh học		
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, cập nhật các nguồn học liệu phù hợp và bổ sung để hỗ trợ tốt hơn cho hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ của CTĐT.	Trung tâm TTTV, Phòng KHTC, Khoa Sinh học	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Trường có Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm được thành lập trên cơ sở sát nhập các phòng thí nghiệm, thực hành, xưởng, trại trong toàn trường (Quyết định số 706/QĐ-ĐHV ngày 04/4/2011) [H9.09.03.01], được bố trí tại 05 tòa nhà (nhà A0, D1, NL, XD, TN) với tổng số 86 phòng [H9.09.03.02], được chia thành 8 nhóm ngành (Sinh học; Hóa học; CNTT; Địa lí & Quản lí tài nguyên; Xây dựng; Điện tử viễn thông; Vật lí và Công nghệ). Mỗi phòng diện tích từ 36 - 180 m<sup>2</sup>, tổng diện tích sàn xây dựng là 25.525 m<sup>2</sup>. Ngoài các phòng thực hành chung của Trường, HV ngành SHTN, trình độ thạc sĩ thực hành chung tại các phòng thực hành thuộc Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm của Trường thuộc nhóm ngành Sinh học (phòng thực hành vi sinh, động vật, thực vật xét nghiệm sinh học phân tử, công nghệ sinh học) và phòng PPDH. Mỗi phòng thực hành được trang bị các trang thiết bị chuyên môn phù hợp hỗ trợ cho việc học và nghiên cứu theo chiến lược phát triển, đáp ứng yêu cầu CĐR của ngành học như kính hiển vi chiếu hình, kính hiển vi chụp ảnh, tủ nuôi cấy, máy đồng hóa mẫu bằng siêu âm Q-700 Qsonicator, Tủ an toàn sinh học... (danh mục trang thiết bị, tài sản cố định của các đơn vị kèm theo cùng các biên bản kiểm kê tài sản của khoa từ năm 2019 - 2023) [H9.09.03.03].

Định kì, Trường có kế hoạch, quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư, bổ sung mua sắm, thay thế các trang thiết bị mới cho phòng thực hành chuyên môn đảm bảo đáp ứng nhu cầu về đào tạo và NCKH của CB, GV và HV [H9.09.03.04]. Trước khi duy tu, mua sắm cập nhật, nâng cấp Trường tiến hành kiểm kê tài sản (qui trình QT. QTĐT.02, ngày 20/9/2023) [H9.09.03.05] gồm 7 bước và qui định về việc thanh lí tài sản sau kiểm kê (số 1287 ngày 17/6/2020); Qui trình thanh lí tài sản (QT. QTĐT.03, ngày 20/9/2023) [H9.09.03.06] gồm 6 bước. Giai đoạn 2019- 2023, Trường đã chi khoảng gần 64 tỉ cho thay thế, sửa chữa, mua sắm thiết bị, hóa chất [H9.09.03.07] (Hóa đơn số 18 ngày 11/12/2023; số 23 ngày 12/12/2023; số 33 ngày 13/12/2023; số 4718 ngày 11/12/2023...).

Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm được quản lý bởi Ban Giám đốc (3 CB) và gồm 4 tổ chuyên môn (38 CB làm việc trực tiếp, với phương châm 1 người phụ trách ít nhất 02 phòng thí nghiệm, thực hành và 02 HP theo qui chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm thực hành -thí nghiệm (Quyết định số 182/QĐ-ĐHV ngày 07/03/2017) [H9.09.03.08]. Trường đã ban hành: Qui trình quản lý tài sản, máy móc thiết bị và sử dụng (Quyết định số 90/QĐ-ĐHV, 13/2/2017) [H9.09.03.09]; Qui trình quản lý hoạt động thực hành, thí nghiệm gồm 11 bước (QT.THTN.01 ngày 20/9/2023) [H9.09.03.10]; nội qui phòng thực hành (ngày 25/02/2015) [H9.09.03.11]; Hằng năm, Trường đã thành lập Hội đồng kiểm kê tài sản với 9 - 11 thành viên, mà chủ tịch hội đồng là Phó Hiệu trưởng [H9.09.03.12] (Quyết định số 3291/QĐ-ĐHV ngày 29/12/2022; số 3236/QĐ-ĐHV ngày 22/12/2021; số 3742/QĐ-ĐHV ngày 31/12/2019). Đồng thời, hệ thống các phòng thực hành có nội qui sử dụng, có sổ giao nhận trang thiết bị, theo dõi sử dụng và phân công trực phòng thực hành, biên bản kiểm kê tài sản cố định (sổ nhật kí sửa chữa thay thế thiết bị và biên bản kiểm kê hàng năm) [H9.09.03.13]; đã đánh giá tần số việc sử dụng các trang thiết bị (9h mỗi ngày từ thứ Hai đến thứ Sáu và 40% vào hai ngày cuối tuần).

Kết quả khảo sát NH năm học 2022 - 2023 cho thấy, mức độ hài lòng và rất hài lòng về hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị các phòng thực hành - thí nghiệm của Nhà trường đáp ứng NH là rất cao (89%); các thiết bị thực hành - thí nghiệm đều hoạt động ổn định và đảm bảo kết quả phù hợp với yêu cầu là 88,9% (Báo cáo số 63/BC-ĐHV ngày 19/8/2023) [H9.09.03.14].

### 2. Điểm mạnh

Nhà trường chú trọng đầu tư và ban hành các qui trình, qui định về phòng thực hành, thí nghiệm nên hệ thống phòng thí nghiệm, thực hành của Nhà trường đủ về số lượng và có trang thiết bị cập nhật, phù hợp đảm bảo hỗ trợ tốt cho các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ của CTĐT SHTN.

### 3. Điểm tồn tại

Tần số HV sử dụng thiết bị thực nghiệm chưa thực sự cao.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1.	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường các hoạt động học thuật nhằm thúc đẩy HV đến phòng thực hành thí nghiệm nhiều hơn nữa.	Khoa Sinh học	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	
2.	Phát huy	Tăng cường triển khai các đề tài, dự án NCKH để HV thực	Khoa Sinh học, Phòng	Bắt đầu từ Học kì I năm	

	điểm mạnh	nghiệm nhiều hơn ở phòng thí nghiệm.	Khoa học và Hợp tác quốc tế	học 2025-2026	
--	-----------	--------------------------------------	-----------------------------	---------------	--

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Hệ thống CNTT của Trường gồm có cơ sở hạ tầng CNTT và các phần mềm với gần 2.000 máy tính tại các phòng thực hành CNTT hướng tới đáp ứng Bộ chỉ số, tiêu chí đánh giá chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học ban hành theo Quyết định số 4740/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ GD&ĐT. Trường có 08 phòng máy chuyên dụng đáp ứng tốt cho việc học ngoại ngữ và thi trắc nghiệm; hơn 100 máy tính được nối mạng Internet tại Thư viện trường, máy tính xách tay cho đội ngũ CB quản lý, trưởng bộ môn và GV có trình độ tiến sĩ trở lên; nhiều máy in, máy photocopy [H9.09.04.01]; phần mềm quản lý đào tạo [H9.09.04.02]: sử dụng CMC từ năm 2007; văn phòng điện tử (eoffice) từ năm 2010; đã ban hành Đề án qui hoạch tổng thể hệ thống thông tin quản lý Trường ĐH Vinh gồm xây dựng trên hệ thống thông tin quản lý NH, hệ thống thông tin quản lý CB, hệ thống thông tin quản lý tài nguyên và hệ thống thông tin quản lý tài chính... (số 62/QĐ-ĐHV ngày 23/01/2017) [H9.09.04.03]; Hệ thống: elearning (số 16/ĐHV-AC ngày 06/10/2021) [H9.09.04.04], KTĐG ngoại ngữ của Trí Nam [H9.09.04.05], Homepage, iOffice; website, email, tên miền...; Cổng thông tin điện tử chính Trường: <https://vinhuni.edu.vn>; Hệ thống Quản lý ĐH thông minh <https://usmart.vinhuni.edu.vn> [H9.09.04.06] (Quản lý: NH, đào tạo, văn bằng, chứng chỉ, thu/chi đối với NH, tài nguyên, Quản lý khảo sát...), hệ thống camera, hạ tầng máy chủ... hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo, NCKH. Từ năm học 2019 - 2020, Trường đã triển khai hệ thống học trực tuyến (tất cả các phòng học) đối với tất cả các bậc đào tạo trên hệ thống LMS theo địa chỉ <http://elearning.vinhuni.edu.vn> và được hướng dẫn cụ thể (số 03/HD-ĐHV ngày 19/02/2020) [H9.09.04.04]; mạng internet và wifi được phủ sóng toàn trường, Trường sử dụng các phần mềm có bản quyền như hệ thống iOffice để quản lý hệ thống văn bản <https://ioffice.vinhuni.edu.vn>; hệ thống hỗ trợ nâng cao chất lượng tài liệu DOIT (<https://doit.vinhuni.edu.vn>) [H9.09.04.07].

Về hạ tầng mạng, Trường có 07 đường truyền internet cáp quang tốc độ cao với băng thông Quốc tế là 80 Mbps và trong nước 2 Gbps; hơn 300 điểm phát Wifi phủ sóng các giảng đường, phòng họp; 3 hệ thống máy chủ để cài đặt các phần mềm phục vụ công tác quản lý và điều hành [H9.09.04.08] (Hợp đồng số 28/2018/HĐKT-ĐHV-TN ngày 10/10/2018; số 01/PM/2021/ĐHV-TSG tháng 7/2021; số 529/2018/ĐHV-CNTT ngày

07/5/2021).

Hệ thống CNTT hoạt động ổn định, an toàn để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu: Trường thành lập trung tâm CNTT (số 800/QĐ-ĐHV ngày 29/3/2012) với 01 Giám đốc, 2 Phó Giám đốc và 5 CB, chịu trách nhiệm tổ chức vận hành ổn định, an toàn hệ thống CNTT [H9.09.04.09]; hướng dẫn, hỗ trợ người dùng khai thác, sử dụng hệ thống CNTT; trang bị hệ thống thiết bị lõi, hệ thống server, thiết bị lưu trữ - sao lưu và các thiết bị bảo mật... được đảm bảo hoạt động ổn định, tin cậy; ban hành Quy chế quản lý, khai thác hệ thống CNTT (Quyết định số 3321/QĐ-ĐHV ngày 06/12/2023) [H9.09.04.10] để quản lý, giám sát quản trị hệ thống mạng, kiểm tra, khắc phục các sự cố mạng, máy tính đảm bảo hạ tầng CNTT; bảo vệ an toàn thông tin để hệ thống CNTT luôn vận hành tốt cho phòng mạng (thiết bị tường lửa có 2, hệ thống chống sét 1, hệ thống báo cháy 2, hệ thống lưu trữ có 4...), đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCD như trong giảng dạy, họp trực tuyến diễn ra khá dễ dàng và nhuần nhuyễn trên thông dạy - học trực tuyến...

Hệ thống CNTT của Trường được theo dõi bảo trì, sửa chữa và thay thế thiết bị theo kế hoạch hằng năm (kế hoạch, biên bản nghiệm thu từ 2020-2024) [H9.09.04.11]; qui định công tác sửa chữa bảo dưỡng trang thiết bị CNTT (số 176/TB-ĐHV, ngày 28/12/2020) [H9.09.04.12], gồm 4 bước và có sự kết hợp của 3 đơn vị (viện Kỹ thuật & Công nghệ, phòng Kế hoạch & Tài chính và phòng Quản trị & Đầu tư), đặc biệt có “Đội kỹ thuật Tiên phong” thuộc viện Kỹ thuật & Công nghệ là đơn vị đầu tiên nhận phiếu đề xuất và kiểm tra sự cố kỹ thuật, bảo dưỡng của các đơn vị. Trường ban hành qui trình xử lý nghiệp vụ trên phần mềm quản lý đào tạo (Quyết định số 516/QĐ-ĐHV, ngày 23/5/2016) [H9.09.04.13]; phê duyệt danh mục, dự toán xây dựng hệ thống thông tin tổng thể Trường ĐH Vinh, từ kinh phí hơn 8 tỉ (Quyết định số 219/QĐ-ĐHV, ngày 03/4/2018) [H9.09.04.14]; thành lập tổ xây dựng nâng cấp website (Quyết định số 2243/QĐ-ĐHV, ngày 4/10/2021) [H9.09.04.15]; bổ sung các phần mềm bản quyền của Windows 2019, SQL Server 2019 và VMware vsphere 6.7; đã xây dựng 1 phòng Studio với trình tiêu chuẩn kỹ thuật tiên tiến phục vụ xây dựng học liệu điện tử và các phòng học trực tuyến.

Kết quả khảo sát NH năm 2023 về hệ thống internet và hệ thống học tập trực tuyến: Zoom, Elearning, Teams... đảm bảo ổn định phục vụ cho NH đạt 88,4% (Báo cáo số 63/BC-ĐHV, ngày 19/8/2023) [H9.09.04.16].

## *2. Điểm mạnh*

Nhà trường xây dựng Đề án qui hoạch tổng thể hệ thống thông tin quản lý Trường ĐH Vinh và triển khai thực hiện nên hệ thống CNTT, gồm cả hạ tầng học tập trực tuyến, là phù hợp để hỗ trợ tốt cho công tác quản lý, trong đào tạo, NCKH và PVCD.

## *3. Điểm tồn tại*

Mặc dù hệ thống internet đã được bao phủ toàn bộ khuôn viên Nhà trường, nhưng tốc độ wifi tại một số khu vực và một vài thời điểm chưa ổn định.

#### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1.	Khắc phục điểm tồn tại	Tiếp tục đầu tư, phân luồng truy cập, tổ chức lại quyền truy cập để đảm bảo tốc độ truy cập vào các cơ sở dữ liệu được ổn định.	Trung tâm CNTT	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	
2.	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường việc triển khai Đề án qui hoạch tổng thể hệ thống thông tin quản lí Trường ĐH Vinh nhằm đảm bảo hệ thống CNTT phù hợp để hỗ trợ tốt hơn cho công tác quản lí, trong đào tạo, NCKH và PVCD.	Trung tâm CNTT Phòng KHTC	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	

#### 5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật

##### 1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐH Vinh có qui định cụ thể một số tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn: đã ban hành bộ qui tắc ứng xử học sinh, SV, HV (số 3182/QĐ-ĐHV, ngày 26/12/2018) [H9.09.05.01]; qui chế dân chủ trong trường (số 15/NQ- HĐT, ngày 21/7/2021) [H9.09.04.02]; Qui chế tổ chức và hoạt động của Trường qui định (số 1016/QĐ-ĐHV, ngày 22/10/2018) [H9.09.04.03]; qui định về an toàn phòng chống cháy nổ; Qui định về công tác đảm bảo an ninh trật tự trường học và Kí túc xá; Qui định về an toàn vệ sinh thực phẩm đối với nhà ăn của Trường; tiêu chuẩn thiết kế trường ĐH theo TCVN3981:1985; thành lập hội đồng kiểm tra sức khỏe học sinh, SV hàng năm (số 1778 /QĐ-ĐHV, ngày 16/7/2024; số 1816 /QĐ-ĐHV, ngày 26/7/2023) [H9.09.04.04]; Thành lập đội phòng chống bão lụt - phòng chống cháy nổ (số 320/QĐ-ĐHV ngày 12/3/2017; số 2349/QĐ-ĐHV ngày 28/8/2019; số 2907/QĐ-ĐHV ngày 20/10/2023) [H9.09.04.05]; Chấp hành các qui định về công tác PCCC của cảnh sát PCCC tỉnh Nghệ An (số 48CV/PCCC-P3 (Đ2) ngày 22/3/2018) [H9.09.04.06]; ban hành qui định về quản lí, khai thác và sử dụng tài sản (số 209/QĐ-ĐHV ngày 16/3/2017) [H9.09.04.07]. Quyết định thành lập ban chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19 (số 581-QĐ/ĐU ngày 31/8/2021) [H9.09.04.08].

Qui định/tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn đã được triển khai thực hiện: tại các hành lang trước cửa phòng thực hành, phòng làm việc và khu giảng đường đều được bố trí các bình phòng cháy chữa cháy; kiện toàn Ban chỉ huy phòng chống lụt bão, phòng chống cháy nổ gồm 19 CB tại cơ sở 1 (số 2349/QĐ-ĐHV ngày 28/8/2019) [H9.09.04.09], ngoài ra còn điều động từ 13- 21 SV tham gia phòng chống bão lụt, cháy nổ (số 153/QĐ-ĐHV ngày 21/01/2021; 2930/QĐ-ĐHV ngày 21/10/2023); cử 36 CBVC tham gia huấn luyện nghiệp vụ PCCC (số 402/ĐHV-TCCB ngày 14/5/2020); tổ chức huấn luyện nghiệp vụ PCCC (hợp đồng số 04/2020/HĐHLNVPCCC ngày 28/4/2020); xây dựng phương án phòng chống cháy nổ (tờ trình ngày 31/01/2020); hợp đồng bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, tăng cường công tác kiểm tra PCCC, đặc biệt khu kí túc xá SV (biên bản ngày 13/10/2023) [H9.09.04.10]; cử CB đi tập huấn về an toàn lao động (số 243A/QĐ.TVH.ATLĐ ngày 27/3/2020) [H9.09.04.11]; tổ chức tuyên truyền pháp luật về ATGT (số 378 /ĐHV-HTSVQDN ngày 6/4/2021; số 44 /KH-ĐHV ngày 30/8/2019) [H9.09.04.12]; tổ chức các hội nghị tập huấn công tác đảm bảo an ninh, trật tự trường học và công tác NH (số 38/TT-ĐHV ngày 05/10/2018; số 2083/BGDĐT-GDCTHSSV ngày 12/6/2020); có sự phối hợp với công an phường Bến Thủy, Trường Thi và Trung Đô hỗ trợ phối hợp đảm bảo an ninh trật tự, an toàn khu vực đối với HS, SV cư trú trên địa bàn TP Vinh (số 3195/CAT- PA83, ngày 22/8/2024) [H9.09.04.13]; đã triển khai công tác vệ sinh trường học, hợp đồng với công ti dịch vụ vệ sinh môi trường, chăm sóc cây xanh (số 02/2020/HDDV, ngày 02/01/2020) [H9.09.04.14]; đã kí hợp đồng với Công ti vệ sĩ triển khai đội Bảo vệ chuyên nghiệp, bảo vệ trật tự, an toàn, an ninh (HĐ số 31/HĐKT.ĐHV-INVICO ngày 28/3/2019; số 04/2021/ HĐKT.ĐHV-INVICO, ngày 29/7/2021); công văn chỉ đạo tăng cường công tác an ninh trật tự trong trường học (số 418/ĐHV-HTSVQDN ngày 23/4/2018; số 60/ĐHV-HCTH ngày 20/01/2020; số 75/KH-ĐHV ngày 16/11/2020) [H9.09.04.15]. Lực lượng bảo vệ đủ để bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn tài sản và con người trong Trường, có trách nhiệm trực bảo vệ 24/24 giờ trong tất cả các ngày, kể cả ngày Lễ, Tết; xây dựng nội qui ra vào cơ quan. Về Y tế, đã bố trí 08 phòng với tổng diện tích 350m<sup>2</sup> với 9 CB (số 871/TCCB ngày 21/4/2008), thực hiện tuyên truyền cho SV tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn, khám sức khỏe vào đầu năm học cho 97% SV [H9.09.04.16]; cho CB, GV, NV (số 145/KH-ĐHV ngày 26/12/2023), đã kí kết khám sức khỏe định kì cho người lao động, SV, HV giữa Trường ĐH Vinh với Công ti cổ phần tổng hợp Hà An [H9.09.04.17] (số 01/2023/ĐHV- HA ngày 26/12/2023; số 01, 02, 03/ HĐ KSK/202 ngày 12/9/2023); thành lập Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19 (số 581-QĐ/ĐU ngày 31/8/2021); triển khai hướng dẫn phòng chống bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của virus Corona (số 02/HD-ĐHV ngày 4/2/2020), cách li y tế tại nhà (số 15/HD-ĐHV ngày 03/12/2021); triển khai ứng dụng Bluezone và các giải pháp để phòng chống dịch Covid-19 (số 698/ĐHV-

HCTH ngày 07/8/2020; số 176/ĐHV-HCTH ngày 07/3/2020) [H9.09.04.18]. Hàng năm, Trường ĐH Vinh có các báo cáo công tác y tế học đường, phòng chống dịch bệnh trong trường học (số 66/BC-ĐHV ngày 21/12/2018; ngày 13/11/2023) [H9.09.04.19]. Trường có bố trí các lối đi cho người khuyết tật tại tất cả các tòa nhà.

Hàng năm, Trường ĐH Vinh thực hiện lấy ý kiến về sự hài lòng của NH về môi trường, an toàn, an ninh của Trường. Kết quả khảo sát NH (SV và HV) của Trường năm 2023 cho thấy, tỉ lệ hài lòng hoặc đồng ý trở lên Hệ thống phòng cháy, chữa cháy và thoát hiểm của Trường đảm bảo theo quy định 94,5%; An toàn phòng thí nghiệm, vệ sinh, hệ thống phòng cháy, chữa cháy và thoát hiểm 89,9%; Hệ thống phòng cháy chữa cháy, thoát hiểm, an ninh trật tự và vệ sinh của thư viện 93,4%; Hệ thống điện, nước đảm bảo an toàn và đáp ứng nhu cầu NH 93,8%; Trạm Y tế 86,6%; Nhà ăn và các dịch vụ khác 80,9% (báo cáo số 63/BC-ĐHV, ngày 19/8/2023) [H9.09.04.20].

### 2. Điểm mạnh

Là trường được đưa vào danh sách xây dựng thành trường ĐH trọng điểm quốc gia, Nhà trường luôn chú trọng các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an ninh, an toàn trong toàn bộ khuôn viên Nhà trường, có lưu ý đến các nhu cầu đặc thù của HV đặc biệt.

### 3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát mức độ hài lòng về môi trường, sức khỏe và an toàn có lưu ý nhu cầu đặc thù cho HV khiếm khuyết thể lực chưa thực sự đa dạng và chưa thường xuyên.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1.	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường việc khảo sát mức độ hài lòng về môi trường, sức khỏe và an toàn có lưu ý nhu cầu đặc thù cho HV khiếm khuyết thể lực một cách đa dạng và thường xuyên hơn.	Phòng CTCTHSSV	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát và triển khai đảm bảo hơn nữa các tiêu chuẩn về môi trường, an ninh, an toàn và chăm sóc sức khỏe cho CB, GV và HV.	Phòng QT&ĐT, Trạm y tế	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7).

## Kết luận về Tiêu chuẩn 9

- Điểm mạnh nổi bật của Tiêu chuẩn

Nhà trường có hệ thống phòng học và chức năng được bố trí hợp lý, đáp ứng hiệu

quả cho các hoạt động đào tạo, NCKH và hoạt động khác; tỉ lệ diện tích sàn xây dựng của trường/1SV là 5.99m<sup>2</sup>/1SV. Thư viện với tổng diện tích sàn 9.952 m<sup>2</sup>, có đủ các phòng đọc, phần mềm quản lí; các nội qui, qui định, qui trình quản lí, sử dụng, thu nhận tài liệu; được kết nối với thư viện nhiều trường đại học trong cả nước. Hệ thống phòng thực hành, thí nghiệm, các studio có trang thiết bị phù hợp, đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và PVCĐ. Hệ thống CNTT (gồm máy tính, nền tảng học trực tuyến, phần mềm hỗ trợ) góp phần nâng cao hiệu quả đào tạo, NCKH và PVCĐ. Trường đã ban hành một số tiêu chuẩn cụ thể về môi trường, sức khỏe và an toàn; phân công chức năng, nhiệm vụ cho các phòng, ban chức năng quản lí triển khai thực hiện hằng năm.

*- Điểm tồn tại cơ bản của Tiêu chuẩn*

Việc khảo sát hài lòng về hệ thống phòng học và trang thiết bị các phòng học chưa được phân tích, tổng hợp theo từng ngành, từng bậc đào tạo. Việc cập nhật, bổ sung tài liệu, giáo trình có lúc chưa kịp thời, một vài tài liệu xuất bản trên 10 năm do vẫn còn giá trị tham khảo. Số lượng HV sử dụng thiết bị thực hành, thí nghiệm chưa thực sự nhiều. Tốc độ wifi tại một số nơi, một số thời điểm trong Trường còn yếu. Việc khảo sát mức độ hài lòng về môi trường, sức khỏe và an toàn có lưu ý nhu cầu đặc thù cho HV khiếm khuyết thể lực chưa thực sự đa dạng và chưa thường xuyên.

*- Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn*

Căn cứ Bộ tiêu chuẩn tại Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT và Thông tư 01/2024/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT, hệ thống cơ sở vật chất và trang thiết bị trường học phục vụ đào tạo CTĐT SHTN là ĐBCL và đáp ứng yêu cầu kiểm định cả 5 tiêu chí.

## **Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng**

### **Mở đầu**

Nâng cao chất lượng CTĐT là hoạt động then chốt nhằm bảo đảm đạt mục tiêu và CĐR của CTĐT và đáp ứng kịp thời những yêu cầu ngày càng cao của xã hội và thị trường lao động. Do đó, nội dung nâng cao chất lượng giáo dục sẽ tập trung chủ yếu vào việc thu thập thông tin phản hồi các BLQ về các yếu tố cấu thành chất lượng giáo dục như: năng lực NH, môi trường và cơ hội học tập, nguồn lực của cơ sở giáo dục; từ đó làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH gắn với mục tiêu và CĐR. Cơ chế phản hồi từ các BLQ được thiết lập một cách hệ thống, được định kì rà soát và cải tiến. Nhờ đó, quá trình dạy và học, việc đánh giá KQHT của NH được rà soát và đánh giá thường xuyên để bảo đảm sự tương thích và phù hợp với CĐR; kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học; chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) thường xuyên được đánh giá và cải tiến.

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học

### *1. Mô tả hiện trạng*

Hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập với sự tham gia của các đơn vị liên quan trực tiếp hoạt động thiết kế và phát triển CTĐT và CTDH, bao gồm: Phòng Đào tạo SDH, Trung tâm ĐBCL, Phòng Công tác Chính trị và Học sinh - Sinh viên và Khoa/Bộ môn chuyên môn. Chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong hệ thống được qui định cụ thể, rõ ràng trong các văn bản của Trường: Qui định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc Trường ĐH Vinh (Quyết định số 428/QĐ-ĐHV ngày 21/4/2016; số 2396/QĐ-ĐHV ngày 06/9/2019) [H10.10.01.01]; Qui chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐH Vinh [H10.10.01.02] (Quyết định số 1016/QĐ-ĐHV ngày 22/10/2018, số 06/NQ-HĐT ngày 12/5/2021); Qui định về hoạt động lấy ý kiến phản hồi từ các BLQ của Trường ĐH Vinh [H10.10.01.03] (Quyết định số 1307/QĐ-ĐHV ngày 01/11/2017, Quyết định số 2786/QĐ-ĐHV ngày 31/10/2022). Từ năm 2022, Trung tâm ĐBCL là đơn vị đầu mối chịu trách nhiệm tư vấn, xây dựng văn bản qui định, thiết kế bộ công cụ; tổng hợp, xử lý số liệu, gửi kết quả xử lý thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ đến các đơn vị (Quyết định số 2786/QĐ-ĐHV ngày 31/10/2022) [H10.10.01.04].

Hoạt động thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ được thực hiện theo các qui định của Trường [H10.10.01.04]. Nhà trường đã ban hành Qui định tạm thời lấy ý kiến phản hồi NH (Quyết định số 1307/QĐ-ĐHV ngày 01/11/2017); Qui định về hoạt động lấy ý kiến phản hồi từ các BLQ (Quyết định số 2786/QĐ-ĐHV ngày 31/10/2022). Việc xây dựng và rà soát CTDH được thực hiện theo Qui định về qui trình xây dựng và phát triển CTĐT trình độ thạc sĩ Trường ĐH Vinh (Quyết định số 976/QĐ-ĐHV ngày 20/4/2023) [H10.10.01.05]; Bộ chuẩn Bảo đảm chất lượng CTĐT phiên bản 1.0 Trường ĐH Vinh (Quyết định số 2596/QĐ-ĐHV ngày 01/10/2023) [H10.10.01.06]. Nhà trường đã thực hiện các hoạt động khảo sát như: Khảo sát NH về hoạt động giảng dạy của GV; khảo sát NH sắp tốt nghiệp về khóa học; khảo sát NH tốt nghiệp; Khảo sát cựu HV cao học về chương trình đào tạo; khảo sát GV về CTĐT và hoạt động đào tạo SDH; Đánh giá của Nhà tuyển dụng về HV cao học tốt nghiệp và CTĐT [H10.10.01.07], [H10.10.01.08]. Các dữ liệu khảo sát này cũng là căn cứ để Nhà trường và Khoa phân tích và sử dụng để rà soát, chỉnh sửa và cập nhật chương trình đào tạo.

Thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ, được Khoa/Bộ môn và Phòng Đào tạo SDH phân tích, sử dụng làm căn cứ thiết kế và phát triển CTĐT và CTDH [H10.10.01.09]: Biên bản cuộc họp ngày 25/7/2022 về việc rà soát, chỉnh sửa, cập nhật các CTĐT trình độ thạc sĩ; Biên bản cuộc họp ngày 20/5/2023 về việc rà soát, đánh giá,

cập nhật và điều chỉnh CTĐT trình độ thạc sĩ ngành SHTN làm cơ sở ban hành vào CTĐT vào năm 2022 (Quyết định số 1738/QĐ-ĐHV ngày 18/7/2022) và năm 2023 (Quyết định số 3537/QĐ-ĐHV ngày 22/12/2023) [H10.10.01.10].

### 2. Điểm mạnh

Nhà trường chú trọng việc đáp ứng nhu cầu xã hội trong kết quả đào tạo nên thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ được Nhà trường/Khoa sử dụng làm căn cứ để rà soát nhằm thiết kế và phát triển CTDH.

### 3. Điểm tồn tại

Thông tin về nhu cầu đào tạo, yêu cầu về năng lực các vị trí việc làm cụ thể chưa được khảo sát đủ nhiều để làm cơ sở điều chỉnh, bổ sung CĐR, CTDH.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường khảo sát nhu cầu về đào tạo, yêu cầu về năng lực các vị trí việc làm cụ thể để làm cơ sở điều chỉnh, bổ sung CĐR, CTDH.	Khoa Sinh học/ Phòng ĐT SĐH	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên thực hiện thu thập và phân tích thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ để làm căn cứ rà soát và phát triển CTDH.	Khoa Sinh học/ Phòng ĐT SĐH	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	

### 5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được xác lập, được đánh giá và cải tiến

#### 1. Mô tả hiện trạng

Quy trình thiết kế và phát triển CTĐT và CTDH của Trường được quy định rõ ràng trong các văn bản của Trường: Quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường ĐH Vinh (Quyết định số 863/QĐ-ĐHV ngày 20/7/2016) [H10.10.02.01]; Quy định về tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường ĐH Vinh (Quyết định số 2592/QĐ-ĐHV ngày 02/11/2021) [H10.10.02.02]; Quy định về quy trình xây dựng và phát triển CTĐT trình độ thạc sĩ theo tiếp cận CDIO (Quyết định số 976/QĐ-ĐHV ngày 20/4/2023) [H10.10.02.03]; Bộ chuẩn Bảo đảm chất lượng CTĐT phiên bản 1.0 Trường ĐH Vinh (Quyết định số 2596/QĐ-ĐHV ngày 01/10/2023) [H10.10.02.04].

Quy trình thiết kế và phát triển CTĐT và CTDH bao gồm việc rà soát về yêu cầu, nội dung và hình thức thể hiện. Giai đoạn đầu, CTĐT và CTDH được thiết kế theo các

yêu cầu tại Quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường ĐH Vinh [H10.10.02.01] (Quyết định số 863/QĐ-ĐHV ngày 20/7/2016) và Quy định về tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường ĐH Vinh (Quyết định số 2592/QĐ-ĐHV ngày 02/11/2021). Quy trình thiết kế và phát triển CTĐT phiên bản mới nhất (Quyết định số 976/QĐ-ĐHV ngày 20/4/2023) [H10.10.02.03] qui định cụ thể cho việc xây dựng CTĐT mới và cập nhật, đánh giá và phát triển CTĐT đang được áp dụng. Quy trình xây dựng CTĐT gồm 07 bước: Bước 1. Thành lập tổ soạn thảo CTĐT; Bước 2. Xây dựng dự thảo CTĐT; Bước 3. Triển khai khảo sát lấy ý kiến các BLQ; Bước 4. Hoàn thiện CTĐT lần 1; Bước 5. Tổ chức xây dựng CDR và ĐCCT các HP của dự thảo CTĐT lần 2; Bước 6. Tổ chức hội thảo hoàn thiện dự thảo CTĐT lần 2; Bước 7. Hoàn thiện, phê duyệt, công bố CTĐT. Quy trình cập nhật và đánh giá CTĐT gồm 05 bước rõ ràng, từ việc lập kế hoạch đến việc trình Hiệu trưởng phê duyệt. Cụ thể: Bước 1. Lập kế hoạch cập nhật, đánh giá CTĐT; Bước 2. Thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết của việc cập nhật CTĐT; Bước 3. Đánh giá và xây dựng báo cáo đánh giá về tính hiệu của của CTĐT đang thực hiện; Bước 4. Dự thảo những nội dung cần sửa đổi, cập nhật CTĐT, trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo xem xét, thông qua; Bước 5. Hội đồng Khoa học và Đào tạo xem xét, thông qua nội dung sửa đổi, cập nhật CTĐT trình Hiệu trưởng ban hành. Bộ chuẩn Bảo đảm chất lượng CTĐT phiên bản 1.0 của Trường ĐH Vinh (Quyết định số 2596/QĐ-ĐHV ngày 01/10/2023) cụ thể hoá nội hàm, yêu cầu và hướng dẫn thực hiện cho từng tiêu chí [H10.10.02.04].

So với các qui định năm 2016 (Quyết định số 863/QĐ-ĐHV ngày 20/7/2016) và năm 2021 (Quyết định số 2592/QĐ-ĐHV ngày 02/11/2021), Quy trình thiết kế và phát triển CTĐT năm 2023 có một số điểm cải tiến: (i) Quy định cụ thể qui trình việc xây dựng CTĐT mới và Quy trình cập nhật, đánh giá và phát triển CTĐT đang được áp dụng; (ii) Các qui trình thiết kế và phát triển CTĐT, CTDH được xác định phù hợp với các qui định tại Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021; (iii) Bộ chuẩn ĐBCL CTĐT phiên bản 1.0 của Trường hướng dẫn cụ thể những yêu cầu, các bước thực hiện cho từng tiêu chí liên quan đến hoạt động phát triển CTĐT, CTDH.

### *2. Điểm mạnh*

Nhà trường ban hành qui định và kế hoạch định kỳ rà soát CDR, CTDH. Nhờ đó, việc thiết kế và phát triển CTDH được triển khai đánh giá và cải tiến thường xuyên.

### *3. Điểm tồn tại*

Hình thức lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về qui trình thiết kế và phát triển CTDH chưa thực sự đa dạng nên hiệu quả chưa thực sự cao.

### *4. Kế hoạch hành động*

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Đa dạng hóa hình thức lấy ý kiến phản hồi từ các BLQ về qui trình thiết kế và phát triển CTDH để nâng cao hiệu quả hoạt động này.	Khoa Sinh học /Phòng ĐT SDH	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Nghiêm túc thực hiện qui định và kế hoạch hàng năm về rà soát, đánh giá CDR, CTDH để cải tiến để ngày càng đáp ứng hơn nhu cầu xã hội.	Khoa Sinh học /Phòng ĐT SDH	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Quá trình dạy, học và đánh giá KQHT của GV đối với NH được qui định rõ ràng trong các văn bản của Trường: Qui định về đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường ĐH Vinh (Quyết định số 863/QĐ-ĐHV ngày 20/7/2016) [H10.10.03.01]; Qui định về chế độ làm việc đối với GV (Quyết định số 1181/QĐ-ĐHV ngày 12/5/2021) [H10.10.03.02]; Qui định về tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường ĐH Vinh (Quyết định số 2592/QĐ-ĐHV ngày 02/11/2021) [H10.10.03.03]; Qui định KTĐG ĐH chính qui và thạc sĩ (Quyết định số 3663/QĐ-ĐHV ngày 29/12/2023) [H10.10.03.04]; Qui định chức năng, nhiệm vụ của Phòng Thanh tra - Pháp chế, Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế (Quyết định số 2396/QĐ-ĐHV ngày 06/9/2019) [H10.10.03.05]; Qui định về hoạt động lấy ý kiến phản hồi từ các BLQ của Trường ĐH Vinh (Quyết định số 1307/QĐ-ĐHV ngày 01/11/2017, Quyết định số 2786/QĐ-ĐHV ngày 31/10/2022) [H10.10.03.06]; CTĐT, CTDH đã được phê duyệt và kế hoạch đào tạo hằng năm [H10.10.03.07].

Quá trình dạy học và đánh giá KQHT của GV đối với NH được rà soát, đánh giá năm 2023 theo thang đo Likert với 05 mức. Kết quả đánh giá theo tỉ lệ và điểm đánh giá mức độ hài lòng với các đối tượng là của HV, HV sắp tốt nghiệp và HV tốt nghiệp. Tỉ lệ hài lòng và điểm đánh giá của các đối tượng khảo sát về PPDH của GV: HV là 100% và 4,6/5 điểm; HV sắp tốt nghiệp là 100% và 4,6/5 điểm; HV đã tốt nghiệp là 97,7% và 4,8/5 điểm. Về phương pháp KTĐG KQHT của NH: 100% và 4,6/5 điểm; 100% và 4,5/5 điểm; 100% và 4,6/5 điểm. Kết quả khảo sát lấy ý kiến của HV về hoạt động giảng dạy và đánh giá KQHT của NH được sử dụng trong việc rà soát, điều chỉnh CTDH, hoạt động dạy, học và KTĐG KQHT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp hơn với CDR

[H10.10.03.08].

### 2. Điểm mạnh

Nhờ có qui trình được ban hành và tổ chức thực hiện mà quá trình dạy và học cũng như việc đánh giá KQHT của HV được rà soát và đánh giá thường xuyên nhằm đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR.

### 3. Điểm tồn tại

Việc phân tích, đối sánh kết quả khảo sát hằng năm vẫn còn hạn chế, chưa thực sự đầy đủ và liên tục như yêu cầu đảm bảo chất lượng.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Thúc đẩy việc phân tích, đối sánh kết quả khảo sát hằng năm một cách toàn diện và thường xuyên hơn nhằm làm cơ sở cho việc nâng cao chất lượng.	Khoa Sinh học / Trung tâm ĐBCL	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Đảm bảo việc rà soát, đánh giá quá trình dạy và học, hoạt động đánh giá KQHT của HV một cách thường xuyên để duy trì sự tương thích giữa các hoạt động dạy học với CDR	Khoa Sinh học / Trung tâm ĐBCL	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	

### 5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học

#### 1. Mô tả hiện trạng

Tính đến hết tháng 12 năm 2024, đội ngũ GV tham gia thực hiện CTĐT đã hoàn thành và nghiệm thu: 01 đề tài Nafosted; 04 đề tài cấp bộ/tỉnh; 06 đề tài NCKH cấp trường; biên soạn và xuất bản 18 sách chuyên khảo; 11 giáo trình; 29 sách tham khảo; công bố 129 bài báo trên các tạp chí khoa học WoS/Scopus, 05 báo trên các tạp chí quốc tế khác; 53 bài được đăng trên tạp chí khoa học trong nước; 21 bài trong kỉ yếu hội thảo trong nước [H10.10.04.01]. Nhiều đề tài NCKH các cấp có nội dung liên quan đến hoạt động dạy và học như: “Phát triển CTĐT trình độ thạc sĩ ngành SHTN theo tiếp cận CDIO” [H10.10.04.02]; “Xây dựng bộ học liệu số nhằm nâng cao chất lượng dạy học mạch nội dung Vật sống môn Khoa học Tự nhiên, Chương trình giáo dục phổ thông 2018” [H10.10.04.03] và nhiều đề tài nghiên cứu khác.

Nhiều kết quả NCKH được công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành uy tín

trong và ngoài nước đã được chuyển hóa thành nội dung giảng dạy, đồng thời được sử dụng để điều chỉnh PPDH của GV và nâng cao hiệu quả học tập của HV nhằm mở rộng, nâng cao các kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực Sinh học thực nghiệm trong Y sinh, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản... như các hướng nghiên cứu về các hợp chất thiên nhiên có hoạt tính sinh học, nghiên cứu thực trạng về môi trường ảnh hưởng đến sức con người và động vật, về dinh dưỡng cho gia súc, thủy hải sản, về sinh lí bệnh trong y học, trường học và cộng đồng, nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học trong chẩn đoán và điều trị bệnh ở người và động vật...

Nhiều đề tài NCKH của HV được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho HV trong quá trình học tập và làm luận văn tốt nghiệp cũng như được triển khai ứng dụng thực tiễn tại các bệnh viện và địa phương, thể hiện rõ tính ứng dụng và đóng góp cho cộng đồng. Trong lĩnh vực y học lâm sàng, có thể kể đến đề tài “Bước đầu ứng dụng tách chiết tế bào gốc tạo máu vào hỗ trợ điều trị ung thư vú tại Bệnh viện Ung bướu Nghệ An” của học viên Nguyễn Ngọc Hoàn (K22) [H10.10.04.04], “Đột biến gen EGFR trên bệnh nhân ung thư phổi không tế bào nhỏ nhằm định hướng điều trị” của học viên Nguyễn Thủy Lê (CH23) [H10.10.04.05], “Thực trạng bệnh viêm màng não mủ do Streptococcus suis và ảnh hưởng của nó lên một số chỉ số sinh lí, sinh hóa của bệnh nhân điều trị tại Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An” của Nguyễn Thị Mai [H10.10.04.06] đã cung cấp thông tin quan trọng trong chẩn đoán và điều trị bệnh.

Một số đề tài tiêu biểu khác đã được phát triển thành đề tài cấp cao hơn, như “Nghiên cứu kết quả thụ tinh trong ống nghiệm bằng kỹ thuật ICSI tại Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An” (Hoàng Ngọc Anh, K29; đề tài NCKH cấp tỉnh Nghệ An) [H10.10.04.07], “Nghiên cứu một số thành phần hóa học và hoạt tính sinh học của hai loài trà hoa vàng phân bố ở Hà Tĩnh” (Võ Thị Quỳnh Trang, K28, đề tài cấp Bộ Tài nguyên và Môi trường) [H10.10.04.08], “Nghiên cứu kiểu nhân (karyotype) và một số locus gen của tôm sú (*Penaeus monodon*) thu thập tại một số vùng ở Việt Nam” (Nguyễn Trọng Diệu, K22, đề tài cấp Nhà nước) [H10.10.04.09].

Trong lĩnh vực giáo dục và sức khỏe cộng đồng, đề tài “Sự phát triển một số chỉ tiêu thể lực, thể chất, sinh lí và trí tuệ của học sinh phân luồng theo định hướng nghề nghiệp tỉnh Nghệ An” (Trương Thị Nga, K26) [H10.10.04.10] mang ý nghĩa thiết thực đối với định hướng giáo dục nghề nghiệp tại địa phương. Ngoài ra, các đề tài trong lĩnh vực nông nghiệp - thủy sản như “Nghiên cứu đặc điểm dinh dưỡng của một số loài lưỡng cư tại huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An bằng phương pháp tháo thụt dạ dày” (Nguyễn Hương Giang, K24) [H10.10.04.11] và “Ảnh hưởng của chế phẩm sinh học Bio Bac và EM1 lên sinh trưởng của tôm thẻ chân trắng nuôi bằng ao lót bạt” (Đậu Văn Danh, K28) [H10.10.04.12] đã cung cấp dẫn liệu hữu ích cho phát triển chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản theo hướng bền vững và nhiều đề tài NCKH khác được sử dụng làm tài liệu tham

khảo, tài liệu giảng dạy cho các HP của CTĐT.

Tổng thể, các đề tài nghiên cứu của học viên không chỉ có giá trị về mặt khoa học mà còn có tính thực tiễn cao, góp phần hỗ trợ công tác khám chữa bệnh, giáo dục, bảo tồn sinh học và phát triển kinh tế địa phương.

### 2. Điểm mạnh

Nhà trường thúc đẩy các hoạt động đổi mới sáng tạo và chuyển giao công nghệ. Nhờ đó, các kết quả NCKH của GV và HV được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

### 3. Điểm tồn tại

Kết quả các nghiên cứu thuộc đề tài NCKH cấp Nhà nước, cấp bộ có nội dung liên quan đến hoặc áp dụng vào hoạt động dạy và học chưa nhiều so với tiềm năng.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Rà soát chính sách nhằm thúc đẩy các nhóm nghiên cứu triển khai nhiều hơn các đề tài NCKH cấp Nhà nước, cấp bộ có nội dung liên quan đến hoạt động dạy và học.	- Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế, - Khoa Sinh học	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thúc đẩy các hoạt động đổi mới sáng tạo và chuyển giao công nghệ nhằm tăng cường việc áp dụng kết quả NCKH của GV và HV vào việc cải tiến việc dạy và học.	- Trường ĐH Vinh, - Khoa Sinh học	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	

### 5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến

#### 1. Mô tả hiện trạng

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ như thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác được quản lý theo quy định rõ ràng, cụ thể của Trường: Quy định về hoạt động ĐBCLGD của Trường ĐH Vinh (Quyết định số 1763/QĐ-ĐHV ngày 20/7/2022) [H10.10.05.01]; Quy định tạm thời lấy ý kiến phản hồi NH (Quyết định số 1307/QĐ-ĐHV ngày 01/11/2017) [H10.10.05.02]; Quy định về hoạt động lấy ý kiến phản hồi từ các BLQ (Quyết định số 2786/QĐ-ĐHV ngày 31/10/2022) [H10.10.05.03]; Bộ chuẩn Bảo đảm chất lượng CTĐT phiên bản 1.0 Trường ĐH Vinh (Quyết định số

2596/QĐ-ĐHV ngày 01/10/2023) [H10.10.05.04].

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác được NH đánh giá. Kết quả đánh giá từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023 - 2024 cho thấy chất lượng dịch vụ và tiện ích được NH đánh giá cao [H10.10.05.05]. Tỷ lệ hài lòng và điểm đánh giá năm học 2019 - 2020 là: Thư viện là 95% và 4,8/5 điểm; phòng thực hành là 91% và 4,9/5 điểm; hệ thống CNTT là 96% và 4,6/5 điểm; các dịch vụ hỗ trợ khác là 92% và 4,8/5 điểm. Năm học 2020 - 2021: Thư viện là 95% và 4,8/5 điểm; Phòng thực hành là 92% và 4,8/5 điểm; Hệ thống CNTT là 96% và 4,9/5 điểm; các dịch vụ hỗ trợ khác là 92% và 4,8/5 điểm. Năm học 2021 - 2022: Thư viện là 94% và 4,8/5 điểm; phòng thực hành là 90% và 4,9/5 điểm; hệ thống CNTT là 91% và 4,8/5 điểm; các dịch vụ hỗ trợ khác là 95% và 4,9/5 điểm. Năm học 2022 - 2023: Thư viện là 95% và 4,8/5 điểm; phòng thực hành là 89% và 4,9/5 điểm; hệ thống CNTT là 88% và 4,8/5 điểm; các dịch vụ hỗ trợ khác là 74% và 4,8/5 điểm. Năm học 2023 - 2024: Thư viện là 87% và 4,4/5 điểm; phòng thực hành là 79% và 4,3/5 điểm; hệ thống CNTT là 66% và 4,3/5 điểm; các dịch vụ hỗ trợ khác là 84% và 4,3/5 điểm.

Trong chu kỳ đánh giá, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, trang thiết bị phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác được cải tiến, nâng cao chất lượng dịch vụ. Thư viện đã đầu tư nâng cấp trang thiết bị, bổ sung tài liệu học tập cho CTĐT với tổng kinh phí trên 4,8 tỉ đồng [H10.10.05.06] (Quyết định số 2635/QĐ-ĐHV ngày 30/9/2020 về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua tài liệu, giáo trình; Hợp đồng số 01/LHTV-ITGVN-VINHUNI/2019 ngày 21/11/2019 cơ sở dữ liệu Proquest central). Phòng thí nghiệm/thực hành thường xuyên được duy tu, bổ sung các trang bị cần thiết với kinh phí trên 8 tỉ đồng [H10.10.05.07]. Hệ thống CNTT thường xuyên được cải tiến: Nâng cấp phần mềm học trực tuyến (Hợp đồng số 163/ĐHV-ĐT ngày 16/02/2021, số 986/ĐHV-CNTT ngày 15/9/2021) [H10.10.05.08]; nâng cấp đường truyền; mua máy tính cho các phòng thực hành tin học; phủ sóng wifi trong các khu vực trong trường với tổng kinh phí trên 48 tỉ đồng; đầu tư xây dựng trên 165 tỉ đồng [H10.10.05.09].

## *2. Điểm mạnh*

Nhà trường định kỳ rà soát, đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ như thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm không ngừng cải tiến chất lượng phục vụ các BLQ.

## *3. Điểm tồn tại*

Hoạt động khảo sát, đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích chưa được phân tích cụ thể cho từng CTĐT.

## *4. Kế hoạch hành động*

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Triển khai việc phân tích kết quả khảo sát, đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cụ thể cho từng CTĐT để việc cải tiến chất lượng đạt hiệu quả cao hơn.	Phòng Công tác CT-HSSV	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì định kỳ rà soát, đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích để không ngừng cải tiến chất lượng ngày một cao hơn.	Phòng Công tác CT-HSSV	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Cơ chế phản hồi của các BLQ được thiết lập mang tính hệ thống, được tổ chức thành mạng lưới ĐBCL [H10.10.06.01] (Quyết định số 709/QĐ-ĐHV ngày 08/4/2019, số 3344/QĐ-ĐHV ngày 30/12/2021, số 620/QĐ-ĐHV ngày 23/3/2022), hoạt động theo các nguyên tắc về ĐBCL trong các văn bản của Trường [H10.10.06.02] (Quyết định số 584/QĐ-ĐHV ngày 26/3/2019; số 1763/QĐ-ĐHV ngày 20/7/2022). Hệ thống phản hồi hoạt động theo cơ chế hội đồng với sự tham gia của đại diện Lãnh đạo Trường, đại diện các phòng, ban, trung tâm và đại diện các đơn vị đào tạo (Quyết định số 621/QĐ-ĐHV ngày 23/3/2022) [H10.10.06.03]. Việc thu thập, xử lý, chia sẻ và sử dụng thông tin phản hồi được thực hiện theo Quy định về hoạt động lấy ý kiến phản hồi từ các BLQ [H10.10.06.04] (Quyết định số 1307/QĐ-ĐHV ngày 01/11/2017, Quyết định số 2786/QĐ-ĐHV ngày 31/10/2022).

Cơ chế phản hồi của các BLQ được rà soát, đánh giá. Trước năm 2022, hoạt động khảo sát thu thập thông tin phản hồi của các BLQ tập trung vào lấy ý kiến của NH. Nội dung, qui trình, công cụ được thực hiện theo Quy định tạm thời lấy ý kiến phản hồi NH [H10.10.06.05] (Quyết định số 1307/QĐ-ĐHV ngày 01/11/2017) và thực hiện các hoạt động ĐBCL theo Quy định về hoạt động ĐBCLGD của Trường ĐH Vinh (Quyết định số 584/QĐ-ĐHV ngày 26/3/2019) [H10.10.06.06]. Năm 2022, Trường đã rà soát, hoàn thiện hệ thống các văn bản qui định về hoạt động ĐBCL: Ban hành Quy định về hoạt động ĐBCLGD của Trường ĐH Vinh [H10.10.06.07] (Quyết định số 1763/QĐ-ĐHV ngày 20/7/2022); thành lập Hội đồng ĐBCL Trường ĐH Vinh (Quyết định số 621/QĐ-

ĐHV ngày 23/3/2022) [H10.10.06.08].

Cơ chế phản hồi của các BLQ được cải tiến từ yêu cầu, nguyên tắc, nội dung, công cụ, hình thức thu thập thông tin, xử lý kết quả khảo sát. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các BLQ được mở rộng với đại diện đầy đủ các BLQ trong trường (NH, GV, NV, CB lãnh đạo và quản lí) và bên ngoài trường (nhà sử dụng lao động, các đối tác, gia đình NH, nhà đầu tư, cơ quan quản lí trực tiếp, các tổ chức, cá nhân có liên quan khác) [H10.10.06.04]. Hình thức thu thập thông tin phản hồi của các BLQ được cải tiến theo hướng số hóa, khảo sát online [H10.10.06.09]. Cùng với sự cải tiến về công cụ, qui trình khảo sát lấy ý kiến của các BLQ, nội dung khảo sát cũng được điều chỉnh phù hợp hơn với các yêu cầu ĐBCL bên trong cũng như phục vụ cho các hoạt động KĐCLGD cơ sở giáo dục và CTĐT [H10.10.06.10].

### 2. Điểm mạnh

Nhà trường đã thiết lập hệ thống gồm cơ chế, qui trình và kế hoạch thu thập ý kiến phản hồi của các BLQ làm cơ sở để cải tiến chất lượng đào tạo. Trong đó, cơ chế phản hồi của các BLQ đảm bảo tính hệ thống và được đánh giá, cải tiến thường xuyên.

### 3. Điểm tồn tại

Việc đánh giá tính hiệu lực, hiệu quả của Hội đồng ĐBCL và mạng lưới ĐBCL làm cơ sở để cải tiến cách thức kết nối, xử lý, chia sẻ, sử dụng thông tin phản hồi giữa các BLQ chưa thực sự đạt hiệu quả như mong muốn.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường việc đánh giá tính hiệu lực, hiệu quả của Hội đồng ĐBCL và mạng lưới ĐBCL để làm cơ sở cho việc cải tiến cách thức kết nối, xử lý, chia sẻ, sử dụng thông tin phản hồi giữa các BLQ một cách hiệu quả hơn.	Trung tâm ĐBCL	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát tính hệ thống của cơ chế phản hồi từ các BLQ và đảm bảo cơ chế này được đánh giá, cải tiến thường xuyên.	Trung tâm ĐBCL	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	

### 5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7).

## **Kết luận về Tiêu chuẩn 10**

### *- Điểm mạnh nổi bật của Tiêu chuẩn*

Nhà trường chú trọng việc thiết lập hệ thống gồm cơ chế, qui trình và kế hoạch thu thập ý kiến phản hồi của các BLQ làm cơ sở để cải tiến chất lượng đào tạo. Qui trình khép kín từ khâu tiếp nhận phản hồi, phân tích đánh giá đến khâu điều chỉnh CTĐT được thực hiện nghiêm túc, tạo nên một vòng tròn cải tiến bền vững. Vì vậy, thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ được sử dụng làm căn cứ để rà soát nhằm thiết kế và phát triển CTDH; cơ chế phản hồi của các BLQ đảm bảo tính hệ thống và được đánh giá, cải tiến thường xuyên. Quá trình dạy và học cũng như việc đánh giá KQHT của HV được định kì rà soát và đánh giá nhằm đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Nhà trường thúc đẩy các hoạt động đổi mới sáng tạo và chuyển giao công nghệ, nhờ đó các kết quả NCKH của GV và HV được sử dụng để cải tiến việc dạy và học. Trong chuỗi các hoạt động nỗ lực nhằm làm hài lòng các BLQ, Nhà trường định kì rà soát, đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích như thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác để không ngừng cải tiến chất lượng ngày một cao hơn.

### *- Điểm tồn tại cơ bản của Tiêu chuẩn*

Thông tin về nhu cầu đào tạo, yêu cầu về năng lực các vị trí việc làm cụ thể chưa được khảo sát đủ nhiều để làm cơ sở điều chỉnh, bổ sung CĐR, CTDH. Hình thức lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về qui trình thiết kế và phát triển CTDH chưa thực sự đa dạng nên hiệu quả chưa thực sự cao. Việc phân tích, đối sánh kết quả khảo sát hằng năm chưa được thực hiện một cách toàn diện và thường xuyên như mong đợi. Kết quả các nghiên cứu thuộc đề tài NCKH cấp Nhà nước, cấp bộ có nội dung liên quan đến hoặc áp dụng vào hoạt động dạy và học chưa nhiều so với tiềm năng. Hoạt động khảo sát, đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích chưa được phân tích cụ thể cho từng CTĐT. Việc đánh giá tính hiệu lực, hiệu quả của Hội đồng ĐBCL và mạng lưới ĐBCL làm cơ sở để cải tiến hiệu quả hoạt động của hệ thống ĐBCL bên trong thông qua việc chia sẻ thông tin nội bộ chưa thực sự như mong muốn.

### *- Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn*

Căn cứ Bộ tiêu chuẩn tại Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT, hệ thống đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của CTĐT SHTN là ĐBCL và đáp ứng yêu cầu kiểm định cả 6 tiêu chí.

## **Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra**

### **Mở đầu**

Quản trị chất lượng đầu ra có vai trò khẳng định và là chỉ số quan trọng thể hiện hiệu quả của Hệ thống ĐBCL bên trong của Nhà trường. Hàng năm, Phòng ĐT SDH phối hợp với Khoa Sinh học thực hiện giám sát, tổ chức thống kê tỉ lệ HV tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình, tỉ lệ HV thôi học và cơ hội thăng tiến, phát triển chuyên môn của HV. Các hoạt động NCKH của HV được xác định trong Qui định hoạt động KHCN của Nhà trường. Đồng thời, để nâng cao hơn nữa sự hài lòng của HV, Nhà trường xây dựng hệ thống thu thập thông tin phản hồi và tiến hành phân tích sự hài lòng của các BLQ để làm cơ sở cho việc cải tiến CTDH/CTĐT, hoạt động dạy và học, hiệu quả hoạt động của Hệ thống ĐBCL bên trong.

Tiêu chí 11.1. Tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

#### *1. Mô tả hiện trạng*

HV ngành SHTN được cấp mã số HV và tài khoản truy cập hệ thống thông tin thống nhất cho toàn khóa học và được các đơn vị chức năng quản lý theo qui định của Trường ĐH Vinh [H11.11.01.01] (Quyết định số 1016/QĐ-ĐHV ngày 22/10/2018 và số 06/NQ-HĐT ngày 12/5/2021) từ khi nhập học cho đến khi HV ra Trường. Vì vậy, cơ sở dữ liệu NH tham gia CTĐT được quản lý và theo dõi tiến độ học tập, thôi học bởi Phòng Đào tạo SDH và Khoa đào tạo thông qua phần mềm quản lý đào tạo CMC [H11.11.01.02] và từ năm 2022 là phần mềm Trí Nam [H11.11.01.03]. Nhờ các phần mềm này và hệ thống quản lý đào tạo của Trường, danh sách và tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn được xác lập, giám sát, thống kê hàng năm. Trong chu kỳ đánh giá, ngành SHTN có 04 khóa theo học và tốt nghiệp, bao gồm từ K26 (2018 - 2020) đến K20 (2022 - 2024). Theo thống kê các khóa từ K26 đến K30 thì tỉ lệ HV tốt nghiệp đúng hạn rất cao, đạt 100% (không ghi nhận HV nào thôi học) [H11.11.01.04]. Danh sách HV tốt nghiệp được cập nhật hàng năm trên phần mềm quản lý đào tạo và lưu trữ tại Phòng Đào tạo SDH cùng Khoa Sinh học.

Trường/Khoa luôn quan tâm giám sát, thống kê và theo dõi đến tình hình của HV [H11.11.01.05], kịp thời đôn đốc, động viên, nhắc nhở HV học tập chuyên cần và thường xuyên rà soát tình hình học vụ của khóa học (Bảng 11.1). Nếu HV có biểu hiện bỏ tiết, ý định bỏ học, GV phụ trách ngành sẽ tìm hiểu nguyên nhân và tìm cách giải quyết, kịp thời hỗ trợ thỏa đáng [H11.11.01.06]. Nguyên nhân chính của bỏ tiết là do công việc ở xa không thu xếp được, không thể đảm bảo theo kịp tiến độ học chung của khoá.

**Bảng 11.1.** Đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn của các CTĐT thuộc Trường ĐH Vinh

Khóa học	Tiêu chí	Đại số và lí thuyết số		Toán giải tích		Địa lí học		Ngôn ngữ Việt Nam		Sinh học thực nghiệm	
		n	%	n	%	n	%	n	%	n	%
K26 (2018 - 2020)	Số HV nhập học	26	100	24	100	11	100	10	100	7	100
	Số HV thôi học	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Số HV TN đúng hạn	26	100	24	100	11	100	10	100	7	100
K27 (2019 - 2021)	Số HV nhập học	6	100	16	94,1	22	96	19	100	7	100
	Số HV thôi học	0		0		1	4,8	0	0	0	0
	Số HV TN đúng hạn	6	100	16	100	21	100	18	94,7	7	100
K28 (2020 - 2022)	Số HV nhập học	21	100	26	92,9	39	100	27	100	20	100
	Số HV thôi học	1	4,8	0	0	0	0	0	0	0	0
	Số HV TN đúng hạn	20	95,2	26	100	39	100	27	100	20	100
K 29 (2021 - 2023)	Số HV nhập học	2	67	8	88,9	6	100	6	100	3	100
	Số HV thôi học	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Số HV TN đúng hạn	2	100	8	100	6	100	5	83,3	3	100
K30 (2022 - 2024)	Số HV nhập học	6	100	10	76,9	5	100	0	0	0	0
	Số HV thôi học	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Số HV TN đúng hạn	2	33	6	60	3	60	0	0	0	0
K31 (2023 - 2025)	Số HV nhập học	7	100	14	82,4	8	100	12	100	13	100
	Số HV thôi học	1	14	1	7,14	0	0	0	0	0	0
	Số HV TN đúng hạn	Chưa TN		Chưa TN		Chưa TN		Chưa TN		Chưa TN	

Đối sánh về tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn của ngành SHTN hàng năm và với các ngành thạc sĩ khác của Trường [H11.11.01.07] như ngành Đại số và lí thuyết số, Toán giải tích, Địa lí học và Ngôn ngữ Việt Nam cho thấy trong giai đoạn đánh giá tỉ lệ nhập học và tốt nghiệp đúng hạn của ngành SHTN cao nhất và tỉ lệ thôi học thấp nhất.

## 2. Điểm mạnh

Tỉ lệ HV thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp được Nhà trường xác lập cụ thể bằng văn bản, đồng thời được giám sát và đối sánh hàng năm để cải tiến chất lượng.

### 3. Điểm tồn tại

Báo cáo dự báo hàng năm về xu thế tốt nghiệp, thôi học của HV ngành SHTN để giám sát và có biện pháp ứng phó kịp thời chưa được thực hiện một cách thực sự hiệu quả.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Thực hiện báo cáo dự báo hàng năm về xu thế tốt nghiệp, thôi học của HV ngành SHTN một cách thực sự hiệu quả hơn để giám sát và kịp thời có biện pháp ứng phó.	Phòng ĐT SĐH Khoa Sinh học	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên rà soát văn bản xác lập tỉ lệ HV thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp để giám sát và đối sánh nhằm không ngừng nâng cao chất lượng	Phòng ĐT SĐH	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	

### 5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

#### 1. Mô tả hiện trạng

CTĐT trình độ thạc sĩ ngành SHTN được qui định khung thời gian chuẩn là 1,5 đến 2 năm và được kéo dài tối đa đến 4 năm theo Qui định về đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường ĐH Vinh [H11.11.02.01] (Quyết định số 863/QĐ-ĐHV ngày 20/7/2016) và từ khóa tuyển sinh năm 2022 áp dụng theo qui chế mới ban hành (Quyết định số 2592/QĐ-ĐHV ngày 02/11/2021) [H11.11.02.02]. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch đào tạo mỗi khóa, kế hoạch hàng năm và được quản lí, theo dõi qua phần mềm chuyên dụng kết hợp với thống kê [H11.11.02.03]. Phòng Đào tạo SĐH là đơn vị chịu trách nhiệm xác lập thời gian tốt nghiệp trung bình của NH tham gia CTĐT [H11.11.02.04] (Quyết định số 1016/QĐ-ĐHV ngày 22/10/2018 và Nghị quyết số 06/NQ-HĐT ngày 12/5/2021). Thực tế cho thấy, công tác xét tốt nghiệp, cấp phát bằng tốt nghiệp, lưu trữ hồ sơ HV được thực hiện đúng theo qui chế đào tạo SĐH. CTĐT và các HP cụ thể được thông báo tới HV bằng nhiều hình thức [H11.11.02.05] (Cố vấn học tập, website, Văn phòng Khoa...) để hv chủ động hoàn thành chương trình học và tốt nghiệp trước hoặc đúng tiến độ.

Nhà trường có qui định rõ ràng về quá trình tích lũy HP, tín chỉ và điều kiện tốt nghiệp [H11.11.02.02]. Khoa phối hợp với Cố vấn học tập nhắc nhở HV nắm thông tin, chủ động lên kế hoạch học tập cá nhân. Nhà trường và Khoa có cơ sở dữ liệu về NH tham gia CTĐT có thể theo dõi về thời gian tốt nghiệp của NH, đã giám sát tiến độ học tập [H11.11.02.06]; đã đối sánh thời gian tốt nghiệp các khóa của CTĐT SHTN với CTĐT các ngành khác của Nhà trường, cho thấy tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn trung bình đúng 2 năm rất cao đạt 100% [H11.11.02.07]. HV đều tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình ứng với các khóa đều đúng 2.0 năm. So với số HV nhập học thì số HV tốt nghiệp trung bình đạt tuyệt đối 100%. Bảng 11.2 thể hiện kết quả đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của các khóa thạc sĩ (từ K26 đến K30 và trung bình trong giai đoạn đánh giá) với 05 CTĐT thạc sĩ.

**Bảng 11.2.** Thời gian tốt nghiệp trung bình của các CTĐT thạc sĩ

CTĐT	Thời gian tốt nghiệp trung bình				
	2018-2019 (Khóa 26)	2019-2020 (Khóa 27)	2020-2021 (Khóa 28)	2021-2022 (Khóa 29)	2022-2023 (Khóa 30)
Đại số và lí thuyết số	2	2	2	2	2+
Toán giải tích	2	2	2	2	2+
Địa lí học	2	2	2	2	2+
Ngôn ngữ Việt Nam	2	2	2	2	2+
Sinh học thực nghiệm	2	2	2	2	2+

Trong các báo cáo tổng kết hàng năm, Phòng Đào tạo SĐH, các đơn vị đào tạo và các phòng chức năng tổ chức họp để nghe báo cáo đánh giá tình hình học tập của HV, tình hình chậm tốt nghiệp, phân tích nguyên nhân, đề xuất các biện pháp hỗ trợ, giao nhiệm vụ cho các đơn vị tư vấn giúp HV rút ngắn thời gian tốt nghiệp và thống kê, theo dõi tình hình học tập của HV [H11.11.02.08].

### 2. Điểm mạnh

Cùng với tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp, Nhà trường có văn bản xác lập thời gian tốt nghiệp trung bình để giám sát và đối sánh nhằm không ngừng cải tiến chất lượng.

### 3. Điểm tồn tại

Việc thực hiện đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp trung bình của CTĐT ngành SHTN với CTĐT tương ứng của các trường ĐH khác trong và ngoài nước chưa được triển khai thực sự thường xuyên.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Thực hiện đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp trung bình của CTĐT ngành SHTN với CTĐT tương ứng của các trường ĐH khác trong và ngoài nước để cải tiến chất lượng.	- Khoa Sinh học - Phòng ĐT SDH	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Định kì rà soát văn bản xác lập thời gian tốt nghiệp trung bình của HV và tiến hành giám sát và đối sánh nhằm không ngừng cải tiến chất lượng.	- Khoa Sinh học - Phòng ĐT SDH	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 11.3. Tỉ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

#### 1. Mô tả hiện trạng

Theo qui chế tổ chức và hoạt động của Trường, Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp là đơn vị đầu mối phối hợp với Phòng Đào tạo SDH và Trường/Viện/Khoa tổ chức thực hiện việc khảo sát tình hình việc làm và thăng tiến của NH sau tốt nghiệp (Nghị quyết số 06/NQ-HĐT ngày 12/5/2021) [H11.11.03.01]. Các đơn vị phối hợp thực hiện khảo sát theo mẫu của Trường chuẩn bị và trên cơ sở hệ thống khảo sát việc làm ở khối ĐH đã vào nề nếp, thường xuyên, nên khối SDH cũng bắt đầu từ khóa tốt nghiệp năm 2019.

Trường/Khoa có thu thập thông tin dữ liệu thống kê về tình trạng việc làm của HV ngành SHTN trước khi nhập học: 100% HV có việc làm trước khi nhập học, trong đó có 2,2% số HV làm việc không đúng ngành. Trong khi đó bình quân chung cho 05 ngành được khảo sát là 98% đã có việc làm, 2% NH chưa có việc làm trước khi nhập học [H11.11.03.02]. Sau khi hoàn thành khóa học, 2,5% thay đổi công việc; tỉ lệ làm việc đúng ngành đào tạo là 100%; trong đó làm việc ở khối cơ quan nhà nước là 84%, tư nhân là 16%. Bình quân có trên 95% số cựu HV được hỏi trả lời “Rất đồng ý và Đồng ý” rằng sau khi tốt nghiệp thạc sĩ thì “Có cơ hội thăng tiến hoặc thuận lợi hơn trong công việc”. Lương bình quân từ 6,5 đến 15 triệu đồng/tháng, cá biệt có vài người trên 15 triệu/tháng (Báo cáo số 64/BC-ĐHV ngày 16/8/2024) [H11.11.03.03]. Nhà trường đã sử dụng phương pháp khảo sát đa dạng gồm gửi phiếu khảo sát online, liên hệ trực tiếp bằng điện thoại đến từng cựu HV.

**Bảng 11.3:** Kết quả khảo sát tình hình việc làm ngành SHTN

Năm tốt nghiệp	2021		2022		2023	
	SL	%	SL	%	SL	%
Tốt nghiệp (SL)	7		20		3	
Phản hồi/TN	7	100	20	100	3	100
Có việc làm/PH	7	100	20	100	3	100
Có việc làm/TN	7	100	20	100	3	100
Đúng ngành/VL	7	100	20	100	3	100
Ngành gần/VL	0	0	0	0	0	0
Khu vực NN/VL	0	0	0	0	0	0
KV có yếu tố NN/VL	0	0	0	0	0	0
Khu vực tư nhân/VL	0	0	0	0	0	0
Có thăng tiến trong công việc	1	14,3	3	15,0	0	0

Nhà trường, Khoa đã có các giải pháp nâng cao khả năng có việc làm của HV như tổ chức giao lưu với các đơn vị tuyển dụng để định hướng nghề nghiệp, thông tin việc làm [H11.11.03.04]; tổ chức Ngày hội việc làm hằng năm tại Trường... Ngành SHTN cũng quan hệ với các bệnh viện, viện nghiên cứu, trung tâm Y tế, sở ngành trong khu vực Nghệ An, Hà Tĩnh và vùng phụ cận có nhu cầu tuyển dụng và chia sẻ kinh nghiệm cho HV của ngành đến thực tập, trải nghiệm thực tế, tìm kiếm hướng nghiên cứu cho đề tài luận văn tốt nghiệp [H11.11.03.05]. Ngành SHTN thường xuyên cung cấp thông tin tuyển dụng trên website [H11.11.03.06] của ngành và trên mạng xã hội giúp HV tiếp cận dễ dàng, để HV tốt nghiệp có nhiều cơ hội tìm việc làm.

### *2. Điểm mạnh*

Nhà trường chú trọng nâng cao giá trị gia tăng cho HV tốt nghiệp và đã xác lập tỉ lệ thăng tiến, phát triển chuyên môn của HV, đồng thời tiến hành giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

### *3. Điểm tồn tại*

Việc tăng cường khảo sát tỉ lệ HV khởi nghiệp thành công và/hoặc có định hướng học tiếp lên bậc tiến sĩ cũng như việc đối sánh với các trường ĐH khác để cải tiến chất lượng chưa được thực hiện một cách thật sự hiệu quả.

### *4. Kế hoạch hành động*

<b>T T</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, người thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường việc khảo sát về số HV khởi nghiệp thành công và/hoặc có nguyện vọng học lên bậc tiến sĩ và thực hiện đối sánh với các trường ĐH khác để cải tiến chất lượng.	Phòng Công tác CT&HSSV, Khoa Sinh học	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Định kì rà soát văn bản xác lập tỉ lệ thăng tiến, phát triển chuyên môn của HV, đồng thời tiến hành giám sát và đối sánh để không ngừng cải tiến chất lượng.	Khó Sinh học, Phòng ĐTSĐH	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

#### 1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường giao cho Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế là đơn vị chịu trách nhiệm quản lý hoạt động NCKH của NH và các Trường/Viện/Khoa là đơn vị phối hợp thực hiện. Việc quản lý và tổ chức hoạt động NCKH của NH được thực hiện theo Chương 4 của Quy chế về quản lý các hoạt động KHCN của Trường ĐH Vinh (Quyết định số 480/QĐ-ĐHV ngày 09/5/2016) [H11.11.04.01] và theo Điều 50, 52 Chương IV của Quy định về hoạt động KHCN và đổi mới sáng tạo của Trường ĐH Vinh (Quyết định số 2345/QĐ-ĐHV ngày 09/9/2022) [H11.11.04.02]. Theo đó, loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của NH được xác định gồm 04 loại chủ yếu: Các đề tài NCKH, các hoạt động nghiên cứu trong các chuyên đề, luận văn thạc sĩ, tham gia các giải thưởng NCKH các cấp, công bố bài báo khoa học, các hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp.

Các hoạt động nghiên cứu của NH (loại hình, số lượng) được Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế, Khoa và Phòng Đào tạo SDH quản lý, hội đồng đánh giá nghiệm thu, hội đồng chấm luận văn thạc sĩ đánh giá, giám sát thống kê, xác lập bao gồm số lượng đề tài, tiểu luận, báo cáo seminar, hội thảo, các giải thưởng NCKH, bài báo... [H11.11.04.03]

Trong chu kì đánh giá, hoạt động NCKH của HV ngành SHTN bao gồm 37 luận văn thạc sĩ nghiên cứu, 20 bài báo khoa học trên các tạp chí chuyên ngành. Theo báo cáo của Trường, kinh phí chi cho các hoạt động khoa học HV trong 05 năm (2019 đến

2023) [H11.11.04.04] là 1.908 triệu đồng.

Khoa Sinh học có thực hiện đối sánh HV NCKH với các ngành đào tạo thạc sĩ trong Trường, kết quả cho thấy HV CTĐT ngành SHTN có các loại hình NCKH như qui định và có nổi trội hơn [H11.11.04.05].

Nhà trường áp dụng nhiều biện pháp đẩy mạnh hoạt động NCKH của HV và đầu tư các đề tài luận văn cho HV phù hợp với xu thế phát triển, phù hợp với khả năng của HV như tổ chức hợp tác với các địa phương, doanh nghiệp [H11.11.04.06] nên HV có những điều kiện tiếp cận với thực tế kinh tế - xã hội và những đòi hỏi bức thiết để nghiên cứu những vấn đề có tính ứng dụng đáp ứng với xu thế phát triển, phù hợp với khả năng của HV hơn.

### 2. Điểm mạnh

Nhà trường thường xuyên rà soát qui định về KHCN, bao gồm việc xác lập loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của HV, đồng thời thực hiện giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

### 3. Điểm tồn tại

Số lượng HV có công bố kết quả NCKH trên các tạp chí WoS/Scopus còn hạn chế.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách nhằm động viên, khích lệ HV thực hiện NCKH và có công bố trên các tạp chí WoS/Scopus.	Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế, Khoa Sinh học	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát qui định về KHCN, bao gồm việc xác lập loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của HV, đồng thời thực hiện giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.	Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế, Khoa Sinh học	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	

### 5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

#### 1. Mô tả hiện trạng

Trường có bộ phận chuyên trách về công tác ĐBCL là Trung tâm ĐBCL và đã ban hành Qui định tạm thời công tác lấy ý kiến phản hồi từ NH về CB, viên chức về các hoạt

động của Trường ĐH Vinh [H11.11.05.01] (Quyết định số 1307/QĐ-ĐHV ngày 01/11/2016); Qui định về hoạt động ĐBCLGD của Trường ĐH Vinh (Quyết định số 584/QĐ-ĐHV ngày 23/6/2019; số 1763/QĐ-ĐHV ngày 20/7/2022) [H11.11.05.02] và Qui định về hoạt động lấy ý kiến phản hồi từ các BLQ của Trường ĐH Vinh (Quyết định số 2786/QĐ-ĐHV ngày 31/10/2022) [H11.11.05.03]. Trong các văn bản đó có qui định rõ các đối tượng được khảo sát là CB, NV, GV, NH, cựu NH, NTD lao động với 15 phiếu khảo sát như Bảng 11.3. Lĩnh vực được khảo sát gồm CTĐT, hoạt động NCKH, cơ sở vật chất và việc làm của NH sau tốt nghiệp. Theo chức năng, nhiệm vụ, Trung tâm ĐBCL đã chủ trì phối hợp với Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp, Phòng Đào tạo SDH xây dựng các biểu mẫu, văn bản hướng dẫn, lập kế hoạch tổng thể của Trường về hoạt động khảo sát, phân công các đơn vị thực hiện khảo sát sự hài lòng của NH về hoạt động giảng dạy, cơ sở vật chất, tổng hợp kế hoạch cải tiến chất lượng của các đơn vị, lưu trữ các tài liệu về hoạt động ĐBCL. Khảo sát trực tuyến tại đường link: <https://khaosat.vinhuni.edu.vn/forms/dangnhapvao.aspx> [H11.11.05.04].

**Bảng 11.4:** Các loại phiếu khảo sát hàng năm

<b>Các bên liên quan</b>	<b>Nội dung khảo sát</b>	<b>Hình thức khảo sát</b>
Học viên	1. Các hoạt động dạy học	- Trực tiếp - Trực tuyến
	2. Cơ sở vật chất phục vụ học tập	
	3. Các dịch vụ hỗ trợ	
	4. Các hoạt động của Nhà trường	
GV và CB hỗ trợ	5. Chương trình đào tạo	- Trực tiếp - Trực tuyến
	6. Hình thức và phương pháp dạy học	
	7. Hoạt động ĐBCL	
	8. Đánh giá về HV và các chính sách	
	9. Đánh giá về CB phục vụ, cơ sở vật chất	
	10. Phân công nhiệm vụ, tập huấn bồi dưỡng	
	11. Thông tin việc làm	
	12. Chất lượng CTĐT	
Nhà tuyển dụng	14. Chương trình đào tạo	- Trực tiếp - Trực tuyến
	15. Sự hài lòng về HV tốt nghiệp: kiến thức, kỹ năng, thái độ	

Theo kế hoạch, Trường đã tiến hành khảo sát sự hài lòng của cựu HV và NTD đối

với NH tốt nghiệp thạc sĩ trong thời gian từ ngày 01/4/2024 đến ngày 30/6/2024, hình thức khảo sát bằng phiếu, điện thoại và trực tuyến [H11.11.05.05], sử dụng thang đo Likert. Kết quả cho thấy 43,2% cựu HV ngành SHTN đánh giá “Rất hài lòng” và 56,8% đánh giá “Hài lòng” về chất lượng đào tạo hệ thạc sĩ. Về NTD đánh giá NH tốt nghiệp thạc sĩ về “Năng lực chuyên môn nghiệp vụ”, “Kỹ năng ngoại ngữ”, “Kỹ năng tin học, ứng dụng công nghệ” và “Kỹ năng giao tiếp” cho thấy hầu hết các lĩnh vực khảo sát đều đánh giá 4 và 5 (68%), có 27% đánh giá mức 3 và 5,6% đánh giá mức 2 [H11.11.05.06]. Trong đó Kỹ năng ngoại ngữ đánh giá mức 5 thấp nhất (5,3%) và mức 2 cao nhất (11,8%). Riêng ngành SHTN cho thấy về “Kiến thức chuyên ngành” đánh giá Tốt và Khá lần lượt là 94,7% và 5,3%; các kỹ năng tính trung bình đạt 73,6% Tốt và 25% đạt Khá. Kỹ năng ngoại ngữ có 36,8% và 63,2% đánh giá Tốt và Khá, không có Yếu và Trung bình (Báo cáo khảo sát năm 2023).

Đối với cơ sở vật chất của Trường (về chất lượng giảng đường, trang thiết bị, phòng thực hành, CNTT...), kết quả khảo sát mức độ hài lòng của NH đạt điểm trung bình chung là 4,75/5 điểm. Khảo sát cũng lấy ý kiến NH về tiện ích thư viện với kết quả đánh giá điểm trung bình chung từ 4,8/5 điểm. Ngoài ra, Trường cũng lấy ý kiến của GV, NCV, chuyên viên hỗ trợ trong các cuộc họp định kì hoặc đột xuất, thông qua Hội nghị công chức viên chức, nhà giáo, người lao động hàng năm [H11.11.05.07]; cũng như các buổi đối thoại với HV, SV để nghe phản ánh về chất lượng giảng dạy, dịch vụ hỗ trợ, NCKH...

Kết quả khảo sát được Trung tâm ĐBCL và các đơn vị có liên quan tiến hành xử lí, tổng hợp báo cáo để từ đó đánh giá mức độ hài lòng của các BLQ, làm cơ sở để nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và PVCĐ. Theo báo cáo tổng hợp số 64/BC-ĐHV ngày 16/8/2024 [H11.11.05.08] cho thấy mức độ “Hài lòng” và “Rất hài lòng” về CTĐT thạc sĩ của cựu HV các khóa tốt nghiệp năm 2021, năm 2022 và năm 2023 lần lượt là 97,1%; 100% và 100%, thể hiện khóa sau cao hơn khóa trước.

Hiệu trưởng Nhà trường đã có chỉ đạo, giao cho các đơn vị có liên quan tham khảo, nghiêm túc rà soát, giải trình và xây dựng kế hoạch điều chỉnh, cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT, như đổi mới nội dung các HP, đầu tư hạ tầng CNTT, trang thiết bị được bổ sung, nâng cấp, cải tạo giảng đường, đầu tư phòng thực hành và không gian học tập, môi trường cảnh quan... Kết quả cải tiến được xác minh, đánh giá qua kì họp hoặc hội nghị, buổi tiếp xúc, làm việc giữa lãnh đạo Nhà trường và SV, HV. Bên cạnh đó, Nhà trường triển khai rà soát, cập nhật, điều chỉnh định kì CTĐT nhằm cung cấp cho HV kiến thức cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội. Ngoài ra, Nhà trường còn tạo điều kiện, sân chơi, khuyến khích NH tham gia các hoạt động ngoại khóa, đổi mới sáng tạo và trang bị các kỹ năng cần thiết để NH dễ dàng gia nhập vào thị trường

lao động. Qua báo cáo tổng kết năm học cho thấy đa số các chỉ tiêu Nhà trường ghi nhận và cải thiện tốt hơn, đặc biệt là các HP giảng dạy, cơ sở vật chất, thư viện, CNTT...

### 2. Điểm mạnh

Thực hiện mục tiêu đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu của NH, Nhà trường đã xác lập mức độ hài lòng của các BLQ, đồng thời thực hiện giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

### 3. Điểm tồn tại

Việc đối sánh kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ với các trường ĐH khác trong và ngoài nước còn hạn chế.

### 4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường việc đối sánh kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ với các trường ĐH khác trong và ngoài nước để cải tiến chất lượng hơn nữa.	Phòng ĐTSĐH và Khoa Sinh học	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Định kì rà soát việc xác lập mức độ hài lòng của các BLQ, đồng thời thực hiện giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng nhằm đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu của NH.	Phòng ĐTSĐH và Khoa Sinh học	Bắt đầu từ Học kì I năm học 2025-2026	

### 5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7).

## Kết luận về Tiêu chuẩn 11

### - Điểm mạnh nổi bật của Tiêu chuẩn

Nhà trường và Khoa đã xác lập, giám sát được các tiêu chí: Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp, tốt nghiệp đúng hạn; thời gian tốt nghiệp trung bình; tỉ lệ có việc làm; loại hình và các hoạt động nghiên cứu của HV; mức độ hài lòng của các BLQ. Xác định được tỉ lệ NH tốt nghiệp đúng 2 năm trung bình của ngành rất cao là 100%, không có HV thôi học; có 100% NH tốt nghiệp hoàn thành khóa học nhận bằng thạc sĩ so với đầu vào. HV tham gia NCKH chủ yếu là các luận văn thạc sĩ nghiên cứu; có 09 bài báo khoa học trên các tạp chí chuyên ngành; kinh phí chi cho hoạt động KHCN của NH trong 05 năm là

1,9 tỉ đồng. Hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các BLQ được thực hiện với các nội dung và hình thức khác nhau theo qui trình thống nhất đã ban hành. Một phần lớn kết quả được áp dụng để cải tiến chất lượng CTĐT ngành SHTN ngày một tốt hơn.

*- Điểm tồn tại cơ bản của Tiêu chuẩn*

Công tác dự báo hàng năm về xu thế tốt nghiệp, thôi học của HV ngành SHTN để giám sát và có biện pháp ứng phó kịp thời chưa được thực hiện một cách thực sự hiệu quả. Việc thực hiện đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp trung bình của CTĐT ngành SHTN với CTĐT tương ứng của các trường ĐH khác trong và ngoài nước chưa được triển khai thực sự thường xuyên. Hoạt động khảo sát về số HV khởi nghiệp thành công và/hoặc có nguyện vọng học lên bậc tiến sĩ cũng như việc đối sánh với các trường ĐH khác để cải tiến chất lượng chưa được thực hiện một cách thật sự hiệu quả. Số lượng HV có công bố kết quả NCKH trên các tạp chí WoS/Scopus còn hạn chế. Việc đối sánh kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ với các trường ĐH khác nước ngoài còn hạn chế.

*- Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn*

Căn cứ Bộ tiêu chuẩn tại Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT, kết quả đầu ra của CTĐT SHTN là ĐBCL và đáp ứng yêu cầu kiểm định cả 5 tiêu chí.

### PHẦN III. KẾT LUẬN

#### 1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT

Mục tiêu và CĐR của CTĐT ngành SHTN được xây dựng phù hợp với Sứ mạng và Tầm nhìn của Nhà trường và Luật Giáo dục ĐH. CĐR của CTĐT được xác định với các nội dung về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm, thể hiện được mục tiêu của CTĐT; được rà soát và chỉnh sửa, bổ sung, phản ánh được yêu cầu của các BLQ và được công bố công khai.

Bản mô tả CTĐT được xây dựng theo đúng qui định, cập nhật thường xuyên và phù hợp với nhu cầu thị trường lao động. Nội dung phản ánh đầy đủ các mức độ giảng dạy tương ứng với CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm mà HV cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT, được rà soát, đánh giá và điều chỉnh; được công bố công khai, các BLQ dễ dàng tiếp cận.

Cấu trúc và nội dung CTDH được thiết kế với các khối kiến thức, các HP phù hợp với mục tiêu và CĐR của CTĐT, đảm bảo được sự cân đối giữa các HP. Mỗi HP trong CTDH đã thể hiện được sự đóng góp trong việc đạt được CĐR. CTDH có cấu trúc hợp lí, thể hiện tính tích hợp giữa các HP, có sự liên mạch giữa các HP chung, cơ sở ngành, chuyên ngành và cuối khóa (luận văn tốt nghiệp, thực tập và đồ án tốt nghiệp). CTDH được rà soát, cập nhật, điều chỉnh phù hợp với yêu cầu chung và yêu cầu CĐR của CTĐT.

Trường có Triết lí giáo dục của Nhà trường được tuyên bố mạch lạc, rõ ràng, được CB, GV, NH hiểu rõ để thực hiện và được phổ biến rộng rãi bằng các hình thức khác nhau và dễ dàng tiếp cận. Các hoạt động dạy - học được thiết kế phù hợp nhằm đạt được CĐR của CTĐT và thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm giúp nâng cao khả năng học tập suốt đời cho NH. Tất cả các ĐCHP đều có phần hướng dẫn NH tự học, trong đó mô tả rõ những nội dung mà NH cần thực hiện, những tài liệu học tập để chuẩn bị cho bài học, thông qua đó rèn luyện năng lực tự học cho NH.

Việc đánh giá KQHT của NH được Nhà trường/Khoa thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR. Các qui định về đánh giá KQHT của NH được Nhà trường/Khoa xác định rõ ràng về hình thức, phương pháp đánh giá, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá KQHT của NH và phổ biến đến NH bằng nhiều hình thức. NH được phổ biến các qui định về KTĐG, được phổ biến các qui định về khiếu nại KQHT. Trong giai đoạn đánh giá không có HV nào khiếu nại về KQHT.

Đội ngũ GV thực hiện CTĐT được qui hoạch, phát triển về số lượng và chất lượng đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ. Khối lượng công việc đối với GV được xác định, qui đổi theo giờ chuẩn. Năng lực của đội ngũ GV được đánh giá hằng năm theo các tiêu chí cụ thể. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, phát triển năng lực của GV được thực hiện theo nhu cầu của CTĐT, theo kế hoạch hằng năm của Nhà trường. Loại hình,

khối lượng NCKH của GV được qui định, định mức cụ thể, có bộ phận giám sát và phần mềm hỗ trợ. Đội ngũ GV, NCV có nhiều kết quả hoạt động NCKH như: chủ trì thực hiện các đề tài khoa học các cấp, công bố nhiều bài báo về kết quả NCKH trên các tạp chí khoa học quốc tế và tạp chí khoa học trong nước, biên tập và xuất bản sách/giáo trình, tham gia hội thảo khoa học, có bài đăng trong kỉ yếu hội thảo quốc tế và trong nước.

Đội ngũ NV phục vụ được phát triển theo Chiến lược phát triển đến năm 2030 và xác định nhu cầu đội ngũ NV giai đoạn 2016 - 2021 và 2022 - 2026, cơ bản đáp ứng nhu cầu của Nhà trường. Các qui định, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV được ban hành và phổ biến toàn Trường. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ NV được xây dựng dựa trên nhu cầu phát triển Trường, Khoa và nhu cầu cá nhân. Hoạt động đánh giá hiệu quả công việc được thực hiện dựa trên mô tả vị trí việc làm. NV được tham gia xây dựng, góp ý qui định đánh giá hiệu quả công việc và hài lòng với kết quả đánh giá.

Chính sách tuyển sinh, phương pháp, tiêu chí xét tuyển được xác định rõ ràng, đúng qui định, được công khai và cập nhật. Các hoạt động tư vấn, hỗ trợ NH, các hoạt động thực hành, thực tế, ngoại khóa... được chú trọng. Cảnh quan môi trường sạch, đẹp; môi trường tâm lí, xã hội thân thiện, cởi mở, tác động lan tỏa trong CB, GV và NH, được các BLQ đánh giá cao.

Hệ thống phòng làm việc, phòng học, các phòng chức năng và trang thiết bị đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo, NCKH và hoạt động khác. Thư viện có đủ các phòng đọc, có phần mềm quản lí; có các nội quy, qui định; qui trình quản lí, sử dụng, thu nhận tài liệu; kết nối được với thư viện nhiều trường đại học khác trong cả nước. Hệ thống phòng thực hành với các trang thiết bị cơ bản đáp ứng nhu cầu, phù hợp; có qui trình quản lí, sử dụng và thanh lí tài sản, máy móc thiết bị; có người phụ trách phòng thí nghiệm để hỗ trợ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu, đáp ứng CĐR của ngành học. Hệ thống CNTT như máy tính, hạ tầng cho học trực tuyến, các phần mềm hỗ trợ cơ bản đáp ứng trong đào tạo, NCKH và có đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức vận hành ổn định, an toàn hệ thống CNTT. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn được qui định ràng.

Về nâng cao chất lượng, hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ được xác định rõ ràng; có hệ thống các qui định cụ thể và công cụ thực hiện. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH. Qui trình thiết kế và phát triển CTĐT và CTDH của Trường được qui định rõ ràng; được rà soát, được cải tiến phù hợp với các qui định tại Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021; được hướng dẫn cụ thể về yêu cầu, các bước thực hiện cho từng tiêu chí liên quan đến hoạt động phát triển CTĐT, CTDH. Hoạt động dạy học, KTĐG KQHT của đội ngũ GV đối với NH; chất lượng các dịch vụ và tiện ích của thư

viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác được NH đánh giá với tỉ lệ hài lòng cao. Đội ngũ GV, NCV và NH thực hiện CTĐT có nhiều đề tài NCKH các cấp, công bố nhiều bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành có kết quả được sử dụng cho hoạt động dạy, học và nghiên cứu. Cơ chế phản hồi của các BLQ của Trường được thiết lập có tính hệ thống, có sự kết nối giữa các BLQ nhằm thu thập, xử lý, đánh giá và sử dụng hiệu quả thông tin thu thập từ các BLQ ở cả bên trong và bên ngoài Trường làm cơ sở nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH, PVCD.

Về kết quả đào tạo, tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp, tốt nghiệp đúng hạn; thời gian tốt nghiệp trung bình; loại hình và các hoạt động nghiên cứu của NH; mức độ hài lòng của các BLQ được xác lập, giám sát và đánh giá. Tỉ lệ NH tốt nghiệp đúng 2 năm trung bình của CTĐT rất cao, hầu như không có HV thôi học. HV tham gia NCKH được thể hiện trong luận văn thạc sĩ nghiên cứu; thực hiện đề tài NCKH. HV được hỗ trợ kinh phí chi cho hoạt động KHCN.

## **2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT (Tổng hợp theo từng tiêu chuẩn)**

Mục tiêu của CTĐT trình độ thạc sĩ ngành ngành SHTN chưa thể hiện thực sự rõ nét đặc trưng riêng để phân biệt rõ định hướng giữa 02 định hướng đào tạo ứng dụng và nghiên cứu. Việc lấy ý kiến của các BLQ khi rà soát Mục tiêu đào tạo và CDR chưa thực sự đầy đủ số lượng, công cụ khảo sát dùng chung toàn trường.

Trong quá trình rà soát, điều chỉnh bản mô tả CTĐT, việc thu thập các ý kiến đa chiều của các BLQ chưa thực sự đầy đủ, còn hạn chế về qui mô và số lượng các thành phần tham gia. Một vài HP chưa thể hiện rõ các hoạt động giám sát, hỗ trợ của GV giúp NH thực hiện việc tự học và nghiên cứu.

Việc phân tích chi tiết, cụ thể về việc lấy ý kiến phản hồi chưa đóng góp thực sự hiệu quả vào việc đổi mới nội dung HP hướng tới đạt được CDR và năng lực cụ thể. Trong quá trình xây dựng CTDH, Khoa, Bộ môn chỉ đối sánh với các trường ĐH trong nước. Việc tích hợp các nội dung và thứ tự sắp xếp các HP trong CTDH phần nào vẫn còn mang tính khuôn mẫu.

Hình thức giới thiệu, phổ biến Triết lí giáo dục của Nhà trường đến các đơn vị và cá nhân ngoài trường chưa thực sự đa dạng và hiệu quả. Các qui trình và công cụ để đánh giá được chất lượng quá trình dạy và học chưa được triển khai thực sự đồng bộ. Việc đánh giá chủ yếu vẫn dựa vào công cụ đánh giá gián tiếp là phiếu khảo sát ý kiến NH. Các hoạt động tổng kết, phân tích, đánh giá tác động của các PPDH đến việc học và tự học, tự nghiên cứu của HV nhằm hỗ trợ việc rèn luyện các kĩ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời của HV chưa được tổ chức thường xuyên.

Công tác rà soát, phân tích và thống kê, đánh giá độ khó, mức độ phù hợp và độ tin cậy của đề thi để có hướng cải tiến phù hợp chưa được tiến hành thường xuyên. Nhà

trường đã qui định công bố tất cả điểm quá trình vào buổi học kết thúc HP nhưng chưa qui định thời hạn cụ thể GV phải thông báo điểm đánh giá quá trình đến HV. Việc công bố đáp án đã có qui định nhưng chưa được GV thực hiện một cách triệt để.

Trong chiến lược phát triển của Trường ĐH Vinh các giai đoạn, chưa xây dựng được dự báo chi tiết cho đội ngũ GV theo từng Khoa, ngành đào tạo. Văn bản qui định riêng cho GV về hoạt động PVCD chưa thực sự rõ ràng. Chính sách thu hút GV chưa đủ mạnh, kết quả tuyển dụng theo kế hoạch chưa đạt kì vọng. Khoa Sinh học còn hạn chế trong việc đăng kí đề tài NCKH cấp Nhà nước và đăng kí sở hữu trí tuệ. Phần mềm quản lí cơ sở dữ liệu GV chưa thực sự đầy đủ về kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, theo dõi, giám sát việc thực hiện công việc GV.

Chưa xác định cụ thể số lượng NV từ năm 2026 đến năm 2030 theo chiến lược phát triển của Nhà trường; khung năng lực và mô tả vị trí việc làm của Nhà trường chưa thể hiện nội dung hoạt động PVCD của đội ngũ NV. Nhà trường chưa tổ chức đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ NV làm cơ sở để cải tiến hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, chưa xác định rõ khối lượng công việc cho từng cá nhân, chuyên viên, NV cụ thể, rõ ràng.

Hình thức quảng bá tuyển sinh của Nhà trường chưa thực sự đa dạng. Trong quá trình rà soát, đánh giá các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH, việc khảo sát ý kiến các BLQ chưa thực sự hiệu quả. Công tác tư vấn, hỗ trợ cho HV để giải quyết những khó khăn chưa đáp ứng hoàn toàn các mong muốn của HV. Hoạt động trao đổi học thuật, hội thảo khoa học có số lượng HV tham gia còn ít. Nhà trường chưa có nhiều các phòng sinh hoạt chuyên môn riêng cho các khoa/ngành nên việc tổ chức các sự kiện chia sẻ, kết nối với doanh nghiệp còn hạn chế.

Việc khảo sát hài lòng về hệ thống phòng học và trang thiết bị các phòng học chưa được phân tích, tổng hợp theo từng ngành, từng bậc đào tạo. Việc cập nhật, bổ sung tài liệu, giáo trình có lúc chưa kịp thời, một vài tài liệu xuất bản trên 10 năm do vẫn còn giá trị tham khảo. Sự gắn kết giữa HV với các cơ sở tại cộng đồng chưa được thường xuyên, kết nối chưa thực sự chặt chẽ. Tốc độ wifi tại một số nơi, một số thời điểm trong Trường còn yếu. Việc khảo sát mức độ hài lòng về môi trường, sức khỏe và an toàn có lưu ý nhu cầu đặc thù cho HV khiếm khuyết thể lực chưa thực sự đa dạng và chưa thường xuyên.

Thông tin về nhu cầu đào tạo, yêu cầu về năng lực các vị trí việc làm cụ thể chưa được khảo sát đủ nhiều để làm cơ sở điều chỉnh, bổ sung CĐR, CTDH. Hình thức lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về qui trình thiết kế và phát triển CTDH chưa thực sự đa dạng nên hiệu quả chưa thực sự cao. Việc phân tích, đối sánh kết quả khảo sát hằng năm chưa được thực hiện một cách toàn diện và thường xuyên như mong đợi. Kết quả các nghiên cứu thuộc đề tài NCKH cấp Nhà nước, cấp bộ có nội dung liên quan đến hoặc áp dụng vào hoạt động dạy và học chưa nhiều so với tiềm năng. Hoạt động khảo sát,

đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích chưa được phân tích cụ thể cho từng CTĐT. Việc đánh giá tính hiệu lực, hiệu quả của Hội đồng ĐBCL và mạng lưới ĐBCL làm cơ sở để cải tiến cách thức kết nối, xử lý, chia sẻ, sử dụng thông tin phản hồi giữa các BLQ chưa thực sự đạt hiệu quả như mong muốn.

Kết quả NCKH chưa tương xứng với tiềm năng của HV ngành SHTN. Chưa có đề tài NCKH của HV theo đúng qui trình. Kinh phí trích cho NCKH dành cho HV chưa xác định riêng cho CTĐT. Một số kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ cần thiết mới chỉ là dữ liệu khảo sát chung đối với HV của các CTĐT thạc sĩ, mà chưa được bóc tách riêng theo ngành đào tạo để phân tích. Nhà trường và Khoa cũng chưa tổ chức đối sánh hàng năm với các CTĐT của các trường ĐH trong và ngoài nước về các chỉ số kết quả đầu ra.

### **3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng**

Rà soát CTĐT để phân biệt rõ nét hơn nữa giữa đào tạo CTĐT theo định hướng nghiên cứu và theo định hướng ứng dụng. Tiếp tục rà soát CDR của CTĐT, chú trọng diễn tả năng lực tự chủ và trách nhiệm nhằm phản ánh rõ việc “lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động”. Tiếp tục công tác khảo sát nhà tuyển dụng, mở rộng số lượng doanh nghiệp cần khảo sát để đảm bảo CDR đáp ứng linh hoạt hơn nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

Tăng cường việc lấy ý kiến khảo sát các BLQ về các nội dung đặc thù của Bản mô tả CTĐT ngành SHTN. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện tất cả ĐCHP nhằm thể hiện rõ các hoạt động giám sát, hỗ trợ của GV đối với việc thực hiện hoạt động tự học và nghiên cứu của NH. Tiếp tục đa dạng hóa các hình thức và tăng cường truyền thông, phổ biến Bản mô tả CTĐT và ĐCHP để các BLQ dễ dàng tiếp cận.

Triển khai việc thực hành và thực tập ngoài trường, tiếp cận sớm với nhà sử dụng lao động để rèn luyện cho NH kỹ năng thích ứng nghề nghiệp. Việc phân tích các ý kiến phản hồi để đổi mới nội dung HP nhằm đạt được CDR ở các mức năng lực cụ thể chưa được thực hiện một cách hệ thống, dựa trên các công cụ đánh giá khoa học. Tăng cường đối sánh CTDH với các trường ĐH thuộc top 500 châu Á nhằm thực hiện Sứ mạng “dẫn dắt sự phát triển của GD&ĐT của khu vực Bắc Trung Bộ”.

Hình thức giới thiệu, phổ biến về Triết lý giáo dục của Nhà trường đến với các đơn vị và cá nhân ngoài trường còn chưa thực sự đa dạng. Tiếp tục thực hiện qui trình và công cụ để đánh giá chất lượng quá trình dạy và học một cách đồng bộ hơn. Triển khai việc đánh giá này dựa vào các công cụ trực tiếp và gián tiếp. Tăng cường việc tổng kết, phân tích, đánh giá tác động của PPDH đến việc học và tự học, tự nghiên cứu của HV nhằm hỗ trợ việc rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời cho HV.

Tăng cường công tác rà soát, phân tích, và thống kê, đánh giá độ khó đề thi để có hướng cải tiến phù hợp. Rà soát và bổ sung qui định về thời hạn thông báo điểm đánh

giá quá trình đến HV và qui định rõ thời hạn thông báo kết quả mỗi bài KTĐG. Thúc đẩy việc phân tích kết quả KTĐG của HV ở tất cả các HP để đánh giá mức độ phù hợp và độ tin cậy của phương pháp KTĐG và của đề thi. Tăng cường công tác giám sát việc công bố đáp án kịp thời cho từng bài KTĐG với toàn bộ các HP.

Tăng cường việc phân tích nhu cầu xã hội về đào tạo và NCKH theo từng ngành đào tạo để xây dựng dự báo phát triển đội GV viên đảm bảo đáp ứng được nhu cầu xã hội, tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường. Tăng cường việc giám sát các hoạt động PVCĐ của GV và bổ sung vào qui định để có thể đo lường hiệu quả hoạt động PVCĐ của GV. Rà soát Chính sách thu hút và tuyển dụng GV đảm bảo đủ mạnh để có thể tuyển đủ chỉ tiêu GV. Tiếp tục rà soát, bổ sung, hoàn thiện các qui định về đánh giá năng lực của GV và nghiên cứu viên. Xây dựng phần mềm để quản lý thống nhất cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo, bồi dưỡng làm cơ sở cho việc tổ chức đánh giá sau các khóa đào tạo, bồi dưỡng một cách hiệu quả hơn. Xây dựng tiêu chí cụ thể (KPIs) để đánh giá công tác PVCĐ của GV và nghiên cứu viên một cách hiệu quả hơn. Thúc đẩy triển khai việc đăng kí sở hữu trí tuệ, phát huy thế mạnh của khoa Sinh học.

Tiếp tục rà soát Chiến lược phát triển của Nhà trường và bổ sung số lượng NV đến năm 2030. Tiếp tục rà soát Đề án vị trí việc làm và bổ sung khung năng lực cụ thể cho từng vị trí việc làm. Thực hiện phân tích, tổng hợp ý kiến phản hồi của NH về chất lượng đội ngũ NV theo từng CTĐT để làm cơ sở đối sánh và cải tiến hiệu quả hơn. Thúc đẩy việc tổ chức đánh giá hiệu quả sau đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ NV một cách đồng bộ, hiệu quả để cải tiến chất lượng hoạt động này. Xác định rõ khối lượng công việc (KPIs) và thời gian cần thực hiện nhằm đánh giá năng lực đội ngũ NV được chính xác và hiệu quả hơn.

Đa dạng hóa hơn các hình thức quảng bá tuyển sinh ở cấp Khoa, cấp Trường Sư phạm nhằm tăng cường hiệu quả tuyển sinh. Tăng cường việc khảo sát ý kiến các BLQ trong quá trình rà soát, đánh giá các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH để tăng hiệu quả công tác tuyển sinh. Tăng cường công tác tư vấn, hỗ trợ để giúp cho HV giải quyết những khó khăn gặp phải trong quá trình học tập như thời gian học (HV là CB đi học), đạt các CDR đúng hạn. Tăng cường tổ chức các hoạt động trao đổi học thuật, hội thảo khoa học và thúc đẩy HV tham gia nhiều hơn bằng cách gắn với việc đánh giá sự tiến bộ của HV. Nhà trường chưa có nhiều các phòng sinh hoạt chuyên môn riêng cho các khoa/ngành nên việc tổ chức các sự kiện chia sẻ, kết nối (đặc biệt với doanh nghiệp) còn hạn chế.

Việc khảo sát hài lòng về hệ thống phòng học và trang thiết bị các phòng học chưa được phân tích, tổng hợp theo từng ngành, từng bậc đào tạo. Tiếp tục rà soát, cập nhật tài liệu, giáo trình kịp thời để bổ sung cho các tài liệu xuất bản trên 10 năm mà vẫn còn giá trị tham khảo. Tăng cường đưa HV đi thực tế và kết nối chặt chẽ hơn với cộng đồng

để tăng trải nghiệm thực tế, cũng như thực hiện đề tài/ luận văn tốt nghiệp của HV. Tiếp tục đầu tư, phân luồng truy cập, tổ chức lại quyền truy cập để đảm bảo tốc độ truy cập vào các cơ sở dữ liệu được ổn định. Tăng cường việc khảo sát mức độ hài lòng về môi trường, sức khỏe và an toàn có lưu ý nhu cầu đặc thù cho HV khiếm khuyết thể lực một cách đa dạng và thường xuyên hơn.

Thông tin về nhu cầu đào tạo, yêu cầu về năng lực các vị trí việc làm cụ thể chưa được khảo sát đủ nhiều để làm cơ sở điều chỉnh, bổ sung CĐR, CTDH. Đa dạng hóa hình thức lấy ý kiến phản hồi từ các BLQ về quy trình thiết kế và phát triển CTDH để nâng cao hiệu quả hoạt động này. Thúc đẩy việc phân tích, đối sánh kết quả khảo sát hằng năm một cách toàn diện và thường xuyên hơn nhằm làm căn cứ cải tiến chất lượng. Rà soát chính sách nhằm thúc đẩy các nhóm nghiên cứu triển khai nhiều hơn các đề tài NCKH cấp Nhà nước, cấp bộ có nội dung liên quan đến hoạt động dạy và học. Triển khai việc phân tích kết quả khảo sát, đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cụ thể cho từng CTĐT để việc cải tiến chất lượng đạt hiệu quả cao hơn. Tăng cường việc đánh giá tính hiệu lực, hiệu quả của Hội đồng ĐBCL và mạng lưới ĐBCL để làm cơ sở cho việc cải tiến cách thức kết nối, xử lý, chia sẻ, sử dụng thông tin phản hồi giữa các BLQ một cách hiệu quả hơn.

Thực hiện báo cáo dự báo hàng năm về xu thế tốt nghiệp, thôi học của HV ngành SHTN một cách thực sự hiệu quả hơn để giám sát và kịp thời có biện pháp ứng phó. Thực hiện đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp trung bình của CTĐT ngành SHTN với CTĐT tương ứng của các trường ĐH khác trong và ngoài nước để cải tiến chất lượng. Tăng cường việc khảo sát về số HV khởi nghiệp thành công và/hoặc có nguyện vọng học lên bậc tiến sĩ và thực hiện đối sánh với các trường ĐH khác để cải tiến chất lượng. Tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách nhằm động viên, khích lệ HV thực hiện NCKH và có công bố trên các tạp chí WoS/Scopus. Tăng cường việc đối sánh kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ với các trường ĐH khác trong và ngoài nước để tiếp tục nâng cao chất lượng hơn nữa.

#### **4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT (Phụ lục 6A)**

*Nghệ An, ngày 30 tháng 6 năm 2025*

  
**GS.TS. Nguyễn Huy Bằng**

**Phụ lục 6a. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo**  
(Theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT)

Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Vinh

Mã trường: TDV

Tên CTĐT: SHTN trình độ thạc sĩ

Mã CTĐT: 8.42.01.14

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
<b><i>Tiêu chuẩn 1</i></b>								5,00	3	100%
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
<b><i>Tiêu chuẩn 2</i></b>								5,00	3	100%
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
<b><i>Tiêu chuẩn 3</i></b>								5,00	3	100%
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
<b><i>Tiêu chuẩn 4</i></b>								5,00	3	100%
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3					5					
<b><i>Tiêu chuẩn 5</i></b>								4,80	5	100%
Tiêu chí 5.1					5					
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3				4						
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5					5					
<b><i>Tiêu chuẩn 6</i></b>								5,00	5	100%
Tiêu chí 6.1					5					
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4					5					

Tiêu chí 6.5					5					
Tiêu chí 6.6					5					
Tiêu chí 6.7					5					
<b>Tiêu chuẩn 7</b>										
Tiêu chí 7.1					5					
Tiêu chí 7.2					5					
Tiêu chí 7.3					5			5,00	5	100%
Tiêu chí 7.4					5					
Tiêu chí 7.5					5					
<b>Tiêu chuẩn 8</b>										
Tiêu chí 8.1					5					
Tiêu chí 8.2					5					
Tiêu chí 8.3					5			5,00	5	100%
Tiêu chí 8.4					5					
Tiêu chí 8.5					5					
<b>Tiêu chuẩn 9</b>										
Tiêu chí 9.1					5					
Tiêu chí 9.2				4						
Tiêu chí 9.3					5			4,80	5	100%
Tiêu chí 9.4					5					
Tiêu chí 9.5					5					
<b>Tiêu chuẩn 10</b>										
Tiêu chí 10.1					5					
Tiêu chí 10.2					5					
Tiêu chí 10.3					5			5,00	6	100%
Tiêu chí 10.4					5					
Tiêu chí 10.5					5					
Tiêu chí 10.6					5					
<b>Tiêu chuẩn 11</b>										
Tiêu chí 11.1					5					
Tiêu chí 11.2					5					
Tiêu chí 11.3					5			5,00	5	100%
Tiêu chí 11.4					5					
Tiêu chí 11.5					5					
<b>Đánh giá chung CTĐT</b>								<b>4,96</b>	<b>50</b>	<b>100%</b>

## PHẦN IV. PHỤ LỤC

### Phụ lục 7. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

#### CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 30 tháng 5 năm 2025)

##### I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)  
Tiếng Việt: Trường Đại học Vinh  
Tiếng Anh: Vinh University
2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục  
Tiếng Việt: TDV  
Tiếng Anh: VU
3. Tên trước đây (nếu có):
4. Cơ quan quản lý trực tiếp: Bộ GD&ĐT
5. Địa chỉ: 182 Lê Duẩn
6. Thông tin liên hệ:  
E-mail: [vinhuni@vinhuni.edu.vn](mailto:vinhuni@vinhuni.edu.vn) Website: <http://vinhuni.edu.vn>
7. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập): 1959
8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1959
9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I: 1964
10. Loại hình cơ sở giáo dục:  
Công lập  Bán công  Dân lập  Tư thục
11. Loại hình khác (đề nghị ghi rõ).....

##### II. Thông tin chung về cơ sở giáo dục thực hiện CTĐT

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)  
Tiếng Việt: Khoa Sinh học  
Tiếng Anh: Biology Faculty
13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:  
Tiếng Việt: Sinh học  
Tiếng Anh: BioFac
14. Tên trước đây (nếu có)  
Tiếng Việt:  
Tiếng Anh:
15. Mã CTĐT: 8.42.01.14
16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có): Sinh lí người và động vật  
Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Văn phòng Khoa Sinh học, Tầng 2, Tòa nhà A0, Trường Đại học Vinh (số 182 Lê Duẩn, TP Vinh, tỉnh Nghệ An)
18. Số điện thoại liên hệ: 0987772618; Email: [khoasinh.dhv@gmail.com](mailto:khoasinh.dhv@gmail.com)
19. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 1962
20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT Thạc sĩ): 1994

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 1996

### III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện CTĐT

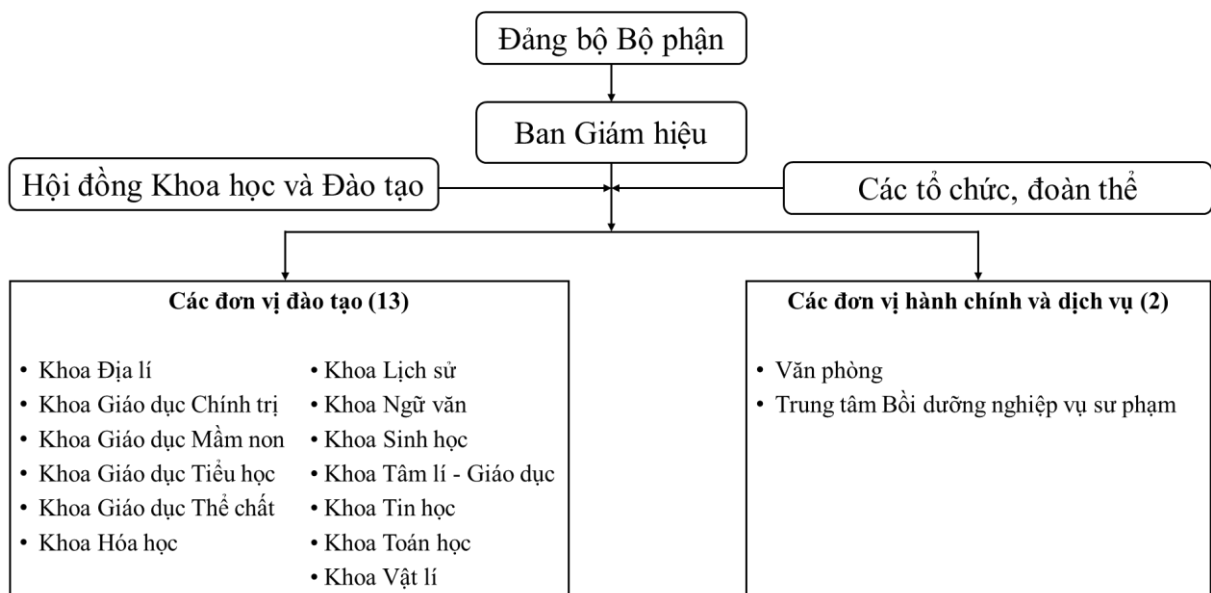
22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT

Khoa Sinh học, Trường ĐH Vinh được thành lập theo Quyết định số 637/QĐ-BGDĐT, ngày 28/08/1962 của Bộ Trưởng Bộ GD&ĐT, có chức năng đào tạo trình độ thạc sĩ và SĐH các ngành: Sư phạm Sinh học, Thực vật học, Động vật học, LL&PPDH bộ môn Sinh học; SHTN. Đến năm 2021, nằm trong chủ trương tái cấu trúc của Trường ĐH Vinh, để khẳng định vai trò và nâng cao hơn nữa vị thế đào tạo giáo viên của Nhà trường, các khoa đào tạo giáo viên được sát nhập thành trường thuộc. Khoa Sinh học được tái cấu trúc thành đơn vị trực thuộc Trường Sư phạm theo Quyết Nghị quyết số 11/NQ-HĐT ngày 21/78/2021 của Hội đồng trường ĐH Vinh về việc thành lập Trường Sư phạm (SP) thuộc Trường ĐH Vinh.

Trải qua hơn 6 thập kỉ đào tạo, Khoa Sinh học đã cung cấp cho xã hội hàng ngàn giáo viên Sinh học chính qui có trình độ thạc sĩ, góp phần to lớn vào sự nghiệp phát triển Giáo dục của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước. Hiện nay, Khoa Sinh học đang đào tạo trình độ thạc sĩ ngành sư phạm Sinh học và trình độ thạc sĩ các chuyên ngành Thực vật học, Động vật học, Lí luận và PPDH bộ môn Sinh học, SHTN. Sinh viên, HV khi theo học tại khoa Sinh học - Trường Sư phạm - Trường ĐH Vinh được học tập với chất lượng đào tạo tốt nhất cùng những GV tâm huyết và ưu tú nhất. Bên cạnh đó, đội ngũ GV Khoa cũng đã tích cực trong việc phát triển chuyên môn, nâng cao trình độ, biên soạn tài liệu, tham gia dạy bồi dưỡng và phát triển năng lực nghề nghiệp cho giáo viên phổ thông môn Khoa học tự nhiên và môn Sinh học trong và ngoài tỉnh.

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT.

Cơ cấu tổ chức của Trường Sư phạm - Trường ĐH Vinh gồm 13 khoa đào tạo và 1 Trung tâm Nghiệp vụ sư phạm. sơ đồ cơ cấu tổ chức của Trường như sau:



Khoa Sinh học bao gồm Ban Chủ nhiệm Khoa, Chủ tịch Công đoàn, Trợ lí Đào tạo, Cố vấn học tập, các GV chủ nhiệm, các GV cơ hữu và các GV kiêm quản lí.

24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách CB lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

T T	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
<b>Trường Sư phạm</b>						
1.	Ban Giám hiệu	Lưu Tiến Hưng	1974	PGS. TS Hiệu trưởng	0913396780	hunglt@vinhuni. edu.vn
2.	Ban Giám hiệu	Trần Vũ Tài	1975	PGS. TS P. Hiệu trưởng	0912883021	taitv@vinhuni.e du.vn
3.	Đảng bộ Bộ phận	Trần Vũ Tài	1975	PGS. TS Bí thư Đảng bộ	0912883021	taitv@vinhuni.e du.vn
4.	Công đoàn bộ phận	Nguyễn Thị Thanh Hải	1978	Tiến sĩ Chủ tịch Công đoàn	0979873655	haintt@vinhuni. edu.vn
5.	Bí thư Đoàn thanh niên	Nguyễn Thị Thu Trang	1996	Tiến sĩ Bí thư Đoàn trường	0963160447	trangnt@vinhu ni.edu.vn
6.	Chủ tịch Hội sinh viên	Nguyễn Minh Hạnh	2004	Sinh viên ĐH Chủ tịch	0816629818	hanhminh09052 004@gmail.com
<b>Khoa Sinh học</b>						
1.	Lãnh đạo khoa	Lê Quang Vượng	1973	Tiến sĩ, Trưởng Khoa	0987772618	vuong201173@ gmail.com
2.	Lãnh đạo khoa	Nguyễn Thị Giang An	1970	PGS TS, P.Trưởng Khoa	0917113270	nguyengiangan @gmail.com
3	Lãnh đạo khoa	Nguyễn Thị Thảo	1980	Tiến sĩ, P Trưởng Khoa	0912884246	nthao124@gmai l.com
4.	Chi bộ CB	Lê Quang Vượng	1973	Tiến sĩ, Trưởng Khoa	0987772618	vuong201173@ gmail.com
5.	Công đoàn	Đào Thị Minh Châu	1975	Phó Giáo sư, Tiến sĩ	0918618358	daochau27@gm ail.com
6.	Trợ lý đào tạo	Nguyễn Thị Việt	1985	Tiến sĩ	0943474688	vietnt@vinhuni. edu.vn
7.	Chi bộ SV	Nguyễn Thị Việt	1985	Tiến sĩ	0943474688	vietnt@vinhuni. edu.vn

## 25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 15
- Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 27
- Số lượng ngành đào tạo đại học: 16
- Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0
- Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): 0

## 26. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính qui	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Không Chính qui	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Từ xa	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo với nước ngoài	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo trong nước	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình): Bồi dưỡng nghiệp vụ

## 27. Tổng số các ngành đào tạo: 58

**IV. CB quản lý, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT**

## 28. Thống kê số lượng CB quản lý, GV và NV của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Đội ngũ cơ hữu 1 Trong đó:	15	08	23
I.1	Đội ngũ trong biên chế	-	-	-
I.2	Đội ngũ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	15	08	23
II	Các đối tượng khác (GV thỉnh giảng)	02	01	03
	Tổng số	17	09	26

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về đội ngũ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

## 29. Thống kê, phân loại giảng viên

---

1 Đội ngũ cơ hữu là CB quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và CB hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc CB hợp đồng không xác định thời hạn theo qui định của Luật lao động sửa đổi.

T T	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn <sup>2</sup> trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là CB quản lí		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	9	4	0	3	2	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	17	11	0	5	1	0
5	ThS	0	0	0	0	0	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	26	15	0	8	3	0

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những GV vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số GV cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 18 người

Tỉ lệ GV cơ hữu trên tổng số CB cơ hữu: 100%

30. Qui đổi số lượng GV của đơn vị thực hiện CTĐT theo qui định hiện hành của Bộ.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số qui đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV qui đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là CB quản lí			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số qui đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	3,0	9	4	0	3	2	0	15,9
3	Tiến sĩ khoa học	3,0	0	0	0	0	0	0	0

2 Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số qui đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV qui đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là CB quản lí			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số qui đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
4	Tiến sĩ	2	17	11	0	5	1	0	38,7
5	ThS	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Đại học	0,3	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng		20	9+20		0,9+3,6			32,9

Cách tính: Cột 10 = cột 3\*(cột 5 + cột 6 + 0,3\*cột 7 + 0,2\*cột 8 + 0,2\*cột 9)

31. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

T T	Trình độ/ học vị	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	9	35	4	5	0	1	4	1	3
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	17	65	11	6	0	3	9	5	0
5	ThS	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	26	100	15	11	0	4	13	6	3

31.1. Tuổi trung bình của GV cơ hữu: 40 tuổi

31.2. Tỉ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 100%

31.3. Tỉ lệ GV cơ hữu có trình độ ThS trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 0

32. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

T T	Tần suất sử dụng	Tỉ lệ (%) nghiên cứu cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	40%	100%

2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	40%	0
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	10%	0
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	05%	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	05%	0
	Tổng	100%	0

#### V. Người học (chỉ tính số lượng NH của CTĐT)

33. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, HV cao học và nghiên cứu sinh

Tổng số người đăng kí dự tuyển vào CTĐT, số NH trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ Chính qui):

Năm học	Số TS đăng kí vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỉ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của HV được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2020-2021	-	20	-	20	15/30	-	0
2021-2022	-	3	-	3	Xét tuyển	-	0
2022-2023	-	0	-	0	Xét tuyển	-	0
2023-2024	-	13	-	13	Xét tuyển	-	0
2024-2025	-	5	-	5	Xét tuyển	-	0

34. Thống kê, phân loại số lượng NH theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính qui và không Chính qui.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
1. Nghiên cứu sinh	0	0	0	0	0
2. HV cao học (tính cả các khóa đang theo học)	20	3	0	13	5
3. Sinh viên ĐH					
Trong đó:	0	15	18	15	21
Hệ Chính qui	0	15	18	15	21
Hệ không Chính qui	0	12	0	0	0

## 35. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: 0 người

	Năm học				
	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỉ lệ (%) trên tổng số NH	0	0	0	0	0

## 36. Người học của CTĐT có chỗ ở trong kí túc xá/tổng số NH có nhu cầu:

Các tiêu chí	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
1. Tổng diện tích phòng ở (m <sup>2</sup> )	-	-	-	-	-
2. NH có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài KTX) (người)	0	0	6	0	0
3. NH được ở trong KTX (người)	0	0	6	0	0
4. Tỉ số diện tích trên đầu NH ở trong kí túc xá (m <sup>2</sup> /người)	0	0	2	0	0

## 37. Số lượng (người) và tỉ lệ (%) NH của CTĐT tham gia NCKH

	Năm học				
	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
Số lượng (người)	7	7	20	3	0
Tỉ lệ (%) trên tổng số sinh viên	100%	100%	100%	100%	100%

## 38. Thống kê số lượng NH của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	0	0	0	0	0
2. HV tốt nghiệp cao học	7	7	20	3	0
3. Sinh viên tốt nghiệp ĐH Trong đó:	0	0	0	1	28

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
Hệ Chính qui	0	0	0	1	16
Hệ không Chính qui	0	0	0	0	12
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng Trong đó:	0	0	0	0	0
Hệ Chính qui	0	0	0	0	0
Hệ không Chính qui	0	0	0	0	0
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp Trong đó:	0	0	0	0	0
Hệ Chính qui	0	0	0	0	0
Hệ không Chính qui	0	0	0	0	0
6. Khác...	0	0	0	0	0

(Tính cả những NH đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo qui định nhưng đang chờ cấp bằng)

39. Tình trạng tốt nghiệp của HV hệ chính qui của CTĐT (thống kê tham khảo các khóa K26, K27, K28, K29, K30):

Các tiêu chí	Khoá tốt nghiệp				
	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
1. Số lượng NH tốt nghiệp (người).	20	3	0	13	5
2. Tỷ lệ NH tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	100%	100%	100%	100%	100%
3. Đánh giá của NH tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:					
A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> chuyên xuống câu 4	-	-	-	-	-
B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ NH trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	-	-	-	-	-
3.2. Tỷ lệ NH trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	-	-	-	-	-

3.3. Tỷ lệ NH trả lời không học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	-	-	-	-	-
4. NH có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> điền các thông tin dưới đây:	-	-	-	-	-
4.1. Tỷ lệ NH có việc làm đúng ngành đào tạo (%).					
- Sau 6 tháng tốt nghiệp.	100%	100%	100%	100%	100%
- Sau 12 tháng tốt nghiệp.	100%	100%	100%	100%	100%
4.2. Tỷ lệ NH có việc làm trái ngành đào tạo (%).	0	0	0	0	0
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của NH có việc làm (đơn vị triệu VND).	12	12	12	15	-
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về NH tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> điền các thông tin dưới đây:	-	-	-	-	-
5.1. Tỷ lệ NH đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	-	-	-	-	-
5.2. Tỷ lệ NH cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).	-	-	-	-	-
5.3. Tỷ lệ NH phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	-	-	-	-	-

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là NH có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo qui định, kể cả những NH chưa nhận được bằng tốt nghiệp;
- Người học có việc làm là NH tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm;
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp;
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. NCKH và chuyển giao công nghệ

40. Số lượng đề tài NCKH và chuyển giao KHCN của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã qui đổi)
			2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh*	1	2	1	1	0	1	5
3	Đề tài cấp trường	0,5	1	1	0	0	4	3
	Tổng		4	1	1	0	5	8

Cách tính: Cột 9 = cột 3\*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

\*\*Hệ số qui đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài qui đổi: 12

Tỉ số đề tài NCKH và chuyển giao KHCN (qui đổi) trên CB cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 12/26

41. Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỉ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỉ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên CB cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2020-2021	1.390,0	0	60,43
2	2021-2022	819,9	0	35,66
3	2022-2023	420,0	0	18,26
4	2023-2024	0	0	0
5	2024-2025	719,6	0	31,29

42. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 05 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng CB tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	8	23	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	

Số lượng đề tài	Số lượng CB tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Tổng số CB tham gia	0	8	23	

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

43. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã qui đổi)
			2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	
1	Sách chuyên khảo	3	1	3	7	4	3	54
2	Sách giáo trình	2	1	0	4	4	0	18
3	Sách tham khảo	1,5	2	7	8	5	7	43,5
4	Sách hướng dẫn	1	0	0	0	0	0	0
	Tổng		4	10	19	13	10	115,5

\*\*Hệ số qui đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (qui đổi): ...

Tỉ số sách đã được xuất bản (qui đổi) trên CB cơ hữu: .../13

44. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng CB cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	12	8	5	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	1	0	2	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số CB tham gia	13	8	7	0

45. Số lượng bài của đội ngũ cơ hữu đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã qui đổi)
			2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	2	30	27	21	32	34	288

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã qui đổi)
			2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1	11	12	12	14	6	55
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng		41	39	33	46	40	343

\*\*Hệ số qui đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (qui đổi): ...

Tỉ số bài đăng tạp chí (qui đổi) trên CB cơ hữu: ....

46. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng CB cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế (WoS, Scopus,...)	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	13	10	0
Từ 6 đến 10 bài báo	4	4	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	1	0
Trên 15 bài báo	3	0	0
Tổng số CB tham gia	20	15	0

47. Số lượng báo cáo khoa học do đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỉ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã qui đổi)
			2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	
1	Hội thảo quốc tế	1,50	2	1	2	0	0	7,5
2	Hội thảo trong nước	0,75	8	3	4	1	7	17,25
3	Hội thảo cấp trường	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng		10	4	6	1	7	24,75

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

\*\*Hệ số qui đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước.

Tổng số bài báo cáo (qui đổi): 0

Tỉ số bài báo cáo (qui đôi) trên CB cơ hữu: 0

48. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỉ yếu trong 05 năm gần đây:

Số lượng CB cơ hữu có báo cáo KH tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	1	7	0
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	1	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số CB tham gia	1	8	0

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

49. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2020-2021	0
2021-2022	0
2022-2023	0
2023-2024	0
2024-2025	0

50. NCKH của NH

50.1. Số lượng NH của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng NH tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	1	2	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số NH tham gia	0	1	2	

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

## 50.2. Thành tích NCKH của HV:

(Thống kê các giải thưởng NCKH, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích NCKH	Số lượng				
		2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
1	Số giải thưởng NCKH, sáng tạo	0	0	0	1	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	1	2	7	0	0

**VII. Cơ sở vật chất, thư viện**51. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m<sup>2</sup>):52. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m<sup>2</sup>):53. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m<sup>2</sup>):

Nơi làm việc:                      Nơi học:                      Nơi vui chơi giải trí:

54. Diện tích phòng học (tính bằng m<sup>2</sup>)

- Tổng diện tích phòng học:

- Tỉ số diện tích phòng học trên NH Chính qui: 3m<sup>2</sup>/1 HV

55. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin - Thư viện: Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có)

56. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng:

- Dùng cho NH học tập:

Tỉ số số máy tính dùng cho NH/NH Chính qui: HV/1 máy tính

**VIII. Tóm tắt một số chỉ báo quan trọng**

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ báo quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số GV cơ hữu (người): 23

Tỉ lệ GV cơ hữu trên tổng số CB cơ hữu (%): 100

Tỉ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%):  $23/23 \Rightarrow 100\%$ 

Tỉ lệ GV cơ hữu có trình độ ThS trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 01 (7,7%)

2. Người học:

Tổng số NH chính qui (người): 37

Tỉ số NH chính qui trên GV: 1,6 SV/1GV

Tỉ lệ NH tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 100%

3. Đánh giá của NH tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỉ lệ NH trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): không điều tra về vấn đề này

Tỉ lệ NH trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): không điều tra về vấn đề này

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỉ lệ NH có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 100%

Tỉ lệ NH có việc làm trái ngành đào tạo (%): 0%

Thu nhập bình quân/tháng của NH có việc làm (triệu VNĐ): 12,75 triệu đồng

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về NH tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: không điều tra về vấn đề này

Tỉ lệ NH đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): không điều tra về vấn đề này

Tỉ lệ NH cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): không điều tra về vấn đề này

6. NCKH và chuyển giao công nghệ:

Tỉ số đề tài NCKH và chuyển giao KHCN (qui đổi) trên CB cơ hữu: 31/23

Tỉ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên CB cơ hữu: 5.5 triệu VNĐ/ người (2022-2023)

Tỉ số sách đã được xuất bản (qui đổi) trên CB cơ hữu: 115,5/23

Tỉ số bài đăng tạp chí (qui đổi) trên CB cơ hữu: 343/23

Tỉ số bài báo cáo (qui đổi) trên CB cơ hữu: 24,75/23

7. Cơ sở vật chất:

Tỉ số máy tính dùng cho NH trên NH Chính qui: 1 HV/1 máy tính

Tỉ số diện tích phòng học trên NH Chính qui: 3m<sup>2</sup> /1 HV

Tỉ số diện tích kí túc xá trên NH chính qui: 2m<sup>2</sup>/1 HV

**Phụ lục 1: Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 454/QĐ-ĐHV

Nghệ An, ngày 04 tháng 3 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ  
các ngành: Đại số và lí thuyết số, Địa lí học, Ngôn ngữ Việt Nam,  
SHTN và Toán giải tích**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

*Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;*

*Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP, ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều 21 của Luật Giáo dục đại học;*

*Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg, ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh;*

*Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT, ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về qui trình và chu kì kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo;*

*Căn cứ Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD, ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo;*

*Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐT, ngày 12/5/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Vinh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh; Nghị quyết số 38/NQ-HĐT ngày 25/10/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Vinh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh;*

*Căn cứ Kế hoạch số 123/KH-ĐHV, ngày 26/11/2024 của Trường Đại học Vinh về việc tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo Trường Đại học Vinh giai đoạn 2025 - 2030;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Đảm bảo chất lượng.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ các ngành: Đại số và lý thuyết số, Địa lý học, Ngôn ngữ Việt Nam, SHTN và Toán giải tích của Trường Đại học Vinh gồm các ông/bà có tên sau đây *(có danh sách kèm theo)*.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư kí và các nhóm công tác chuyên trách *(có danh sách kèm theo)*.

**Điều 2.** Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá các chương trình đào tạo theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hướng dẫn tự đánh giá, đánh giá ngoài chương trình đào tạo của Cục Quản lý chất lượng.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày kí.

Trưởng các đơn vị: Đảm bảo chất lượng, Kế hoạch - Tài chính, Hành chính Tổng hợp; Trưởng các đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Lưu: HCTH, ĐBCL.

  
 HIỆU TRƯỞNG  
 GS.TS. Nguyễn Huy Bằng

**DANH SÁCH**

**Thành viên Hội đồng tự đánh giá**

**Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành SHTN**

(Kèm theo Quyết định số: 454/QĐ-ĐHV ngày 04 tháng 3 năm 2025

của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Ông Nguyễn Huy Bằng	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Bà Nguyễn Thị Thu Cúc	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3	Ông Lưu Tiến Hưng	Hiệu trưởng trường Sư phạm	Phó Chủ tịch
4	Ông Nguyễn Thanh Diệu	Phó Giám đốc PT Trung tâm ĐBCL	Thư kí
5	Ông Nguyễn Hoa Du	Phó Chủ tịch Hội đồng trường	Thành viên
6	Ông Nguyễn Văn Phú	Trưởng Phòng ĐT SDH	Thành viên
7	Ông Thiều Đình Phong	Trưởng phòng TCCB	Thành viên
8	Ông Nguyễn Hồng Soa	Trưởng phòng CTCT-HSSV	Thành viên
9	Ông Mai Văn Chung	Trưởng phòng KH&HTQT	Thành viên
10	Ông Hoàng Việt Dũng	Trưởng phòng KH-TC	Thành viên
11	Ông Nguyễn Đức Bình	Giám đốc Trung tâm TT-TV NTH	Thành viên
12	Ông Trần Đình Luân	Trưởng phòng QT&ĐT	Thành viên
13	Ông Lê Công Đức	Giám đốc Trung tâm DV, HTSV&QHĐN	Thành viên
14	Ông Lê Quang Vượng	Trưởng khoa Sinh học	Thành viên
15	Bà Nguyễn Thị Giang An	Phó trưởng Khoa Sinh học	Thành viên
16	Bà Nguyễn Thị Thảo	Giảng viên Khoa Sinh học	Thành viên
17	Ông Trần Đình Quang	Giảng viên Khoa Sinh học	Thành viên
18	Bà Trần Thị Gái	Giảng viên Khoa Sinh học	Thành viên
19	Bà Đinh Thị Liễu	Học viên K31 ngành SHTN	Thành viên

*Danh sách này gồm có 19 người./.*

**DANH SÁCH**

**Thành viên Ban thư kí giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá**

**Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành SHTN**

*(Kèm theo Quyết định số: 454/QĐ-ĐHV ngày 04 tháng 3 năm 2025  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)*

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh, chức vụ</b>	<b>Nhiệm vụ</b>
1	Bà Nguyễn Thị Việt	Giảng viên Khoa Sinh học	Trưởng ban
2	Bà Phan Thị Giang	Chuyên viên Phòng TCCB	Thành viên
3	Ông Nguyễn Tiến Cường	Chuyên viên Phòng Đào tạo SDH	Thành viên
4	Bà Phan Thị Thúy	Chuyên viên Phòng CTCT-HSSV	Thành viên
5	Bà Phan Thị Thu Hiền	Chuyên viên Phòng QT&ĐT	Thành viên
6	Bà Lâm Thu Trang	Chuyên viên Trung tâm TT-TV NTH	Thành viên
7	Bà Nguyễn Phương Thảo	Chuyên viên Trung tâm DV, HTSV&QHĐN	Thành viên
8	Bà Lê Thị Thu Hiệp	Phó GD Trung tâm TH-TN	Thành viên
9	Bà Nguyễn Thị Kim Nhung	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên
10	Ông Nguyễn Hoàng An	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên
11	Bà Đinh Thị Nga	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên
12	Bà Đinh Thị Kim Hảo	CB kiêm nhiệm tại Trung tâm ĐBCL	Thành viên
13	Ông Trần Trung Đức	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên
14	Bà Ngô Thị Hạnh	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên
15	Bà Lê Thị Hương	Giảng viên Khoa Sinh học	Thành viên
16	Bà Đào Thị Minh Châu	Giảng viên Khoa Sinh học	Thành viên
17	Bà Trần Huyền Trang	Giảng viên Khoa Sinh học	Thành viên
18	Ông Hồ Anh Tuấn	Giảng viên Khoa Sinh học	Thành viên
19	Bà Lê Thị Thuý Hà	Giảng viên Khoa Sinh học	Thành viên
20	Bà Phạm Thị Như Quỳnh	Giảng viên Khoa Sinh học	Thành viên
21	Ông Nguyễn Bá Hoàn	Giảng viên Khoa Sinh học	Thành viên
22	Ông Nguyễn Lê Ái Vĩnh	Giảng viên Khoa Sinh học	Thành viên

*Danh sách này gồm có 22 người./.*

## DANH SÁCH

## Các nhóm công tác chuyên trách

## Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành SHTN

(Kèm theo Quyết định số: 454/QĐ-ĐHV ngày 04 tháng 3 năm 2025  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
<b>NHÓM 1:</b> <b>Tiêu chuẩn 1:</b> Mục tiêu và CĐR của chương trình đào tạo. <b>Tiêu chuẩn 2:</b> Bản mô tả chương trình đào tạo.			(6 tiêu chí)
1	Bà Nguyễn Thị Giang An	Phó trưởng Khoa Sinh học	Trưởng nhóm
2	Bà Nguyễn Thị Việt	Giảng viên Khoa Sinh học	Thư kí
3	Ông Nguyễn Lê Ái Vĩnh	Giảng viên Khoa Sinh học	Thành viên
4	Ông Nguyễn Văn Phú	Trưởng phòng Đào tạo SĐH	Thành viên
5	Ông Nguyễn Thanh Diệu	Phó Giám đốc PT Trung tâm ĐBCL	Thành viên
<b>NHÓM 2:</b> <b>Tiêu chuẩn 3:</b> Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học. <b>Tiêu chuẩn 4:</b> Phương pháp tiếp cận trong dạy và học.			(6 tiêu chí)
1	Bà Trần Thị Gái	Giảng viên Khoa Sinh học	Trưởng nhóm
2	Bà Phạm Thị Như Quỳnh	Giảng viên Khoa Sinh học	Thư kí
3	Ông Hồ Anh Tuấn	Giảng viên Khoa Sinh học	Thành viên
4	Ông Nguyễn Tiến Cường	Chuyên viên Phòng Đào tạo SĐH	Thành viên
5	Bà Đinh Thị Kim Hảo	CB kiêm nhiệm tại Trung tâm ĐBCL	Thành viên
<b>NHÓM 3:</b> <b>Tiêu chuẩn 5:</b> Đánh giá kết quả học tập của người học. <b>Tiêu chuẩn 8:</b> Người học và hoạt động hỗ trợ người học.			(10 tiêu chí)
1	Ông Lê Quang Vượng	Trưởng khoa Sinh học	Trưởng nhóm
2	Ông Nguyễn Bá Hoàn	Giảng viên Khoa Sinh học	Thư kí
3	Bà Nguyễn Thị Kim Nhung	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên
4	Ông Nguyễn Hoàng An	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên
5	Bà Phan Thị Thúy	Chuyên viên Phòng CTCT-HSSV	Thành viên
<b>NHÓM 4:</b> <b>Tiêu chuẩn 6:</b> Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên. <b>Tiêu chuẩn 7:</b> Đội ngũ nhân viên.			(12 tiêu chí)
1	Ông Thiệu Đình Phong	Trưởng phòng TCCB	Trưởng nhóm
2	Bà Đào Thị Minh Châu	Giảng viên Khoa Sinh học	Thư kí

3	Bà Phan Thị Giang	Chuyên viên Phòng TCCB	Thành viên
4	Ông Trần Trung Đức	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên
5	Bà Đinh Thị Nga	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên
<b>NHÓM 5:</b> <b>Tiêu chuẩn 9:</b> Cơ sở vật chất và trang thiết bị.			(5 tiêu chí)
1	Ông Trần Đình Luân	Trưởng phòng QT&ĐT	Trưởng nhóm
2	Bà Trần Huyền Trang	Giảng viên Khoa Sinh học	Thư kí
3	Bà Nguyễn Thu Hiệp	Phó Giám đốc Trung tâm TH-TN	Thành viên
4	Bà Lâm Thu Trang	Chuyên viên Trung tâm TT-TV NTH	Thành viên
5	Bà Phan Thị Thu Hiền	Chuyên viên Phòng QT&ĐT	Thành viên
<b>NHÓM 6:</b> <b>Tiêu chuẩn 10:</b> Nâng cao chất lượng. <b>Tiêu chuẩn 11:</b> Kết quả đầu ra.			(11 tiêu chí)
1	Bà Nguyễn Thị Thảo	Giảng viên Khoa Sinh học	Trưởng nhóm
2	Bà Lê Thị Thuý Hà	Giảng viên Khoa Sinh học	Thư kí
3	Bà Nguyễn Phương Thảo	Chuyên viên Trung tâm DV, HTSV&QHĐN	Thành viên
4	Bà Ngô Thị Hạnh	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên
5	Ông Nguyễn Hoàng An	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên
<b>NHÓM 7:</b> - Viết báo cáo tổng quan, tổng hợp báo cáo tự đánh giá. - Lập danh mục minh chứng kèm theo Báo cáo tự đánh giá. - Lập cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.			(3 sản phẩm)
1	Ông Trần Đình Quang	Giảng viên Khoa Sinh học	Trưởng nhóm
2	Bà Nguyễn Thị Việt	Giảng viên Khoa Sinh học	Thư kí
3	Bà Lê Thị Hương	Giảng viên Khoa Sinh học	Thành viên
4	Ông Nguyễn Thanh Diệu	Phó Giám đốc PT Trung tâm ĐBCL	Thành viên
5	Bà Đinh Thị Kim Hảo	CB kiêm nhiệm tại Trung tâm ĐBCL	Thành viên

## **Phụ lục 2: Kế hoạch tự đánh giá CTĐT**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 26/KH-ĐHV

*Nghệ An, ngày 06 tháng 3 năm 2025*

### **KẾ HOẠCH**

#### **Tự đánh giá các chương trình đào tạo sau đại học**

#### **SHTN**

Căn cứ Quyết định số 454/QĐ-ĐHV ngày 04/3/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá các chương trình đào tạo sau đại học: Đại số và lý thuyết số, Địa lý học, Ngôn ngữ Việt Nam, SHTN và Toán giải tích. Nhà trường xây dựng Kế hoạch tự đánh giá chương trình đào tạo các ngành như sau:

#### **1. Mục đích, yêu cầu tự đánh giá**

##### **1.1. Mục đích**

Nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng, giải trình với cơ quan chức năng, xã hội về các chương trình đào tạo sau đại học: Đại số và lý thuyết số, Địa lý học, Ngôn ngữ Việt Nam, SHTN và Toán giải tích và để đăng kí kiểm định chất lượng chương trình đào tạo giai đoạn từ 01/3/2020 đến 28/02/2025.

##### **1.2. Yêu cầu**

- Các đơn vị, cá nhân được phân công nhiệm vụ chủ động kết nối, triển khai, giám sát việc thực hiện công việc được giao đúng tiến độ.

- Các đơn vị, cá nhân được giao chủ trì chịu trách nhiệm chính trong việc lập kế hoạch chi tiết, phân công nhiệm vụ cụ thể, triển khai, giám sát việc thực hiện phần việc được giao.

#### **2. Phạm vi tự đánh giá**

Đánh giá các hoạt động của các ngành sau đại học: Đại số và lý thuyết số, Địa lý học, Ngôn ngữ Việt Nam, SHTN và Toán giải tích theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong một chu kỳ kiểm định chất lượng (01/3/2020 đến 28/02/2025).

#### **3. Công cụ tự đánh giá**

Công cụ tự đánh giá là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và căn cứ vào các tài liệu hướng dẫn sau:

- Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và

Kiểm định chất lượng giáo dục về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo;

- Công văn số 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021 của Cục Quản lý chất lượng về việc điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD;

- Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng về sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

#### **4. Nội dung tự đánh giá**

Tự đánh giá các chương trình đào tạo sau đại học: Đại số và lý thuyết số, Địa lý học, Ngôn ngữ Việt Nam, SHTN và Toán giải tích Trường Đại học Vinh theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### **5. Hội đồng tự đánh giá**

##### **5.1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá**

Hội đồng tự đánh giá các chương trình đào tạo sau đại học Đại số và lý thuyết số, Địa lý học, Ngôn ngữ Việt Nam, SHTN và Toán giải tích được thành lập theo Quyết định số 454/QĐ-ĐHV ngày 04/3/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh gồm có các thành viên (*có danh sách kèm theo Quyết định thành lập*).

##### **5.2. Ban Thư kí và các nhóm công tác chuyên trách**

Ban thư kí giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá các chương trình đào tạo sau đại học: Đại số và lý thuyết số, Địa lý học, Ngôn ngữ Việt Nam, SHTN và Toán giải tích và các nhóm công tác chuyên trách được thành lập theo Quyết định số 454/QĐ-ĐHV ngày 04/3/2025 gồm các thành viên (*danh sách kèm theo Quyết định*).

##### **5.3. Tổ chức thực hiện**

###### **5.3.1. Hội đồng tự đánh giá**

- Chủ tịch Hội đồng: chịu trách nhiệm về các hoạt động của Hội đồng, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, trong đó xác định những công việc phải thực hiện tương ứng với từng tiêu chuẩn đánh giá, thời gian bắt đầu và kết thúc, người chịu trách nhiệm chính và những người phối hợp; triệu tập và điều hành các phiên họp của Hội đồng; phê duyệt kế hoạch tự đánh giá; chỉ đạo quá trình thu thập thông tin, minh chứng, xử lý, phân tích và viết báo cáo tự đánh giá; giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai tự đánh giá.

- Phó Chủ tịch Hội đồng khi được Chủ tịch Hội đồng uỷ quyền, có nhiệm vụ điều hành Hội đồng và chịu trách nhiệm về công việc được uỷ quyền.

- Các thành viên khác của Hội đồng có nhiệm vụ thực hiện những công việc do Chủ tịch Hội đồng phân công và chịu trách nhiệm về công việc được giao.

### 5.3.2. Ban thư kí

Trưởng ban thư kí: Chịu trách nhiệm tổng hợp báo cáo dự thảo, báo cáo chính thức và trình Hội đồng tự đánh giá.

Các ủy viên thư kí: Chịu trách nhiệm tổng hợp bản thảo báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn của nhóm mình phụ trách. Góp ý cho dự thảo báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn và báo cáo chung

### 5.3.3. Các nhóm chuyên trách

Trưởng nhóm: Điều hành chung, chủ động tổ chức họp nhóm để phân công nhiệm vụ cho các thành viên nhóm tìm thông tin, minh chứng, viết báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn được phân công. Chịu trách nhiệm đối với các tiêu chuẩn của nhóm mình phụ trách, kế hoạch triển khai thực hiện và báo cáo Hội đồng tự đánh giá.

Thư kí nhóm: Giúp trưởng nhóm quản lý các hoạt động của nhóm, góp ý các báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn và báo cáo tổng hợp, lập biên bản, phân loại và lưu trữ minh chứng, phác thảo báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn do nhóm mình phụ trách.

Các thành viên: Chịu trách nhiệm hoàn thành hồ sơ các Phụ lục theo Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD, ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng, bao gồm: Phiếu phân tích tiêu chí, tìm thông tin, minh chứng (Phụ lục 3); Phiếu đánh giá tiêu chí (Phụ lục 4a). Viết báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn thuộc nhóm mình phụ trách và phân biện các nhóm khác theo phân công.

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm công tác chuyên trách	Thời gian thu thập thông tin và MC	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1 Tiêu chuẩn 2	Nhóm 1	04/3/2025-14/8/2025	
2	Tiêu chuẩn 3 Tiêu chuẩn 4	Nhóm 2	04/3/2025-14/8/2025	
3	Tiêu chuẩn 5 Tiêu chuẩn 8	Nhóm 3	04/3/2025-14/8/2025	
4	Tiêu chuẩn 6 Tiêu chuẩn 7	Nhóm 4	04/3/2025-14/8/2025	
5	Tiêu chuẩn 9	Nhóm 5	04/3/2025-14/8/2025	
6	Tiêu chuẩn 10 Tiêu chuẩn 11	Nhóm 6	04/3/2025-14/8/2025	
7	Báo cáo tự đánh giá, Danh mục MC Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT	Nhóm 7	04/3/2025-14/8/2025	

## 6. Tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá

- Thời gian: Dự kiến thời gian tập huấn là 1 ngày.
- Thành phần: Hội đồng tự đánh giá, Ban thư kí giúp việc Hội đồng tự đánh giá và các CB, giảng viên... trong trường có quan tâm.
- Nội dung chương trình tập huấn: Tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ triển khai công tác tự đánh giá và kĩ thuật viết báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **7. Dự kiến các nguồn lực (nhân lực, tài chính...) và thời điểm cần huy động/cung cấp**

- Nguồn nhân lực chính: Bao gồm các thành viên Hội đồng tự đánh giá các chương trình đào tạo sau đại học: Đại số và lí thuyết số, Địa lí học, Ngôn ngữ Việt Nam, SHTN và Toán giải tích, Ban thư kí và các nhóm chuyên trách. Hội đồng có thể huy động thêm nhân sự từ các đơn vị (phòng, khoa, trung tâm).
- Tài chính: Kinh phí phục vụ công tác tự đánh giá thực hiện theo dự toán được duyệt.

<b>TT</b>	<b>Tiêu chuẩn</b>	<b>Các hoạt động</b>	<b>Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp</b>	<b>Thời gian</b>
1	Tiêu chuẩn 1 và 2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích tiêu chí (1-6);</li> <li>- Dự kiến thôn tin minh chứng (TT-MC);</li> <li>- Thu thập TT-MC;</li> <li>- Xây dựng hồ sơ minh chứng online;</li> <li>- Đánh giá tiêu chí (1-6);</li> <li>- Viết báo cáo tiêu chuẩn.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- CB phụ trách lưu trữ tại văn phòng Khoa, phòng Đào tạo;</li> <li>- Kinh phí theo Qui chế chi tiêu nội bộ.</li> </ul>	04/3/2025-14/8/2025
2	Tiêu chuẩn 3 và 4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích tiêu chí (7-12);</li> <li>- Dự kiến TT-MC;</li> <li>- Thu thập TT-MC;</li> <li>- Xây dựng hồ sơ minh chứng online;</li> <li>- Đánh giá tiêu chí (7-12);</li> <li>- Viết báo cáo tiêu chuẩn.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- CB phụ trách lưu trữ tại văn phòng Khoa, phòng Đào tạo;</li> <li>- Kinh phí theo Qui chế chi tiêu nội bộ.</li> </ul>	04/3/2025-14/8/2025
3	Tiêu chuẩn 5 và 8	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích tiêu chí (13-34);</li> <li>- Dự kiến TT-MC;</li> <li>- Thu thập TT-MC;</li> <li>- Xây dựng hồ sơ minh chứng online;</li> <li>- Đánh giá tiêu chí (13-34);</li> <li>- Viết báo cáo tiêu chuẩn.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- CB phụ trách lưu trữ tại văn phòng Khoa, Phòng Đào tạo, Phòng CTCT-HSSV, Trung tâm DV, HTSV&amp; QHDN;</li> <li>- Kinh phí theo Qui chế chi tiêu nội bộ.</li> </ul>	04/3/2025-14/8/2025

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian
4	Tiêu chuẩn 6 và 7	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích tiêu chí (18-29);</li> <li>- Dự kiến TT-MC;</li> <li>- Thu thập TT-MC;</li> <li>- Xây dựng hồ sơ minh chứng online;</li> <li>- Đánh giá tiêu chí (18-29);</li> <li>- Viết báo cáo tiêu chuẩn.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- CB phụ trách lưu trữ tại Phòng TCCB;</li> <li>- Kinh phí theo Quy chế chi tiêu nội bộ.</li> </ul>	04/3/2025-14/8/2025
5	Tiêu chuẩn 9	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích tiêu chí (35-39);</li> <li>- Dự kiến TT-MC;</li> <li>- Thu thập TT-MC;</li> <li>- Xây dựng hồ sơ minh chứng online;</li> <li>- Đánh giá tiêu chí (35-39);</li> <li>- Viết báo cáo tiêu chuẩn.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- CB phụ trách lưu trữ tại Phòng QT&amp;ĐT, Trung tâm TT-TV, Trung tâm TH-TN</li> <li>- Kinh phí theo Quy chế chi tiêu nội bộ.</li> </ul>	04/3/2025-14/8/2025
6	Tiêu chuẩn 10 và 11	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích tiêu chí (40-50);</li> <li>- Dự kiến TT-MC;</li> <li>- Thu thập TT-MC;</li> <li>- Xây dựng hồ sơ minh chứng online;</li> <li>- Đánh giá tiêu chí (40-50);</li> <li>- Viết báo cáo tiêu chuẩn.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- CB phụ trách lưu trữ tại văn phòng, Phòng Đào tạo, Trung tâm ĐBCL;</li> <li>- Kinh phí theo Quy chế chi tiêu nội bộ.</li> </ul>	04/3/2025-14/8/2025

### **8. Dự kiến thu thập thông tin từ nguồn ngoài Trường và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo**

Xác định các thông tin cần thu thập từ bên ngoài, nguồn cung cấp, thời gian cần thu thập, kinh phí cần có.

### **9. Dự kiến thuê chuyên gia tư vấn để giúp Hội đồng triển khai tự đánh giá**

Thuê chuyên gia (1 người) tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ triển khai công tác tự đánh giá và kỹ thuật viết báo cáo tự đánh giá theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (1 ngày).

### **10. Lập bảng danh mục mã minh chứng và xây dựng hồ sơ minh chứng online**

Sau khi các nhóm công tác, cá nhân thực hiện xác định được nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí; phân loại và mã hóa các minh chứng thu được. Hội đồng tự đánh giá thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được, lập bảng danh mục mã minh chứng và xây dựng hồ sơ minh chứng online.

Bảng danh mục mã minh chứng được trình bày bảng theo chiều ngang của khổ A4 (có thể để riêng và để ở phần Phụ lục của báo cáo tự đánh giá).

### **11. Thời gian và nội dung hoạt động**

Thời gian và nội dung hoạt động triển khai thực hiện tự đánh giá các chương trình đào tạo sau đại học: Đại số và lý thuyết số, Địa lý học, Ngôn ngữ Việt Nam, SHTN và Toán giải tích theo lịch trình sau:

Thời gian	Các hoạt động
<p><b>Tuần 1 - 2</b> (04/3/2025 - 17/4/2025)</p>	<p>1. Hội đồng Trường và lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng tự đánh giá CTĐT.</p> <p>2. Hiệu trưởng Nhà trường ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT.</p> <p>3. Hội đồng tự đánh giá CTĐT để:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá;</li> <li>- Tập huấn về qui trình tự đánh giá và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT;</li> <li>- Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng;</li> <li>- Dự thảo kế hoạch tự đánh giá CTĐT.</li> </ul>
<p><b>Tuần 3-4</b> (18/4/2025 - 03/4/2025)</p>	<p>1. Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể CB quản lý, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT.</p> <p>2. Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho các CB chủ chốt liên quan.</p> <p>3. Hội đồng tự đánh giá CTĐT để thông qua:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản kế hoạch tự đánh giá CTĐT;</li> <li>- Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều kiện cụ thể của đơn vị thực hiện CTĐT);</li> <li>- Trình Hiệu trưởng đề nghị phê chuẩn kế hoạch tự đánh giá.</li> </ul>
<p><b>Tuần 5 - 8</b> (04/4/2025 - 29/4/2025)</p>	<p>1. Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban Thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng.</p> <p>2. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng.</p> <p>3. Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được.</p> <p>4. Mô tả thông tin và minh chứng thu được.</p> <p>5. Phân tích, lí giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.</p> <p>6. Xây dựng hồ sơ minh chứng online.</p>
<p><b>Tuần 9 - 15</b> (02/5/2024 - 19/6/2024)</p>	<p>1. Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).</p> <p>2. Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).</p>
<p><b>Tuần 16</b> (20/6/2025 - 26/6/2025)</p>	<p>Hội đồng tự đánh giá CTĐT:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo;</li> </ul>

<b>Thời gian</b>	<b>Các hoạt động</b>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá;</li> <li>- Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được;</li> <li>- Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung;</li> <li>- Thư kí Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá CTĐT.</li> </ul>
<b>Tuần 17 - 18</b> (27/6/2025 - 09/7/2025)	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần).</li> <li>2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp với các bộ môn, phòng, ban, trung tâm... để thảo luận về báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý.</li> </ol>
<b>Tuần 19 - 21</b> (10/7/2025 - 31/7/2025)	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Công bố bản báo cáo tự đánh giá (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, ban...) trong Nhà trường và đơn vị thực hiện CTĐT.</li> <li>2. Các bộ môn, phòng ban, CB, giảng viên, nhân viên, người học... đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo tự đánh giá.</li> </ol>
<b>Tuần 22 - 23</b> (01/8/2025 - 14/8/2025)	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến phản biện;</li> <li>2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT thông qua báo cáo tự đánh giá lần cuối và nộp báo cáo cho Hiệu trưởng để xem xét.</li> <li>3. Hoàn thiện báo cáo tự đánh giá.</li> </ol>
<b>Tuần 24</b> (15/8/2025 - 21/8/2025)	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Trường gửi báo cáo tự đánh giá và công văn cho cơ quan chủ quản, Bộ Giáo dục và Đào tạo.</li> <li>2. Trường bảo quản báo cáo tự đánh giá, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo tự đánh giá.</li> </ol>

Trên đây là Kế hoạch tự đánh giá các chương trình đào tạo sau đại học: Đại số và lí thuyết số, Địa lí học, Ngôn ngữ Việt Nam, SHTN và Toán giải tích giai đoạn từ 01/3/2020 đến 28/02/2025, Nhà trường yêu cầu các tập thể, cá nhân liên quan nghiêm túc, triển khai thực hiện. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần giải quyết, đề nghị phản ánh về Trường qua Trung tâm Đảm bảo chất lượng, trực tiếp qua PGS.TS. Nguyễn Thanh Diệu - Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm Đảm bảo chất lượng (*điện thoại: 0913.007.332; email: ttdbcl@vinhuni.edu.vn*) để được xử lí.

**Nơi nhận:**

- Bộ GD&ĐT (b/c);
- Hội đồng tự đánh giá;
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: HCTH, ĐBCL.


  
 HIỆU TRƯỞNG  
 TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH  
 GS.TS. Nguyễn Huy Bằng